

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



NGUYỄN TRÍ

BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CHO NGƯỜI
LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN TẠI TỈNH PHÚ YÊN

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: GIÁO DỤC HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS.VÕ THỊ NGỌC LAN

Thành Phố Hồ Chí Minh, Tháng 02 năm 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



NGUYỄN TRÍ

**BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CHO NGƯỜI
LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN TẠI TỈNH PHÚ YÊN**

NGÀNH: GIÁO DỤC HỌC - 9140101

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. VÕ THỊ NGỌC LAN

Phản biện 1:.....

Phản biện 2: :.....

Phản biện 3: :.....

Thành Phố Hồ Chí Minh, Tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V.v giao đề tài luận án và người hướng dẫn NCS khóa 2017 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong mạng lưới các trường đại học và Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức lại Đại học Quốc gia Thành Phố Hồ Chí Minh, tách Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao đề tài luận án tiến sĩ và người hướng dẫn cho:

Nghiên cứu sinh : Nguyễn Trí

Ngành : Giáo dục học Khóa: 2017 - 2020

Tên luận án : **Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động
đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên**

Người HD thứ nhất (HD chính): PGS.TS. Võ Thị Ngọc Lan

Người HD thứ hai :

Thời gian thực hiện : 17/5/2017 đến 17/5/2020

Điều 2. Giao cho Phòng Đào tạo quản lý, thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục & Đào tạo đã ban hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị, phòng Đào tạo, các Khoa quản ngành tiến sĩ và các Ông (Bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. /

Nơi nhận :

- BGH (để biết);
- Như điều 2, 3;
- Lưu: VT, SDH (4b).



LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2025

Tác giả luận án

Nguyễn Trí

LỜI CẢM ƠN

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Quý Thầy Cô ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, cơ sở đào tạo đã hỗ trợ, tạo mọi điều kiện cho em trong suốt thời gian học tập và thực hiện luận án.

Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới PGS.TS. Võ Thị Ngọc Lan và Quý Thầy Cô tại Viện Sư phạm Kỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh đã tận tình hướng dẫn và động viên khích lệ trong suốt thời gian nghiên cứu để hoàn thành luận án của mình.

Em cũng gửi lời cảm ơn chân thành tới lãnh đạo Liên đoàn Lao động tỉnh Phú Yên, Chi cục Thủy sản Phú Yên, lãnh đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường nơi tổ chức khảo sát, thực nghiệm sư phạm đã cộng tác, hỗ trợ, tạo mọi điều kiện cho em trong quá trình thực hiện luận án.

Cuối cùng, em cảm ơn gia đình, người thân, các đồng nghiệp đã chia sẻ, động viên hỗ trợ vượt qua khó khăn để hoàn thành luận án này.

Trân trọng cảm ơn!

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2025

Tác giả luận án

Nguyễn Trí

TÓM TẮT LUẬN ÁN

Năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản ở Việt Nam nói chung, ở tỉnh Phú Yên nói riêng là một trong những yếu tố quan trọng quyết định thành công của những chuyến đánh bắt hải sản trên biển. Hoạt động bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản đã được các cấp, các ngành, các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu và thực hiện, tuy nhiên hiện nay vẫn còn những hạn chế, bất cập. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản là vấn đề thực sự cần thiết và thiết thực trong giai đoạn hiện nay.

Trong luận án tập trung phân tích, đánh giá tổng quan các công trình nghiên cứu điển hình trong và ngoài nước về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản, nhằm kế thừa và phát hiện những khoảng trống. Tiếp theo, xây dựng cơ sở lý luận về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản, trong đó xây dựng các khái niệm, các cách tiếp cận trong bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản. Từ cơ sở lý luận đã xây dựng, khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được tiến hành. Kết quả khảo sát thực trạng bồi dưỡng này đã chỉ ra năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên còn yếu và việc triển khai bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên còn những bất cập về chương trình bồi dưỡng.

Từ kết quả nghiên cứu cơ sở lý luận và thực trạng về bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản, chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được đề xuất. Để đánh giá tính hiệu quả và khả thi của chương trình bồi dưỡng đã đề xuất, cần được thực hiện bằng phương pháp chuyên gia và thực nghiệm gần đúng chương trình được thực hiện. Kết quả thu được từ tổng hợp ý kiến của các chuyên gia được xử lý khách quan và khẳng định chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên có hiệu quả và khả thi cao.

ABSTRACT

The professional capacity of fisherman in Vietnam in general and in Phu Yen province in particular is one of the important factors determining the success of sea fishing trips. Professional capacity training for fisherman has been studied and implemented by all levels, branches and scientists, but there are still limitations and shortcomings. Therefore, the continuation of research on fostering the professional capacity of fisherman is a really necessary and practical issue in the current period.

In order to foster professional capacity for fisherman, the thesis focuses on analyzing and evaluating the overview of domestic and foreign case studies to inherit and develop gaps, build a theoretical basis for fostering professional capacity for fisherman in which to develop concepts and approaches in fostering professional capacity for fisherman. From the theoretical basis developed, the thesis conducted a survey, analysis and evaluation of the current situation of fostering safety practice capacity on fishing vessels for fisherman in Phu Yen province. The results of the survey on the current situation of fostering safety practice capacity on fishing vessels for fisherman in Phu Yen province pointed out that the necessary issues to continue fostering include the weak safety practice capacity on fishing vessels of fisherman in Phu Yen province, the implementation of fostering safety practice capacity on fishing vessels of fisherman in Phu Yen province also has shortcomings in the fostering program.

From the results of the study on the theoretical basis and the current situation of fostering safety practice capacity on fishing vessels for fisherman, the thesis proposes a program of fostering safety practice capacity on fishing vessels for fisherman in Phu Yen province. In order to ensure the scientificity and feasibility of the proposed contents in the thesis, the researcher conducts testing by expert and quasi-experimental methods to examine the research issues. The test results were treated objectively and showed the effectiveness and feasibility of the training program on safety practices on fishing vessels for fisherman in Phu Yen province.

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	ii
LỜI CẢM ƠN.....	iii
TÓM TẮT LUẬN ÁN.....	iv
ABSTRACT	v
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	x
DANH MỤC CÁC HÌNH.....	xi
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	xii
DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ.....	xiv
MỞ ĐẦU.....	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	3
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu	4
4. Giả thuyết khoa học	4
5. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
6. Phạm vi nghiên cứu	4
7. Phương pháp nghiên cứu	5
8. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài	8
9. Cấu trúc Luận án.....	9
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN.....	10
1.1. Những nghiên cứu về năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản. ..	10
1.1.1. Về tầm quan trọng của năng lực nghề nghiệp đối với người lao động đánh bắt hải sản.	10
1.1.2. Về cấu trúc năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản.....	10
1.2. Những nghiên cứu về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản	11
1.2.1. Về tầm quan trọng của việc tổ chức bồi dưỡng	11
1.2.2. Về nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp bồi dưỡng.....	14

1.3. Những nghiên cứu về bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản.....	16
1.3.1. Về tầm quan trọng của việc tổ chức bồi dưỡng	16
1.3.2. Về nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp bồi dưỡng.	18
1.4. Đánh giá chung về tổng quan nghiên cứu và một số vấn đề đặt ra cho luận án.....	21
1.4.1. Đánh giá chung về tổng quan nghiên cứu.....	21
1.4.2. Một số vấn đề đặt ra cho luận án	22
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	23
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN	25
2.1. Một số khái niệm liên quan đến đề tài	25
2.1.1. Người lao động đánh bắt hải sản	25
2.1.2. Năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản	26
2.1.3. Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản.....	28
2.1.4. Bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản	30
2.2. Đặc điểm hoạt động nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản.....	31
2.3. Khung năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản	33
2.4. Lý luận về năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản	35
2.4.1. Công việc, nhiệm vụ thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản.	35
2.4.2. Cấu trúc năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản	37
2.4.3. Tiêu chí đánh giá năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản	40
2.5. Khung lý thuyết về bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản.....	45
2.5.1. Tầm quan trọng của bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản.....	45

2.5.2. Đặc điểm học tập của người lao động đánh bắt hải sản	47
2.5.3. Các thành tố của quá trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản	49
2.5.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản	56
2.6. Khung lý thuyết về xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản.....	59
2.6.1. Các cách tiếp cận trong việc xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản.....	59
2.6.2. Chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản theo tiếp cận năng lực.	61
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	68
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG VỀ BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC THỰC HÀNH AN TOÀN TRÊN TÀU CÁ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN Ở TỈNH PHÚ YÊN	70
3.1. Khái quát về nghề đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên	70
3.1.1. Cơ cấu nghề đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên	70
3.1.2. Thực trạng về chương trình bồi dưỡng nghề nghiệp dành cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên	71
3.2. Tổ chức khảo sát	72
3.2.1. Mục đích khảo sát	72
3.2.2. Nội dung khảo sát	72
3.2.3. Địa bàn khảo sát.....	73
3.2.4. Cỡ mẫu khảo sát.....	73
3.2.5. Phương pháp, công cụ khảo sát và thời gian khảo sát	74
3.3. Kết quả khảo sát thực trạng	75
3.3.1. Thực trạng về năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên	75
3.3.2. Thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên	84

3.4. Đánh giá chung về thực trạng và nguyên nhân bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.	94
3.4.1. Ưu điểm	95
3.4.2. Hạn chế	95
3.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế	95
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	97
CHƯƠNG 4: XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC THỰC HÀNH AN TOÀN TRÊN TÀU CÁ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN Ở TỈNH PHÚ YÊN.....	98
4.1. Các yêu cầu trong việc xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.....	98
4.2. Xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.	99
4.3. Đánh giá chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên qua ý kiến chuyên gia	115
4.3.1. Cơ sở chung về đánh giá chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.....	115
4.3.2. Kết quả đánh giá qua ý kiến chuyên gia	117
4.3.3. Tổ chức thực nghiệm chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên (thực nghiệm gần đúng – quasi-experiment)	121
4.3.4. Kết quả thực nghiệm.....	125
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4.....	132
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	133
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	136
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ...	143
PHỤ LỤC.....	144

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Nội dung chữ viết tắt
1	CBQL	Cán bộ quản lý
2	CDC	Centers for Disease Control and Prevention (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)
3	CG	Chuyên gia
4	DACUM	Developing a Curriculum (Phát triển chương trình đào tạo)
5	ĐTB	Điểm trung bình
6	FAO	Food and Agriculture Organization of the United Nations (Tổ chức Nông lương Liên Hiệp Quốc)
7	ILO	International Labour Organization (Tổ chức Lao động Quốc tế)
8	IMO	International Maritime Organization (Tổ chức Hàng hải quốc tế)
9	MĐ	Mô đun
10	NL	Năng lực
11	NLĐĐBHS	Người lao động đánh bắt hải sản
12	NLNN	Năng lực nghề nghiệp
13	NLTH	Năng lực thực hiện
14	SEAFDEC	The Southeast Asian Fisheries Development Center (Trung tâm phát triển nghề cá Đông Nam Á)
15	SL	Số lượng
16	STCW	Standards of Training, Certification and Watch keeping (Công ước quốc tế về tiêu chuẩn đào tạo, chứng nhận và bảo vệ cho thuyền viên)
17	TNTT	Tai nạn thương tích
18	UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC HÌNH

HÌNH	TRANG
Hình 2.1. Khung năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt.....	33
(Bộ Lao động Thương binh & Xã hội, 2021)	33
Hình 2.2. Khung năng lực nghề nghiệp chung của người lao động đánh bắt hải sản (Bộ Lao động Thương binh & Xã hội, 2021)	34
Hình 2.3. Quy trình xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản	67

DANH MỤC CÁC BẢNG

BẢNG	TRANG
Bảng 2.1. Cấu trúc năng lực thực hành an toàn trên tàu cá.....	38
của người lao động đánh bắt hải sản.....	38
Bảng 2.2. Tiêu chí đánh giá “Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích” và “Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu” của người lao động đánh bắt hải sản.	42
Bảng 3.1. Mức điểm tương ứng với các mức độ thực hiện	75
Bảng 3.2. Kết quả khảo sát về năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên	76
Bảng 3.3. Kết quả khảo sát về năng lực xử lý khi bị thủng tàu.....	77
của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên	77
Bảng 3.4. Kết quả khảo sát về năng lực xử lý khi có cháy trên tàu	78
của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên	78
Bảng 3.5. Kết quả khảo sát về năng lực sơ cứu khi có người bị thương tích của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên	79
Bảng 3.6. Kết quả khảo sát về năng lực sống sót trên biển.....	80
của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên	80
Bảng 3.7. Kết quả khảo sát về năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển.....	81
của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên	81
Bảng 3.8. Kết quả khảo sát về năng lực phòng tránh mất liên lạc	82
của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên	82
Bảng 3.9. Kết quả khảo sát năng lực thực hành an toàn trên tàu cá.....	83
của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên	83
Bảng 3.10. Mức độ cần thiết trong việc bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên	84
Bảng 3.11. Mức độ tham gia các khóa bồi dưỡng liên quan đến thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản	85
Bảng 3.12. Ý kiến của người lao động đánh bắt hải sản về mức độ đạt được mục tiêu bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.....	86

Bảng 3.13. Mức độ thực hiện nội dung thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên đã được bồi dưỡng	87
Bảng 3.14. Đánh giá về mức độ thực hiện các phương pháp bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên	88
Bảng 3.15. Hình thức bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá	90
cho người lao động đánh bắt hải sản trong thời gian qua	90
Bảng 3.16. Đánh giá của người lao động đánh bắt hải sản về mức độ thực hiện các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả bồi dưỡng	91
Bảng 3.17. Đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng đến công tác bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản	92
Bảng 3.18. Thời lượng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên	94
Bảng 4.1. Nội dung bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá	102
cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên	102
Bảng 4.2. Bảng phân tích công việc thực hành an toàn trên tàu cá.....	103
của người lao động đánh bắt hải sản.....	103
Bảng 4.3. Khung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên	106
Bảng 4.5. Đánh giá của các chuyên gia về xác định nội dung bồi dưỡng.....	118
Bảng 4.6. Đánh giá của các chuyên gia về thời lượng bồi dưỡng các mô đun	118
Bảng 4.7. Đánh giá của chuyên gia về tính khả thi của chương trình bồi dưỡng	119
Bảng 4.8. Phân phối tần số điểm đánh giá “Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu”	125
Bảng 4.9. Mức độ “Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu” trước và sau bồi dưỡng.....	125
Bảng 4.10. Phân phối tần số điểm đánh giá “Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích”	128
Bảng 4.11. Mức độ “Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích” trước và sau bồi dưỡng	128

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

BIỂU ĐỒ	TRANG
Biểu đồ 4.1. Mức độ “Năng lực xử lý khi có cháy” trước và sau bồi dưỡng.....	126
Biểu đồ 4.2. Điểm kiểm tra trung bình trước và sau bồi dưỡng.....	126
Biểu đồ 4.3. Mức độ “Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích” trước và sau bồi dưỡng	129
Biểu đồ 4.4. Điểm trung bình trước và sau khi bồi dưỡng.....	129

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Việt Nam là một quốc gia có bờ biển chạy dọc theo chiều dài của đất nước, có nguồn lợi hải sản phong phú. Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định nước ta sẽ trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển. Để đạt mục tiêu này, một trong những nhiệm vụ quan trọng đặt ra là đào tạo nguồn nhân lực biển chất lượng cao, có kiến thức, kỹ năng lao động (Ban chấp hành Trung ương Đảng, 2018). Từ đó tạo cơ hội việc làm cho người lao động các vùng ven biển ở nước ta.

Nghề cá trong quá trình lao động không chỉ tuân thủ theo quy định, luật pháp của nước ta mà còn phải tuân theo Công ước Quốc tế. Công ước Quốc tế về tiêu chuẩn đào tạo huấn luyện, chứng nhận và trực ca cho Thuyền viên tàu cá (STCW - F, 1995) của Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) đã quy định tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp cần thiết đối với mỗi lao động trên tàu đánh cá. Là thành viên của Công ước này từ năm 1991, theo Tiểu Văn Kinh, Việt Nam đã và đang thể hiện trách nhiệm của mình bằng việc triển khai các hệ thống quản lý, đào tạo và chứng nhận theo quy định của công ước nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực nghề nghiệp của mỗi thành viên trên tàu cá (Tiểu, 2012). Đây cũng nhằm góp phần thực hiện Công ước Quốc tế và thay đổi hệ sinh thái biển.

Hiện nay, nghề cá ở Việt Nam có đặc thù là nghề cá quy mô nhỏ nhưng là nghề nặng nhọc, nguy hiểm, người lao động đánh bắt hải sản phải làm việc trong điều kiện khắc nghiệt của biển. Trong khi đó, trình độ chuyên môn nghề nghiệp của người lao động còn thấp, ít được đào tạo, bồi dưỡng. Từ bao đời nay, nghề đánh bắt hải sản vẫn là cha truyền con nối, ngư dân phần lớn học hỏi bằng kinh nghiệm của người đi trước và những trải nghiệm của bản thân, ít có kiến thức, kỹ năng bài bản. Vì thế, việc chưa làm chủ được công nghệ, thiết bị, dẫn đến sản lượng đánh bắt còn thấp hoặc có nhiều sự cố đáng tiếc xảy ra trên biển đối với ngư dân do sự thiếu hụt kiến thức hoặc chưa đủ những kỹ năng lao động cần thiết là vấn đề rất được quan

tâm trong giai đoạn hiện nay (Lại, 2013; Lê, 2011). Điều này thể hiện sự hạn chế về năng lực nghề nghiệp của người lao động trong nghề cá.

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề đánh bắt hải sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã ban hành một số chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp như: nghề đánh bắt hải sản bằng lưới rê; nghề đánh bắt hải sản xa bờ bằng lưới kéo; nghề câu vàng cá ngừ đại dương,... Tuy nhiên, trên thực tế việc triển khai tổ chức bồi dưỡng cho người lao động đánh bắt hải sản vẫn còn gặp những hạn chế nhất định (Lại, 2013).

Phú Yên là một tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, có ngư trường khai thác hải sản rộng lớn. Tính đến năm 2022, toàn tỉnh có tổng số 4108 tàu cá với hơn 31038 người lao động tham gia làm việc trên tàu cá. Tuy nhiên hầu hết người lao động có trình độ chuyên môn nghề nghiệp thấp, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn hoạt động đánh bắt hải sản hiện nay (Chi Cục thủy sản tỉnh Phú Yên, 2022). Ngoài ra, công tác bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản tuy được tỉnh Phú Yên quan tâm nhưng vẫn còn bất cập. Đặc biệt là nội dung bồi dưỡng vẫn còn theo hình thức tập trung vào kiến thức, chưa chú trọng đến việc hình thành, phát triển năng lực, phương pháp bồi dưỡng vẫn thuyết trình là chính, học viên vẫn chủ yếu là nghe giảng với số lượng nhiều, công tác kiểm tra, đánh giá đôi lúc chưa nghiêm túc, chương trình, kế hoạch bồi dưỡng chưa phù hợp nên hiệu quả mang lại chưa cao, dẫn đến năng lực hoạt động thực tiễn của đa số người lao động đánh bắt hải sản còn thiếu và yếu, trong quá trình đánh bắt hải sản vẫn còn nhiều TNTT do trình độ năng lực của người lao động còn hạn chế, đây là vấn đề đáng báo động cần phải quan tâm triển khai các giải pháp để giúp người lao động đánh bắt hải sản an toàn trên biển, tránh những tai nạn đáng tiếc, thương tâm xảy ra (Lê, 2013; Chi cục thủy sản Phú Yên, 2022).

Theo nghiên cứu của Liên Hiệp Quốc thì nghề đánh bắt hải sản là nghề nguy hiểm nhất, trung bình mỗi ngày có 70 ngư dân thiệt mạng, hàng năm có 24000 ngư dân thiệt mạng trong quá trình đánh bắt hải sản. Ở Việt Nam, trong những năm qua có khoảng 600 vụ tai nạn xảy ra với ngư dân. Con bão Chanchu năm 2006 đổ bộ vào Biển Đông nước ta làm chết 246 ngư dân 04 tỉnh Miền Trung từ Đà Nẵng đến

Bình Định (Lê, 2011; Nguyễn, 2018). Tại tỉnh Phú Yên, theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên về tình hình tai nạn tàu cá giai đoạn 2015 - 2019 thì có tổng số 74 vụ tai nạn làm chết 12 người (Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Phú Yên, 2020).

Nhận định từ các nhà nghiên cứu, bên cạnh nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến tai nạn thương tích ở người lao động đánh bắt hải sản như chủ quan, thiếu kinh nghiệm trong công việc, môi trường làm việc không an toàn,... còn có những nguyên nhân từ chính người lao động đánh bắt hải sản là hạn chế về năng lực nhận biết và phòng chống những tình huống nguy hiểm trên biển. Chính vì vậy, việc bồi dưỡng cho người lao động đánh bắt hải sản những năng lực cần thiết để phòng chống tai nạn thương tích trên biển, đảm bảo an toàn cho bản thân và những người trên tàu cá.

Thời gian qua, đã có những nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên. Các nghiên cứu từ nhiều góc độ khác nhau đã tập trung phân tích, làm rõ một số vấn đề đổi mới liên quan đến quá trình đánh bắt hải sản trên biển như: cải tiến công nghệ đánh bắt, kỹ thuật đánh bắt và bảo quản sản phẩm hiện đại, vận hành bảo dưỡng máy tàu... Tuy nhiên, đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống và chuyên sâu về xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp nói chung và năng lực thực hành an toàn trên tàu cá nói riêng cho người lao động đánh bắt hải sản.

Xuất phát từ cơ sở trên, triển khai nghiên cứu “Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên” thực sự là cần thiết và thiết thực. Kết quả nghiên cứu là một chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản sẽ góp phần không nhỏ trong việc nâng cao năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên nói riêng và cả nước nói chung.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá trong hệ thống năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu: Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản.

3.2. Đối tượng nghiên cứu: Chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá trong hệ thống năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên.

4. Giả thuyết khoa học

Đội ngũ người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên còn yếu về năng lực thực hành an toàn trên tàu cá, chưa đủ khả năng thực hiện các yêu cầu nhiệm vụ khi gặp tình huống nguy hiểm hoặc tai nạn thương tích khi đánh bắt hải sản trên biển. Nếu xây dựng chương trình bồi dưỡng theo tiếp cận năng lực thì đội ngũ người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên sẽ có đủ năng lực thực hành an toàn trên tàu cá để hoàn thành yêu cầu, nhiệm vụ của mình khi đánh bắt hải sản trên biển.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu những nhiệm vụ như sau:

Nghiên cứu tổng quan về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản.

Nghiên cứu cơ sở lý luận về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản.

Xác định thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên.

Xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên và đánh giá tính cấp thiết, khả thi của chương trình bồi dưỡng này.

6. Phạm vi nghiên cứu

6.1. Giới hạn về nội dung

Năng lực thực hành an toàn trên tàu cá là 1 trong 62 năng lực trong hệ thống năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản. Luận án chỉ được tập trung nghiên cứu xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên.

6.2. Giới hạn về đối tượng, địa bàn khảo sát

Khảo sát thực trạng được tiến hành trên mẫu lựa chọn với đối tượng là người lao động đánh bắt hải sản tại 04 địa phương ven biển của tỉnh Phú Yên gồm: Thị xã Đông Hòa, Thành phố Tuy Hòa, Huyện Tuy An và Thị xã Sông Cầu.

6.3. Giới hạn về thời gian khảo sát

Các số liệu khảo sát tính từ năm 2018 đến năm 2023.

6.4. Giới hạn về tổ chức thực nghiệm

Lựa chọn và tổ chức thực nghiệm sư phạm (Quasi-experiment) 02 mô đun trong chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải ở tỉnh Phú Yên.

Địa điểm tổ chức thực nghiệm sư phạm: tại Phường Phú Đông, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý luận

- *Mục đích*: Hệ thống hóa các công trình nghiên cứu, tài liệu khoa học có liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản để phân tích, đánh giá tổng quan và phát triển cơ sở lý luận của đề tài.

- *Nội dung*: Nghiên cứu thu thập thông tin, tài liệu từ các nguồn như văn kiện của Đảng, các chính sách pháp luật của Nhà nước và của tỉnh Phú Yên có liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản; Nghiên cứu các công trình trong và ngoài nước về năng lực nghề nghiệp và bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản, từ đó so sánh, chọn lọc những cơ sở lý luận phù hợp với đề tài.

- *Cách thực hiện*: Sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp; phương pháp hệ thống hóa lý luận để làm tiền đề xác định các khái niệm, hình thành khung lý thuyết của bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp nói chung, bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá nói riêng cho người lao động đánh bắt hải sản.

7.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.1. Phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi

- *Mục đích khảo sát:* Thu thập thông tin, số liệu về thực trạng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá, thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

- *Nội dung khảo sát:* Luận án được tập trung khảo sát các nội dung chính sau: thực trạng các năng lực thành phần thuộc năng lực thực hành an toàn trên tàu cá, thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá ở tỉnh Phú Yên (gồm: mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức bồi dưỡng và đánh giá kết quả bồi dưỡng).

- *Đối tượng khảo sát:* 400 người lao động đánh bắt hải sản tại 4 địa phương ven biển tỉnh Phú Yên gồm Thành phố Tuy Hòa, Thị xã Đông Hòa, Huyện Tuy An và Thị xã Sông Cầu.

- *Công cụ khảo sát:* Phiếu khảo sát ý kiến, sử dụng phiếu hỏi hỗn hợp gồm hệ thống các câu hỏi đóng và mở theo thang đo Likert 4 mức độ (Phụ lục 1).

7.2.2. Phương pháp phỏng vấn sâu

- *Mục đích phỏng vấn:* Nhằm làm rõ hơn những thông tin thu được về kết quả đánh giá thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá ở tỉnh Phú Yên.

- *Nội dung phỏng vấn:* Thu thập ý kiến của CBQL, NLĐĐBHS là thuyền trưởng có kinh nghiệm và từng tham gia các khóa bồi dưỡng về thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

- *Đối tượng phỏng vấn:* 7 CBQL và 8 NLĐĐBHS là thuyền trưởng đã từng tham gia các khóa bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

- *Công cụ:* Câu hỏi phỏng vấn, biên bản phỏng vấn. (Phụ lục 2, 3, 4, 5)

7.2.3. Phương pháp chuyên gia

Mục đích: Hỏi ý kiến các chuyên gia có kinh nghiệm về bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản về tính khả thi, phù hợp của chương trình bồi dưỡng được đề xuất trong luận án.

Nội dung: Thu thập các ý kiến nhận xét của chuyên gia thông qua các phiếu hỏi về các nội dung chương trình bồi dưỡng được đề xuất.

Số lượng chuyên gia lấy ý kiến: 26 người, được chia thành những nhóm như sau:

Nhóm 1: Giáo viên thuộc Trường Đại học Nha Trang.

Nhóm 2: CBQL dạy nghề thuộc Sở Lao động Thương binh & Xã hội tỉnh Phú Yên; CBQL thuộc Chi cục Thủy sản tỉnh Phú Yên.

Nhóm 3: Thuyền trưởng kiêm nhiệm chức danh chủ tịch hoặc phó chủ tịch Nghiệp đoàn nghề cá tại các địa phương khảo sát.

Công cụ: Phiếu xin ý kiến chuyên gia và phiếu phỏng vấn sâu (Phụ lục 6, 19 và 20).

7.2.4. Phương pháp thực nghiệm sư phạm (thực nghiệm gần đúng)

- *Mục đích:* Nhằm minh chứng tính đúng đắn, hiệu quả của chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được đề xuất, đồng thời có thể phát hiện những vấn đề mới cần phải điều chỉnh hoặc được tiếp tục nghiên cứu.

- *Nội dung:* Chọn 02 mô đun trong chương trình bồi dưỡng để tổ chức thực nghiệm.

- *Đối tượng:* Thực nghiệm gần đúng (Quasi-experiment) đối với 30 người lao động đánh bắt hải sản tại Phường Phú Đông, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- *Công cụ thực nghiệm:* Bài kiểm tra năng lực đầu vào và đầu ra, giáo án thực nghiệm (Phụ lục 14, 15, 16, 17).

7.2.5. Phương pháp xử lý dữ liệu

- *Mục đích:* Xử lý, phân tích kết quả khảo sát lý luận và thực tiễn nhằm lý giải, làm rõ kết quả nghiên cứu của luận án.

- *Nội dung*: Các dữ liệu định tính, định lượng từ kết quả các phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi, phỏng vấn sâu, phương pháp chuyên gia, phương pháp thực nghiệm được xử lý thống kê bằng phần mềm SPSS phiên bản 20.0.

8. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

8.1. Về mặt lý luận

Luận án đã góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận về năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản; năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản; bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản, trong đó làm rõ một số khái niệm liên quan đến luận án, xác định được cấu trúc và tiêu chí đánh giá năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản.

Luận án đã đề xuất quy trình xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

8.2. Về mặt thực tiễn

Đánh giá thực trạng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá trong hệ thống năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên.

Đánh giá thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên.

Luận án xây dựng Chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

Tiến hành lấy ý kiến chuyên gia và thực nghiệm sư phạm (thực nghiệm gần đúng) 02 mô đun “Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu” và “Năng lực sơ cứu khi có người bị thương tích” trong chương trình bồi dưỡng đã đề xuất nhằm phát triển 02 năng lực này, góp phần khẳng định tính hiệu quả, khả thi của chương trình bồi dưỡng được đề xuất.

Đề xuất các khuyến nghị về nâng cao chất lượng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

9. Cấu trúc Luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục các công trình khoa học có liên quan đến luận án, phụ lục, luận án gồm có 4 chương, bao gồm:

Chương 1. Tổng quan nghiên cứu về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản.

Chương 2. Cơ sở lý luận về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản.

Chương 3. Thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên.

Chương 4. Xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

VỀ BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN

1.1. Những nghiên cứu về năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản

1.1.1. Về tầm quan trọng của năng lực nghề nghiệp đối với người lao động đánh bắt hải sản

Trong nghề đánh bắt hải sản hiện nay, để đảm bảo công việc có hiệu quả, ngoài một số yếu tố như đầu tư tàu thuyền đạt tiêu chuẩn, quá trình chuẩn bị chuyến đi tốt, quá trình đánh bắt, bảo quản sản phẩm,... thì năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản cũng hết sức quan trọng. Năng lực này được cho là yếu tố quyết định hơn các điều kiện khác vì chỉ có kiến thức, kỹ năng tốt thì ngư dân mới chọn được tàu tốt, ngư cụ thích hợp, sử dụng ngư cụ hiệu quả và đặc biệt biết giữ bảo đảm an toàn tính mạng trong môi trường khắc nghiệt của biển. Đây cũng là những khuyến cáo của các tổ chức quốc tế như tổ chức nông lương thế giới (FAO), tổ chức hàng hải quốc tế (IMO) về việc nâng cao trình độ nghề nghiệp cho ngư dân.

Công ước quốc tế về đào tạo huấn luyện, chứng nhận và trực ca cho thuyền viên (STCW) ra đời từ năm 1978 vừa được sửa đổi, bổ sung vào năm 2010 và có hiệu lực từ 1/1/2012 cũng đã đề cập đến năng lực cần có đối với mỗi thuyền viên trên tàu như thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên,... Theo đó, với mỗi chức danh nghề nghiệp trên tàu thì ngoài các yếu tố về tuổi tác, thời gian đi biển được công nhận, v.v. thì phải đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực nghề nghiệp (Tiểu, 2012).

1.1.2. Về cấu trúc năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản

Trong một nghiên cứu của mình, tác giả Nguyễn Hữu Lý cho rằng người lao động đánh bắt hải sản cần có những kiến thức chung về vỏ tàu, phương pháp sử dụng cần câu hàng, phương pháp sử dụng neo và dây buộc tàu, công tác chữa cháy và cấp cứu trên biển (Nguyễn, 1991).

Cũng theo Công ước quốc tế về đào tạo huấn luyện, chứng nhận và trực ca cho thuyền viên (STCW) thì mỗi chức danh trên tàu đều có những năng lực nghề nghiệp khác nhau. Đơn cử như chức danh thuyền trưởng thì phải đạt được các năng lực nghề nghiệp như: Năng lực lập kế hoạch thực hiện hành trình và xác định vị trí, năng lực duy trì trực ca hàng hải an toàn, năng lực ứng phó với các tình huống khẩn cấp, năng lực duy trì khả năng đi biển của tàu (Tiểu, 2012).

Nhóm tác giả Sang Cheol Lee, Hyo Heon Won khi phân tích về nhận thức của ngư dân ven biển đối với các kỹ năng nghề cá đã cho rằng năng lực quan trọng của nghề cá được hiểu là các khả năng bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ và kinh nghiệm cần thiết đối với lực lượng lao động. Nghiên cứu này thu thập dữ liệu từ 65 ngư dân ven biển. Kết quả nghiên cứu cho rằng năng lực quan trọng của nghề cá được chia thành 6 yếu tố gồm các năng lực cơ bản là: đạo đức nghề nghiệp biển, năng lực thông tin hàng hải, kiến thức cơ bản hàng hải, năng lực quản lý an toàn hàng hải và ý thức về biển,... Mỗi năng lực chính bao gồm từ 2 đến 9 năng lực thành phần (Sang & Hyo, 2015).

1.2. Những nghiên cứu về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản

1.2.1. Về tầm quan trọng của việc tổ chức bồi dưỡng

Theo Ben-Yami và Anderson khi nghiên cứu việc thành lập và vận hành Trung tâm cộng đồng nghề cá đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng trong việc đào tạo ngư dân, nhóm tác giả cho rằng việc đào tạo phải được nghiên cứu trong kế hoạch chuẩn bị thành lập, cần phải tính đến nhu cầu đào tạo. Ngư dân thường thiếu về chuyên môn kỹ thuật, vì vậy khi đào tạo phải xem xét đến nhu cầu đào tạo, kỹ năng cần có, kỹ năng có sẵn (Ben-Yami & Anderson, 1985).

Dự án nghiên cứu của Đại học Sohar về đánh giá nhu cầu đào tạo của ngư dân trên bờ biển Al-Batinah cho ngành đánh bắt cá đã cho kết quả rằng hầu hết ngư dân, đang phải vật lộn để kiếm đủ tiền để sinh sống, họ có ít lựa chọn nghề nghiệp thay thế và ngư dân trẻ không được đào tạo đặc biệt. Do đó, việc xác định nhu cầu đào tạo là cấp thiết để phát triển nghề đánh bắt cá bền vững (Sohar University, 2013).

Khi nghiên cứu về cải thiện sinh kế trong khai thác hải sản đối với ngư dân vùng biển Thành phố Hải Phòng, tác giả Nguyễn Văn Cường cho rằng tỷ lệ ngư dân qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ còn khá thấp, trong đó tập trung chủ yếu là đối tượng ngư dân tàu khai thác xa bờ, thuyền trưởng, máy trưởng. Qua đó tác giả đề xuất cần phải chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên, đào tạo gắn với đặc điểm, điều kiện và nhu cầu thực tế của ngư dân (Nguyễn, 2005).

Nghiên cứu của FAO về đào tạo, bồi dưỡng nghề nghiệp cho ngư dân, sau khi thử nghiệm tại nhiều nước, FAO đã rút ra một quy trình hành động trong việc hỗ trợ ngư dân đánh bắt, bảo quản, tiếp thị thông qua mô hình cộng đồng nghề cá quy mô nhỏ, hoặc huấn luyện cho ngư dân về an toàn nghề cá tại một số nước châu Phi. FAO đã đề ra khung huấn luyện an toàn nghề cá cho ngư dân nhằm hướng dẫn ngư dân thực hành an toàn trên biển, ban hành tài liệu hướng dẫn những công việc nghề nghiệp của người đánh bắt hải sản như đo lưới, đo hàm cá tới những công thức tính nhằm sản lượng (FAO, 2008).

Khi nghiên cứu về các giải pháp khai thác thủy sản ven biển tỉnh Sóc Trăng, tác giả Nguyễn Thanh Long đã khảo sát, phân tích, đánh giá và kiểm nghiệm các yếu tố kỹ thuật, những thuận lợi và khó khăn từ đó đề xuất giải pháp cần phải đào tạo nguồn nhân lực nghề đánh bắt hải sản có trình độ cao để có thể nắm bắt và áp dụng các thiết bị hiện đại, tác giả khuyến nghị trong quá trình đào tạo nên ưu tiên đào tạo con em ngư dân làm nghề khai thác thủy sản (Nguyễn, 2012).

Khi phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nghèo trong cộng đồng ngư dân ven biển tỉnh Ninh Thuận, tác giả Phạm Hồng Mạnh và Phan Vĩnh An đã cho kết quả rằng hầu hết chủ hộ ngư dân là nam giới có trình độ học vấn thấp, hầu hết chưa được đào tạo nghề một cách bài bản. Nhóm tác giả đề xuất cần phải quan tâm đến công tác giáo dục, đào tạo tới cộng đồng ngư dân, đặc biệt là những hộ nghèo (Phạm & Phan, 2014).

Trong nghiên cứu về nghề cá ở Batinah của Oman cho thấy hầu hết ngư dân ở độ tuổi từ 21 đến 50 không được đào tạo, cho nên cần thiết phải học các kỹ thuật đánh bắt, cách điều hướng tàu, dự báo thời tiết, thông tin liên lạc và thói quen sinh

hoạt trong thời gian dài trên biển. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh cần đào tạo kỹ thuật để ngư dân sử dụng tốt hơn các công cụ và đào tạo nhận thức để ngư dân thường xuyên nỗ lực trong công việc đánh bắt cá. Các nghiên cứu cũng cho thấy việc đánh bắt cá đang mất dần sức hấp dẫn. Ngư dân sẵn sàng học hỏi công nghệ đánh bắt mới, tuy nhiên họ không chắc chắn về hiệu quả của các chương trình đào tạo. Họ vẫn coi trọng kinh nghiệm hơn đào tạo (Rakesh & cộng sự, 2015).

Theo nghiên cứu của Trần Văn Thạch về chất lượng lao động ngư nghiệp ở các tỉnh duyên hải miền Trung thì lao động ngư nghiệp có trình độ chuyên môn thấp hơn so với cộng đồng lao động nói chung. Theo kết quả khảo sát của Trần Văn Thạch với câu hỏi “Nghề đi biển học từ đâu?” thì kết quả cho rằng việc học hỏi, tích lũy kiến thức nghề nghiệp chủ yếu thông qua đường tự học trong quá trình đánh bắt (51,9%); kế đến là bằng con đường cha truyền con nối (31,1%); kiến thức nghề nghiệp được trang bị qua trường lớp (tham gia các khóa học) với tỷ lệ thấp nhất (17%). Tác giả đánh giá tỷ lệ ngư dân được đào tạo qua trường lớp rất thấp, phần lớn hành nghề dựa trên những kiến thức, kinh nghiệm gia đình hay bằng phương thức vừa học vừa làm qua thực tế trên biển. Từ nghiên cứu của mình, tác giả kiến nghị cần có giải pháp xây dựng các mô hình đào tạo phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh đánh bắt của ngư dân (Trần, 2015).

Năm 2015, nhóm tác giả Lê Vinh Liên Trang và Nguyễn Thuận Anh đã nghiên cứu, điều tra kiến thức, thái độ, thực hành của các ngư dân đang làm việc trên tàu khai thác hải sản có công suất máy chính trên 90 CV từ tháng 11/2013 đến tháng 6/2014 tại 5 cảng cá ở Khánh Hòa bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp với phiếu điều tra được thiết kế sẵn về an toàn thực phẩm hải sản. Kết quả nghiên cứu cho thấy với 384 ngư dân là nam có tuổi đời từ 18 đến 55 tuổi, 53,6% ngư dân có thâm niên đi biển trên 10 năm được phỏng vấn cho thấy kiến thức về an toàn thực phẩm hải sản của ngư dân còn rất hạn chế, hầu như những kiến thức về an toàn thực phẩm hải sản mà ngư dân có được chủ yếu là kiến thức chung, còn kiến thức về sức khỏe cá nhân, kiến thức về các chất không được phép sử dụng trong bảo quản hải sản rất thấp. Nhóm tác giả nhận xét, kiến thức không đúng dẫn đến thái độ không

đúng và hành vi không đúng, nên cần phải tăng cường tập huấn về các vấn đề liên quan đến an toàn thực phẩm (Lê & Nguyễn, 2015).

Trong nghiên cứu của Đào Quang Dân về chất lượng thuyền viên Việt Nam xuất khẩu, tác giả cho rằng, dưới góc độ của các nhà quản lý thì chất lượng thuyền viên xuất khẩu cần được đánh giá thông qua trình độ, kiến thức, kỹ năng làm việc, mức độ thành thạo tay nghề, tinh thần làm việc, thái độ làm việc. Thuyền viên ở bất kỳ chức danh nào cũng đều phải biết nghe và tiếp thu sự hướng dẫn, biết phối hợp làm việc theo nhóm, không gây gổ và kích động tranh cãi... Còn dưới góc độ của các nhà nghiên cứu, nhà khoa học thì các đặc điểm cần có của thuyền viên xuất khẩu gồm: trình độ chuyên môn, kỹ năng giải quyết công việc, mức độ chịu áp lực, sự thích nghi với môi trường và điều kiện làm việc, thái độ trong công việc, thái độ với đồng nghiệp, khả năng ứng xử,... Trong nghiên cứu của mình, tác giả cũng xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng thuyền viên xuất khẩu của Việt Nam cũng như đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo thuyền viên xuất khẩu của Việt Nam (Đào, 2016).

1.2.2. Về nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp và phương tiện bồi dưỡng

Khi nghiên cứu về thực trạng việc học tập có hỗ trợ của công nghệ thông tin (e-learning) cho ngư dân ở Đài Loan, tác giả Su-Chang Chen đã nghiên cứu tình hình học tập có hỗ trợ công nghệ thông tin cho ngư dân ở Đài Loan. Thông qua 270 câu hỏi và phỏng vấn đã cho ra một số kết quả như chỉ có 12,6% đã được đào tạo máy tính trước đó. Đây là vấn đề chính trong việc cần phải tổ chức chương trình E-learning cho ngư dân. Ngư dân rất yêu thích hình thức học trực tuyến thông qua đài phát thanh, nội dung học về công nghệ đánh bắt, tuy nhiên không có thời gian học, cũng như yếu về kỹ năng học tập theo hình thức trực tuyến,... Tác giả đề xuất một số giải pháp để nâng cao khả năng hình thức học tập trực tuyến của ngư dân như cần phải tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo máy vi tính của ngư dân để thúc đẩy họ trong việc sử dụng máy vi tính; Khuyến khích ngư dân sử dụng các công cụ để truy cập Internet như điện thoại di động; Tăng cường việc giáo dục nghề nghiệp

cho ngư dân thông qua các đài phát thanh; Thiết lập trang web học tập cho ngư dân (Su-Chang Chen, 2004).

Với đề tài “Các giải pháp giải quyết vấn đề lao động, việc làm của ngư dân ven biển duyên hải Miền Trung”, tác giả Nguyễn Thế Trâm cho rằng cần phải tổ chức bồi dưỡng theo định kỳ đối với lao động ngư dân hằng năm khoảng 01 đến 02 tuần vào những lúc biển động để giúp người lao động đánh bắt hải sản nắm được những nguyên lý cơ bản về kỹ thuật điều khiển tàu thuyền và kỹ thuật đánh bắt hải sản trên biển (Nguyễn, 2005).

Khi khảo sát bằng bảng câu hỏi với 1934 ngư dân cho kết quả là phần lớn ngư dân trên bờ biển Batinah không được giáo dục và đào tạo phù hợp. Hầu hết trong số họ làm việc theo thói quen và thiếu hiểu biết về các kỹ thuật đánh bắt hiện đại và giao dịch sau đánh bắt. Vì thế, nghiên cứu cho rằng việc đào tạo ngư dân cần được thực hiện một cách toàn diện, cần có các chương trình đào tạo phù hợp cho ngư dân. Cần phải cấu trúc các chương trình đào tạo và ràng buộc pháp lý để ngư dân tham gia các khóa học cơ bản để đảm bảo rằng họ làm việc an toàn, hiệu quả. Các chương trình này cần phải tính đến tuổi, trình độ học vấn, các khía cạnh kỹ thuật như kiến thức về ngư cụ, ngư trường, thiết bị điện tử, sử dụng thiết bị an toàn (Sohar University, 2013).

Tại Ghana, ngành thủy sản là sinh kế cho khoảng 10% dân số, tuy nhiên hiện đang gặp nhiều thách thức ảnh hưởng đến sinh kế của ngư dân. Trung tâm đào tạo nghề cá DAA (Development Action Association) đã tổ chức một chương trình nâng cao năng lực trong hai ngày cho 50 ngư dân từ mười một cộng đồng ở vùng Greater Accra và miền Trung Ghana. Các chủ đề đào tạo là: Kinh doanh nghề cá, Phân tích chi phí, giá cả, lợi nhuận và tổn thất; Xử lý vệ sinh cá trên biển; Phòng chống nguy hiểm trên biển; Quản lý nghề cá. Mục tiêu của khóa đào tạo là giáo dục ngư dân đánh giá cao tầm quan trọng của nghề đánh bắt cá, huấn luyện cho ngư dân cách xử lý cá hợp vệ sinh trên biển,... Một số phương pháp được sử dụng trong đào tạo như thảo luận, kích thích suy nghĩ,... vì những người tham gia có trình độ hiểu biết thấp (SFMP, 2014).

Theo báo cáo của Ban Dân nguyện của Quốc hội, số 574/BC-BDN ngày 21/10/2013 thì đội ngũ lao động nghề cá hầu hết chưa được đào tạo qua trường lớp chính quy nên thiếu kiến thức cơ bản để có thể sử dụng thành thạo các thiết bị hàng hải, khai thác; thiếu các kiến thức pháp luật về hàng hải, nhất là các quy định liên quan đến hoạt động khai thác ở những vùng biển quốc tế. Từ đó, đề xuất cần phải đào tạo đội ngũ lao động nghề cá hiện nay về năng lực hoạt động trên biển, năng lực sử dụng các trang thiết bị hiện đại trong khai thác, đánh bắt hải sản nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động (Ban Dân nguyện, 2013).

1.3. Những nghiên cứu về bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản

1.3.1. Về tầm quan trọng của việc tổ chức bồi dưỡng

Đánh giá tầm quan trọng của việc phòng chống những TNTT đối với người lao động đánh bắt hải sản trên biển. Trong các nghiên cứu đều cho rằng, nghề đánh bắt hải sản là nghề nguy hiểm, ngoài ảnh hưởng của môi trường tự nhiên, môi trường lao động trên tàu thì kỹ năng nghề nghiệp của ngư dân trong quá trình đánh bắt là một trong những nguyên nhân gây thương tích và tai nạn lao động. Các tác giả cũng đề xuất giải pháp cần phải tập trung việc bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản để đảm bảo an toàn lao động trên biển.

Cũng chính vì tầm quan trọng của công tác phòng chống TNTT khi đánh bắt hải sản trên biển, công ty vận tải và thuê tàu biển Việt Nam đã biên soạn tài liệu “Nguy cấp và an toàn trên biển”; Viện nguồn lợi thủy sản (thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn) biên soạn các tài liệu bồi dưỡng thuyền viên tàu cá, tài liệu bồi dưỡng thuyền trưởng - máy trưởng với những kiến thức phải áp dụng trong trường hợp khẩn cấp khác nhau va chạm, mắc cạn, cháy và phát nổ, có người rơi xuống biển (Công ty vận tải và thuê tàu biển Việt Nam, 1988; Viện nguồn lợi thủy sản, 1996).

Tại Ba Lan, năm 1997, Tomaszunas và cộng sự trong nghiên cứu “Diseases and work-related injuries in Polish seafarers and conditions of their work on foreign-flag ships” đã điều tra 1103 thuyền viên và ngư dân Ba Lan về điều kiện làm việc và tai nạn, thương tích thì kết quả cho thấy 7,8% người được hỏi phàn nàn

về sự an toàn và sức khỏe của người làm việc trên tàu biển không đạt yêu cầu, tác giả đề xuất cần phải tập trung công tác phòng chống tai nạn lao động hàng hải (Tomaszunase & cộng sự, 1997).

Tại Đan Mạch, nghiên cứu của Laursen về TNTT trên các tàu đánh bắt hải sản giai đoạn 1989 - 2005, có 114 trường hợp tai nạn tử vong trên biển, nguyên nhân do đắm tàu, lật úp tàu, do sự thay đổi thời tiết và do va chạm trên biển. Do đó, tác giả đã đề xuất là cần phải tăng cường tập trung việc đào tạo để đảm bảo an toàn lao động cho ngư dân, đào tạo lại cho ngư dân, đặc biệt là các ngư dân làm việc trên các tàu nhỏ (Laursen & cộng sự, 2008)

Trong nghiên cứu của Phan Trọng Huyền và Vũ Kế Nghiệp về nguy cơ tiềm ẩn tai nạn trong nghề câu cá ngừ đại dương tỉnh Khánh Hòa, kết quả cho thấy nếu thuyền viên học vấn thấp (tiểu học trở xuống), thiếu chứng chỉ chuyên môn thì nguy cơ tai nạn càng cao. Về bằng thuyền trưởng, máy trưởng đạt yêu cầu nhưng chứng chỉ thuyền viên thì chưa người nào được đào tạo vì địa phương chưa tổ chức đào tạo theo quy định, đây được xem là dấu hiệu tiềm ẩn nguy cơ gây ra tai nạn lao động (Phan & Vũ, 2008).

Phùng Thị Thanh Tú và cộng sự trong nghiên cứu “Nghiên cứu xây dựng mô hình can thiệp nhằm hạn chế tai nạn do lặn cho ngư dân Khánh Hòa”, khi nghiên cứu thực trạng và các giải pháp ngăn chặn tai nạn lao động cho người lao động đánh bắt hải sản bằng nghề lặn tại các tỉnh Miền Trung. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nghề lặn đánh bắt hải sản thường làm việc rất nặng nhọc, đe dọa tính mạng nhưng họ chưa được đào tạo nghề, vì thế cần thiết phải tổ chức đào tạo nghề cho người lao động đánh bắt hải sản để đáp ứng yêu cầu công việc (Phùng & cộng sự, 2014).

Trong nghiên cứu của Laura và cộng sự mô tả quy trình làm việc gây ra các tai nạn, thương tích của ngư dân đánh bắt hải sản tại vùng biển Alaska cho thấy nguyên nhân gây ra tai nạn gồm quy trình đánh bắt cá, ngư cụ trên tàu, tai nạn giao thông trên biển,... ngư dân làm việc trực tiếp trên boong tàu bị thương tích nhiều nhất. Nghiên cứu cũng đưa các biện pháp về huấn luyện thủy thủ để ngăn chặn và xử lý tai nạn (Laura & cộng sự, 2016).

Theo tác giả Lê Hồng Minh thì cho rằng lao động trên tàu biển là một trong những loại hình lao động mang tính nghề nghiệp đặc biệt, điều kiện lao động trên biển hết sức khó khăn làm gia tăng các TNTT của người đánh bắt hải sản. Nghiên cứu cũng chỉ ra nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân người lao động đánh bắt hải sản còn thiếu kiến thức, không có hoặc không đủ kỹ năng lao động cần thiết, vì thế tác giả đề xuất phải tổ chức học tập, bồi dưỡng kiến thức cho người lao động đánh bắt hải sản (Lê, 2011).

1.3.2. Về nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp và phương tiện bồi dưỡng

Tại Ấn Độ, trong nghiên cứu của Srinath về việc sử dụng các biện pháp an toàn trên biển của ngư dân đã cho thấy rằng việc sử dụng các biện pháp an toàn trên biển không phổ biến lắm đối với những ngư dân đánh bắt thủ công, không có thiết bị cơ giới, ngư dân chủ yếu dựa vào kiến thức cá nhân và kỹ năng của mình để tự cứu sống. Tác giả cho rằng yêu cầu cấp thiết nhất, bên cạnh việc thực thi các quy định pháp luật, các phương pháp can thiệp khác là phải đào tạo ngư dân về việc sử dụng các biện pháp đảm bảo an toàn nhằm phòng ngừa, giảm bớt nguy hiểm mà họ gặp phải trong nghề nghiệp đánh bắt hải sản (Srinath & Rajeev, 1995).

Trong nghiên cứu của Lê Hồng Minh, tác giả đề xuất giải pháp cần phải bồi dưỡng người lao động đánh bắt hải sản một cách thường xuyên, đặc biệt là trong phần bồi dưỡng cần thêm phần thực hành về cứu hộ, cứu nạn trên biển. Tăng cường các hình thức đào tạo ngắn hạn phù hợp với trình độ, tập quán của lao động nghề cá. Việc bồi dưỡng kiến thức cho ngư dân đòi hỏi phải có thực tiễn và lý thuyết gắn liền với thực tiễn, bồi dưỡng thông qua những mô hình thực tiễn (Lê, 2011).

Tại Anh vào năm 2010, Grimsmo và cộng sự nghiên cứu “Occupational health needs of commercial fisherman in South West England” cho rằng nghề đánh cá là nghề nguy hiểm và yêu cầu lao động phải có thể lực. Các tác giả đề xuất phải triển khai chương trình đào tạo sơ cứu, phòng chống tai nạn, thương tích cho người đi biển (Grimsmo & cộng sự, 2010).

Theo Công ước quốc tế về tiêu chuẩn đào tạo huấn luyện, chứng nhận và trực ca cho thuyền viên (STCW) của IMO thì mục tiêu của SCTW là nâng cao an toàn

cho con người và tài sản trên biển và bảo vệ môi trường biển bằng cách xác lập các tiêu chuẩn thống nhất quốc tế về đào tạo huấn luyện, chứng nhận và trực ca cho thuyền viên trên tàu cá nhằm làm cho thuyền viên tàu cá có đủ khả năng chuyên môn và thích hợp với nhiệm vụ của từng người trên tàu. Theo đó, trước khi được chỉ định làm nhiệm vụ trên tàu thì tất cả thành viên trên tàu phải được huấn luyện cơ bản hoặc được hướng dẫn về an toàn khi làm việc trên tàu, đáp ứng quy định tiêu chuẩn năng lực tối thiểu khi làm việc trên tàu bao gồm các năng lực như năng lực cứu người trên biển trong trường hợp bỏ tàu; năng lực chống cháy và dập lửa; năng lực sơ cứu sơ cấp; năng lực tối thiểu trong an toàn cá nhân và trách nhiệm xã hội. Người lao động đánh bắt hải sản được trang bị những kiến thức, hiểu biết và kỹ năng nhận biết các tình huống khẩn cấp có thể xảy ra như đâm va tàu, cháy tàu, đắm tàu, các loại thiết bị cứu sinh thông thường trên tàu, các nguyên tắc cứu người và kỹ thuật cứu sinh, kiến thức về các yếu tố chống cháy nổ, tổ chức chống cháy trên tàu, các biện pháp sơ cấp cứu cơ bản do tai nạn, kiến thức về ứng phó với tình huống khẩn cấp, kỹ năng làm việc theo nhóm (STCW, 1995).

Kết quả nghiên cứu của FAO, ILO và IMO cho rằng bất kỳ người nào lần đầu tiên đi biển để làm việc trên các tàu cá có chiều dài nhỏ hơn 12m và tàu cá không có boong đều phải huấn luyện, bồi dưỡng về phòng chống TNTT thông qua việc bồi dưỡng những kiến thức, hiểu biết và sự thành thạo: các loại tai nạn khẩn cấp có thể xảy ra như hỏa hoạn, đâm va, mắc cạn, lật thuyền và thương vong; biết các loại thiết bị cứu trợ; biết sử dụng áo phao, đồ lặn (khi thích hợp) và dụng cụ hỗ trợ nổi; biết sử dụng bình cứu hỏa và vòi rồng chữa cháy; biết sử dụng tất cả các loại dụng cụ báo hiệu cứu nạn bằng hình ảnh; hiểu những mối nguy hiểm liên quan đến việc sử dụng rượu và chất kích thích; hiểu các bước sơ cứu nạn để thực hiện khi gặp tai nạn; có kiến thức về thuật ngữ hàng hải phổ biến; kiến thức về các nguyên nhân và hậu quả của hạ thân nhiệt và các biện pháp phòng sự hạ thân nhiệt; kiến thức về nhiệm vụ của một thuyền trưởng trước khi rời tàu; có ý thức nhằm đảm bảo an toàn khi làm việc trên tàu (SEAFDEC, 2013). Từ những nội dung cần bồi dưỡng này, đòi hỏi phải có đầy đủ các phương tiện và phù hợp với nội dung bồi dưỡng.

Trong nghiên cứu về “Thực trạng và kết quả giải pháp đào tạo phòng chống TNNTT của ngư dân và thuyền viên khu vực Hải Phòng”, tác giả Nguyễn Văn Tâm đã tiến hành tổ chức thực nghiệm bằng cách tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho 100 ngư dân và 100 thuyền viên với hình thức giảng lý thuyết kết hợp với thực hành tại chỗ về nội dung xử trí cấp cứu ban đầu khi xảy ra TNTT trên biển, kết quả cho thấy trong điều kiện trên tàu không có nhân viên y tế thì việc ngư dân được bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng thực hành cấp cứu ban đầu trên biển là rất quan trọng vì đã có được kiến thức, kỹ năng trong việc sơ cứu ban đầu (Nguyễn, 2018).

Tại Mỹ, trong nghiên cứu của nhóm tác giả Todd Miner cũng cho rằng nghề đánh bắt cá là một nghề nguy hiểm ở Hoa Kỳ. Hiện nay, ngư dân thường chỉ được tiếp cận với các lớp sơ cứu cơ bản. Vì vậy, ngư dân cần phải được huấn luyện, trên cơ sở các dữ liệu nghiên cứu, một chương trình đào tạo bao gồm 16 giờ trong hơn 2 ngày gồm các bài giảng nhằm phát triển kỹ năng thực hành và xử lý các tình huống trong đó kiến thức và kỹ năng được kết hợp với nhau để đối phó với một tai nạn hoặc bệnh tật. Chương trình giảng dạy tập trung vào việc chuẩn bị cho những người tham gia ứng phó với các thương tích và bệnh tật phổ biến trên biển có thể nguy hiểm đến tính mạng như chấn thương do ngã hoặc đè. Để vượt qua khóa học và nhận chứng chỉ, người học phải chứng minh kỹ năng cơ bản và vượt qua bài kiểm tra cuối cùng (Todd Miner & cộng sự, 2019).

Tóm lại, việc bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản được các nhà nghiên cứu quan tâm và đề cập ở nhiều góc độ khác nhau về lý luận và thực tiễn, khẳng định sự cần thiết của việc tổ chức bồi dưỡng cũng như những giải pháp triển khai bồi dưỡng. Tuy nhiên, các công trình chỉ nghiên cứu sâu về vai trò cũng như định hướng phát triển năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản, chủ yếu tập trung vào thực trạng và đề xuất những giải pháp hoạt động bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản, nhưng còn hạn chế về số lượng. Việc triển khai tổ chức bồi dưỡng như thế nào hoặc theo quy trình nào thì vẫn còn bỏ ngỏ. Chưa có công trình nghiên cứu một cách có hệ thống, chuyên sâu

và đồng bộ về bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản.

1.4. Đánh giá chung về tổng quan nghiên cứu và một số vấn đề đặt ra cho luận án

1.4.1. Đánh giá chung về tổng quan nghiên cứu

Hầu hết các nghiên cứu đều khẳng định sự cần thiết của việc bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản, xác định được các năng lực nghề nghiệp cụ thể mà người lao động đánh bắt hải sản cần phải có theo từng nhiệm vụ công việc được phân công hoặc theo yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp.

Trong các nghiên cứu cũng đã đề cập về người lao động, nội dung, hình thức, phương pháp và phương tiện bồi dưỡng, gắn bồi dưỡng với thực tiễn hoạt động và nhu cầu của người lao động đánh bắt hải sản. Ngoài đánh giá thực trạng còn đề cập đến các vấn đề đổi mới về bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản như đổi mới nội dung, chương trình bồi dưỡng và đề xuất những biện pháp bồi dưỡng. Nhưng theo người nghiên cứu vẫn chưa cụ thể, chưa đi sâu vào các yếu tố của năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản, phần lớn là các giải pháp cần phải bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động đánh bắt hải sản.

Về phương pháp, hình thức bồi dưỡng được các tác giả trong và ngoài nước nghiên cứu đề cập tương đối đa dạng, đề cao hình thức bồi dưỡng trực tuyến và hướng tới tự bồi dưỡng của mỗi người lao động đánh bắt hải sản. Tuy nhiên, việc triển khai tổ chức bồi dưỡng như thế nào nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản thì vẫn còn bỏ ngõ, chưa được đề cập sâu.

Riêng về hoạt động phòng chống tai nạn thương tích trên biển, các nghiên cứu trong nước tuy đã có các tác giả quan tâm. Kết quả nghiên cứu chỉ lưu tâm về đề xuất cần phải tổ chức bồi dưỡng để nâng cao trình độ, kỹ năng xử lý sự cố trên biển. Công trình nghiên cứu sâu về tổ chức bồi dưỡng để nâng cao trình độ, kỹ năng xử lý sự cố trên biển thiếu vắng và còn mờ nhạt. Do đó, chưa đáp ứng với sự phát triển nhanh chóng của kỹ thuật và công nghệ đánh bắt cá, nhất là việc biến đổi khí hậu, nhiều tình huống khó lường, bất trắc khi hoạt động đánh bắt cá trên biển. Vì

thể người lao động chỉ dùng kinh nghiệm để xử lý thì sẽ khó có thể theo kịp những yêu cầu đặt ra, không thể tự tin để vươn khơi bám biển.

Phần lớn các nghiên cứu trong và ngoài nước đều cho rằng nghề đánh bắt hải sản là nghề nặng nhọc, nguy hiểm, tỷ lệ tai nạn thương tích cao so với lao động làm việc trên đất liền nên cần phải bồi dưỡng. Tuy nhiên trong các nghiên cứu về quá trình tổ chức bồi dưỡng, đặc biệt là xây dựng chương trình bồi dưỡng theo quy trình nào là phù hợp để góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản vẫn còn là câu hỏi chưa có lời giải. Đây được xem là khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu một cách nghiêm túc và sâu hơn.

Bên cạnh đó, các công trình nghiên cứu đã công bố cũng là nền tảng, có giá trị để kế thừa, vận dụng để bổ sung, xây dựng cơ sở lý luận về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp nói chung, năng lực thực hành an toàn trên tàu cá nói riêng cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

1.4.2. Một số vấn đề đặt ra cho luận án

Từ những nghiên cứu tổng quan ở trên cho thấy những giải pháp được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đưa ra có thể áp dụng để nâng cao chất lượng bồi dưỡng người lao động đánh bắt hải sản. Tuy nhiên, một số vấn đề vẫn chưa làm sáng tỏ, cần phải được tiếp tục nghiên cứu trong luận án này, cụ thể:

Một là, kế thừa các khái niệm của các nghiên cứu trong và ngoài nước để xác định các khái niệm có liên quan đến đề tài để bổ sung vào cơ sở lý luận bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản.

Hai là, chưa có khung lý thuyết cụ thể để làm cơ sở xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản, vì vậy cần phải xây dựng khung lý thuyết này.

Ba là, việc tổ chức bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên vẫn còn hạn chế, vì thế cần phải xây dựng chương trình bồi dưỡng để đáp ứng nhu cầu học tập và phù hợp với đặc thù ở tỉnh Phú Yên.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Từ nghiên cứu tổng quan tổng hợp và phân tích các công trình khoa học bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người đánh bắt hải sản, đã đưa ra những nhận xét chung, xác định các vấn đề còn bỏ trống, có thể kế thừa, vận dụng và tìm ra nội dung cần tiếp tục nghiên cứu trong những chương tiếp theo của luận án. Từ kết quả nghiên cứu tổng quan đã khẳng định:

Nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước đã tổng hợp, khái quát được những năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản. Đã có một số nghiên cứu đề cập đến năng lực thực hành an toàn trên tàu cá và bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá. Tuy nhiên kết quả phân tích tổng quan cũng cho thấy chưa có những nghiên cứu chuyên sâu về năng lực này trong bối cảnh triển khai, thực hiện những biện pháp phòng phòng chống TNTT khi đánh bắt hải sản hiện nay.

Những công trình của các tác giả trong và ngoài nước cũng đã nghiên cứu, làm rõ những đặc điểm cơ bản của hoạt động bồi dưỡng cho người lao động đánh bắt hải sản như người lao động, nội dung, phương pháp, hình thức và phương tiện bồi dưỡng, thực tiễn hoạt động bồi dưỡng và đề xuất các biện pháp cải tiến hoạt động bồi dưỡng. Đã có một số nghiên cứu khái quát về bồi dưỡng, phát triển năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản. Tuy nhiên chủ yếu là những giải pháp hoạt động bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản, nhưng còn hạn chế về số lượng, chưa có nhiều công trình nghiên cứu quy mô, chuyên sâu về bồi dưỡng năng lực này.

Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp nói chung, năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản nói riêng là việc cần thiết và quan trọng trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là trong giai đoạn phát triển nhanh của khoa học kỹ thuật, công nghệ đánh bắt hải sản như hiện nay thì cần phải được quan tâm hơn nữa. Tuy nhiên, đây là vấn đề mới, chưa có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này, trong đó chưa có khung lý thuyết cụ thể để làm cơ sở xây dựng chương trình

bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản, vì vậy cần phải xây dựng khung lý thuyết này.

Như vậy, để giúp người lao động đánh bắt hải sản có được năng lực nghề nghiệp nói chung, năng lực thực hành an toàn trên tàu cá nói riêng thì cần phải tiếp tục triển khai nghiên cứu trong đó cần xác định được khung năng lực thực hành an toàn trên tàu cá thuộc hệ thống năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản; đánh giá mức độ đạt được năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản. Từ đó, xây dựng chương trình bồi dưỡng phù hợp nhằm củng cố, phát triển năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản.

Nếu thực hiện tốt điều này không những nâng cao năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản mà còn làm cho người lao động đánh bắt hải sản yên tâm vươn khơi bám biển. Đồng thời, phù hợp với tình hình đánh bắt hải sản trên biển Đông và mục tiêu chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam trong tình hình mới.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN

2.1. Một số khái niệm liên quan đến đề tài

2.1.1. Người lao động đánh bắt hải sản

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thủy sản năm 2017, *khai thác thủy sản* là hoạt động đánh bắt hoặc hoạt động hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản (Quốc hội, 2017). Tuy nhiên, để phân biệt giữa thủy sản trên biển với thủy sản ở các vùng nước khác như sông, hồ,... thì trong rất nhiều tài liệu, các tác giả thường sử dụng cụm từ hải sản để thay thế cho tên gọi thủy sản trên biển (Nguyễn, 2005). Do vậy, khái niệm *đánh bắt hải sản* trong đề tài này được hiểu là hoạt động đánh bắt nguồn lợi thủy sản trên biển; sản phẩm thủy sản khai thác được trên biển được gọi là hải sản thay cho tên gọi chung là thủy sản.

Theo Từ điển Tiếng Việt, *ngư dân* là người làm nghề đánh cá (Hoàng Phê, 2003). Như vậy, khái niệm *người lao động đánh bắt hải sản* được sử dụng trong đề tài này có thể xem như là ngư dân, là nhóm cư dân sinh sống bằng việc khai thác nguồn lợi hải sản trên biển thông qua các công cụ chuyên dùng.

Theo Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNN ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn thì trên tàu cá hiện nay có các chức danh như thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, thợ máy và thủy thủ, với mỗi chức danh thì có chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn khác nhau nhưng tất cả được gọi chung là thuyền viên tàu cá (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2018).

Như vậy, trong phạm vi nghiên cứu của luận án này thì hoạt động đánh bắt hải sản là hoạt động nghề nghiệp và *người lao động đánh bắt hải sản* là những thuyền viên làm việc trên tàu cá, là người làm nhiệm vụ khai thác nguồn lợi hải sản trên biển thông qua các công cụ chuyên dùng.

2.1.2. Năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản

2.1.2.1. Năng lực

Kể từ khi vấn đề năng lực được quan tâm nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục thì khái niệm về năng lực cũng được hiểu khác nhau về bản chất, sự hình thành và phát triển, điều này xuất phát từ cách tiếp cận khác nhau như tiếp cận tâm lý học, tiếp cận giáo dục học.

Năng lực là khả năng thực hiện được các hoạt động (nhiệm vụ, công việc) trong nghề theo tiêu chuẩn đặt ra đối với từng nhiệm vụ, công việc cụ thể (Nguyễn, 2011). Hoàng Tuấn Anh và Nguyễn Đắc Bắc thì cho rằng năng lực được hiểu là khả năng thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các hành động, giải quyết các nhiệm vụ, vấn đề trong những tình huống khác nhau thuộc các lĩnh vực nghề nghiệp, xã hội hay cá nhân trên cơ sở hiểu biết, kỹ năng, kỹ xảo và kinh nghiệm cũng như sự sẵn sàng hành động. Năng lực của người học được hình thành thông qua hoạt động của chủ thể người học; năng lực không thể có được thông qua dạy mà phải thông qua học và luyện tập (Hoàng & Nguyễn, 2015).

Như đã trình bày ở trên, mặc dù còn nhiều cách hiểu khái niệm năng lực nhưng cơ bản các nhà nghiên cứu đều đồng thuận với một tiếp cận thực tế trong đó một năng lực được hiểu là khả năng của cá nhân có thể thực hiện một hoạt động nào đó, làm cho hoạt động ấy đạt đến một kết quả nhất định. Năng lực được hình thành, thể hiện và phát triển trong hoạt động, nó chỉ tồn tại trong mối quan hệ với một hoạt động nhất định (Nguyễn, 2005). Năng lực của một người thể hiện ở kết quả hoạt động của người đó; năng lực là cái được tạo ra chứ không có sẵn; quá trình phát triển năng lực trải qua nhiều mức độ khác nhau đi từ thấp đến cao; muốn phát triển năng lực, cần tổ chức hoạt động tương ứng cho cá nhân (Đào, 2016).

Năng lực có thể phân loại gồm năng lực chung và năng lực chuyên biệt, trong đó: năng lực chung là những năng lực cơ bản, thiết yếu hoặc cốt lõi... làm nền tảng cho mọi hoạt động của con người trong cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp như năng lực nhận thức, năng lực trí tuệ,... Các năng lực này được hình thành và phát triển dựa trên bản năng di truyền của con người, quá trình giáo dục và trải nghiệm trong cuộc sống. Trong khi đó, năng lực chuyên biệt là năng lực riêng được

hình thành và phát triển trên cơ sở các năng lực chung theo định hướng chuyên môn sâu, riêng biệt trong các loại hình hoạt động, công việc, hoặc tình huống môi trường đặc thù, là năng lực thể hiện sự riêng biệt có tính chuyên môn nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động chuyên môn đạt hiệu quả (Trần, 2012).

Tóm lại, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này, khái niệm *năng lực là khả năng thực hiện có hiệu quả các hoạt động, nhiệm vụ nghề nghiệp nhất định thông qua sự kết hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp và bao hàm năng lực chung và năng lực chuyên biệt.*

2.1.2.2. Năng lực nghề nghiệp

Với quan điểm tiếp cận đầu ra trong giáo dục, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp Quốc phân chia năng lực thành 3 nhóm năng lực gồm năng lực nhận thức, năng lực thái độ và năng lực nghề nghiệp. Trong đó năng lực nghề nghiệp là kiến thức chuyên biệt về các nguồn thông tin, khả năng tiếp cận, công nghệ, dịch vụ, quản lý, cùng khả năng đánh giá có phê phán một cách hiệu quả, chọn lọc và sử dụng kiến thức này để hoàn thành những công việc cụ thể và đạt đến những kết quả mong muốn (UNESCO, 1998).

Theo Đào Thị Oanh thì trên thực tế không có một khái niệm “năng lực nghề nghiệp” chung chung, có bao nhiêu loại hình nghề nghiệp thì có bấy nhiêu loại năng lực nghề nghiệp. Năng lực nghề nghiệp được hiểu là những năng lực đảm bảo thành công cho hoạt động nghề nghiệp. Năng lực nghề nghiệp có mặt trong phân loại năng lực hoạt động của con người (Đào, 2016).

Theo Nguyễn Xuân Hải thì năng lực nghề nghiệp là khả năng thực hiện được các hoạt động (nhiệm vụ, công việc) trong nghề theo tiêu chuẩn đặt ra đối với từng nhiệm vụ, công việc đó. Năng lực nghề nghiệp bao gồm các kiến thức, kỹ năng, thái độ đòi hỏi đối với một người để thực hiện hoạt động có kết quả ở một nhiệm vụ, công việc trong một nghề nhất định (Nguyễn, 2016).

Theo Epstein và Hunder, năng lực nghề nghiệp là việc sử dụng thường xuyên và chính xác các thông tin liên lạc, kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật, cảm xúc, giá trị và phản ánh trong thực tế hàng ngày vì lợi ích của cá nhân và cộng đồng (Epstein & Hunder, 2002).

Tác giả Nguyễn Thị Tình cho rằng năng lực nghề nghiệp là sự thực hiện có hiệu quả và có trách nhiệm các hành động, giải quyết các nhiệm vụ, vấn đề thuộc lĩnh vực nghề nghiệp trong những tình huống khác nhau trên cơ sở hiểu biết, kỹ năng, kỹ xảo và kinh nghiệm cũng như sự sẵn sàng hành động để tạo ra những sản phẩm vật chất hoặc tinh thần cần thiết đáp ứng sự tồn tại và phát triển của mỗi cá nhân và toàn xã hội (Nguyễn, 2015).

Theo Nguyễn Trọng Khanh thì trong lĩnh vực nghề nghiệp, người ta cho rằng năng lực nghề nghiệp là khả năng bao gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ thực hiện nhiệm vụ một cách thành công theo chuẩn xác định (Nguyễn, 2011).

Tóm lại, trong phạm vi của luận án và từ cách tiếp cận khái niệm năng lực như đã nêu trên, khái niệm *năng lực nghề nghiệp được hiểu là khả năng thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, công việc theo yêu cầu, tiêu chuẩn của nghề, thông qua sự kết hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp.*

2.1.2.3. Năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản

Như đã trình bày ở trên, khi bàn đến năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản là nhắc đến một năng lực chuyên biệt trong nghề đánh bắt hải sản, là năng lực thể hiện sự riêng biệt của mỗi người lao động đánh bắt hải sản, có tính chuyên môn nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động đánh bắt hải sản, làm cho hoạt động đánh bắt hải sản đạt hiệu quả cao nhất.

Từ khái niệm năng lực và năng lực nghề nghiệp đã được tiếp cận trên thì *năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải được hiểu là khả năng thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, công việc theo yêu cầu, tiêu chuẩn của nghề đánh bắt hải sản, thông qua sự kết hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp*

2.1.3. Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản

2.1.3.1. Bồi dưỡng

Theo Từ điển tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên thì *bồi dưỡng* là quá trình “làm cho tăng thêm trình độ năng lực hoặc phẩm chất” (Hoàng, 2003, tr.68).

Tác giả Trương Đại Đức cho rằng *bồi dưỡng* chính là quá trình bổ sung kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và các kỹ năng tương ứng nhằm phát triển năng lực và phẩm chất cho đối tượng được bồi dưỡng. Chủ thể bồi dưỡng là những người được

đào tạo và có một trình độ chuyên môn nhất định. Bồi dưỡng thực chất là quá trình cập nhật kiến thức, kỹ năng mới nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực hoạt động (Trương, 2011).

Theo tác giả Nguyễn Lộc, *bồi dưỡng* là hoạt động nhằm bổ sung, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn khi mà những kiến thức, kỹ năng chuyên môn được đào tạo trước đây không đủ để thực hiện có hiệu quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong nhà trường (Nguyễn, 2010).

Tác giả Tạ Văn Sỹ trong nghiên cứu về biện pháp bồi dưỡng kiến thức cho thanh niên nông thôn của Trung tâm học tập cộng đồng, xác định *bồi dưỡng* là hình thức nâng cao kiến thức và kỹ năng hành nghề cho người lao động, bồi dưỡng là quá trình trợ giúp cho người học làm tăng thêm hoặc hoàn thiện các phẩm chất tâm lý mang tính nghề nghiệp của mình (Tạ, 2008).

Tóm lại, trong phạm vi luận án này, khái niệm *bồi dưỡng được hiểu là quá trình huấn luyện, bổ sung kiến thức, kỹ năng, thái độ cho người lao động để người lao động có khả năng thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, công việc theo yêu cầu, tiêu chuẩn của nghề.*

2.1.3.2. Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản

Theo cách tiếp cận các khái niệm nêu trên, cùng với trong quá trình hoạt động nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản và với sự phát triển của khoa học, kỹ thuật,... thì những kiến thức, kỹ năng của người lao động đánh bắt hải sản đã tích lũy được qua những lần bồi dưỡng trước đây sẽ trở nên lạc hậu. Do đó, người lao động đánh bắt hải sản cần phải được cập nhật, bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng mới về hoạt động nghề nghiệp của mình mới có thể đáp ứng yêu cầu đề ra. Vì vậy, trong luận án này quan niệm bồi dưỡng người lao động đánh bắt hải sản là quá trình hoạt động tổ chức học tập bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng cần thiết nhằm nâng cao chất lượng hoạt động đánh bắt hải sản. Và người lao động đánh bắt hải sản trước khi tổ chức bồi dưỡng nghề nghiệp đã có những kiến thức, kỹ năng nhất định nhưng những kiến thức, kỹ năng này chưa phù hợp hoặc chưa đúng và đủ để làm cho công việc đạt hiệu quả cao nhất trong quá trình đánh bắt hải sản. Vì vậy cần

phải trang bị thêm kiến thức, kỹ năng để có thể thực hiện có hiệu quả công việc của mình.

Do đó, trong luận án này, *bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản được hiểu là quá trình huấn luyện, bổ sung kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản để người lao động đánh bắt hải sản có khả năng thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, công việc theo yêu cầu, tiêu chuẩn của nghề đánh bắt hải sản.*

2.1.4. Bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản

2.1.4.1. Năng lực thực hành an toàn trên tàu cá

Năng lực thực hành an toàn trên tàu cá là một trong những năng lực thuộc hệ thống năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản (Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, 2021).

Khái niệm an toàn trong đề tài này được hiểu là an toàn lao động. Theo Luật An toàn Vệ sinh lao động năm 2015 thì “an toàn lao động” là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động (Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2015).

Từ cách tiếp cận các quan niệm và khái niệm trên, *năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản được hiểu là khả năng phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.*

2.1.4.2. Bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản

Dựa vào nền tảng của các khái niệm đã trình bày ở trên, trong luận án xác định khái niệm *Bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá người lao động đánh bắt hải sản là quá trình hoạt động huấn luyện, bổ sung kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết nhằm giúp cho người lao động đánh bắt hải sản có khả năng phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.*

2.2. Đặc điểm hoạt động nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản

Ở Việt Nam, có nhiều loại nghề đánh bắt hải sản. Song căn cứ vào nguyên lý đánh bắt chủ động hay thụ động có thể chia thành một số họ nghề sau: nghề lưới kéo, nghề lưới vây, nghề lưới rê, nghề lưới vó, nghề câu, nghề pha xúc, nghề lặn biển,... (Hội nghề Cá Việt Nam, 2007). Hiện nay, đội tàu đánh bắt hải sản của nước ta hầu hết thuộc loại nhỏ, đa dạng về chủng loại và nghề nghiệp (Nguyễn, 2008; Bùi, 2003). Vì vậy, đặc điểm hoạt động nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản được biểu hiện:

- Nhiệm vụ đa dạng và theo quy trình cố định

Với mỗi nghề đánh bắt hải sản thì lao động trên tàu đều được phân công nhiệm vụ khác nhau nhưng nhìn chung đa số các nghề khi triển khai hoạt động đánh bắt tất cả người lao động đều thực hiện theo quy trình cơ bản đánh bắt gồm các giai đoạn theo trình tự (Hội nghề cá Việt Nam, 2007): 1) Chuẩn bị chuyển biển (nhiệm vụ dành cho thuyền trưởng); 2) Điều động tàu đến ngư trường (nhiệm vụ dành cho thuyền trưởng); 3) Chuẩn bị (lưới, dụng cụ, trang thiết bị); 4) Thả lưới (lưới, dụng cụ, trang thiết bị); 5) Dắt lưới (lưới, dụng cụ, trang thiết bị); 6) Thu lưới (lưới, dụng cụ, trang thiết bị); 7) Lấy cá và xử lý sản phẩm; 8) Chuẩn bị mẻ sau.

Trong Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về thuyền viên tàu cá, tàu công vụ thủy sản đã quy định chức trách, nhiệm vụ của từng chức danh thuyền viên tàu cá như thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, thợ máy, thủy thủ. Theo đó, đối với mỗi chức danh có những chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn khác nhau, có văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn theo quy định, có đủ sức khỏe để thích ứng với môi trường khắc nghiệt của biển. Người lao động đánh bắt hải sản khi hoạt động nghề nghiệp trên biển cần phải có kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, một số nhiệm vụ, công việc cần thực hiện gồm: Một là, trước mỗi chuyến biển phải chuẩn bị các trang thiết bị, ngư cụ phục vụ khai thác thủy sản, nguyên nhiên vật liệu vật tư, bảo hộ lao động, thiết bị an toàn, phòng chống cháy nổ. Hai là, trong quá trình đánh bắt thì thực hiện các nhiệm vụ về khai thác, bảo quản ngư cụ, sơ chế và bảo quản sản phẩm khai thác; có kỹ năng sử dụng hiệu quả

và bảo quản máy móc trang thiết bị phục vụ khai thác thủy sản, nguyên nhiên vật liệu vật tư, bảo hộ lao động; Chấp hành các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá; thực hiện nhiệm vụ trực ca trên tàu và các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Theo Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho nghề khai thác thủy sản biển đã được Bộ Lao động thương binh & Xã hội ban hành năm 2021 (Bộ Lao động Thương binh & Xã hội, 2021), trong đó đã mô tả nghề khai thác thủy sản biển là công việc của những người điều khiển con tàu lênh đênh trên biển, phát hiện ngư trường, theo đuổi luồng cá, tôm và sử dụng ngư lưới cụ để tổ chức đánh bắt, bảo quản nhằm đưa những nguyên liệu thủy sản về bờ với số lượng nhiều nhất và tốt nhất có thể. Sản phẩm của nghề khai thác thủy sản biển là cá, tôm mực, cua, ghẹ, ...

Nhiệm vụ chính của nghề khai thác thủy sản biển gồm: Quản lý, bảo quản con tàu; Điều động tàu; Khai thác và sử dụng các trang thiết bị hàng hải; Khai thác và sử dụng các trang thiết bị, ngư cụ trong khai thác thủy sản; Bảo quản thủy sản; Vận chuyển và bàn giao các nguyên liệu thủy sản khi về đến cảng.

- Thời gian làm việc thường dài ngày và đối diện nhiều hiểm nguy

Đối với những ngư trường đánh bắt hải sản xa bờ, phần lớn công việc được phối hợp tác nghiệp theo nhóm, tuy nhiên cũng có một số công việc thuyền viên tác nghiệp độc lập; thời gian làm việc trên biển ngắn nhất là 10 ngày và dài nhất là 3 năm không lên bờ. Thời gian làm việc trong ngày không cố định theo giờ và theo ca vì vậy người lao động đánh bắt hải sản phải thực hiện và hoàn thành các công việc kể từ khi phát hiện luồng cá, mực, tổ chức vây bắt đến khi đưa sản phẩm vào kho đông lạnh, làm việc trong mọi hoàn cảnh của thời tiết như nắng nóng, sóng to, gió lớn và băng giá, xong việc thuyền viên mới được nghỉ.

Người lao động đánh bắt hải sản được giao những công việc như đánh bắt cá, vá lưới, chài dây, làm cá, bảo quản thực phẩm trong kho lạnh và lau chùi sàn tàu, thân tàu và được trang bị dụng cụ bảo hộ như: quần, áo mưa, mũ bảo hiểm, ủng, găng tay và tất. Hầu như mọi công việc trên tàu cá như đánh bắt cá, vá lưới, chài dây, làm cá, bảo quản thực phẩm trong kho lạnh v.v., đều tồn tại một số nguy hiểm cho sức khỏe và sự an toàn cá nhân. Mặc dù vậy, các sự cố này có thể được ngăn

chặn thông qua quá trình đào tạo, bồi dưỡng có nhận thức tốt về rủi ro, và thực thi các biện pháp an toàn trên tàu cá. (Bộ Lao động Thương binh & xã hội, 2012).

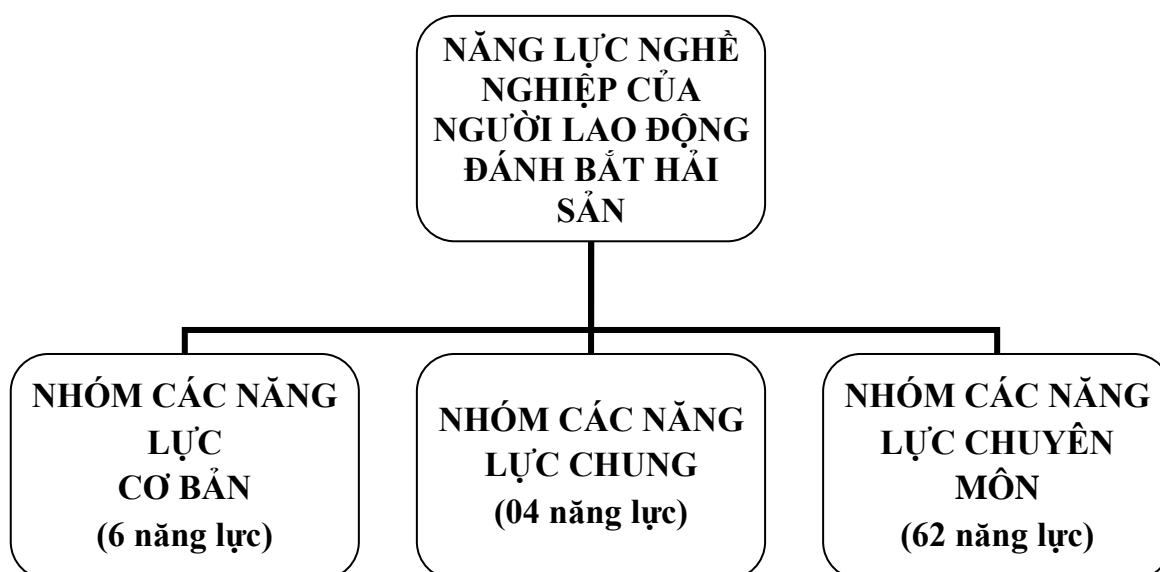
Hơn thế nữa, nghề khai thác thủy sản biển còn thực hiện nhiệm vụ thiêng liêng và cao cả là khẳng định chủ quyền, góp phần bảo vệ biên cương trên biển của Tổ quốc.

2.3. Khung năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản

Chuẩn năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản được xác định dựa trên cơ sở tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, nghề khai thác thủy sản biển (hải sản) do Bộ Lao động Thương Binh & Xã hội ban hành năm 2021. Theo đó, tiêu chuẩn kỹ năng nghề khai thác thủy sản biển (hải sản) gồm 22 vị trí việc làm trên ba nhóm tàu cá gồm tàu cá có chiều dài dưới 15m, tàu cá có chiều dài từ 15m đến dưới 24m và tàu cá có chiều dài trên 24m với 4 phương thức đánh bắt chính là lưới kéo, lưới vây, lưới rê và câu vàng (Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, 2021).

Với mỗi vị trí việc làm (chức danh) trên tàu đòi hỏi người lao động đánh bắt hải sản cần phải có những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp khác nhau nhằm đáp ứng yêu cầu của mỗi nghề. Tuy có sự khác nhau về bậc khung trình độ nghề và tính chất công việc, bậc trình độ nghề đối với các vị trí việc làm của mỗi nghề, nhưng tất cả các nghề đánh bắt hải sản đều gồm ba nhóm năng lực được thể hiện qua sơ đồ sau:

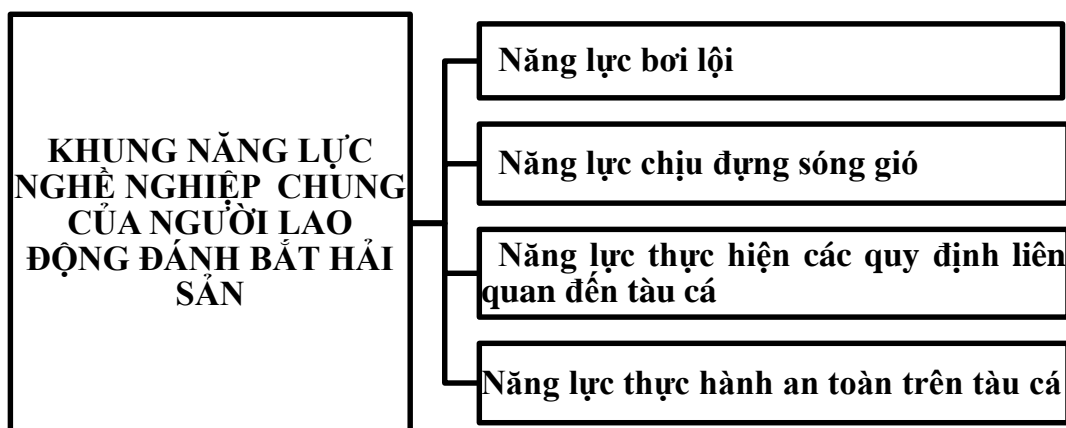
Hình 2.1. Khung năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt
(Bộ Lao động Thương binh & Xã hội, 2021)



Khung NLNN của người lao động đánh bắt hải sản được chia làm 03 nhóm năng lực cụ thể: Nhóm năng lực cơ bản gồm 6 năng lực nghề nghiệp; Nhóm năng lực chung gồm 4 năng lực nghề nghiệp và nhóm năng lực chuyên môn gồm 62 năng lực nghề nghiệp (chi tiết các nhóm năng lực nghề nghiệp tại Phụ lục 22)

Từ khung năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản cho thấy năng lực thực hành an toàn trên tàu cá là 1 trong 4 năng lực thuộc nhóm năng lực chung của người lao động đánh bắt hải sản gồm năng lực bơi lội, năng lực chịu đựng sóng gió, năng lực thực hiện các quy định liên quan đến tàu cá và năng lực thực hành an toàn trên tàu cá.

Hình 2.2. Khung năng lực nghề nghiệp chung của người lao động đánh bắt hải sản (Bộ Lao động Thương binh & Xã hội, 2021)



Với mỗi năng lực trong khung năng lực chung đều có ảnh hưởng đến sự phát triển nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, với sự phát triển nhanh chóng của khoa học, kỹ thuật và công nghệ cộng với tình hình phức tạp trong quá trình đánh bắt hải sản trên biển Đông, tình hình TNTT trên biển khi đánh bắt hải sản ngày càng nhiều, có chiều hướng phức tạp và với quan niệm “còn người là còn tất cả”. Do đó, năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản được xem là một trong những năng lực đóng vai trò quan trọng trong quá trình đánh bắt hải sản trên biển.

Vì thế, năng lực thực hành an toàn trên tàu cá thuộc hệ thống năng lực nghề nghiệp chung của người lao động đánh bắt hải sản được lựa chọn để nghiên cứu, trong đó mục tiêu nghiên cứu là xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, đây là một trong các nhiệm vụ sẽ thực hiện tiếp ở các chương sau của đề tài.

2.4. Lý luận về năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản

2.4.1. Công việc, nhiệm vụ thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản

Lao động trên tàu cá là một trong những loại hình lao động mang tính nghề nghiệp đặc biệt. Trong suốt thời gian hành trình trên biển, con tàu vừa là nơi lao động, nơi sinh hoạt, vui chơi, giải trí của người lao động. Vì vậy, ngoài các trang thiết bị thì yếu tố con người được xem là thành phần quan trọng trong tất cả các hoạt động của con tàu khi hoạt động đánh bắt trên biển. Con người là nòng cốt trong việc triển khai các biện pháp phòng, kịp thời ngăn ngừa các sự cố, TNTT từ đó hạn chế thấp nhất thiệt hại về người và tài sản trên tàu, góp phần đảm bảo an toàn cho con tàu trong quá trình hoạt động đánh bắt trên biển (Lê, 2011).

Tuy nhiên, đối với hoạt động phòng chống những yếu tố nguy hiểm có khả năng gây TNTT cho người lao động đánh bắt hải sản có những đặc thù riêng (Lê, 2011). Vì vậy, hoạt động phòng chống những yếu tố nguy hiểm là công việc phức tạp, nguy hiểm, đòi hỏi mỗi người lao động đánh bắt hải sản có mặt trên tàu phải có năng lực thì mới có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Do đó, mỗi người lao động đánh bắt hải sản phải được trang bị tốt về kiến thức, kỹ năng thực hành an toàn trên tàu cá. Ngoài ra, mỗi người lao động đánh bắt hải sản phải chuẩn bị tốt về tinh thần, tâm lý sẵn sàng phòng chống TNTT khi có sự cố xảy ra.

Căn cứ theo Điều 74 và Điều 75, Luật Thủy sản 2017 quy định về chức năng, nhiệm vụ của thuyền viên tàu cá thì ngoài đáp ứng yêu cầu về sức khỏe, tuổi lao động, văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với từng chức danh trên tàu, tuân thủ quy định về pháp luật lao động thì được quyền từ chối làm việc nếu tàu cá đó không đủ điều kiện bảo đảm an toàn, chủ động phòng ngừa tai nạn cho mình và cho

thuyền viên khác làm việc trên tàu cá. Nếu có sự cố đối với tàu cá, phải báo ngay cho thuyền trưởng hoặc người trực ca khi phát hiện tình huống nguy hiểm trên tàu.

Riêng đối với người lao động đánh bắt hải sản giữ chức danh thuyền trưởng, là chỉ huy cao nhất ở trên tàu cá thì có quyền không cho tàu cá hoạt động trong trường hợp xét thấy chưa đủ điều kiện an toàn cho người và tàu cá, an toàn thực phẩm, an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường; yêu cầu cứu nạn, cứu hộ trong trường hợp tàu cá gặp nguy hiểm; quyết định sử dụng biện pháp cấp bách để đưa tàu cá đến nơi an toàn trong tình thế cấp thiết; phổ biến, hướng dẫn, phân công, đôn đốc thuyền viên, người lao động làm việc trên tàu cá thực hiện quy định an toàn hàng hải, an toàn lao động, sẵn sàng ứng phó trong trường hợp bị tai nạn; thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi tàu gặp sự cố; khi có người bị tai nạn trên tàu thì phải tìm mọi cách cứu chữa; trường hợp phát hiện tàu cá khác bị tai nạn phải đưa tàu đến hỗ trợ ứng cứu kịp thời; thông báo cho cơ quan có thẩm quyền và chấp hành lệnh điều động tàu thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, đặc biệt trường hợp bất khả kháng khi tàu bị tai nạn phải bỏ tàu thì thuyền trưởng phải là người bỏ tàu cuối cùng (Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2017).

Xuất phát từ vị trí, vai trò của người lao động đánh bắt hải sản như đã quy định trong Luật Thủy sản 2017 nêu trên thì tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về thuyền viên tàu cá, tàu công vụ thủy sản đã quy định chức trách, nhiệm vụ của từng chức danh thuyền viên tàu cá như thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, thợ máy, thủy thủ. Như vậy, ngoài nhiệm vụ chuyên môn thì việc nhiệm vụ phòng chống các yếu tố nguy hiểm có thể gây TNTT khi hoạt động trên biển cũng được đề cập trong từng nhiệm vụ của các chức danh trên tàu, cụ thể: 1) Đối với thuyền trưởng hoặc thuyền phó thì bao gồm các công việc như: thường xuyên kiểm tra, theo dõi việc thực hiện quy trình, kỹ thuật trong quá trình vận hành và hoạt động khai thác, đảm bảo an toàn lao động, tình trạng các trang thiết bị an toàn hàng hải, hệ thống thông tin liên lạc. 2) Đối với máy trưởng, là người trực tiếp phụ trách và chịu trách nhiệm về kỹ thuật của toàn bộ hệ thống động lực của bộ phận tàu, bộ phận máy, điện và điện lạnh của tàu thì tổ chức kiểm tra,

khai thác an toàn, hiệu quả đối với tất cả máy móc thiết bị động lực trên tàu, kiểm tra về an toàn vệ sinh lao động, sử dụng thiết bị máy, điện, phòng chống cháy, nổ trên tàu. 3) Đối với thợ máy, là người tham mưu, giúp việc cho máy trưởng, thì trước khi rời bến phải kiểm tra máy móc, trang thiết bị, dầu, mỡ, nước và dự tính trước tình huống xấu có thể xảy ra để đề xuất với máy trưởng những biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời,... 4) Đối với thủy thủ, là người thực hiện nhiệm vụ vận hành, sử dụng máy móc, trang thiết bị, ngư cụ, dụng cụ trên mặt boong theo phân công, vì vậy trước mỗi chuyến đi ngoài việc phải chuẩn bị các trang thiết bị, ngư cụ,... phải chuẩn bị thiết bị bảo hộ lao động, thiết bị an toàn, phòng chống cháy nổ,... (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2018).

Tham khảo Công ước quốc tế về tiêu chuẩn đào tạo, cấp chứng chỉ và trực canh cho nhân viên tàu đánh cá (STCW-F) được IMO thông qua năm 1995, yêu cầu về huấn luyện cho các thuyền viên nhằm đảm bảo an toàn trên biển. Trong đó, xác định thuyền viên tàu cá trước khi được giao nhiệm vụ trên tàu phải được huấn luyện hoặc hướng dẫn cơ bản và phải đáp ứng tiêu chuẩn năng lực phù hợp trong các công việc sau: các kỹ thuật sinh tồn cá nhân, bao gồm mặc áo phao và bộ quần áo ngâm; phòng cháy và chữa cháy; quy trình khẩn cấp; sơ cứu ban đầu; phòng chống ô nhiễm môi trường biển và phòng ngừa tai nạn tàu thuyền (STCW-F, 1995).

2.4.2. Cấu trúc năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản

Qua đặc điểm hoạt động nghề nghiệp và các công việc, nhiệm vụ thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản, trong luận án xác định cấu trúc năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản bao gồm các năng lực nghề nghiệp được xác định như Bảng 2.1.

Bảng 2.1. Cấu trúc năng lực thực hành an toàn trên tàu cá
của người lao động đánh bắt hải sản

Cấu trúc năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản	
1	Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển
2	Năng lực xử lý khi bị thủng tàu
3	Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu
4	Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích
5	Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu
6	Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển
7	Năng lực phòng tránh mất liên lạc

- *Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển*: Là năng lực nghề nghiệp giúp người lao động đánh bắt hải sản có khả năng xử lý tình huống khi tàu bị tai nạn và có người rơi xuống biển, lúc này sự sống con người rất quan trọng, phụ thuộc vào quá trình cứu vớt nhanh hay chậm. Vì vậy, người thực hiện công tác cứu vớt người bị nạn cần phải có năng lực nghề nghiệp này.

Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển được cụ thể hóa bằng các chỉ báo sau:

- + Ném phao cứu sinh cá nhân cho người bị nạn;
- + Chuẩn bị các phương tiện cứu sinh cứu vớt người bị nạn;
- + Di chuyển tàu ra xa người bị nạn để người bị nạn không bị hút vào chân vịt;
- + Thông tin cho các lực lượng chức năng để kịp thời cứu hộ.

- *Năng lực xử lý khi bị thủng tàu*: là năng lực nghề nghiệp giúp người lao động đánh bắt hải sản có khả năng xử lý các tình huống khẩn cấp trong trường hợp tàu bị thủng, kịp thời cho tàu dừng máy và tiến hành các công việc nhằm hạn chế nước chảy vào tàu, đảm bảo an toàn cho người và tài sản.

Năng lực xử lý khi bị thủng tàu được cụ thể hóa bằng các chỉ báo sau:

- + Xác định vị trí, kích thước lỗ thủng, lưu lượng nước chảy qua lỗ thủng đó;
- + Đóng kín các cửa hầm kín nước giữa các hầm thủng và những hầm kế cận;

+ Dùng dụng cụ chống thấm trên tàu để bịt kín tạm thời lỗ thủng;

+ Sử dụng máy bơm hút nước ra ngoài.

- *Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu:* là năng lực nghề nghiệp giúp người lao động đánh bắt hải sản giảm thiểu rủi ro cháy và đảm bảo trạng thái sẵn sàng ứng phó tình huống khẩn cấp liên quan đến cháy. Năng lực xử lý khi có phát hỏa trên tàu được cụ thể hóa bằng các chỉ báo sau:

+ Nhận biết được vị trí các thiết bị chống cháy và các lối thoát khẩn cấp;

+ Phân biệt các loại nguồn gây cháy, nguy cơ gây cháy và sự lan truyền của lửa;

+ Phân loại các chất dập lửa có thể áp dụng;

+ Biết sử dụng các trang thiết bị và dụng cụ chống cháy; phương pháp, trình tự chống cháy, phương pháp sử dụng dụng cụ thở trong chống cháy và cứu nạn.

- *Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích:* là năng lực nghề nghiệp giúp cho người lao động đánh bắt hải sản trong quá trình đánh bắt hải sản, khi có một người lao động bị tai nạn thương tích thì cần phải áp dụng hành động ngay lập tức khi gặp phải một tai nạn hoặc một tình huống khẩn cấp liên quan đến sơ cứu ban đầu người bị nạn.

Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích được cụ thể hóa bằng các chỉ báo sau:

+ Xác định vị trí tổn thương;

+ Sử dụng các công cụ trong túi cứu thương;

+ Xử lý khi nạn nhân bị ngạt thở;

+ Kiểm soát chảy máu cơ bản;

+ Băng bó khi bị gãy xương, bong gân;

+ Xử lý khi nạn nhân bị choáng.

Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu: là năng lực nghề nghiệp giúp cho người lao động đánh bắt hải sản trong quá trình đánh bắt hải sản trên biển khi gặp tai nạn buộc phải rời khỏi tàu, giảm tối thiểu tai nạn thương tích khi rời tàu.

Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu được cụ thể hóa bằng các chỉ báo sau:

+ Chống khát trên biển;

+ Chống đói trên biển;

+ Chuẩn bị phao cứu sinh hoặc các vật thể có thể nổi trên mặt nước, mặc quần áo và có khả năng giữ cho cơ thể nhẹ nhàng để giữ sức lực trong thời gian chờ sự trợ giúp.

- *Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển*: là năng lực nghề nghiệp giúp cho người lao động đánh bắt hải sản trong quá trình đánh bắt hải sản trên biển đánh giá, phán đoán sự phát sinh của bão thông qua kiến thức và kinh nghiệm của mình.

Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển được cụ thể hóa bằng các chỉ báo:

+ Phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua sự thay sự thay đổi trạng thái của bầu trời;

+ Phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua sự thay sự thay đổi trạng thái của mặt biển;

+ Phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua những biểu hiện khác thường trong hoạt động sống của một số sinh vật sống xung quanh.

Năng lực phòng tránh mất liên lạc: là năng lực nghề nghiệp giúp cho người lao động đánh bắt hải sản có khả năng xử lý tình huống khi mất liên lạc trên biển.

Năng lực phòng tránh mất liên lạc được cụ thể hóa bằng các chỉ báo:

+ Sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc trên tàu phục vụ cho việc báo động cấp cứu;

+ Phương thức liên lạc tới nơi cần cấp cứu để phòng tránh gián đoạn thông tin liên lạc, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động trên biển.

2.4.3. Tiêu chí đánh giá năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản

Tiêu chí đánh giá được hiểu là những dấu hiệu, tính chất được chọn làm căn cứ để so sánh, đối chiếu, xác định mức độ, kết quả đạt tới của đối tượng cần đánh giá. Việc lựa chọn tiêu chí đánh giá phải căn cứ vào những dấu hiệu cơ bản, tiêu biểu cho bản chất của đối tượng mới đảm bảo chính xác trong đánh giá. Đánh giá chỉ có giá trị nếu các tiêu chí rõ ràng. Để xây dựng bộ tiêu chí đánh giá thì cần thực hiện qua các bước như: 1) Nêu khái niệm năng lực cần đánh giá; 2) Mô tả các năng

lực thành tố của năng lực cần đánh giá; 3) Chỉ ra những yêu cầu cơ bản của các năng lực thành phần thành các chỉ báo hay biểu hiện hành vi có thể quan sát, đo đếm được (Nguyễn, 2016).

Như vậy, việc xác định các tiêu chí đánh giá năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản được căn cứ vào: 1) Khái niệm về năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản; 2) Cấu trúc năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản; 3) Tiêu chí và các biểu hiện hành vi có thể quan sát, đo được của mỗi năng lực.

Theo cấu trúc năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản đã trình bày trên, gồm 7 năng lực nghề nghiệp: Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển; Năng lực xử lý khi bị thủng tàu; Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu; Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích; Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu; Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển và Năng lực phòng tránh mất liên lạc.

Trong đó, hai năng lực: *Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu* và *Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích* được tập trung xây dựng bộ công cụ đánh giá và được chọn để thực nghiệm. Đây là những năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản và nếu được bồi dưỡng thì trong quá trình học, người lao động có khả năng tham gia thực hành trong điều kiện được mô phỏng gần như trong thực tế. Do đó, chúng làm cơ sở để đánh giá khóa bồi dưỡng về năng lực nghề nghiệp của họ sau khi kết thúc khóa học.

Bảng 2.2. Tiêu chí đánh giá “Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích” và “Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu” của người lao động đánh bắt hải sản.

TT	Năng lực cốt lõi	Năng lực thành phần	Tiêu chí cụ thể	Các biểu hiện	Phương pháp chứng minh năng lực
1	Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích	1.1. Xác định các vị trí bị tổn thương.	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát và xác định được những vị trí bị tổn thương trên cơ thể nạn nhân. - Phân tích và đánh giá về mức độ tổn thương của nạn nhân. - Xác định được phương thức tổ chức sơ cứu khi đã xác định chính xác vị trí tổn thương. 	<p>Quan sát cẩn thận về những vị trí bị tổn thương cần giải quyết.</p> <p>Phán đoán mức độ nguy hiểm của vết thương.</p> <p>Thực hiện hành động sơ cứu nhanh và chính xác.</p>	Đánh giá trong quá trình tham gia khóa học
		1.2. Sử dụng các công cụ trong túi cứu thương.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và liệt kê đúng loại các dụng cụ có trong túi cứu thương. - Trình bày được công dụng của mỗi loại dụng cụ. - Sử dụng dụng cụ đúng cách, đúng quy trình, hiệu quả, an toàn. 	<p>Trình bày cụ thể những dụng cụ có trong túi cứu thương.</p> <p>Liệt kê đầy đủ những dụng cụ cần thiết.</p> <p>Thực hiện hành động sơ cứu với dụng cụ sơ cứu đúng quy trình sử dụng.</p>	Đánh giá trong quá trình tham gia khóa học

	<p>1.3. Xử lý khi nạn nhân bị ngạt thở.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và nhận dạng được các nguyên nhân gây ngạt thở. - Giải thích được quy trình xử lý nạn nhân khi bị ngạt thở. - Thực hiện hoạt động hô hấp nhân tạo phù hợp với từng tình trạng sức khỏe của nạn nhân. - Phối hợp với người xung quan trong việc sơ cứu nạn nhân và điều chỉnh phương pháp, hình thức sơ cứu cho phù hợp. - Làm cho nạn nhân có thể thở trở lại. 	<p>Phán đoán được nguyên nhân gây ngạt thở. Xác định được quy trình xử lý.</p> <p>Thực hiện hành động sơ cứu đúng quy trình.</p> <p>Đưa ra thông báo khẩn để tìm kiếm sự giúp đỡ.</p> <p>Thực hiện hành động để giảm nguy cơ nguy hiểm.</p>	<p>Đánh giá trong quá trình tham gia khóa học.</p>
	<p>1.4. Kiểm soát chảy máu cơ bản</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được nguyên nhân gây chảy máu, cách xử lý trong quá trình nạn nhân chảy máu. - Sử dụng được các dụng cụ cầm máu để cầm máu cho nạn nhân. 	<p>Phán đoán được nguyên nhân chảy máu.</p> <p>Liệt kê đầy đủ những dụng cụ cần thiết và thực hiện hành động sơ cứu nhanh và hiệu quả.</p>	<p>Đánh giá trong quá trình tham gia khóa học.</p>

		1.5. Băng bó khi bị gãy xương, bong gân	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được những vị trí tổn thương cần băng bó, xác định được nguyên nhân gây gãy xương, bong gân. - Sử dụng được các dụng cụ để băng bó khi gãy xương, bong gân. 	<p>Phán đoán được vị trí tổn thương phán đoán được mức độ nguy hiểm của vết thương.</p> <p>Liệt kê đầy đủ những dụng cụ cần thiết và thực hiện hành động sơ cứu nhanh và hiệu quả.</p>	Đánh giá trong quá trình tham gia khóa học.
2	Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu	2.1. Nhận biết được vị trí các thiết bị chống cháy và các lối thoát khẩn cấp.	Xác định được các vị trí chống cháy trên tàu.	Liệt kê đầy đủ những thiết bị chống cháy trên tàu.	Đánh giá trong quá trình tham gia khóa học.
		2.2. Phân biệt các loại nguồn gây cháy, nguy cơ gây cháy và sự lan truyền của lửa.	Xác định rõ các nguồn cháy trên tàu.	Trình bày cụ thể các nguồn gây cháy trên tàu.	Đánh giá trong quá trình tham gia khóa học.
		2.3. Phân loại các chất dập lửa có thể áp dụng.	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các chất dập cháy trên tàu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê, trình bày cụ thể những chất dập cháy trên tàu. 	Đánh giá trong quá trình tham gia khóa học.
		2.4. Sử dụng các trang thiết bị và dụng cụ chống cháy; phương pháp, trình tự chống cháy, phương pháp sử dụng dụng cụ thở trong chống cháy và cứu nạn.	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn đúng các dụng cụ chống cháy phù hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê, giải thích được công dụng của những dụng cụ chống cháy và thực hiện hành động chống cháy nhanh chóng và hiệu quả. 	Đánh giá trong quá trình tham gia khóa học.

Dựa vào các tiêu chí được xác định như bảng 2.2, thang đo bằng điểm số để đánh giá mỗi năng lực qua bồi dưỡng được xây dựng.

2.5. Khung lý thuyết về bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản.

2.5.1. Tầm quan trọng của bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản.

Theo các nhà giáo dục thì bước sang thế kỷ XXI, nhân loại đang đứng trước những cơ hội và thách thức chưa từng có, lúc này kiến thức, kỹ năng công nghệ, khả năng sản xuất phát triển với tốc độ nhanh chóng. Để khai thác các cơ hội và thách thức này thì phải phát triển giáo dục và một xu thế phát triển giáo dục Việt Nam đó là nền giáo dục phải là nền giáo dục đại chúng và suốt đời; đó là hệ thống xã hội học tập, dựa trên bốn trụ cột của giáo dục: học để biết, học để làm, học để chung sống với nhau và học để làm người (Vũ & Trần, 2003).

Chính vì vậy, việc bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản vừa là đòi hỏi chủ quan của mỗi người lao động đánh bắt hải sản vừa là đòi hỏi khách quan trong việc đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển trong giai đoạn hiện nay; xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời.

Để giải quyết những vấn đề trên, nhất là vấn đề bồi dưỡng nguồn nhân lực biển chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm, chú trọng và xem là khâu đột phá quyết định thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Ngay từ Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã xác định là cần tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục... đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng những hình thức giáo dục chính quy và không chính quy... thực hiện giáo dục cho mọi người, cả nước thành một xã hội học tập (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006).

Tiếp đó, Nghị quyết hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030,

tầm nhìn đến năm 2045 cũng đã xác định phải tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, kiến thức, hiểu biết về biển, đại dương, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai, phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao phù hợp với nhu cầu thị trường (Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, 2018).

Xuyên suốt tinh thần chỉ đạo đó, tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng xác định phải thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác hải sản xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2022).

Trong những năm gần đây, việc đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển giáo dục cho người lớn nói chung, người lao động đánh bắt hải sản nói riêng tiếp tục được xác định, đó là đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích phát triển các hình thức dạy nghề, dạy nghề tại doanh nghiệp, dạy nghề tại làng nghề, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học nghề, lập nghiệp. Tổ chức dạy nghề, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ sản xuất phù hợp cho nông dân, chuyển dân mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, xây dựng và phát triển hệ thống học tập cho mọi người và những hình thức học tập, thực hành linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên; tạo nhiều khả năng, cơ hội khác nhau cho người học, đảm bảo sự công bằng xã hội trong giáo dục.

Từ những quan điểm chỉ đạo trên, trong những năm qua nhiều hình thức tổ chức học tập cho người lao động đánh bắt hải sản đã triển khai trong thực tiễn, các cơ sở đào tạo đã đa dạng hóa nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng linh hoạt, hình thức bồi dưỡng đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu học tập nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản.

Tóm lại, xét trên phương diện lý luận và thực tiễn, đã cho thấy đủ cơ sở khoa học để xây dựng và phát triển năng lực nghề nghiệp nói chung, năng lực thực hành an toàn trên tàu cá nói riêng cho người lao động đánh bắt hải sản, tạo điều kiện và cơ hội bình đẳng họ trong học tập.

2.5.2. Đặc điểm học tập của người lao động đánh bắt hải sản

Hiện nay, hầu hết người lao động đánh bắt hải sản là người trưởng thành (người lớn), ít nhiều đã có kiến thức và kinh nghiệm trong công việc. Vì vậy, đặc điểm học tập của người lao động đánh bắt hải sản có những đặc điểm chung và riêng biệt như sau:

2.5.2.1. Đặc điểm chung về học tập của người lớn

Theo các nhà nghiên cứu thì việc học tập của người lớn nói chung, người lao động đánh bắt hải sản nói riêng thường có những đặc điểm học tập như sau:

Người lớn khi đi học thường là tự giác hơn là thúc ép từ bên ngoài, chịu tác động lớn từ những khóa học trước, muốn được sự hướng dẫn là chính chứ không phải là điểm số và đặc biệt có ít thời gian đi học (Nguyễn, 2017).

Tổng hợp và phân tích quan điểm của Phạm Quang Vinh và Nguyễn Thị Phương Loan về đặc điểm học tập của người lớn theo phương diện từ vị thế và vai trò của người lớn, tác giả Võ Thị Ngọc Lan đã đưa ra đặc điểm chung học tập của người lớn bao gồm: Học tập là một quá trình tích cực; Học tập mang tính cá nhân; Học tập hoàn toàn mang tính tự nguyện và không thụ động; Học tập xảy ra để đáp ứng một nhu cầu của người học; Học tập có động cơ, nhu cầu và đặc điểm hoàn toàn khác so với trẻ em; Học tập chỉ là thứ yếu so với hoạt động lao động kiếm sống, chăm sóc gia đình và nuôi dạy con cái; Học tập có tính mục đích rõ ràng, cụ thể và có tính thực dụng cao; Học tập theo mức độ tiếp thu kiến thức và kỹ năng cũng như thái độ đối với việc học tập là khác nhau (Võ, 2024).

2.5.2.2. Một số đặc điểm riêng của người lao động đánh bắt hải sản ảnh hưởng đến việc học tập.

Bên cạnh những đặc điểm chung về học tập của người lớn như đã nêu trên, còn có những đặc điểm riêng của người lao động đánh bắt hải sản ảnh hưởng đến việc học tập như sau:

Người lao động đánh bắt hải sản có động cơ, nhu cầu và đặc điểm học tập hoàn toàn khác với học sinh. Việc tổ chức học tập cho người lao động đánh bắt hải sản phải có tính mục đích rõ ràng, cụ thể và có tính thực dụng cao. Họ muốn học tập

những kỹ năng, kiến thức cần thiết để nâng cao năng lực cá nhân, năng lực nghề nghiệp nhằm cải thiện chất lượng công việc của bản thân.

Việc học tập của người lao động đánh bắt hải sản mang tính tự nguyện. Họ chỉ thực sự tham gia học tập khi nào họ cảm thấy cần thiết, họ luôn so sánh đối chiếu những điều học được, nghe được với những hiểu biết, kinh nghiệm đã có của bản thân trong thực tiễn, kết hợp giữa lí thuyết và thực tế. Bên cạnh đó tính trì trệ, bảo thủ trong kinh nghiệm là cản trở tâm lí ngại học của họ.

Người lao động đánh bắt hải sản ít nhiều có vốn hiểu biết, kinh nghiệm và trải nghiệm nghề nghiệp. Vì vậy, trong quá trình học tập những “vốn sống” này giúp cho quá trình nhận thức của họ nhanh hơn, dễ dàng hơn và nhớ lâu hơn so với học sinh, sinh viên.

Bên cạnh đó, khi xem xét dưới góc độ học vấn, điều kiện, động cơ và nhu cầu thì đặc điểm riêng của người lao động đánh bắt hải sản được biểu hiện:

- *Về trình độ học vấn*: Hầu hết người lao động đánh bắt hải sản có trình độ văn hóa thấp nên khả năng tiếp thu sẽ có phần hạn chế. Tuy nhiên, đa số người lao động đánh bắt hải sản có kinh nghiệm sống và kinh nghiệm trong nghề nghiệp (Lê, 2011), kinh nghiệm này có ý nghĩa rất cao trong quá trình học tập, giúp người lao động đánh bắt hải sản tiếp thu kiến thức, kỹ năng nhanh hơn nhưng cũng là rào cản khi họ tiếp cận kiến thức mới nếu họ cứ làm theo kinh nghiệm.

- *Về điều kiện tham gia bồi dưỡng*: Người lao động đánh bắt hải sản thường làm việc trên tàu với thời gian dài, đặc biệt là các tàu đánh bắt xa bờ, thời gian đánh bắt trên biển khá dài, trung bình từ 15 ngày đến 30 ngày (Lê, 2011) nên việc triển khai tổ chức cũng bị gặp khó khăn do người lao động đánh bắt hải sản không có thời gian tham gia.

- *Về động cơ và nhu cầu bồi dưỡng*: Người lao động đánh bắt hải sản có nhu cầu học tập để nâng cao trình độ nhưng là học tập những gì thiết thực, có giá trị thực tiễn trong hoạt động đánh bắt hải sản, có thể áp dụng kiến thức, kỹ năng vừa học ngay vào công việc đang làm. Động cơ đi học của người lao động đánh bắt hải sản là học nhằm thực hiện tốt công việc đánh bắt hải sản, tăng thu nhập.

Tóm lại, người lao động đánh bắt hải sản có những đặc điểm riêng biệt, có những khó khăn nhất định. Vì vậy trong quá trình tổ chức bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ngoài áp dụng những nguyên tắc chung về bồi dưỡng cho người lớn cần chú ý đến những đặc điểm riêng nêu trên để giúp cho người học phát huy những điểm mạnh của mình và khắc phục những khó khăn, từ đó phát triển được năng lực của họ.

2.5.3. Các thành tố cơ bản của quá trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản

Con đường hoàn thiện năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản có thể thông qua thực tế quá trình hoạt động nghề nghiệp hoặc thông qua quá trình bồi dưỡng nghề nghiệp. Tuy nhiên, với đặc điểm hoạt động nghề nghiệp, trình độ tay nghề cũng như tình hình phức tạp khi đánh bắt hải sản trên biển hiện nay thì con đường hoàn thiện năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản thích hợp nhất chính là con đường tổ chức bồi dưỡng.

Xét trên phương diện giáo dục, bồi dưỡng cũng là một quá trình dạy học, nên quá trình bồi dưỡng, ngoài thành tố người dạy với vai trò là người chủ động trong tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ người học và người học (người lao động đánh bắt hải sản với những đặc điểm được trình bày ở 2.5.2.2), các thành tố cơ bản trong bồi dưỡng như sau:

2.5.3.1. Mục tiêu bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản

Mục tiêu bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản chính là sự mô tả những gì người người lao động đánh bắt hải sản sẽ đạt được sau bồi dưỡng, hay nói cách khác là thông qua chương trình bồi dưỡng sẽ hình thành và phát triển ở người lao động đánh bắt hải sản những năng lực gì, mức độ năng lực đó như thế nào. Mục tiêu bồi dưỡng sẽ định hướng toàn bộ quá trình bồi dưỡng, làm nền tảng cho việc xây dựng nội dung bồi dưỡng, phương pháp bồi dưỡng và hình thức bồi dưỡng và làm cơ sở để đánh giá kết quả bồi dưỡng.

Với đặc điểm học tập của người lao động đánh bắt hải sản là những người có kinh nghiệm, có năng lực thực hành an toàn trên tàu cá ở mức độ nhất định nào đó trước khi bồi dưỡng. Vì vậy, mục tiêu bồi dưỡng chính là phát triển năng lực này lên cao hơn hoặc cập nhật, bổ sung những năng lực thành phần còn thiếu theo yêu cầu công việc phòng chống TNTT trên biển.

Mục tiêu chung bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản được xác định như sau:

- Cung cấp và mở rộng kiến thức, kinh nghiệm cho người lao động đánh bắt hải sản các tình huống dễ gây tai nạn thương tích, giúp người lao động đánh bắt hải sản nhận diện chính xác các tình huống nguy hiểm cũng như cách thức ứng phó an toàn, hợp lý trong những tình huống nguy hiểm, bảo đảm an toàn cho bản thân và các thành viên trên tàu.

Mục tiêu cụ thể, ngoài mục tiêu về thái độ (hiện nay là mục tiêu tự chủ và trách nhiệm), mục tiêu về kiến thức và kỹ năng trong bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản được xác định như sau:

- Củng cố và phát triển năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển;
- Củng cố và phát triển năng lực xử lý khi bị thủng tàu;
- Củng cố và phát triển năng lực xử lý khi có cháy trên tàu;
- Củng cố và phát triển năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích;
- Củng cố và phát triển năng lực sống sót trên biển khi rời tàu;
- Củng cố và phát triển năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển;
- Củng cố và phát triển năng lực phòng tránh mất liên lạc.

Khi các mục tiêu bồi dưỡng trên được thực hiện sẽ giúp cho người lao động đánh bắt hải sản phát triển được năng lực thực hành an toàn trên tàu cá.

2.5.3.2. Nội dung bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản.

Nội dung bồi dưỡng là yếu tố phản ánh mục tiêu bồi dưỡng. Với đặc điểm học tập của người lao động đánh bắt hải sản là học để giải quyết những vấn đề cụ thể, thiết thực phục vụ công việc của họ nên nội dung bồi dưỡng phải linh hoạt, gắn với nhu cầu và thực tiễn với công việc phòng chống TNTT trên biển.

Việc xây dựng nội dung bồi dưỡng theo cấu trúc mô đun là phù hợp nhất đối với công tác bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản. Các mô đun bồi dưỡng tuy độc lập nhưng có sự gắn bó chặt, được sắp xếp một cách logic với nhau để tạo thành một chỉnh thể thống nhất, hoàn chỉnh cho toàn bộ chương trình bồi dưỡng. Trên cơ sở nội dung bồi dưỡng sẽ lựa chọn phương pháp bồi dưỡng và hình thức bồi dưỡng cho phù hợp nhằm đáp ứng mục tiêu bồi dưỡng.

Việc xây dựng nội dung bồi dưỡng phải được thực hiện bảo đảm theo định hướng đáp ứng được nhu cầu của người học. Tuy nhiên, người lao động đánh bắt hải sản có hạn chế là khó tham gia khóa học với thời gian dài nên nội dung bồi dưỡng được thiết kế theo cấu trúc mô đun với thời gian bồi dưỡng ngắn là phù hợp. Căn cứ vào khung năng lực thực hành an toàn trên tàu cá, nội dung bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản bao gồm: Xử lý tình huống nguy hiểm khi có người rơi xuống biển; Xử lý tình huống nguy hiểm khi bị thủng tàu; Xử lý tình huống nguy hiểm khi có cháy trên tàu; Sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích; Sóng sót trên biển khi rời tàu; Phát hiện và theo dõi bão trên biển; Phòng tránh mất liên lạc.

Để phù hợp với đặc điểm học tập của người lao động đánh bắt hải sản là học những gì cần áp dụng được ngay trong quá trình làm việc nên mỗi mô đun trong chương trình bồi dưỡng sẽ dành trên 70% thời gian thực hành, không nặng về lý thuyết. Các mô đun bồi dưỡng trong nội dung bồi dưỡng có tính độc lập tương đối nhằm tạo điều kiện cho người lao động đánh bắt hải sản có thể lựa chọn một hoặc nhiều mô đun để tham gia. Ngoài ra, do mỗi mô đun là một sự tích hợp trọn vẹn nên sau bồi dưỡng, người lao động đánh bắt hải sản sẽ phát triển được kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp tương ứng với mô đun được bồi dưỡng.

2.5.3.3. Phương pháp và phương tiện bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản

Phương pháp bồi dưỡng được hiểu tổng hợp các cách thức làm việc của giáo viên và người học trong quá trình thực hiện bồi dưỡng. Ở đây, giáo viên giữ vai trò

chủ đạo, học sinh giữ vai trò tích cực, chủ động chiếm lĩnh kiến thức kỹ năng và thái độ của bài học (Nguyễn & Hoàng, 2013).

Đối với người lao động đánh bắt hải sản thì đây là những người trưởng thành (người lớn) nên phương pháp bồi dưỡng cũng khác với phương pháp bồi dưỡng cho các đối tượng khác như trẻ em hoặc lứa tuổi vị thành niên đó là phương pháp đào tạo người lớn.

Các phương pháp bồi dưỡng có thể được giáo viên sử dụng trong quá trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cho người lao động đánh bắt hải sản bao gồm:

Phương pháp thuyết trình: Phương pháp này được sử dụng với mục đích cung cấp cho người lao động đánh bắt hải sản những kiến thức về hoạt động thực hành an toàn trên tàu cá. Để đạt được hiệu quả truyền đạt cao nhất thì cần có sự trợ giúp của các dụng cụ trực quan sinh động, hấp dẫn như tranh ảnh minh họa, sơ đồ, bảng biểu, hoặc những thước phim về những hành động mẫu cụ thể về việc thực hành an toàn trên tàu cá. Việc sử dụng các phương tiện trực quan sẽ tạo ấn tượng mạnh đối với người học, kích thích người học hứng thú học tập, từ đó sẽ ghi nhớ kiến thức lâu hơn.

Phương pháp thực hành: Mục đích của phương pháp này là không đi sâu vào lý luận, phát huy kinh nghiệm của người học đối với từng chủ đề, mà chú trọng vào năng lực thực hiện của người học sao cho sau bồi dưỡng người học biết được, làm được và có thái độ nghề nghiệp đúng về nội dung được bồi dưỡng. Theo đó, giáo viên chú trọng phần thực hành, dạy học viên các kỹ năng (biểu hiện của năng lực) thông qua các bài tập tình huống trên thực tế của quá trình thực hành an toàn trên tàu cá. Các phương tiện cần thiết để vận dụng phương pháp này là những các trang thiết bị, máy móc trong tình trạng sử dụng, kể đến là video,... phù hợp với nội dung bồi dưỡng đã được xác định.

Phương pháp thảo luận nhóm: Phương pháp này được vận dụng với mục đích tạo cơ hội cho người lao động đánh bắt hải sản được chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân với bạn bè trong nhóm về những vấn đề có liên quan đến hoạt động thực hành an toàn trên tàu cá, từ đó giúp người học mở rộng kiến

thức, chủ động trong việc lựa chọn giải pháp ứng phó với những tình huống phù hợp và có hiệu quả hơn. Những thông tin được thu thập trên Internet, kinh nghiệm truyền miệng trong ngư dân,... là những phương tiện được giáo viên và học viên sử dụng.

Phương pháp tạo tình huống: Phương pháp tạo tình huống có mục đích tạo điều kiện cho người lao động đánh bắt hải sản có cơ hội luyện tập những kỹ năng thực hiện những tình huống nguy hiểm giả định. Cụ thể, tình huống cháy ở khoang cabin của tàu cá, tình huống ngư dân trượt sàn, rơi xuống biển.

Trong quá trình bồi dưỡng người lao động đánh bắt hải sản, cùng một nội dung, nhưng người học có thể lĩnh hội bằng hệ thống các cách thức phương pháp khác nhau nên phải lựa chọn phương pháp bồi dưỡng phải có tính linh hoạt, phù hợp với đối tượng bồi dưỡng. Bên cạnh đó, mỗi phương pháp bồi dưỡng phải dựa trên các yếu tố gồm: mục tiêu bồi dưỡng, nội dung bồi dưỡng, phương pháp và phương tiện, hình thức bồi dưỡng, trong đó vai trò của người thầy là người tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ người học tiến hành hoạt động học, người học là chủ thể tích cực của quá trình bồi dưỡng.

2.5.3.4. Hình thức bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản

Hình thức đảm bảo cho việc tổ chức hoạt động của giáo viên và học viên được xác định bởi những điều kiện thực tế của quá trình dạy học, trong đó giáo viên đóng vai trò tổ chức chỉ đạo, điều hành; học viên tự tổ chức, tự vận động, tự điều khiển để nhận thức được những nội dung học tập theo mục tiêu đề ra (Nguyễn, 2011).

Với đặc điểm học tập của người lao động đánh bắt hải sản việc bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cần phải tổ chức bồi dưỡng thường xuyên với nhiều hình thức khác nhau. Tùy vào thành phần, số lượng người lao động đánh bắt hải sản đăng ký học, tùy vào thời gian và địa điểm tổ chức bồi dưỡng và điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động bồi dưỡng để tổ chức bồi dưỡng. Một số hình thức bồi dưỡng có thể áp dụng như sau:

- *Bồi dưỡng trực tiếp*: Là hình thức bồi dưỡng phổ biến hiện nay, tổ chức thành những khóa học nhằm bồi dưỡng những mô đun có trong chương trình bồi dưỡng. Hình thức bồi dưỡng tập trung này có thể tổ chức tại cơ sở bồi dưỡng, tại địa phương nơi có đông người lao động đánh bắt hải sản sinh sống.

- *Bồi dưỡng trực tiếp kết hợp với trực tuyến*: Học viên học lý thuyết thông qua hình thức trực tuyến, thông qua mạng internet, người học và giáo viên sử dụng các ứng dụng học tập trên internet để tổ chức bồi dưỡng phần lý thuyết, riêng phần thực hành sẽ theo hình thức trực tiếp.

- *Bồi dưỡng thông qua sinh hoạt nghiệp đoàn nghề cá, thông qua các hội nghị, hội thảo*: Là hình thức bồi dưỡng thông qua các đợt sinh hoạt của nghiệp đoàn nghề cá, thông qua các hội nghị, hội thảo với những chủ đề có liên quan đến an toàn trên biển. Người lao động đánh bắt hải sản được các chuyên gia báo cáo những kết quả nghiên cứu, họ có cơ hội trao đổi, thảo luận với các chuyên gia, các nhà khoa học, các nhà quản lý về lĩnh vực đánh bắt hải sản. Từ đó, họ tự rút ra những kinh nghiệm trong quá trình thực hiện công việc hoặc mở rộng những kiến thức, kỹ năng mới nhằm nâng cao được nhận thức về hoạt động thực hành an toàn trên tàu cá, có khả năng vận dụng vào thực tế công việc của mình.

- *Tự bồi dưỡng*

Đây là hình thức tự học của người lao động đánh bắt hải sản, hình thức bồi dưỡng tập trung, trực tiếp chỉ đáp ứng phần nào những kiến thức, kỹ năng cấp thiết. Xuyên suốt quá trình học tập nâng cao trình độ nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản vẫn phải có hình thức tự bồi dưỡng, tự học tập suốt đời của mỗi người lao động đánh bắt hải sản. Người lao động đánh bắt hải sản tự quản lý, tự kiểm tra, tự đánh giá kết quả tự bồi dưỡng của mình, giáo viên gián tiếp hướng dẫn người lao động đánh bắt hải sản học tự xây dựng cho mình kế hoạch học tập và thực hiện kế hoạch học tập sao cho phù hợp với điều kiện công việc, thời gian học tập.

Tóm lại, việc hình thành năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản thông qua nhiều hình thức bồi dưỡng khác nhau tùy thuộc vào mỗi điều kiện cụ thể. Việc lựa chọn hình thức tổ chức bồi dưỡng nào cũng cần căn cứ vào nội dung, mục tiêu bồi dưỡng, làm sao để người lao động đánh bắt hải

sản cảm thấy thuận lợi trong quá trình bồi dưỡng, từ đó tiếp cận được với chương trình bồi dưỡng.

2.5.3.5. Kiểm tra, đánh giá kết quả bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản.

Kiểm tra, đánh giá trong đào tạo nghề là so sánh, đối chiếu các năng lực thực hiện thực tế đạt được ở học sinh với các kết quả mong đợi đã xác định trong chuẩn đầu ra hay mục tiêu đào tạo theo tiêu chuẩn năng lực thực hiện (Nguyễn & Hoàng, 2013).

Hình thức đánh giá bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản có thể thực hiện theo hình thức đánh giá như sau:

Đánh giá chẩn đoán (đánh giá đầu vào) để xác định năng lực thực hành an toàn thực hành trên tàu cá lúc chưa bồi dưỡng.

Đánh giá thường xuyên trong quá trình bồi dưỡng để kịp thời điều chỉnh hoạt động bồi dưỡng.

Đánh giá tổng kết là đánh giá kết quả học tập của người lao động đánh bắt hải sản sau bồi dưỡng, xác định mức độ năng lực đạt được sau bồi dưỡng từ đó đánh giá được hiệu quả của khóa bồi dưỡng, tìm ra những hạn chế của khóa bồi dưỡng để khắc phục cho những lần bồi dưỡng tiếp theo.

Vì là chương trình ngắn hạn, chú trọng đến thực hành nên các phương pháp kiểm tra, đánh giá có thể sử dụng trong bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản phải tập trung chủ yếu vào phương pháp kiểm tra đánh thực hành thường xuyên và tổng kết. Kết quả học tập thể hiện thông qua điểm số, từ đó xác định đạt hay không đạt năng lực đã bồi dưỡng. Việc đánh giá này phải do giáo viên trực tiếp bồi dưỡng đánh giá trong quá trình tổ chức bồi dưỡng để biết người học đạt được tới mức nào, học tốt nội dung nào, chưa tốt nội dung nào, cần học thêm, học lại cái gì để từ đó có thể điều chỉnh, thay đổi phương pháp, hình thức tổ chức bồi dưỡng nhằm đạt kết quả cao nhất quá trình bồi dưỡng.

Theo tiếp cận năng lực thực hiện, đánh giá kết quả học tập không chú trọng vào kiến thức mà người học tích lũy được mà chú trọng vào khả năng vận dụng kiến

thức, kỹ năng trong những tình huống giải quyết vấn đề công việc cụ thể về phòng chống TNTT trên biển từ đó hình thành và phát triển các năng lực ở người học.

Tiêu chí đánh giá là thước đo mức độ năng lực của người lao động đánh bắt hải sản sau quá trình bồi dưỡng, tiêu chí đánh giá và bộ công cụ đánh giá phải dựa trên mục tiêu của chương trình bồi dưỡng để đánh giá kết quả học tập của người học. Tiêu chí đánh giá và bộ công cụ đánh giá bắt buộc phải dựa trên chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ đã xác định để xây dựng.

Sau khi triển khai thực hiện chương trình bồi dưỡng, để có cơ sở đánh giá, điều chỉnh và hoàn thiện chương trình cần phải lấy ý kiến đánh giá của các đối tượng tham gia quá trình bồi dưỡng và các chuyên gia để điều chỉnh mục tiêu và nội dung chương trình bồi dưỡng.

Tóm lại, đánh giá là khâu cần thiết, quan trọng đối với quá trình bồi dưỡng, nếu thiếu nó thì quá trình dạy học không hoàn tất. Kết quả đánh giá giúp cho người học biết được sự tiến bộ của họ, tìm ra những nội dung học tập đã đạt được, nội dung học tập chưa đạt cần phải bồi dưỡng lại. Đánh giá cũng giúp cho công tác quản lý thay đổi những nội dung bồi dưỡng chưa phù hợp thông qua kết quả đánh giá của từng người học.

2.5.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản

Trong công tác bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản chịu nhiều sự chi phối, những tác động từ bên trong và bên ngoài, dưới đây là những yếu tố ảnh hưởng cơ bản mang tính quyết định đến kết quả và hiệu quả đến công tác này.

2.5.4.1. Nhận thức và nhu cầu bồi dưỡng của người lao động đánh bắt hải sản

Nhận thức và nhu cầu bồi dưỡng của người lao động đánh bắt hải sản được xem là nhân tố quyết định đến chất lượng bồi dưỡng. Khi người lao động đánh bắt hải sản nhận thức được rằng việc tham gia đăng ký học các khóa bồi dưỡng là nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với nghề nghiệp. Từ nhận thức này người lao động đánh bắt hải sản sẽ xác định nhu cầu thực sự, tích cực hơn trong việc đăng ký tham gia học tập, tự bồi dưỡng nhằm đáp ứng yêu cầu công việc.

Với đặc điểm nghề nghiệp nên đối tượng bồi dưỡng đa số tuổi đời không đồng đều, trình độ nhận thức, kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp khác nhau nên khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết công việc thực tiễn cũng khác nhau. Với đối tượng bồi dưỡng đa dạng như vậy thì nhận thức của người học đối với nghề nghiệp, nhu cầu học tập đóng vai trò quan trọng trong việc bồi dưỡng. Khi có nhu cầu học tập, người lao động đánh bắt hải sản sẽ háng hái tham gia và sẽ hứng thú học tập, tự bồi dưỡng, điều này tác động đến quá trình bồi dưỡng. Điều này cũng tạo ra tính tích cực, tự giác, sáng tạo trong học tập, người học sẽ có ý chí tích cực học tập, khắc phục khó khăn nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động học tập.

Ngoài ra, đội ngũ lao động đánh bắt hải sản đa số có trình độ văn hóa thấp nên thái độ, động cơ phấn đấu rèn luyện năng lực thực tiễn cũng hạn chế. Thực tế, không ít người lao động đánh bắt hải sản khi hoạt động đánh bắt hải sản vẫn còn tư tưởng chủ quan, lơ là về công tác bồi dưỡng nghề nghiệp. Do cuộc sống của đa số người lao động còn khó khăn nên họ chủ yếu tập trung làm việc để kiếm thu nhập nên ít quan tâm đến việc đầu tư cho việc học tập. Một số, người lao động còn ngại học, ngại đến lớp, chỉ học qua thực tế quá trình làm việc và cho rằng như thế là đủ, không cần học nữa, nên đã có nhiều tai nạn, thương tích xảy ra trên biển do sự chủ quan của người lao động. Chính những điều này đã đặt ra yêu cầu cần phải hướng vào việc hình thành và phát triển năng lực cho người lao động đánh bắt hải sản thông qua hoạt động bồi dưỡng.

2.5.4.2. Trình độ giáo viên và các chính sách quản lý liên quan đến bồi dưỡng

Bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản có những đặc điểm khác biệt so với bồi dưỡng các đối tượng khác ở chỗ là tính đa dạng của lớp học. Vì vậy, giáo viên tham gia bồi dưỡng ngoài việc phải là người có kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm trong lĩnh vực bồi dưỡng, không nên lựa chọn giáo viên chưa kinh qua công tác về hoạt động đánh bắt hải sản. Điều này sẽ ảnh hưởng đến chất lượng của quá trình bồi dưỡng vì khi giáo viên có kiến thức, kinh nghiệm sẽ truyền đạt tốt đến với học viên, chỉ ra những ưu, nhược điểm trong quá trình thực tế thực hiện công việc. Nhờ vậy, sẽ góp phần đạt mục tiêu bồi dưỡng là hình thành và phát triển năng lực cho người lao động đánh bắt hải sản.

Bên cạnh đó, khi triển khai thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam nói chung, hoạt động đánh bắt hải sản nói riêng đã gặt hái những thành công nhất định thì tình hình đánh bắt hải sản trên Biển Đông hiện nay đang xuất hiện những vấn đề phức tạp, khó lường. Vì thế, các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước được ban hành từ Trung ương đến địa phương đã thể hiện nhận thức, quan điểm của các cấp quản lý về tầm quan trọng đối với hoạt động đánh bắt hải sản trên biển, trong đó có hoạt động phòng chống tai nạn thương tích trên biển. Nhờ sự tác động của những chủ trương, chính sách này đã ảnh hưởng đến quá trình bồi dưỡng, theo đó đã thể chế hóa các vấn đề về công tác bồi dưỡng như định hướng hoạt động bồi dưỡng, phân cấp bồi dưỡng, danh mục bồi dưỡng đối với từng chức danh trên tàu,... Chính những điều này cho thấy, nếu những chủ trương, chính sách quản lý thích hợp sẽ thúc đẩy và phát triển năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản thông qua hoạt động bồi dưỡng.

2.5.4.3. Điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ bồi dưỡng

Trên nền tảng phân tích cơ sở lý luận về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản thì khi nội dung chương trình phù hợp, cơ sở vật chất tốt với đầy đủ phương trang thiết bị thực hành, học liệu, phương tiện,... sẽ phát huy được năng lực của người lao động đánh bắt hải sản, đồng thời đảm bảo được kết quả của quá trình bồi dưỡng.

Ngoài ra, nếu trong bồi dưỡng có hệ thống cơ sở vật chất tốt, nguồn học liệu phong phú và phương tiện bồi dưỡng đầy đủ và hiện đại thì giáo viên sẽ có cơ hội vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp nhằm hình thành và phát triển năng lực người học.

2.6. Khung lý thuyết về xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản

2.6.1. Các cách tiếp cận trong việc xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản

Theo các nhà nghiên cứu về giáo dục thì có các cách tiếp cận cơ bản trong xây dựng chương trình giáo dục như: tiếp cận nội dung, tiếp cận mục tiêu và cách tiếp cận phát triển (Nguyễn & cộng sự, 2004).

Tiếp cận nội dung: Với cách tiếp cận nội dung thì xem giáo dục là quá trình truyền thụ kiến thức, mục tiêu bồi dưỡng chính là nội dung kiến thức.

Ưu điểm: Theo cách tiếp cận này thì chương trình được thiết kế bao gồm khối lượng nội dung cần đào tạo, bồi dưỡng, khi xác định nội dung bồi dưỡng thì điều quan tâm trước tiên là khối lượng, mức độ kiến thức và kỹ năng cần truyền thụ cho người học, phương pháp giảng dạy của giáo viên là truyền thụ được nhiều kiến thức nhất.

Hạn chế: Tính cập nhật kém, không gặp với thị trường lao động vì thế hầu như không còn được sử dụng trong việc xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng hiện nay.

Tiếp cận mục tiêu: Với cách tiếp cận mục tiêu thì chương trình bồi dưỡng phải được xây dựng xuất phát từ mục tiêu bồi dưỡng. Dựa vào mục tiêu bồi dưỡng mới xác định nội dung bồi dưỡng. Mục tiêu bồi dưỡng phải được xây dựng rõ ràng sao cho có thể định lượng được và dùng nó làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả của quá trình bồi dưỡng.

Theo Nguyễn Văn Khôi thì tiếp cận mục tiêu trong xây dựng chương trình có những ưu điểm và nhược điểm như sau:

Ưu điểm: 1) Mục tiêu đào tạo cụ thể và chi tiết tạo ra thuận lợi cho việc đánh giá hiệu quả và chất lượng chương trình; 2) Người học và người dạy biết rõ cần phải dạy và học như thế nào để đạt mục tiêu; 3) Cho phép xác định các hình thức đánh giá kết quả học tập của người học.

Hạn chế: 1) Kết quả đầu ra phải đồng nhất trong khi đầu vào của người học có khác nhau về năng lực; 2) Người học học theo một khuôn mẫu nhất định nên không đáp ứng được nhu cầu và sở thích của mỗi người học.

Tiếp cận năng lực: Như đã trình bày ở trên thì NLNN của người lao động đánh bắt hải sản chính là khả năng thực hiện các hoạt động (công việc, nhiệm vụ) trong nghề theo tiêu chuẩn đặt ra đối với từng nhiệm vụ, công việc. Năng lực tập trung vào những gì người lao động cần có tại nơi làm việc hơn là về quá trình học tập và biểu hiện của năng lực thực hiện là sự chuyển đổi, áp dụng các kiến thức, kỹ năng vào tình huống và môi trường mới. Một cá nhân thành thạo, giỏi tay nghề là người thực hiện một nhiệm vụ cụ thể hay một chức trách cụ thể trong một khoảng thời gian xác định, có khả năng xử lý một cách có hiệu quả các sự cố bất thường trong các môi trường thực tế hay điều kiện khác (Cao, 2012).

Ưu điểm: Trong xây dựng chương trình đào tạo nghề hiện nay việc tiếp cận theo năng lực là một trong những tiếp cận được vận dụng bởi những ưu điểm như nội dung bồi dưỡng là những năng lực giải quyết các nhiệm vụ tại nơi làm việc, mỗi thành tố năng lực được xác định bởi công việc mà người lao động phải thực hiện, nội dung đào tạo không phải là hệ thống các kiến thức, kỹ năng mà là hệ thống các năng lực thực hiện nhiệm vụ, cấu trúc nội dung bồi dưỡng theo năng lực được xác định thông qua việc phân tích nghề để xác định sơ đồ cấu trúc năng lực với các thành tố năng lực của nó, cũng như các kiến thức, kỹ năng, thái độ liên quan, đây là 3 bộ phận cấu thành năng lực. Ngoài ra, địa điểm bồi dưỡng theo năng lực có thể tại cơ sở dạy nghề hoặc tại nơi làm việc.

Người lao động đánh bắt hải sản đa số là người trưởng thành (người lớn) là những người ít nhiều có kinh nghiệm trong nghề của mình. Nhưng nay cần được bồi dưỡng nghề nghiệp để nâng cao trình độ, thích ứng với yêu cầu công việc trong tình hình mới. Vì thế tiếp cận năng lực là tiếp cận phù hợp với việc xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản.

Với cách tiếp cận năng lực thì chương trình bồi dưỡng chú trọng đến lợi ích, nhu cầu của từng cá nhân người học. Chương trình bồi dưỡng theo tiếp cận năng lực xem cá nhân người học như một thực thể chủ động, độc lập suy nghĩ và quá trình

đào tạo, bồi dưỡng giúp người học phát triển được tính tự chủ, khả năng sáng tạo trong việc giải quyết vấn đề. (Nguyễn, 2010).

Hạn chế: Bên cạnh những ưu điểm như đã nói trên, tiếp cận năng lực có những hạn chế nhất định như khó thực hiện được tính hệ thống trong việc cung cấp tri thức cho người học; việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đòi hỏi phải có cơ sở vật chất kỹ thuật tương ứng. Tuy nhiên, phương thức đào tạo, bồi dưỡng này rất phù hợp với các lớp dạy nghề ngắn hạn (Nguyễn, 2010).

Như vậy, với mỗi cách tiếp cận thì có những đặc điểm, ưu điểm, hạn chế của nó. Nếu như cách tiếp cận nội dung chỉ coi giáo dục là quá trình truyền thụ nội dung và hầu như không còn được áp dụng trong xây dựng chương trình thì tiếp cận tiếp cận mục tiêu thì chương trình đào tạo, bồi dưỡng phải được xuất phát từ mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng, tuy nhiên tiếp cận mục tiêu có hạn chế là quan tâm nhiều đến việc người học có đạt được mục tiêu sau khi học không mà không quan tâm đến quá trình đào tạo, bồi dưỡng. Trong khi đó, cách tiếp cận năng lực gắn với quan điểm lấy người học làm trung tâm, chú trọng đến quá trình dạy học, nhấn mạnh đến những năng lực gì người học có thể làm được sau khi học. Vai trò của giáo viên lúc này trở thành người hướng dẫn người học tìm kiếm thông tin, gợi mở giải quyết vấn đề, tạo cho người học có điều kiện thời gian thực hành, tự phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo với sự tư vấn của giáo viên.

Với những ưu điểm vượt trội như phân tích ở trên, dựa vào đặc điểm học tập của người lao động đánh bắt hải sản, cách tiếp cận năng lực trong xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được lựa chọn bởi tính ưu việt của nó.

2.6.2. Chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản theo tiếp cận năng lực

2.6.2.1. Đặc điểm của chương trình bồi dưỡng

Theo người nghiên cứu, lựa chọn tiếp cận năng lực trong xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn cho người lao động đánh bắt hải sản là phù hợp bởi tính ưu việt của nó, người lao động đánh bắt được bồi dưỡng có hệ thống và có khả năng thích ứng với nhiệm vụ công việc thực hành an toàn trên tàu

cá, đáp ứng nhu cầu của người học. Chính vì vậy, chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá thỏa mãn những đặc điểm sau đây:

- Chương trình bồi dưỡng được xây dựng dựa trên kết quả phân tích nghề. Các NL mà người lao động đánh bắt hải sản sẽ tiếp thu trong quá trình bồi dưỡng phải được xác định từ việc phân tích nghề một cách nghiêm ngặt, chính xác và đầy đủ bằng phương pháp phân tích nghề DACUM kết hợp với phương pháp chuyên gia. Việc phân tích nghề thực chất là xác định được mô hình hoạt động của người lao động đánh bắt hải sản bao gồm những nhiệm vụ và những công việc mà người lao động phải thực hiện trong lao động nghề nghiệp. Để thực hiện được những nhiệm vụ, công việc đó có kết quả như mong đợi, người lao động đánh bắt hải sản phải có những năng lực tương ứng.

- Các năng lực thành phần trong khung năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản được trình bày dưới dạng các công việc thực hành mà những người thực hành nghề thực tế phải làm và dưới dạng các hành vi về nhận thức (kiến thức) và về thái độ liên quan đến nghề. Các năng lực này được công bố cho người học trước khi được bồi dưỡng.

- Chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản hướng tới giải quyết các vấn đề thông qua các mô đun bồi dưỡng, trong mỗi mô đun bồi dưỡng gồm các bài học, là tình huống học tập hướng đến giải quyết các tình huống các công việc thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản. Chương trình thiết kế theo mô đun nên mềm dẻo, linh hoạt, dễ lắp ghép, người học có thể lựa chọn phù hợp với khả năng và điều kiện của mình để tham gia học.

Theo Nguyễn Văn Khôi, cần lưu ý và khuyến khích kinh nghiệm sẵn có của người học thông qua việc kiểm tra đầu vào và suốt quá trình học để tạo ra nội dung không thừa, không thiếu, khi xây dựng chương trình phải tính đến trình độ và điều kiện của người học. Thời lượng chương trình bồi dưỡng là tổng thể thời gian bồi dưỡng các năng lực, phương pháp dạy học chủ yếu là thực hành. (Nguyễn, 2010).

2.6.2.2. Nội dung chương trình bồi dưỡng

Theo tiếp cận năng lực kết hợp với đặc điểm học tập của người lao động đánh bắt hải sản thì nội dung chương trình bồi dưỡng sẽ có cấu trúc gọn nhẹ bởi hoạt động bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản chủ yếu là cập nhật, nâng cao thêm kiến thức mới từ đó người lao động đánh bắt hải sản hoàn thiện thêm năng lực nghề nghiệp của mình.

Chính vì vậy, cấu trúc của nội dung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá là những mô đun. Mỗi năng lực tương ứng với một mô đun học tập, nội dung chương trình bồi dưỡng sẽ cấu trúc từ một hay một số lượng nhất định các mô đun.

Chương trình đào tạo có cấu trúc mô đun (CTM) được xây dựng trên phương pháp luận của đào tạo theo năng lực thực hiện, các năng lực thực hiện phải được thể hiện qua các kỹ năng có thể quan sát được, đo, đếm và mô tả được theo chuẩn thực hiện. Thành phần học tập nhằm tạo ra các kỹ năng thực hiện gọi là các đơn nguyên học tập, mỗi mô đun gồm nhiều đơn nguyên học tập. Đơn nguyên học tập được hình thành trên cơ sở phân tích các nhiệm vụ nghề thành các kỹ năng thực hiện.

Tóm lại, với những lý thuyết đã phân tích trên thì nội dung chương trình bồi dưỡng được thiết kế theo kiểu mô đun, mỗi mô đun học tập tương ứng với mỗi năng lực nghề nghiệp, tạo điều kiện cho việc tổ chức bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng.

2.6.2.3. Quy trình xây dựng chương trình bồi dưỡng theo tiếp cận năng lực

Như đã trình bày ở trên, đào tạo theo năng lực thực hiện phải được triển khai theo chương trình đào tạo có cấu trúc mô đun. Mỗi mô đun hướng tới 1 nhiệm vụ, chương trình cần cấu trúc từ một hoặc nhiều mô đun. Theo nghiên cứu của Nguyễn Văn Khôi thì các NLTH được xây dựng trên cơ sở phân tích toàn bộ công việc trong quy trình công nghệ hoặc quy trình lao động. Trên cơ sở đó thiết kế nội dung đào tạo theo từng công việc theo quy trình này sao cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động trong môi quan hệ tay ba gồm: người sử dụng lao động – người đào tạo – người học (Nguyễn, 2010).

Việc xây dựng chương trình đào tạo nghề được tiến hành qua các giai đoạn như sau:

- GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ:

Nhiệm vụ của giai đoạn này là thiết kế nội dung bồi dưỡng theo từng chủ đề (đơn nguyên học tập) và mô đun, xây dựng kho tư liệu các đơn nguyên học tập theo hệ thống danh mục và mã số. Giai đoạn này bao gồm sáu bước sau:

Bước 1: Phân tích nhu cầu bồi dưỡng

Đây là bước đầu tiên cần thực hiện trong quy trình xây dựng chương trình bồi dưỡng. Bước này cần phải phân tích các yếu tố tác động đến quá trình bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản như: sự thay đổi các chính sách trong bồi dưỡng nghề nghiệp người lao động đánh bắt hải sản; yêu cầu của thị trường lao động; sự thay đổi về khoa học công nghệ trong đánh bắt hải sản; tình hình đánh bắt hải sản trên Biển Đông, từ đó xác định nhu cầu bồi dưỡng. Nhu cầu bồi dưỡng của người lao động đánh bắt hải sản là những nhu cầu về thực hành an toàn trên tàu cá mà người lao động đánh bắt hải sản chưa được bồi dưỡng hoặc đã được bồi dưỡng nhưng chưa đáp ứng yêu cầu cần phải bồi dưỡng tiếp tục.

Việc phân tích nhu cầu bồi dưỡng nhằm xác định được nội dung nào sẽ được đưa vào chương trình bồi dưỡng, chúng bao gồm: Đối tượng tham gia vào khóa học bồi dưỡng; đặc điểm của đối tượng bồi dưỡng; Nhu cầu của người lao động đánh bắt hải sản là gì; Trình độ nghề nghiệp hiện tại, kinh nghiệm, lứa tuổi, sở thích, trình độ văn hóa,... Khi kết thúc khóa bồi dưỡng, người lao động đánh bắt hải sản cần phải hoàn thành được những gì, hình thành và phát triển được những kiến thức, kỹ năng, thái độ (năng lực) như thế nào?

Tóm lại, việc phân tích nhu cầu người học để xác định các thông tin liên quan đến đặc điểm cá nhân và học tập của người lao động đánh bắt hải sản cần phải được xác định càng rõ ràng càng tốt để phục vụ cho giai đoạn tiếp theo.

Bước 2: Phân tích nghề

Đây là bước nền tảng để xây dựng nội dung, chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn cho người lao động đánh bắt hải sản. Có nhiều phương pháp

phân tích nghề, nhưng phương pháp phân tích nghề DACUM được chọn để phân tích nghề vì tính ưu việt của nó bởi vì:

- Chỉ có những người lao động đánh bắt hải sản đang làm việc trực tiếp mới có khả năng mô tả nghề của họ chính xác hơn bất kỳ ai.

- Mọi hoạt động nghề nghiệp đều có thể mô tả thành những nhiệm vụ và công việc.

- Từ các nhiệm vụ và công việc có thể xác định được những kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết để hành nghề.

Kết quả của phân tích nghề DACUM sẽ là sơ đồ phân tích nghề. Đây là cơ sở khoa học cho việc xây dựng tài liệu bồi dưỡng, lựa chọn dụng cụ, phương tiện, thiết bị giảng dạy.

Bước 3: Phân tích công việc

Đây là bước khá quan trọng, việc xác định các nhiệm vụ của một nghề có thể gọi là những mô đun của nghề. Phân tích công việc nhằm xác định:

- Các bước thực hiện của từng công việc trong sơ đồ phân tích nghề;
- Các tiêu chuẩn thực hiện của từng công việc;
- Các điều kiện cần thiết để thực hiện thành công công việc;

Sau khi phân tích các công việc sẽ được sản phẩm là các phiếu phân tích công việc. Như vậy có thể thấy, việc phân tích các bước của công việc và kỹ năng nghề sẽ giúp cho người thiết kế có được nội dung bồi dưỡng hợp lý, không bị bỏ sót những khâu trong việc hình thành những kỹ năng cần thiết.

Bước 4: Xác định các mô đun bồi dưỡng

Mục đích của việc xác định các mô đun chính là xác định tên, số lượng mô đun của nghề. Nguyên tắc xác định mô đun được xác định dựa trên cơ sở nhiệm vụ cơ bản, hoặc ghép các nhiệm vụ cơ bản gần nội dung với nhau thành một nội dung trọn vẹn và tích hợp giúp người lao động đánh bắt hải sản giải quyết được vấn đề học tập của mình.

Bước 5: Xác định các đơn nguyên học tập

Việc xác định danh mục các đơn nguyên học tập dựa trên cơ sở danh mục các kỹ năng nghề cần thiết trong bước phân tích công việc, theo nguyên tắc là mỗi

kỹ năng là một đơn nguyên học tập. Việc xác định đơn nguyên học tập cần phải đảm bảo yêu cầu: Không trùng lặp, có thể dùng chung, nội dung của đơn nguyên học tập thể hiện được yêu cầu về kiến thức, kỹ năng một cách trọn vẹn.

Mỗi đơn nguyên học tập phải được cấu trúc bởi các phần như sau:

- Mục tiêu học tập: là những gì mà người lao động đánh bắt hải sản có khả năng thực hiện được sau khi bồi dưỡng; mục tiêu học tập ngoài giúp người dạy đánh giá năng lực của người học còn giúp người học nhận biết và tự đánh giá kết quả học tập của mình.

- Danh mục các phương tiện, thiết bị phục vụ cho việc học tập;
- Danh mục các đơn nguyên học tập có liên quan;
- Tài liệu học tập;
- Các câu hỏi kiểm tra, trắc nghiệm để đánh giá kết quả học tập;
- Các đơn nguyên có liên quan.

Bước 6: Xây dựng tài liệu học tập cho mô đun

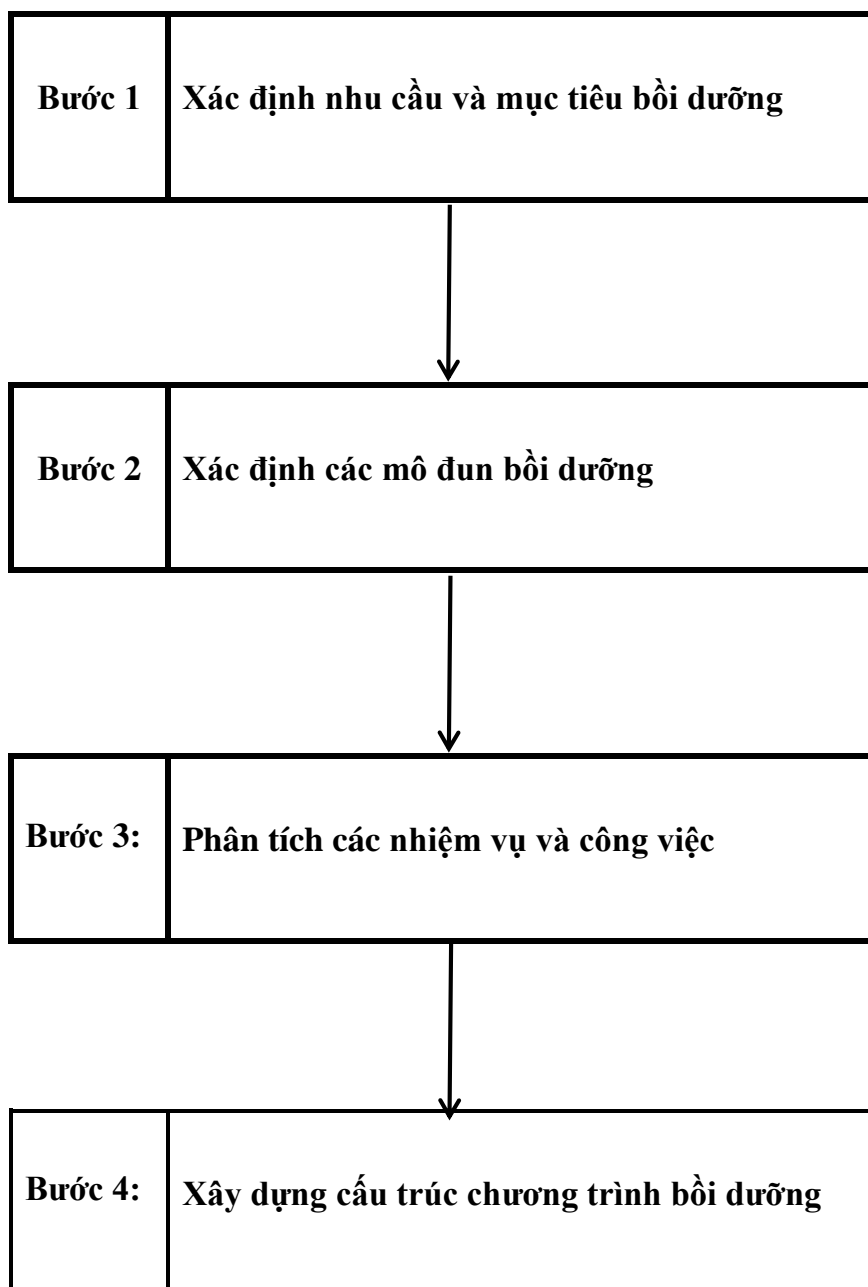
Bao gồm tài liệu hướng dẫn giáo viên, tài liệu hướng dẫn học viên, danh mục các thiết bị, vật liệu, các đơn nguyên thuộc mô đun, tài liệu về kiểm tra đánh giá trình độ, điều kiện của người học trước khi học mô đun này.

GIAI ĐOẠN ÁP DỤNG

- Chọn những NLTH cho phù hợp với nhu cầu và trình độ của người học.
- Kiểm tra, đánh giá trình độ của học viên trước khi học.
- Tiến hành quá trình bồi dưỡng.
- Đánh giá sau khi học xong mỗi mô đun (cấp chứng nhận nếu có).

Từ những lý luận về xây dựng chương trình theo tiếp cận năng lực này, có thể mô tả các bước để xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản như hình 2.3.

Hình 2.3. Quy trình xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản



KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Để xác định cơ sở lý luận về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản, trong chương 2, một số công việc đã được thực hiện như sau:

Đã luận giải một số khái niệm liên quan đến đề tài như bồi dưỡng, năng lực, năng lực nghề nghiệp, người lao động đánh bắt hải sản, bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản, bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản.

Đồng thời, đặc điểm hoạt động nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản, khung năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản đã được đề cập. Trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia và tổng hợp một số kết quả nghiên cứu về năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản, trong giới hạn nghiên cứu, khung năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản đã được đề xuất gồm 7 năng lực: Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển; Năng lực xử lý khi bị thủng tàu; Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu; Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích; Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu; Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển; Năng lực phòng tránh mất liên lạc.

Từ những cách tiếp cận phổ biến hiện nay trong việc xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động, tiếp cận năng lực trong việc xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên đã được lựa chọn là phù hợp.

Tóm lại, từ việc kế thừa những kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trước đây, trong luận án đã hệ thống hóa được cơ sở lý luận về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản. Từ kết quả nghiên cứu cơ sở lý luận có thể rút ra những kết luận sau:

Một là, việc triển khai xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá theo mô đun sẽ đáp ứng được nhu cầu cũng như yêu cầu về chất lượng bồi dưỡng nghề nghiệp trong bối cảnh hiện nay bởi tính ưu việt, linh hoạt, phù hợp với đối tượng bồi dưỡng là người lao động đánh bắt hải sản. Nội dung bồi

dưỡng là những mô đun được tích hợp giữa lý thuyết và thực hành, tính linh hoạt của mỗi mô đun sẽ giúp cho người lao động đánh bắt hải sản có cơ hội học tập suốt đời để nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp của mình.

Hai là, bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản đặc biệt chú ý đến đặc điểm học tập của người lớn và nó là một quá trình giáo dục nên cần phải thể hiện những thành tố cơ bản của quá trình bồi dưỡng, ngoài hai thành tố người dạy và người học (người lao động đánh bắt hải sản) bao gồm: mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức bồi dưỡng, kiểm tra và đánh giá kết quả bồi dưỡng.

Ba là, quá trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản chịu nhiều yếu tố ảnh hưởng. Do vậy, khi triển khai xây dựng chương trình bồi dưỡng cũng như tổ chức bồi dưỡng phải quan tâm đến mức độ tác động của các yếu tố này để đạt được mục tiêu bồi dưỡng.

Bốn là, với việc lựa chọn cách tiếp cận năng lực trong xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản. Do đó, khung lý thuyết trong việc xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản đã được xác định cần được tập trung vào: 1) Cách tiếp cận năng lực trong việc xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản; 2) Chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản theo tiếp cận năng lực và 3) Quy trình xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản theo trình tự bốn bước.

Những cơ sở lý luận về bồi dưỡng NLNN cho người lao động đánh bắt hải sản trên là căn cứ quan trọng để tiếp tục thực hiện khảo sát thực trạng ở Chương 3.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG VỀ BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC THỰC HÀNH AN TOÀN TRÊN TÀU CÁ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN Ở TỈNH PHÚ YÊN

3.1. Khái quát về nghề đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

3.1.1. Cơ cấu nghề đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Phú Yên là tỉnh thuộc vùng Duyên hải Nam Trung bộ với bờ biển dài khoảng 189 km, có ngư trường khai thác hải sản rộng lớn. Đây là những tiềm năng, thế mạnh thuận lợi trong việc phát triển nghề đánh bắt hải sản. Tuy nhiên, nghề đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên còn mang nhiều nét truyền thống, với quy mô tàu thuyền nhỏ và phương pháp đánh bắt còn lạc hậu.

Hầu hết lực lượng lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên có trình độ chuyên môn, nghề nghiệp thấp, ít được bồi dưỡng nghề nghiệp, họ chủ yếu dựa vào kinh nghiệm khi đánh bắt hải sản trên biển. Vì thế, việc tiếp thu công nghệ, kỹ thuật mới trong đánh bắt hải sản gặp nhiều khó khăn, nhất là kỹ thuật đánh bắt xa bờ. Mặc dù vậy, họ vẫn cần cù, chịu khó trong lao động sản xuất, kiên cường bám biển, hiểu biết về ngư trường và mùa vụ đánh bắt. Đối với thuyền trưởng, máy trưởng của các tàu đánh bắt hải sản thường chỉ được bồi dưỡng qua các lớp ngắn hạn nhưng không thường xuyên. Vì vậy, việc sử dụng tàu, máy, ngư cụ và các thiết bị hàng hải như định vị, dò cá còn lúng túng, hiệu quả thấp, không phát huy hết tính năng tác dụng của thiết bị. Do đặc thù của nghề đánh bắt hải sản là phải chịu đựng sóng, gió, vất vả, vì thế tỷ lệ rủi ro, nguy hiểm trong nghề nghiệp cao hơn các ngành nghề khác. Điều này đòi hỏi lao động phải có sức khỏe, có khả năng chịu đựng (Ban quản lý dự án nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững Phú Yên, 2016).

Cơ cấu nghề khai thác thủy sản của tỉnh Phú Yên phát triển khá đa dạng, với nhiều loại ngành nghề, trong đó, tập trung vào 6 nhóm nghề chính là các nghề lưới kéo, nghề lưới vây, nghề lưới rê, nghề lưới vó, nghề câu và họ nghề khác. Theo thống kê, lao động đánh bắt hải sản chiếm khoảng 62% tổng số lao động

ngành thủy sản của toàn tỉnh. Tham gia lao động đánh bắt hải sản chủ yếu là nam giới. Tính đến năm 2022, số lượng lao động đánh bắt hải sản có bằng thuyền trưởng chỉ chiếm trên 10% tổng số lao động đánh bắt hải sản toàn tỉnh, trong đó: Thuyền trưởng hạng 4 chiếm dưới 2%, thuyền trưởng hạng 5 chiếm trên 3%, thuyền trưởng hạng nhỏ chiếm 5,5%. Số lượng lao động có bằng máy trưởng cũng chiếm tỷ lệ thấp, dưới 3% trên tổng số lao động đánh bắt hải sản (UBND tỉnh Phú Yên, 2022).

3.1.2. Thực trạng về chương trình bồi dưỡng nghề nghiệp dành cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Chương trình khuyến ngư dành cho đánh bắt hải sản được tỉnh Phú Yên bắt đầu triển khai từ năm 2001 nhằm: chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, quy trình công nghệ kỹ thuật trong đánh bắt hải sản, ứng dụng quy trình công nghệ bảo quản sản phẩm đánh bắt sau thu hoạch, tập huấn kỹ thuật, nâng cao tay nghề cho người lao động đánh bắt hải sản để nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế, phát triển khai thác hải sản bền vững gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi.

Chương trình khuyến ngư đã giúp người lao động đánh bắt hải sản có điều kiện tiếp cận và ứng dụng công nghệ khai thác tiên tiến hơn, cải tiến ngư cụ để vừa nâng cao năng suất đánh bắt vừa bảo vệ nguồn lợi. Tuy nhiên các nội dung khuyến ngư còn đơn điệu, kết quả đạt được không cao. Vì vậy, sau tập huấn chương trình khuyến ngư, người lao động đánh bắt hải sản khó triển khai các ứng dụng, chương trình khuyến ngư trong đánh bắt hải sản (Ban quản lý dự án nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững Phú Yên, 2016).

Hiện nay, căn cứ đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn ban hành theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, từ năm 2015 tỉnh Phú Yên đang triển khai phê duyệt danh mục, chương trình khung và định mức chi đào tạo nghề trình độ sơ cấp nghề, dạy nghề thường xuyên (dưới 3 tháng) tại các cơ sở dạy nghề và mức hỗ trợ kèm nghề, truyền nghề tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh để đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Theo Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Phú Yên trong mục B. Nghề nông nghiệp, hệ sơ cấp bao gồm 24 nghề

trong đó có nghề “Thuyền trưởng, máy trưởng” với thời gian đào tạo 400 giờ (100 giờ lý thuyết, 280 giờ thực hành, 20 giờ kiểm tra) (UBND tỉnh Phú Yên, 2015).

Qua trao đổi với cán bộ Chi Cục Thủy sản, một số thông tin liên quan đến chương trình đào trình độ sơ cấp nghề được thu thập như sau:

Từ năm 2020 đến năm 2023, tỉnh Phú Yên đã tổ chức bồi dưỡng với 920 người tham gia. Xây dựng chương trình đào tạo cho nghề này do chính nơi bồi dưỡng thực hiện, chưa theo trình tự và tiếp cận phát triển năng lực. Việc xây dựng chương trình mang tính hình thức, trong triển khai thực hiện chương trình đào tạo chủ yếu bám theo khung chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Số lượng người lao động đánh bắt hải sản tham gia các lớp thuyền trưởng, máy trưởng và thợ máy được cấp chứng chỉ gần bằng số học viên tham đào tạo: Vào năm 2020: 668 người; năm 2021: 57 người; năm 2022: 20 người; năm 2023: 128 người (UBND tỉnh Phú Yên, 2023).

3.2. Tổ chức khảo sát

3.2.1. Mục đích khảo sát

Nhằm đánh giá thực trạng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cũng như công tác bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên hiện nay, từ đó làm cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

3.2.2. Nội dung khảo sát

Để đạt được mục đích khảo sát nêu trên, trong giới hạn phạm vi nghiên cứu, nội dung khảo sát tập trung các nội dung sau:

- Thực trạng về năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên hiện nay;
- Thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên hiện nay.

3.2.3. Địa bàn khảo sát

Để đảm bảo tính đại diện, tính khách quan và kết quả có độ tin cậy cao, địa bàn khảo sát được lựa chọn 04 địa phương ven biển tỉnh Phú Yên gồm: Thị xã Đông Hòa, Thành phố Tuy Hòa, Huyện Tuy An và Thị xã Sông Cầu. Các địa phương này là những địa phương ven biển và có đông người lao động đang trực tiếp tham gia hoạt động đánh bắt hải sản trên biển.

3.2.4. Cỡ mẫu khảo sát

Cỡ mẫu này được chọn dựa vào công thức tính mẫu theo ước lượng tổng thể khi đã biết quy mô tổng thể (Taro, 1967). Theo số liệu báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên, tính đến năm 2022, số lượng người lao động hành nghề đánh bắt hải sản toàn tỉnh Phú Yên là 25875 người (UBND tỉnh Phú Yên, 2022).

Áp dụng công thức của (Taro, 1967)

$$n = \frac{N}{1+N*e^2} (1)$$

Trong đó: n : kích thước mẫu cần xác định; N : quy mô tổng thể; e : sai số cho phép: 0,05 (độ tin cậy 95%).

Áp dụng công thức:

$$n = \frac{25875}{1 + 25.875 * 0.05^2}$$
$$n = 394$$

Như vậy, cỡ mẫu khảo sát được xác định là 394 người, dựa vào điều kiện thực tế và khả năng thực hiện và được phân tổ chức khảo sát 400 người lao động đánh bắt hải sản tại 04 địa phương ven biển tỉnh Phú Yên đã từng tham gia khóa bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở địa phương.

Việc phân bổ mẫu tại những địa bàn khảo sát như sau:

TT	Đối tượng khảo sát	Số phiếu phát ra	Số phiếu thu vào
1	Thị xã Đông Hòa	115	115
2	Thành phố Tuy Hòa	110	109
3	Huyện Tuy An	90	90
4	Thị xã Sông Cầu	85	84
Tổng		400	398

3.2.5. Phương pháp, công cụ khảo sát và thời gian khảo sát

3.2.5.1. Phương pháp, công cụ khảo sát

Người nghiên cứu sử dụng 2 phương pháp khảo sát là phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi và phương pháp phỏng vấn sâu để khảo sát thực tiễn

Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi: Sử dụng phiếu khảo sát (Phụ lục 1) để thu thập ý kiến của 400 người lao động đang hành nghề đánh bắt hải sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên (theo phân bố số mẫu ở trên).

Nội dung khảo sát tập trung vào thực trạng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá và thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

Phương pháp phỏng vấn sâu:

- **Mục đích phỏng vấn:** Để làm rõ hơn những kết quả có được từ phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi.

- **Đối tượng phỏng vấn:** Những người lao động đánh bắt hải sản có thâm niên kinh nghiệm, cán bộ quản lý tại các địa bàn nghiên cứu đã tham gia tổ chức, quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tại địa phương.

- **Nội dung phỏng vấn:** Thực trạng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản và quá trình tổ chức bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở địa phương (nội dung phiếu phỏng vấn tại Phụ lục 2 và Phụ lục 4).

- **Số lượng người phỏng vấn (cỡ mẫu):** 15 người

- **Đặc điểm cỡ mẫu phỏng vấn:**

+ Đối với cán bộ quản lý: có thâm niên quản lý tổ chức hoạt động bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản từ 5 năm trở lên.

+ Đối với người lao động đánh bắt hải sản: Có thâm niên nghề nghiệp trên 10 năm, đã từng tham gia ít nhất 01 lớp bồi dưỡng nghề nghiệp liên quan đến an toàn thực hành trên tàu cá dành cho người lao động đánh bắt hải sản.

+ Cách xử lý số liệu: Các câu trả lời được ghi chép và chọn lọc để trích dẫn; các câu trả lời phân loại theo cùng xu hướng và khác xu hướng (Phụ lục 3 và Phụ lục 5).

3.2.5.2. Thời gian khảo sát thực trạng

Thực hiện từ tháng 3/2022 đến tháng 5/2023.

3.2.5.3. Xử lý dữ liệu và cách đánh giá

Phần mềm SPSS được sử dụng để xử lý kết quả khảo sát thực trạng. Ngoài ra, những thông tin định tính được tổng hợp, giải thích để khẳng định thông tin về thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

+ Cách qui đổi điểm:

Khoảng cách giữa các thang đo là: $(4 - 3)/4 = 0,75$, cụ thể: Mức 1 (Tốt): 3,25 - 4,0; Mức 2 (Khá): 2,5 - 3,24; Mức 3 (Trung bình): 1,75 - 2,49; Mức 4 (Yếu): 1 - 1,74.

Bảng 3.1. Mức điểm tương ứng với các mức độ thực hiện

Mức độ thực hiện	Điểm	Mức độ đạt được	Điểm	Mức độ ảnh hưởng	Điểm
Rất thường xuyên hoặc Rất cần thiết	4	Tốt	4	Ảnh hưởng nhiều	4
Thường xuyên hoặc Cần thiết	3	Khá	3	Ảnh hưởng	3
Thỉnh thoảng hoặc Ít cần thiết	2	Trung bình	2	Ít ảnh hưởng	2
Không bao giờ hoặc Không cần thiết	1	Yếu	1	Không ảnh hưởng	1

3.3. Kết quả khảo sát thực trạng

3.3.1. Thực trạng về năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Tổng số phiếu khảo sát phát ra là **400** phiếu, sau khi tiến hành kiểm tra thông tin trên phiếu, kết quả thu về là **398** phiếu trả lời hợp lệ.

3.3.1.1. Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển

Bảng 3.2. Kết quả khảo sát về năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Các năng lực thành phần	Mức độ đánh giá								ĐTB
	Yếu		Trung bình		Khá		Tốt		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1) Năng lực ném phao cứu sinh cá nhân cho người bị nạn	22	5,50	127	31,90	134	33,70	115	28,90	2,86
2) Năng lực chuẩn bị các phương tiện cứu sinh cứu vớt người bị nạn	28	7,00	31	7,80	121	30,40	218	54,80	3,18
3) Năng lực di chuyển tàu ra xa người bị nạn để người bị nạn không bị hút vào chân vịt	39	9,80	155	38,90	75	18,80	129	32,40	2,74
4) Năng lực thông tin cho các lực lượng chức năng để kịp thời cứu hộ	56	14,10	80	20,10	133	33,40	129	32,40	2,84
Điểm trung bình chung (ĐTBC)									2,91

Kết quả thể hiện trong Bảng 3.2. chỉ ra rằng, “Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển” được đánh giá cao nhất, ở mức khá (**ĐTBC = 2,91**). Trong các năng lực thành phần cho thấy “Năng lực chuẩn bị các phương tiện cứu sinh cứu vớt người bị nạn.” được đánh giá cao nhất ở mức độ khá với điểm trung bình **3,18**. Điều này cho thấy, đa số người lao động đánh bắt hải sản trước mỗi chuyến biển đều chuẩn bị chu đáo cho hành trình di chuyển của mình trên biển, chuẩn bị các trang thiết bị cứu sinh để đối phó với những tình huống nguy hiểm có thể xảy ra. Các năng lực thành phần khác như “Năng lực ném phao cứu sinh cá nhân”, “Năng lực di chuyển tàu ra xa người bị nạn để người bị nạn không bị hút vào chân vịt” và

“*Năng lực thông tin cho các lực lượng chức năng để kịp thời cứu hộ*” đều được đánh giá ở mức khá.

3.3.1.2. *Năng lực xử lý khi thùng tàu*

Bảng 3.3. Kết quả khảo sát về năng lực xử lý khi bị thùng tàu của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Các năng lực thành phần	Mức độ đánh giá								ĐTB
	Yếu		Trung bình		Khá		Tốt		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1) Năng lực xác định vị trí, kích thước lỗ thùng, lưu lượng nước chảy qua lỗ thùng đó	116	29,10	97	24,60	157	39,20	28	7,00	2,24
2) Năng lực đóng kín các cửa hầm kín nước giữa các hầm thùng và những hầm kế cận	121	30,40	93	23,37	127	31,91	57	14,32	1,21
3) Năng lực dùng dụng cụ chống thấm trên tàu để bịt kín tạm thời lỗ thùng	123	30,90	98	24,62	145	36,43	32	80,4	2,22
4) Năng lực sử dụng máy bơm hút nước ra ngoài	83	20,85	124	31,16	66	16,58	125	31,41	2,59
Điểm trung bình chung									2,06

Kết quả khảo sát “*Năng lực xử lý khi bị thùng tàu*” cho thấy năng lực này được đánh giá ở mức độ trung bình với điểm trung bình chung là **2,06**. Điều này, cho thấy mỗi người lao động đánh bắt hải sản vẫn còn thiếu kiến thức, kỹ năng có liên quan đến xử lý tình huống khi tàu bị thùng, công tác kiểm tra, chuẩn bị các dụng cụ, thiết bị để đối phó với tình huống khi tàu bị thùng vẫn còn chưa cao.

3.3.1.3. Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu

Bảng 3.4. Kết quả khảo sát về năng lực xử lý khi có cháy trên tàu của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Các năng lực thành phần	Mức độ đánh giá								ĐTB
	Yếu		Trung bình		Khá		Tốt		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1) Năng lực nhận biết được vị trí các thiết bị chống cháy và các lối thoát khẩn cấp	180	45,23	80	20,10	127	31,91	11	2,76	1,92
2) Năng lực phân biệt các loại nguồn gây cháy, nguy cơ gây cháy và sự lan truyền của lửa	190	47,74	160	40,20	40	10,05	8	2,01	1,66
3) Năng lực phân loại các chất dập lửa có thể áp dụng	195	48,99	160	40,20	37	9,30	6	1,51	1,63
4) Năng lực sử dụng các trang thiết bị và dụng cụ chống cháy; phương pháp, trình tự chống cháy, phương pháp sử dụng dụng cụ thở trong chống cháy và cứu nạn	178	44,72	167	41,96	50	12,56	3	0,75	1,69
Điểm trung bình chung									1,73

Đối với “Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu” được đánh giá ở mức yếu với điểm trung bình chung là **1,73**, thấp. Điều này chứng tỏ người lao động đánh bắt hải sản không quan tâm và không chuẩn bị cho tình huống nguy hiểm này, từ những vụ việc cháy tàu đã xảy ra, thuyền trưởng và thuyền viên vẫn chưa rút kinh nghiệm, ít quan tâm và đầu tư trang thiết bị chống cháy trên tàu cũng như tham gia hoạt động của các khóa bồi dưỡng về chống cháy khi có sự cố.

3.3.1.4. Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích

Bảng 3.5. Kết quả khảo sát về năng lực sơ cứu khi có người bị thương tích của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Các năng lực thành phần	Mức độ đánh giá								ĐTB
	Yếu		Trung bình		Khá		Tốt		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1) Năng lực sử dụng dụng cụ y tế khi sơ cấp cứu ban đầu	187	46,98	165	41,46	19	4,77	27	6,78	1,71
2) Năng lực xác định vị trí tổn thương	184	46,23	170	42,71	22	5,53	22	5,53	1,70
3) Năng lực áp dụng kỹ thuật hồi sức	178	44,72	178	44,72	33	8,29	9	2,26	1,68
4) Năng lực kiểm soát chảy máu,	192	48,24	162	40,70	40	10,05	4	1,01	1,64
5) Năng lực áp dụng các biện pháp thích hợp để chống choáng.	190	47,74	165	41,46	41	10,30	2	0,50	1,64
6) Năng lực băng bó và sử dụng các công cụ trong túi cứu thương khẩn cấp.	192	48,24	162	40,70	40	10,05	4	1,01	1,64
Điểm trung bình chung									1,68

“Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích” được đánh giá ở mức yếu (**ĐTB = 1,68**). Như vậy, đánh giá người lao động đánh bắt hải sản ít được bồi dưỡng về nội dung này, hơn nữa người lao động cũng chủ yếu dựa vào kinh nghiệm sơ cứu của mình khi đánh bắt nên chủ quan không quan tâm đến vấn đề bị tai nạn thương tích trên biển cần phải có kiến thức, kỹ năng xử lý ban đầu để bảo vệ tính mạng cho bản thân.

3.3.1.5. Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu

Bảng 3.6. Kết quả khảo sát về năng lực sống sót trên biển của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Các năng lực thành phần	Mức độ đánh giá								ĐTB
	Yếu		Trung bình		Khá		Tốt		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1) Năng lực chống khát trên biển	124	31,16	92	23,12	126	31,66	56	14,07	2,29
2) Năng lực chống đói trên biển	112	28,14	100	25,13	127	31,91	59	14,82	2,33
3) Năng lực chuẩn bị phao cứu sinh hoặc các vật thể có thể nổi trên mặt nước, khả năng giữ cho cơ thể nhẹ nhàng để giữ sức lực trong thời gian chờ sự trợ giúp	72	18,09	94	23,62	128	32,16	104	26,13	2,66
Điểm trung bình chung									2,43

Đối với “Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu” được đánh giá mức trung bình với **ĐTB = 2,43**. Nguyên nhân chủ yếu là trong hoạt động này người lao động đánh bắt hải sản chủ yếu là dựa vào kinh nghiệm, các trang thiết bị khi gặp tình huống nguy hiểm ít được người lao động trang bị hoặc có trang bị cũng mang tính đối phó, chưa trở thành thói quen và yêu cầu trong nghề nghiệp của mình.

3.3.1.6. Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển

Bảng 3.7. Kết quả khảo sát về năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Các năng lực thành phần	Mức độ đánh giá								ĐTB
	Yếu		Trung bình		Khá		Tốt		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1) Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua sự thay đổi trạng thái của mặt biển	85	21,36	102	25,63	120	30,15	91	22,86	2,55
2) Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua sự thay đổi trạng thái của bầu trời	45	11,31	111	27,89	123	30,90	119	29,90	2,79
3) Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua những biểu hiện khác thường trong hoạt động sống của một số sinh vật sống xung quanh	47	11,81	115	28,89	127	31,91	109	27,39	2,75
Điểm trung bình chung									2,70

Điểm trung bình chung của “*năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển*” là 2,70, được đánh giá ở mức khá. Điều này khẳng định, hầu hết người lao động đánh bắt hải sản có khả năng nhận biết những dấu hiệu có liên quan đến bão để có thể chủ động phòng tránh, những người biết những dấu hiệu này không chỉ là thuyền trưởng mà đa số các thuyền viên đều có thể phát hiện và phân biệt những tình huống

nguy hiểm khi có bão trên biển do học từ kinh nghiệm của mình hoặc học qua người khác chỉ dẫn.

3.3.1.7. Năng lực phòng tránh mất liên lạc

Bảng 3.8. Kết quả khảo sát về năng lực phòng tránh mất liên lạc của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Các năng lực thành phần	Mức độ đánh giá								ĐTB
	Yếu		Trung bình		Khá		Tốt		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1) Năng lực sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc trên tàu phục vụ cho việc báo động cấp cứu	155	38,94	80	20,10	150	37,69	13	3,27	2,05
2) Năng lực liên lạc tới nơi cần cấp cứu để phòng tránh gián đoạn thông tin liên lạc, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động trên biển.	46	11,56	90	0,23	210	52,76	52	13,07	2,67
Điểm trung bình chung									2,36

“Năng lực phòng tránh mất liên lạc” với kết quả ĐTB = 2,36 được đánh giá ở mức trung bình, điều này chứng tỏ đa số người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên chưa có kỹ năng sử dụng các trang thiết bị thông tin liên lạc trên tàu. Hiện nay, theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nên hầu hết các tàu cá đều phải đầu tư về trang thiết bị liên lạc với đất liền, tuy có tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về vấn đề này. Tuy nhiên chủ yếu là thuyền trưởng được tập huấn còn lại đa số người lao động đánh bắt hải sản ít được tập huấn nên kỹ năng sử dụng các trang thiết bị thông tin liên lạc với đất liền, với tàu bạn và với cơ quan quản lý tàu cá chưa cao.

***) Đánh giá chung về năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên**

Bảng 3.9. Kết quả khảo sát năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

TT	Năng lực thực hành an toàn trên tàu cá	ĐTB	Thứ hạng
1	Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển	2,91	1
2	Năng lực xử lý khi bị thủng tàu	2,34	5
3	Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu	1,73	6
4	Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích	1,68	7
5	Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu	2,43	3
6	Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển	2,70	2
7	Năng lực phòng tránh mất liên lạc	2,36	4

Việc đánh giá năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản được thực hiện theo từng năng lực và trong mỗi năng lực thì đánh giá các năng lực thành phần. Căn cứ điểm trung bình chung của các năng lực thành phần thuộc năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản được tổng hợp ở Bảng 9 cho thấy có 02 năng lực được người lao động đánh bắt hải sản đánh giá ở mức khá, trong đó “*Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển*” được đánh giá cao nhất với điểm trung bình chung là **2,91**, “*Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển*” xếp thứ 2 với điểm trung bình là **2,70**.

Ngược lại, xếp hạng 6 và 7 là hai năng lực nghề nghiệp: “*Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu*” và “*Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích*” được đánh giá ở mức yếu với điểm trung bình chung lần lượt là **1,73** và **1,68**. Đây là 2 năng lực bị đánh giá thấp nhất ở người lao động đánh bắt hải sản, cần đặc biệt lưu tâm và nên được lựa chọn để tổ chức bồi dưỡng ở Chương 4 của luận án.

3.3.2. Thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

3.3.2.1. Thực trạng về mức độ cần thiết bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Bảng 3.10. Mức độ cần thiết trong việc bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

TT	Mức độ	Tỉ lệ	
		SL	%
1	Rất cần thiết	262	65,83
2	Cần thiết	89	22,36
3	Ít cần thiết	35	8,79
4	Không cần thiết	12	3,02
Tổng cộng		398	100

Kết quả khảo sát trong Bảng 3.10 cho thấy đa số người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên đều cho rằng rất cần thiết phải tổ chức bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá (chiếm tỷ lệ cao nhất với **65,83%**). Số người cho rằng không cần thiết bồi dưỡng chiếm tỷ lệ rất thấp, không đáng kể (**3,02%**), những người trả lời không cần thiết chủ yếu là do họ muốn chuyển đổi nghề. Qua đó cho thấy nhu cầu bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản hiện nay ở Phú Yên là khá cao.

Từ kết quả khảo sát đã khẳng định việc bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên là công việc cần thiết, cấp bách hiện nay, nhằm đáp ứng yêu cầu công việc đánh bắt hải sản ngày càng khó khăn, phức tạp trên biển.

3.3.2.2. *Thực trạng về mức độ tham gia các khóa bồi dưỡng liên quan đến thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên*

Bảng 3.11. Mức độ tham gia các khóa bồi dưỡng liên quan đến thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản

Mức độ tham gia các lớp khóa bồi dưỡng liên quan đến thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản	Tần suất	Tỷ lệ %
Thường xuyên	55	13,82
Thỉnh thoảng	190	47,74
Rất ít	95	23,87
Không bao giờ	58	14,57
Tổng cộng	398	100

Từ kết quả khảo sát cho thấy mức độ *thỉnh thoảng* bồi dưỡng nhận được nhiều ý kiến nhất với tỷ lệ **47,74%**; mức độ rất ít chiếm tỉ lệ **23,87 %** cho thấy hầu hết người lao động đánh bắt hải sản khi được khảo sát tuy có được tham gia các khóa bồi dưỡng về thực hành an toàn trên tàu cá nhưng không nhiều.

Trong khi mức độ *thường xuyên* chiếm tỉ lệ thấp hơn chỉ **13,83 %**, điều đó cho thấy việc tổ chức bồi dưỡng cho người lao động đánh bắt hải sản không được tổ chức thường xuyên, qua phỏng vấn người lao động đánh bắt hải sản và cán bộ quản lý thì việc tổ chức chỉ nhằm phục vụ công tác quản lý về khai thác hải sản, đủ điều kiện để cấp phép khai thác hải sản.

Mức độ *không bao giờ* chiếm tỉ lệ **14, 57%**, kết quả thu thập này cho thấy một số người lao động đánh bắt hải sản chưa được tham gia bồi dưỡng, đa số những người này là những người mới vào nghề nên họ chưa được tham gia các lớp bồi dưỡng.

Như vậy, mức độ tham gia bồi dưỡng về thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được đánh giá chưa cao, chưa thường xuyên, còn mang tính đối phó. Điều này cần phải có sự thay đổi, cần phải nâng cao hơn nữa mức độ thường xuyên bồi dưỡng về thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản nhằm đáp ứng yêu cầu công việc đề ra, đặc biệt là tình hình phức tạp khi đánh bắt hải sản trên biển Đông hiện nay.

3.3.2.3. *Thực trạng về mục tiêu bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên*

Bảng 3.12. Ý kiến của người lao động đánh bắt hải sản về mức độ đạt được mục tiêu bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

TT	Mục tiêu bồi dưỡng	SL	Tỷ lệ (%)
1	Củng cố và phát triển năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển	329	82,66
2	Củng cố và phát triển năng lực xử lý khi bị thủng tàu	331	83,17
3	Củng cố và phát triển năng lực xử lý khi có cháy trên tàu	345	86,68
4	Củng cố và phát triển năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích	333	83,67
5	Củng cố và phát triển năng lực sống sót trên biển khi rời tàu	358	89,95
6	Củng cố và phát triển năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển	327	82,16
7	Củng cố và phát triển năng lực phòng tránh mất liên lạc	357	89,70

Kết quả khảo sát ở Bảng 3.12. cho thấy, trong 7 mục tiêu bồi dưỡng được đưa ra, hầu hết người lao động đánh bắt hải sản đều đánh giá sự cần thiết phải đạt được những mục tiêu bồi dưỡng này, tỷ lệ đánh giá đều trên 80%. Như vậy có thể thấy, người lao động đã xác định được tương đối đầy đủ về những mục tiêu cần phải được trong bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản.

Để làm rõ hơn việc xác định mục tiêu bồi dưỡng, người nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu những học viên từng tham gia khóa bồi dưỡng và nhận được câu trả lời như sau:

NLĐĐBHS1 trả lời “*mục tiêu của bài học thì giáo viên có trình bày nhưng chưa rõ được là những năng lực gì chúng tôi sẽ đạt được sau bài học thì giáo viên trình bày chưa cụ thể*”.

NLĐĐBHS2 trả lời “*giáo viên cần nói rõ thêm là mục tiêu bài học là đạt được những năng lực nghề nghiệp này và yêu cầu học viên cần nắm vững để thực*

hiện trong những hoàn cảnh cụ thể như thế nào là phù hợp nhất thì sẽ làm cho chúng tôi hiểu rõ bài học hơn”.

3.3.2.4. *Thực trạng nội dung bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.*

Bảng 3.13. Mức độ thực hiện nội dung thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên đã được bồi dưỡng

TT	Nội dung	Số ý kiến	Không bao giờ		Thỉnh thoảng		Thường xuyên		Rất thường xuyên		ĐTB
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Xử lý khi có người rơi xuống biển.	398	112	28,14	68	17,09	54	13,57	164	41,21	2,68
2	Xử lý khi bị thủng tàu.	398	127	31,91	130	32,66	91	22,86	50	12,56	2,16
3	Xử lý khi có cháy trên tàu	398	196	49,25	145	36,43	31	7,79	26	6,53	1,72
4	Sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích.	398	167	41,96	160	40,2	21	5,28	50	12,56	1,88
5	Sống sót trên biển khi rời tàu.	398	112	28,14	134	33,67	94	23,62	58	14,57	2,25
6	Phát hiện và theo dõi bão trên biển.	398	78	19,60	112	28,14	90	22,61	118	29,65	2,62
7	Phòng tránh mất liên lạc.	398	85	21,36	160	40,20	70	17,59	83	20,85	2,38

Dựa vào kết quả đánh giá cho thấy mức độ thực hiện nội dung thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên không đồng đều. Hoạt động xử lý khi có người rơi xuống biển được thực hiện thường xuyên với ĐTB là 2,68, trong khi đó các hoạt động còn lại chỉ thỉnh thoảng người lao động đánh bắt hải sản thực hiện như hoạt động. Đặc biệt, đối với 02 nội dung hoạt động “xử lý khi có cháy trên tàu” và nội dung “Sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích” được đánh giá ở mức không thường xuyên thực hiện. Kết quả này cũng tương thích với kết quả tự đánh giá mỗi năng lực của người lao động đánh bắt hải sản ở bảng 3.9.

3.3.2.5. *Thực trạng về phương pháp và phương tiện bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên*

Bảng 3.14. Đánh giá về mức độ thực hiện các phương pháp bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Phương pháp bồi dưỡng	Mức độ thực hiện								ĐTB
	Không bao giờ		Thỉnh thoảng		Thường xuyên		Rất thường xuyên		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Phương pháp thuyết trình	165	41,46	67	16,83	66	16,58	100	25,13	2,25
Phương pháp thực hành	197	49,50	112	28,14	87	21,86	2	0,50	1,73
Phương pháp thảo luận nhóm	197	49,50	112	28,14	54	13,57	35	8,79	1,82
Phương pháp tạo tình huống	160	40,20	87	21,86	90	22,61	61	15,33	2,13

Qua kết quả khảo sát mức độ thực hiện các phương pháp bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên thì có 2 phương pháp thường được sử dụng nhiều nhất, chiếm tỷ lệ cao đó là: phương pháp thuyết trình ở vị trí thứ 1 (ĐTB = 2,25) và phương pháp tạo tình huống (ĐTB = 2,13) ở vị trí thứ 2, phương pháp thực hành và phương pháp thảo luận nhóm có điểm trung bình thấp hơn hay nói cách khác là giáo viên tham gia bồi dưỡng ít sử dụng hai phương pháp bồi dưỡng này trong quá trình bồi dưỡng.

Từ kết quả khảo sát, đánh giá mức độ thực hiện nhiều nhất là phương pháp dạy học thuyết trình được thực hiện trong các khóa bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên do hình thức bồi dưỡng tập trung và số lượng người tham dự đông nên giáo viên thường sử dụng phương pháp này. Trong khi đó, trong bồi dưỡng theo tiếp cận năng lực thực hiện

thì các phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa người học lại không được giáo viên sử dụng.

Để làm rõ thêm việc sử dụng phương pháp bồi dưỡng, phỏng vấn sâu 07 CBQL đã từng tham gia bồi dưỡng các khóa bồi dưỡng cho người lao động đánh bắt hải sản tiếp tục được tiến hành. Tổng hợp các câu trả lời của các CBQL được kết quả như sau:

1) 04/07 giáo viên tham gia giảng dạy đều có trình độ chuyên môn, được đào tạo qua nghiệp vụ sư phạm nên nhận thức được tầm quan trọng của việc vận dụng các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hóa người học trong quá trình bồi dưỡng. Tuy nhiên, mức độ áp dụng trong quá trình bồi dưỡng chưa nhiều. Phần lý thuyết thì đa số giáo viên giảng theo phương pháp thuyết trình, học viên lắng nghe nên chưa phát triển tính cực chủ động của học viên trong quá trình học.

2) Đối với phần dạy thực hành thì do nguyên nhân chính là thiếu thiết bị thực hành nên phần thực hành chủ yếu là thực hiện tập trung trên lớp, nên một số bài học không thể thực hành trực tiếp trên các trang thiết bị thật, đang sử dụng trên tàu cá nên ảnh hưởng đến phương pháp dạy học. Vì thế việc thiết kế các phương pháp dạy học thực hành để tập trung rèn luyện nâng cao tay nghề cho học viên cũng hạn chế.

Tóm lại, qua khảo sát bằng phiếu hỏi, kết hợp với cùng với phỏng vấn trực tiếp cán bộ quản lý thì cần phải áp dụng thường xuyên hơn nữa những phương pháp dạy học tích cực hóa người học, phương pháp dạy thực hành, vận dụng các phương pháp dạy học dành cho người lớn, áp dụng những phương pháp dựa trên kinh nghiệm của họ để tạo hứng thú cho học viên cũng như nâng cao được năng lực người học từ đó nâng cao chất lượng khóa học. Đồng thời, tăng cường đầu tư về các trang thiết bị sử dụng trên tàu cá cũng như các phương tiện dạy học tương thích với các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, phương pháp dạy học dành cho người lớn,... ngay trong các khóa bồi dưỡng.

3.3.2.6. *Thực trạng về hình thức bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên*

Bảng 3.15. Hình thức bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản trong thời gian qua

Hình thức bồi dưỡng	SL	Tỷ lệ (%)	Thứ hạng
Bồi dưỡng trực tiếp (bồi dưỡng tập trung)	201	50,50	1
Bồi dưỡng trực tiếp kết hợp trực tuyến	50	12,56	3
Bồi dưỡng thông qua sinh hoạt nghiệp đoàn nghề cá, qua các hội nghị, hội thảo	120	30,15	2
Tự bồi dưỡng	27	6,78	4
Tổng cộng	398	100	

Từ kết quả khảo sát về hình thức tổ chức bồi dưỡng cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được sử dụng trong thời gian cho thấy, hình thức bồi dưỡng chủ yếu được sử dụng là bồi dưỡng tập trung, thông qua các lớp tập huấn chiếm tỷ lệ cao nhất (50,50%), hình thức bồi dưỡng thông qua sinh hoạt nghiệp đoàn nghề cá, qua các hội nghị, hội thảo ở vị trí thứ 2 (30,15%), hình thức bồi dưỡng trực tiếp kết hợp trực tuyến và tự bồi dưỡng chiếm tỷ rất thấp.

Để làm rõ hơn hình thức bồi dưỡng, phỏng vấn sâu được tiến hành với các cán bộ quản lý và đa số được trả lời như sau: 1) Hình thức bồi dưỡng chủ yếu là bồi dưỡng tập trung tại lớp; 2) Địa điểm mở lớp thường được chọn là nơi tập trung đông người lao động đánh bắt hải sản đăng ký tham gia bồi dưỡng, nơi có cơ sở vật chất tốt, đủ điều kiện để tổ chức lớp học.

3.3.2.7. *Thực trạng về phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên*

Bảng 3.16. Đánh giá của người lao động đánh bắt hải sản về mức độ thực hiện các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả bồi dưỡng

Phương pháp đánh giá	Mức độ sử dụng								ĐTB
	Không bao giờ		Thỉnh thoảng		Thường xuyên		Rất thường xuyên		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1. Viết tự luận	170	42,71	68	17,09	65	16,33	95	23,87	2,21
2. Trắc nghiệm	95	23,87	113	28,39	86	21,61	104	26,13	2,50
3. Vấn đáp	195	48,99	112	28,14	55	13,82	36	9,05	1,83
4. Thực hành	162	40,70	88	22,11	91	22,86	57	14,32	2,11

Qua kết quả khảo sát mức độ vận dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả bồi dưỡng của giáo viên, đã khẳng định: phương pháp kiểm tra, đánh giá bằng cách trắc nghiệm sau khi kết thúc mô đun bồi dưỡng rất thường xuyên được giáo viên vận dụng (ĐTB = 2,50), các phương pháp thường xuyên được vận dụng là phương pháp viết tự luận (ĐTB = 2,21), trong khi đó phương pháp kiểm tra, đánh giá thỉnh thoảng được giáo viên vận dụng là phương pháp vấn đáp (ĐTB = 1,83) và phương pháp thực hành (ĐTB = 2,11).

Để làm rõ thêm phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả bồi dưỡng, tiếp tục tiến hành phỏng vấn đối với 07 CBQL và tổng hợp kết quả trả lời như sau: 1) Việc kiểm tra, đánh giá thường chỉ diễn ra vào cuối khóa bồi dưỡng, sau mỗi lần kiểm tra thì không có sự tham gia tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học viên; 2) Kết quả đánh giá bồi dưỡng chỉ mang tính hình thức, chủ yếu là có kết quả và bằng chứng lưu trữ để có cơ sở cấp chứng chỉ nên giáo viên không quan tâm đến kết quả đánh giá và phương pháp kiểm tra, đánh giá, chủ yếu là đánh giá sau khi kết thúc khóa học; 3) phương pháp kiểm tra tự luận làm cho học viên cảm thấy nặng nề, áp lực khi kiểm tra kết thúc khóa học.

Như vậy, có thể thấy phương pháp kiểm tra, đánh giá các lớp bồi dưỡng chưa thực hiện theo tiếp cận năng lực thực hiện, còn mang tính hình thức, đối phó, quá trình đánh giá mang cảm giác nặng nề cho học viên, không mang tính khích lệ động viên, đặc biệt là đối với học viên lớn tuổi.

3.3.2.8. *Thực trạng về các yếu tố ảnh hưởng đến bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên*

Bảng 3.17. Đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng đến công tác bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản

Yếu tố ảnh hưởng	Ý kiến đánh giá								ĐTB
	Ảnh hưởng nhiều		Ảnh hưởng		Ít ảnh hưởng		Không ảnh hưởng		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Nhận thức và nhu cầu bồi dưỡng của người lao động đánh bắt hải sản.	175	43,97	83	20,85	124	31,16	16	4,02	3,05
Trình độ giáo viên và các chính sách quản lý liên quan đến bồi dưỡng.	41	10,30	156	39,20	105	26,38	96	24,12	2,36
Điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ bồi dưỡng.	63	15,83	192	48,24	108	27,14	35	8,79	2,71

Từ kết quả khảo sát cho thấy điểm trung bình của yếu tố “Nhận thức và nhu cầu bồi dưỡng của người lao động đánh bắt hải sản” là **3,05**, xếp hạng 1/3; “Trình độ giáo viên và các chính sách quản lý liên quan đến bồi dưỡng” có điểm trung bình là **2,36**, xếp cuối cùng; “*Điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ bồi dưỡng*” có điểm trung bình là **2,77**, xếp thứ 2/3.

Như vậy, nhận thức và nhu cầu bồi dưỡng của người lao động đánh bắt hải sản là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng nhiều đến công tác bồi dưỡng, yếu tố về

điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ bồi dưỡng cũng tạo ảnh hưởng đến quá trình bồi dưỡng, nếu năng lực giảng dạy của giáo viên cao sẽ thực hiện tốt nhiệm vụ công tác bồi dưỡng.

Ngoài ra, trình độ giáo viên và các chính sách quản lý liên quan đến bồi dưỡng cũng ảnh hưởng đến quá trình bồi dưỡng, người lao động đánh bắt hải sản vẫn còn tâm lý trông chờ vào chế độ chính sách hỗ trợ học nghề của Nhà nước nên tâm lý có hỗ trợ thì đi học còn không thì không đi vẫn còn trong đa số bộ phận người lao động đánh bắt hải sản.

Bên cạnh đó, phỏng vấn sâu 07 CBQL về các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình bồi dưỡng cũng được thực hiện và nhận được trả lời: 1) Người lớn tuổi đi học nên muốn học những cái mới, thiết thực và ứng dụng ngay vào trong công việc nên nội dung chương trình phải thiết thực, ngắn gọn và theo nhu cầu. Đòi hỏi giáo viên phải có nhiều kinh nghiệm trong thực tiễn nghề nghiệp thì bài học sẽ sinh động hơn, nếu giáo viên thiếu kinh nghiệm thì chỉ đáp ứng với dạy phần lý thuyết, còn thực hành gặp nhiều khó khăn; 2) Ảnh hưởng đến kết quả chính là đặc điểm của học viên, họ là những người lớn tuổi đi học nên phương pháp bồi dưỡng cũng khác, nếu áp dụng không hợp lý thì kết quả bồi dưỡng sẽ không tốt, mặc dù cơ sở bồi dưỡng đã xây dựng chương trình, nội dung theo hướng mới, tuy nhiên không phải giáo viên nào cũng có kinh nghiệm giảng dạy và cũng ít có cơ hội trao đổi kinh nghiệm với các giáo viên khác nên chất lượng giáo viên đôi lúc không phù hợp; 3) Chương trình bồi dưỡng theo quy định, ít theo nhu cầu của học viên nên cơ sở bồi dưỡng cũng khó thay đổi dẫn đến học viên học không hứng thú vì không theo nhu cầu, chỉ học để mong có chứng chỉ đáp ứng yêu cầu công việc mà bắt buộc phải có. Nếu không yêu cầu chứng chỉ thì việc tuyển sinh rất khó khăn, học viên không mặn mà nên không đăng ký; 4) Hầu hết các chương trình bồi dưỡng được sử dụng khi tổ chức bồi dưỡng cho các đối tượng đánh bắt hải sản khác nhau như thuyền trưởng, máy trưởng có mục tiêu được xác định trước đó là dựa vào mục tiêu của các chương trình đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành, không theo điều kiện của từng địa phương hay năng lực của người học và vẫn chưa theo nhu cầu người học.

Từ ý kiến khảo sát và trả lời phỏng vấn, đòi hỏi các cơ sở bồi dưỡng khi xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên cần bám sát đối tượng bồi dưỡng, nhu cầu bồi dưỡng của người lao động đánh bắt hải sản. Từ đó, phân tích công việc và dựa trên cơ sở này để xác định mục tiêu bồi dưỡng, chỉ nên tham khảo chứ không nên lạm dụng vào những mục tiêu của những chương trình đào tạo đã được ban hành.

3.3.2.9. Thời lượng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Bảng 3.18. Thời lượng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

TT	Thời lượng chương trình bồi dưỡng	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Dưới 7 ngày	90	22,61
2	Từ 7 ngày đến 10 ngày	290	72,86
3	Từ 10 ngày trở lên	18	4,52
	Tổng cộng	398	100

Qua khảo sát ý kiến của người lao động đánh bắt hải sản thì đa số cho rằng thời lượng chương trình bồi dưỡng là từ 7 đến 10 ngày chiếm tỷ lệ cao nhất (72,86%), tỷ lệ chọn thời lượng dưới 7 ngày chiếm tỷ lệ (22,61%) và tỷ lệ chọn thời gian bồi dưỡng trên 10 ngày rất thấp (4,52%).

Từ kết quả khảo sát cho thấy, người lao động đánh bắt hải sản xác định đây là khoảng thời gian phù hợp để có thể tham gia được vì sau mỗi chuyến đánh bắt hải sản, thông thường người lao động được nghỉ khoảng 7 đến ngày để chờ chuyến đánh bắt sau. Nếu thời lượng bồi dưỡng kéo dài sẽ ảnh hưởng đến thời gian tập trung đi chuyến kế tiếp, người lao động không thể thu xếp công việc tham gia được.

3.4. Đánh giá chung về thực trạng và nguyên nhân bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Qua kết quả khảo sát về thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, ưu điểm và hạn chế được xác định.

3.4.1. Ưu điểm

Phần lớn người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên đều nhận thấy sự cần thiết của việc bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá, có ý thức học tập để nâng cao năng lực của mình đáp ứng yêu cầu công việc.

Học viên tham gia khóa học đều có kinh nghiệm trong nghề, xác định được mục tiêu bồi dưỡng cần đạt được năng lực cần có.

Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nguồn nhân lực biển được ban hành và phê duyệt, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở bồi dưỡng triển khai tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản.

3.4.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định như sau:

- Năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên nhìn chung mới chỉ đánh giá ở mức trung bình, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ công việc hiện nay.

- Tuy giáo viên có đổi mới phương pháp bồi dưỡng nhưng tạo ra được những yếu tố thuận lợi để phát triển NLNN của người lao động đánh bắt hải sản; hình thức bồi dưỡng chủ yếu là tập trung tại lớp nên vận dụng phương pháp thuyết trình vẫn là chủ yếu. Phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả còn nặng tính hình thức chưa phù hợp với đánh giá năng lực.

3.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Những hạn chế trên được tạo ra từ những nguyên nhân sau:

- Các cơ sở bồi dưỡng ở Phú Yên chưa xây dựng được chương trình bồi dưỡng để nâng cao năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản.

- Chưa áp dụng phương pháp đào tạo cho người lớn trong tổ chức bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản vì thế các phương pháp bồi dưỡng của giáo viên còn mang nhiều tính thụ động, chưa phù hợp với đặc điểm của người

học nên chưa phát huy, kích thích được khả năng tư duy sáng tạo và hứng thú của người học.

Tóm lại, việc bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp nói chung, năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản nói riêng chưa đạt được hiệu quả như mong muốn là do những hạn chế nêu trên. Vì vậy, muốn nâng cao chất lượng bồi dưỡng thì cần phải xây dựng được chương trình bồi dưỡng phù hợp để khắc phục những hạn chế này bên cạnh phát huy những ưu điểm đã có. Đây là những nội dung sẽ được tiếp tục thực hiện ở Chương 4.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Sau khi xử lý và phân tích những kết quả khảo sát thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, có thể rút ra một số kết luận sau:

Tỉnh Phú Yên đã có nhiều giải pháp trong công tác bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản. Tuy nhiên, thực tế hoạt động bồi dưỡng vẫn chưa đem lại hiệu quả cao, cụ thể là năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu công việc.

Trong đó các nhóm năng lực hợp thành năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản chưa đạt được sự đồng đều. Do đó cần có sự quan tâm bồi dưỡng kịp thời những năng lực còn yếu như năng lực xử lý khi có cháy trên tàu và năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích để đáp ứng yêu cầu công việc, đặc biệt là tình hình phức tạp, nguy hiểm trên biển Đông trong những năm gần đây.

Việc tổ chức bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên là cần thiết. Tuy nhiên, việc tổ chức bồi dưỡng hiện nay vẫn chưa thực hiện theo hướng tiếp cận năng lực. Mục tiêu, hình thức, phương pháp, phương tiện, phương pháp kiểm tra và đánh giá bồi dưỡng vẫn còn có những mặt hạn chế nên chất lượng bồi dưỡng chưa cao, chưa phát triển được năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản.

Thực trạng cũng cho thấy nhu cầu về bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên hiện nay là có và thực sự thiết thực. Vì vậy, việc xác định được nhu cầu bồi dưỡng, từ đó xác định được mục tiêu bồi dưỡng là không thể thiếu trong xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

Trên cơ sở lý luận đã được xác định kết hợp với kết quả khảo sát thực trạng cho thấy, đề xuất chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên là cần thiết nhằm đáp ứng được nhu cầu bồi dưỡng của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên hiện nay.

CHƯƠNG 4

XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC THỰC HÀNH AN TOÀN TRÊN TÀU CÁ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN Ở TỈNH PHÚ YÊN

4.1. Các yêu cầu trong việc xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Trong luận án này, việc xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên theo tiếp cận năng lực phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

Một là, chương trình bồi dưỡng phải bảo đảm nhu cầu của người học, khi xây dựng chương trình bồi dưỡng thì việc đảm bảo là bồi dưỡng để nâng cao NL thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản, nâng cao đạo đức, tác phong công nghiệp. Chương trình bồi dưỡng phải thiết thực, đúng trọng tâm, không mang tính lý thuyết, tập trung vào những nội dung người học cần. Mỗi mô đun bồi dưỡng là một năng lực cụ thể, mục tiêu học tập của mỗi mô đun năng lực cần rõ ràng, cụ thể, đánh giá được mức độ năng lực của người học sau bồi dưỡng.

Hai là, việc xây dựng chương trình bồi dưỡng phải xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn, phải đáp ứng điều kiện thực tiễn cụ thể về hoạt động phòng chống TNTT trên biển cũng như yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Phú Yên. Khi xây dựng chương trình bồi dưỡng cần tận dụng những kinh nghiệm thực tiễn của người lao động đánh bắt hải sản, từ đó cải thiện những năng lực yếu cũng như phát triển những năng lực nghề nghiệp mới.

Ba là, chương trình bồi dưỡng khi xây dựng phải phù hợp với điều kiện về kinh tế, văn hóa, năng lực tổ chức của mỗi địa phương khi tổ chức. Tuy mỗi mô đun bồi dưỡng là “đơn vị học tập được tích hợp giữa kiến thức chuyên môn, kỹ năng

thực hành và thái độ nghề nghiệp một cách hoàn chỉnh nhằm giúp cho người học có năng lực thực hiện trọn vẹn một hoặc một số công việc của một nghề” (Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2014), nhưng giữa những mô đun học tập có mối liên hệ với nhau, bổ sung cho nhau tạo thành một chỉnh thể thống nhất để có chung mục đích là phát triển năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

Ngoài ra, chương trình bồi dưỡng phải được xây dựng để mỗi đối tượng đang làm việc trên tàu cá đều có thể tham gia một hoặc nhiều khóa bồi dưỡng khác nhau. Học xong mô đun nào thì đảm bảo hiệu quả về mục tiêu học tập của mô đun đó, điều này sẽ tạo điều kiện tốt cho công tác tổ chức bồi dưỡng, thích ứng với đặc điểm và nhu cầu học tập của mỗi người lao động đánh bắt hải sản.

Bốn là, chương trình bồi dưỡng phải đảm bảo cho người lao động đạt chuẩn về *năng lực thực hành an toàn trên tàu cá* đã được quy định trong bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề “Khai thác thủy sản biển” (Ban hành kèm theo Quyết định 806/QĐ-LĐTBXH ngày 14/7/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội). Đây là căn cứ pháp lý quan trọng cho người lao động đánh bắt hải sản định hướng phấn đấu nâng cao kiến thức và kỹ năng của bản thân thông qua việc học tập, ngoài ra nó cũng giúp cho các chủ tàu (người sử dụng lao động) có cơ sở để lựa chọn, bố trí công việc hợp lý cho người lao động đánh bắt hải sản.

Ngoài ra, việc xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên phải bám sát những yêu cầu về xây dựng chương trình bồi dưỡng được quy định trong Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội và Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên.

4.2. Xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Từ cơ sở lý luận được trình bày ở Chương 2 và kết quả khảo sát thực trạng ở Chương 3, xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá

cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được thực hiện theo trình tự các bước cụ thể sau:

Bước 1: Xác định nhu cầu và mục tiêu bồi dưỡng

Nhu cầu bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên chính là những gì mà người lao động đánh bắt hải sản cần bổ sung để có thể đạt được mục tiêu trong thực hiện nhiệm vụ, công việc thực hành an toàn trên tàu cá, thực chất việc xác định nhu cầu bồi dưỡng chính là xác định những năng lực mà người lao động đánh bắt hải sản cần phải bổ sung.

Xác định nhu cầu bồi dưỡng chính là xác định khoảng cách giữa yêu cầu công việc và năng lực cần đáp ứng để thực hiện công việc. Việc xác định đúng nhu cầu bồi dưỡng sẽ bổ sung kịp thời cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên những năng lực nghề nghiệp cần thiết để thực hiện công việc. Đối với người học là người lao động đánh bắt hải sản có những đặc điểm riêng biệt cần quan tâm đó là những người trưởng thành, có kinh nghiệm trong thực tiễn nghề nghiệp.

Việc xác định nhu cầu bồi dưỡng sẽ giúp cho cơ sở bồi dưỡng xác định và phân loại được ai là học viên cần được bồi dưỡng, nhiệm vụ, vị trí của họ làm việc trên tàu cá là gì, họ cần bồi dưỡng nội dung, năng lực nào trong những năng lực thành phần của năng lực thực hành an toàn trên tàu cá mà họ thiếu hoặc yếu, vì sao họ cần tham gia khóa bồi dưỡng. Ngoài ra, việc phân tích nhu cầu bồi dưỡng cũng xác định được thời gian, hình thức bồi dưỡng tốt nhất dựa trên đặc điểm nghề nghiệp và nhu cầu của người học.

Để xác định được nhu cầu bồi dưỡng hiện nay có nhiều cách như thu thập qua quan sát việc thực hiện nhiệm vụ của người lao động đánh bắt hải sản, qua các báo cáo tổng kết của cơ quan quản lý, dựa vào các văn bản pháp luật của Đảng và Nhà nước, các quy định về công tác bồi dưỡng chuyên môn nghề nghiệp của Bộ Lao động Thương binh & xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, của tỉnh Phú Yên và của địa phương đối với người lao động đánh bắt hải sản.

Tuy nhiên, phương pháp phổ biến nhất hiện nay về xác định nhu cầu bồi dưỡng vẫn là thu thập và phân tích thông tin về người học qua điều tra, khảo sát kết hợp với phương pháp chuyên gia. Việc thiết kế những phiếu khảo sát phải đảm bảo

đầy đủ những nội dung cần thiết cho việc triển khai xây dựng chương trình cũng như quá trình tổ chức bồi dưỡng. Trong luận án này, ngoài nội dung về thông tin cá nhân, còn được tập trung vào khảo sát ý kiến về cấu trúc năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, sự cần thiết hoặc không cần thiết về công tác bồi dưỡng năng lực này, những ý kiến về nội dung bồi dưỡng, phương pháp, hình thức bồi dưỡng, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả bồi dưỡng, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động bồi dưỡng.

Dựa trên kết quả xác định nhu cầu bồi dưỡng, tiến hành xác định mục tiêu bồi dưỡng. Mục tiêu của chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản chính là những kiến thức, kỹ năng, thái độ (năng lực) mà người lao động đánh bắt hải sản cần đạt được sau bồi dưỡng (mục tiêu bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động được mô tả ở mục 2.5.3.1).

Từ kết quả khảo sát thực trạng ở Chương 3 có thể nhận thấy việc bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp của người lao động, đáp ứng yêu cầu công việc là cần thiết và quan trọng hiện nay. Muốn vậy, cần phải xây dựng được một chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản phù hợp với nhu cầu thực tế ở tỉnh Phú Yên, đáp ứng nhu cầu học tập của người lao động đánh bắt hải sản.

Đồng thời, khi phân tích nhu cầu bồi dưỡng làm cơ sở xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, ngoài việc dựa vào cơ sở lý luận, người nghiên cứu cũng căn cứ vào một số cơ sở pháp lý như tiêu chuẩn kỹ năng nghề “Khai thác thủy sản biển” (Ban hành kèm theo Quyết định 806/QĐ-LĐTBXH ngày 14/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội”; số liệu về tình hình tai nạn tàu cá giai đoạn 2015-2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên,... đây là những cơ sở pháp lý quan trọng, cần thiết trong việc xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

Bước 2. Xác định các mô đun bồi dưỡng

Từ việc nghiên cứu cơ sở lý luận ở Chương 2, kết quả khảo sát thực trạng ở Chương 3, nội dung bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được xác định gồm 7 mô đun học tập tương ứng với 7 năng lực trong khung năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên. Người học có thể tham gia bồi dưỡng tất cả các mô đun hoặc một vài mô đun tùy theo nhu cầu cá nhân hoặc phụ thuộc vào nhu cầu bồi dưỡng của cơ quan quản lý và không nhất thiết phải bồi dưỡng theo thứ tự các mô đun.

Bảng 4.1. Nội dung bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

TT	Tên Mô đun
Mô đun 1	Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển
Mô đun 2	Năng lực xử lý khi bị thủng tàu
Mô đun 3	Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu
Mô đun 4	Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích
Mô đun 5	Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu
Mô đun 6	Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển
Mô đun 7	Năng lực phòng tránh mất liên lạc

Bước 3: Phân tích các nhiệm vụ và công việc

Có nhiều phương pháp khác nhau để phân tích nhiệm vụ và công việc của nghề. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, người nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi để xác định danh mục các nhiệm vụ công việc. Quy trình thực hiện bao gồm một số công việc chính sau:

- Biên soạn bảng hỏi về các nhiệm vụ và công việc thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản dựa trên các tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia nghề “ Khai thác thủy sản biển” năm 2021. Kết quả là bảng hỏi về các nhiệm vụ và công việc (Phụ lục 23)

- Lấy ý kiến của các thuyền trưởng về các nhiệm vụ và công việc thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản. Cách tiến hành: Lựa chọn 30 người lao động đánh bắt hải sản đang là thuyền trưởng và đã có kinh nghiệm trong các nhiệm vụ, công việc về thực hành an toàn trên tàu cá và gửi bảng hỏi để xác định họ thực sự có làm các nhiệm vụ và công việc đó không? (danh sách các người lao động đánh bắt hải sản được hỏi ở Phụ lục 24).

- Xử lý kết quả thu thập ý kiến từ các thuyền trưởng. Những nhiệm vụ và công việc nào được đánh giá ở mức độ từ “*Nhiều*” trở lên sẽ được viết lại theo cấu trúc của sơ đồ DACUM, từ đó sẽ có được một bảng phân tích công việc thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản.

Từ kết quả khảo sát ở Phụ lục 25 đã chỉ ra rằng hầu hết thuyền trưởng đánh bắt hải sản được hỏi cho rằng những nhiệm vụ, công việc liên quan đến hoạt động thực hành an toàn trên tàu cá có trong phiếu hỏi được thực hiện ở mức độ “*nhiều*” khá cao (trung bình tỷ lệ % chọn mức độ thực hiện “*nhiều*” cao nhất là 81,67%, thấp nhất là 74,44%). Từ kết quả khảo sát này, người nghiên cứu xác định các nhiệm vụ và công việc về thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 4.2. Bảng phân tích công việc thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản

Mục tiêu	Các công việc		
1. Năng lực thực hiện cứu người khi rơi xuống biển	1.1 Ném phao cứu sinh cá nhân cho người bị nạn.	1.2. Chuẩn bị các phương tiện cứu sinh cứu vớt người bị nạn.	1.3. Di chuyển tàu ra xa người bị nạn để người bị nạn không bị hút vào chân vịt.
	1.4. Thông tin cho các lực lượng chức năng để kịp thời cứu hộ.		
2. Năng lực xử lý khi bị thùng tàu	2.1. Xác định vị trí, kích thước lỗ thủng, lưu lượng nước chảy qua lỗ thủng đó.	2.2. Đóng kín các cửa hầm kín nước giữa các hầm thủng và những	2.3. Dùng dụng cụ chống thấm trên tàu để bịt kín tạm thời lỗ

		hầm kế cận.	thùng.
	2.4. Sử dụng máy bơm hút nước ra ngoài.		
3. Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu	3.1. Nhận biết được vị trí các thiết bị chống cháy và các lối thoát khẩn cấp.	3.2. Phân biệt các loại nguồn gây cháy, nguy cơ gây cháy và sự lan truyền của lửa.	3.3. Phân loại các chất dập lửa có thể áp dụng.
	3.4. Sử dụng các trang thiết bị và dụng cụ chống cháy; phương pháp, trình tự chống cháy, phương pháp sử dụng dụng cụ thở trong chống cháy và cứu nạn.		
4. Năng lực sơ cấp cứu khi có người bị thương tích trên biển	4.1. Sử dụng dụng cụ y tế khi sơ cấp cứu.	4.2. Xác định vị trí tổn thương.	4.3. Áp dụng kỹ thuật hồi sức.
	4.4. Kiểm soát chảy máu.	4.5. Áp dụng các biện pháp thích hợp để chống choáng,	4.6. Băng bó và sử dụng các công cụ trong túi cứu thương khẩn cấp.
5. Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu	5.1. Chống khát trên biển.	5.2. Chống đói trên biển.	5.3. Chuẩn bị phao cứu sinh hoặc các vật thể có thể nổi trên mặt nước, khả năng giữ cho cơ thể nhẹ nhàng để giữ sức lực trong thời gian chờ sự trợ giúp.

6. Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển	6.1. Phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua sự thay đổi trạng thái của mặt biển.	6.2. Phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua sự thay đổi trạng thái của bầu trời.	6.3. Phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua những biểu hiện khác thường trong hoạt động sống của một số sinh vật sống xung quanh.
7. Năng lực phòng tránh mất liên lạc	7.1. Sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc trên tàu phục vụ cho việc báo động cấp cứu.	7.2. Liên lạc tới nơi cần cấp cứu để phòng tránh gián đoạn thông tin liên lạc, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động trên biển.	

Từ danh mục các nhiệm vụ, công việc về thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên đã được xác định như trên là căn cứ để xác định mục tiêu và nội dung bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

Bước 4. Xây dựng cấu trúc chương trình bồi dưỡng

Dựa vào mục tiêu của chương trình bồi dưỡng cũng như yêu cầu cần thiết khi xây dựng chương trình bồi dưỡng đã được xác định và phân tích ở trên, khung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được đề xuất. Khung chương trình này được xác định gồm 7 mô đun tương ứng với 7 năng lực trong khung năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên với thời gian bồi dưỡng tương ứng với mỗi mô đun như sau:

Bảng 4.3. Khung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

TT	Mã Mô đun	Tên Mô đun	Thời gian bồi dưỡng (giờ)
Mô đun 1	MĐ1	Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển	10
Mô đun 2	MĐ2	Năng lực xử lý khi bị thủng tàu	8
Mô đun 3	MĐ3	Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu	11
Mô đun 4	MĐ4	Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích	14
Mô đun 5	MĐ5	Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu	10
Mô đun 6	MĐ6	Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển	9
Mô đun 7	MĐ7	Năng lực phòng tránh mất liên lạc	12
Tổng cộng			74 giờ

Mô tả khái quát các mô đun như sau:

Mô đun 1: Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển

Mô đun này trang bị cho người lao động đánh bắt hải sản những kiến thức, kỹ năng về xử lý tình huống khi gặp tình huống có người rơi xuống biển. Người học được trang bị những kiến thức, kỹ năng, phương pháp ném phao cứu sinh cá nhân cho người bị nạn, chuẩn bị các phương tiện cứu sinh cứu vớt người bị nạn, kỹ năng di chuyển tàu ra xa người bị nạn để người bị nạn không bị hút vào chân vịt; kỹ năng thông tin cho các lực lượng chức năng để kịp thời cứu hộ.

Mô đun 2: Năng lực xử lý khi bị thủng tàu

Mô đun này trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng xử lý các tình huống khẩn cấp trong trường hợp tàu bị thủng, kịp thời cho tàu dừng máy và tiến hành các công việc nhằm hạn chế nước chảy vào tàu, đảm bảo an toàn cho người và tài sản. người học được trang bị kiến thức, kỹ năng xác định vị trí, kích thước lỗ thủng, lưu lượng nước chảy qua lỗ thủng đó; kỹ năng đóng kín các cửa hầm kín nước giữa các hầm thủng và những hầm kế cận, kỹ năng sử dụng dụng cụ chống thấm trên tàu để bịt kín tạm thời lỗ thủng; kỹ năng sử dụng máy bơm hút nước ra ngoài.

Mô đun 3: Năng lực xử lý khi có phát hỏa trên tàu

Mô đun này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng giảm thiểu rủi ro cháy và đảm bảo trạng thái sẵn sàng ứng phó tình huống khẩn cấp liên quan đến cháy trên tàu. Người học được cung cấp các kiến thức và rèn luyện kỹ năng xác định vị trí các thiết bị chống cháy và các lối thoát khẩn cấp, kỹ năng phân biệt các loại nguồn gây cháy, nguy cơ gây cháy và sự lan truyền của lửa; kỹ năng phân loại các chất dập lửa có thể áp dụng; kỹ năng sử dụng các trang thiết bị và dụng cụ chống cháy; phương pháp, trình tự chống cháy, phương pháp sử dụng dụng cụ thở trong chống cháy và cứu nạn.

Mô đun 4: Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích

Mô đun này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng sơ cứu ban đầu khi có người lao động bị tai nạn thương tích, người học được rèn luyện kỹ năng sử dụng dụng cụ y tế khi sơ cấp cứu; xác định vị trí tổn thương; Áp dụng kỹ thuật hồi sức; kỹ năng kiểm soát chảy máu, kỹ năng áp dụng các biện pháp thích hợp để chống choáng và băng bó và sử dụng các công cụ trong túi cứu thương khẩn cấp.

Mô đun 5: Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu

Mô đun này cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng sống sót trên biển khi gặp tai nạn buộc phải rời khỏi tàu nhằm giảm tối thiểu tai nạn thương tích khi rời tàu. Người học được trang bị kiến thức về chống khát trên biển và chống đói trên biển, kỹ năng sử dụng phao cứu sinh hoặc các vật thể có thể nổi trên mặt nước, phương pháp giữ cho cơ thể nhẹ nhàng để giữ sức lực trong thời gian chờ sự trợ giúp.

Mô đun 6: Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển

Mô đun này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng đánh giá, phán đoán sự phát sinh của bão thông qua kiến thức và kinh nghiệm của mình. Người học được trang bị các kiến thức về phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua sự thay sự thay đổi trạng thái của bầu trời; phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua sự thay sự thay đổi trạng thái của mặt biển; phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua những biểu hiện khác thường trong hoạt động sống của một số sinh vật sống xung quanh.

Mô đun 7: Năng lực phòng tránh mất liên lạc

Mô đun này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng xử lý tình huống khi mất liên lạc trên biển. Người học được cung cấp các kiến thức liên quan đến sử dụng các thiết bị thông tin thông tin lạc trên tàu phục vụ cho việc báo động cấp cứu; phương thức liên lạc tới nơi cần cấp cứu để phòng tránh gián đoạn thông tin liên lạc, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động trên biển.

Chương trình chi tiết bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

- **Tên chương trình:** Chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH:

Chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được biên soạn theo cấu trúc mô đun nhằm mục đích nâng cao năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, hình thành những năng lực nghề nghiệp cần thiết, gắn với chức trách, nhiệm vụ và yêu cầu công việc được giao của người lao động đánh bắt hải sản trên tàu cá.

Chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên gồm 7 mô đun được sắp xếp linh hoạt với thời gian cho mỗi mô đun phù hợp để cho người lao động đánh bắt hải sản có thể lựa chọn phù hợp theo yêu cầu công việc (Người lao động đánh bắt hải sản có thể tham gia bồi dưỡng tất cả các mô đun hoặc một vài mô đun tùy theo nhu cầu cá nhân hoặc phụ thuộc vào nhu cầu bồi dưỡng của cơ quan quản lý và không nhất thiết phải bồi dưỡng theo thứ tự các mô đun).

II. MỤC TIÊU BỒI DƯỠNG: Sau khi học xong chương trình này, người học đạt được các kiến thức, kỹ năng, thái độ sau:

- Kiến thức:

- + Trình bày được nội dung của công tác an toàn khi có người rơi xuống biển.
- + Trình bày được các trang thiết bị để thực hiện công tác cứu sinh.
- + Trình bày được nội dung của công tác an toàn trong phòng chống cháy nổ.

+ Mô tả được công tác an toàn trong công tác cứu sinh, cứu thủng, cứu hỏa, sơ cấp cứu khi có người bị nạn.

+ Mô tả được những dấu hiệu báo bão trên biển để chủ động phòng tránh.

+ Xử lý được những tình huống khi mất liên lạc trên biển.

- Kỹ năng (Năng lực):

+ Sử dụng được các thiết bị, dụng cụ để cứu người rơi xuống biển.

+ Sử dụng được các thiết bị, dụng cụ để thực hiện công tác cứu sinh.

+ Sử dụng được thiết bị, dụng cụ và quy trình thực hiện công tác cứu hỏa.

+ Sử dụng được thiết bị, dụng cụ y tế để thực hiện cấp cứu người bị nạn.

+ Sử dụng được các thiết bị, dụng cụ để sống sót trên biển khi buộc phải rời tàu.

+ Sử dụng được các thiết bị, dụng cụ về thông tin liên lạc tìm kiếm sự giúp đỡ khi gặp tàu gặp nạn.

- Thái độ:

Có thái độ làm việc tích cực, chủ động, cẩn thận, chấp hành hiệu lệnh và mệnh lệnh của thuyền trưởng, hình thành tác phong làm việc một cách cẩn thận, đúng quy trình, đúng thao tác để phòng tránh những rủi ro bất trắc có thể xảy ra.

Có ý thức bảo vệ môi trường và chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc Việt Nam; có lòng yêu nghề, tích cực học tập, trau dồi kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp vì sự phát triển của nghề trong tương lai.

II. ĐỐI TƯỢNG BỒI DƯỠNG: Người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

III. THỜI GIAN BỒI DƯỠNG: 74 giờ (Lý thuyết 18 giờ; Thực hành 49 giờ, kiểm tra 7 giờ)

IV. DANH MỤC CÁC MÔ ĐUN, THỜI GIAN BỒI DƯỠNG CÁC MÔ ĐUN

TT	Mã Mô đun	Tên mô đun	Thời gian bồi dưỡng (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	MĐ01	Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển	10	2	7	1
2	MĐ02	Năng lực xử lý khi bị thủng tàu	8	2	5	1
3	MĐ03	Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu.	11	3	7	1
4	MĐ04	Năng lực sơ cứu ban đầu khi có	14	4	9	1

		người bị thương tích				
5	MĐ05	Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu.	10	2	7	1
6	MĐ06	Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển.	9	2	6	1
7	MĐ07	Năng lực phòng tránh mất liên lạc.	12	3	8	1
Tổng cộng			74	18	49	7

Ghi chú: Thời gian kiểm tra tích hợp giữa lý thuyết với thực hành được tính vào giờ thực hành

V. MÔ TẢ NỘI DUNG CÁC MÔ ĐUN

1. Mô đun 01: Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển

Thời gian: 10 giờ

1.1. Mục tiêu

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về an toàn khi có người rơi xuống biển;
- Sử dụng được các trang thiết bị như phao cứu sinh cá nhân, áo cứu sinh;
- Thực hiện phối hợp có hiệu quả giữa người phát hiện có người rơi xuống biển và người lái tàu hoặc thuyền trưởng.

1.2. Nội dung

- Phao cứu sinh và phương pháp sử dụng;
- Một số biện pháp xử lý tình huống khi có người rơi xuống biển.

1.3. Bài tập đánh giá kết thúc mô đun: Thực hành sử dụng phao tròn cứu sinh.

2. Mô đun 02: Năng lực xử lý khi bị thủng tàu

Thời gian: 8 giờ

2.1. Mục tiêu

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về an toàn trong tác cứu thủng;
- Thực hiện an toàn khi tàu gặp sự cố thủng tàu có khả năng nước tràn vào tàu dẫn đến nguy cơ tàu bị lật, chìm.

2.2. Nội dung

- Một số biện pháp xử lý khi tàu bị lật hoặc chìm;

- Một số biện pháp xử lý khi tàu bị nước tràn vào tàu.

2.3. *Bài tập đánh giá kết thúc* mô đun: Thực hành an toàn khi tàu bị thủng và nước tràn vào tàu.

3. Mô đun 03: Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu

Thời gian: 11 giờ

3.1. Mục tiêu

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về an toàn trong công tác phòng, chống cháy trên tàu cá;
- Thực hiện an toàn khi tàu gặp sự cố cháy.

3.2. Nội dung

- Thiết bị chống cháy và vị trí của chúng trên tàu;
- Các chất chống cháy;
- Trình tự chống cháy.

3.3. *Bài tập đánh giá kết thúc* mô đun: Thực hành an toàn khi trên tàu có cháy

4. Mô đun 04: Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích

Thời gian: 14 giờ

4.1. Mục tiêu

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích trên biển.
- Thực hành sơ cứu khi có người bị thương tích.

4.2. Nội dung

- Kỹ năng xác định vị trí bị tổn thương;
- Kỹ năng sử dụng các công cụ trong túi cứu thương;
- Kỹ năng xử lý khi nạn nhân bị ngạt thở;
- Kỹ năng cầm máu cơ bản;
- Kỹ năng băng bó khi bị gãy xương, bong gân;
- Kỹ năng xử lý khi bị choáng.

4.3. *Bài tập đánh giá kết thúc mô đun:* Thực hành an toàn khi có người bị thương tích

5. Mô đun 05: Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu

Thời gian: 10 giờ

5.1. Mục tiêu

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản khi gặp sự cố phải thực hiện các biện pháp để sống sót trên biển khi rời tàu.

- Thực hành an toàn khi rời tàu.

5.2. Nội dung

- Hành động áp dụng khi cần phải rời tàu;

- Hành động áp dụng khi ở dưới nước.

5.3. *Bài tập đánh giá kết thúc mô đun:* Thực hành an toàn khi tàu gặp sự cố phải rời tàu.

6. Mô đun 06: Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển

Thời gian: 9 giờ

6.1. Mục tiêu

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản để phát hiện và theo dõi bão trên biển.

6.2. Nội dung

- Kỹ năng quan sát trạng thái bầu trời;

- Kỹ năng quan sát trạng thái mặt biển và trạng thái của những sinh vật xung quanh tàu cá.

6.3. *Bài tập đánh giá kết thúc mô đun:* Thực hành an toàn khi phát hiện có bão

7. Mô đun 07: Năng lực phòng tránh mất liên lạc *Thời gian: 12 giờ*

7.1. Mục tiêu

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản trong việc phòng tránh mất liên lạc.

- Sử dụng được các hệ thống trang thiết bị liên lạc trên tàu

7.2. Nội dung

- Hệ thống thiết bị thông tin cấp cứu và an toàn hàng hải;
- Phương thức liên lạc.

7.3. Bài tập đánh giá kết thúc mô đun: Thực hành sử dụng các trang thiết bị liên lạc trên tàu.

VI. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình dạy nghề mô đun Thực hành an toàn lao động trên tàu cá. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. 2023

2. Điều kiện thiết bị dạy học và phụ trợ

- + 01 máy chiếu, 01 máy vi tính.
- + Tranh vẽ, các bản vẽ về an toàn lao động trên tàu cá.

3. Điều kiện về cơ sở vật chất

- + 01 phòng học có đủ bảng, bàn giáo viên và bàn ghế cho lớp học 30 người.
- + Dụng cụ, thiết bị, vật tư phục vụ cho bồi dưỡng: Phao tròn cứu sinh; Phao áo cứu sinh; Bơm nước + vòi rồng; Bình bọt; Bình CO₂; Bình bột; Bộ dụng cụ cứu thương; Túi thuốc và dụng cụ cứu thương.

VII. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Phương pháp đánh giá

- Đánh giá kiến thức: dùng phương pháp trắc nghiệm khách quan hoặc vấn đáp.
- Đánh giá kỹ năng nghề: đánh giá kỹ năng nghề của người học thông qua bài thực hành, giáo viên đánh giá qua quan sát và theo dõi thao tác, thái độ thực hiện và kết quả thực hành của người học.
- Kiểm tra kết thúc mô đun: Kiểm tra theo nhóm (mỗi nhóm từ 3 đến 5 người) hoặc kiểm tra cá nhân: Thực hiện mô tả một công việc được thực hiện trong mô đun hoặc thực hiện trắc nghiệm người học theo bảng câu hỏi do giáo viên đã chuẩn bị trước, giáo viên đánh giá qua quan sát và theo dõi thao tác, thái độ thực hiện và kết quả thực hành của người học.

2. Nội dung đánh giá

Lý thuyết: Kiểm tra trắc nghiệm hoặc vấn đáp về các nội dung có trong mỗi bài học trong mỗi mô đun.

Thực hành: Thao tác quy trình thực hiện phòng chống tai nạn thương tích một cách an toàn.

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

1. Phạm vi áp dụng chương trình

Chương trình bồi dưỡng “Năng lực thực hành an toàn trên tàu cá” dùng để bồi dưỡng cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên khi có nhu cầu hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền; có thể vận dụng tổ chức tại cơ sở bồi dưỡng hoặc tại các địa phương.

Chương trình bồi dưỡng gồm 7 mô đun độc lập, người học có thể tùy chọn học các mô đun theo nhu cầu. Yêu cầu tối thiểu học viên phải tốt nghiệp tiêu học.

Khi học viên tham gia học đủ 07 mô đun trong chương trình này và đạt kết quả trung bình trở lên tại kì kiểm tra kết thúc khoá học thì được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học. Trường hợp học từng mô đun (nếu có yêu cầu) thì có thể cấp giấy chứng nhận hoàn thành mô đun.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy mô đun

Mỗi mô đun có cả phần lý thuyết và thực hành, nên tiến hành song song vừa học lý thuyết vừa học thực hành để người học dễ nhớ và tiếp thu bài học tốt.

a. Phần lý thuyết

Phương pháp giảng dạy: Để giảng dạy các mô đun này, giáo viên cần có chuyên môn và kỹ năng thực hành tốt, kết hợp nhiều phương pháp dạy học linh hoạt, phương pháp dạy học cho người lớn, gắn với hoạt động thực hành tại tàu cá của người học.

- Ngoài tài liệu giáo viên nên sử dụng các học cụ trực quan như: mô hình, bảng biểu, bản vẽ, video... để hỗ trợ trong giảng dạy.

b. Phần thực hành: hướng dẫn thực hành qua thực hiện các công việc thực tế.

- Giáo viên mời một hoặc một số người học trong lớp thực hiện làm mẫu các

thao tác trong bài thực hành và mời các người học khác nhận xét, sau đó tổng hợp, đưa ra các nhận xét tình huống thực hành, nêu ra những trở ngại, sai sót đã hoặc có thể gặp phải trong khi thực hiện công việc và cách khắc phục. Cuối cùng, chia người học của lớp thành các nhóm để thực hiện bài thực hành cho đến khi đạt yêu cầu đề ra.

- Giáo viên chuẩn bị đầy đủ các vật dụng, trang thiết bị trong tình trạng sử dụng phù hợp với từng mô đun và các học cụ trực quan như: mô hình, bảng biểu, bản vẽ, video... để hỗ trợ trong giảng dạy.

3. Tài liệu cần tham khảo

- Giáo trình Thuyền trưởng tàu cá hạng 2 - Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác Thủy sản - Đại học Nha Trang (2023)

- Phạm Thùy Linh (2014), Tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động nghề cá trên biển - Nhà xuất bản Hồng Đức

- Các tài liệu khác có liên quan.

(Chương trình chi tiết các mô đun bồi dưỡng từ Phụ lục 7 đến Phụ lục 13)

4.3. Đánh giá chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên qua ý kiến chuyên gia

4.3.1. Cơ sở chung về đánh giá chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

4.3.1.1. Mục đích đánh giá

Nhằm đánh giá tính đúng đắn của cơ sở lý luận, sự phù hợp về nội dung chương trình bồi dưỡng, tính khả thi của chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

4.3.1.2. Quy mô đánh giá

Để đảm bảo mức độ khả thi, phù hợp, vừa có tính khoa học vừa mang tính thực tiễn cao về chương trình bồi dưỡng đã đề xuất, phương pháp lấy ý kiến được vận dụng. Trong đó, các chuyên gia gồm những người có chuyên môn, kinh nghiệm trong công tác tổ chức bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản. Những chuyên gia này đang làm việc tại: Sở Lao động Thương binh & Xã hội tỉnh Phú Yên; Chi cục thủy sản tỉnh Phú Yên, Ban chấp hành Nghiệp đoàn nghề cá các

địa phương khảo sát, Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác Thủy sản - Trường Đại học Nha Trang.

Số lượng chuyên gia lấy ý kiến: 26 người, được chia thành 03 nhóm như sau:

Nhóm 1: Giáo viên đến từ Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác Thủy sản – Trường Đại học Nha Trang.

Nhóm 2: Cán bộ quản lý dạy nghề thuộc Sở Lao động Thương binh & Xã hội tỉnh Phú Yên và cán bộ quản lý khai thác thủy sản thuộc Chi cục thủy sản tỉnh Phú Yên.

Nhóm 3: Thuyền trưởng kiêm nhiệm chủ tịch và Phó chủ tịch Nghiệp đoàn nghề cá tại 04 địa phương khảo sát ở tỉnh Phú Yên (Danh sách chuyên gia tại Phụ lục 21).

4.3.1.3. Phương pháp đánh giá

Kết hợp phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn trực tiếp các chuyên gia được vận dụng nhằm thu thập thông tin, ý kiến nhận xét của các chuyên gia. Sau khi thu thập được ý kiến đánh giá độc lập của các chuyên gia sẽ xử lý kết quả bằng thống kê mô tả.

Cách thức tiến hành lấy ý kiến chuyên gia:

Bước 1: Xác định mục đích, nội dung, phương pháp thực hiện;

Bước 2: Xác định, lựa chọn các nhóm chuyên gia;

Bước 3: Xây dựng phiếu xin ý kiến chuyên gia

Bước 4: Gửi nội dung đề xuất kèm phiếu xin ý kiến đến chuyên gia;

Bước 5: Lựa chọn một số chuyên gia để phỏng vấn trực tiếp nhằm làm rõ ý kiến đánh giá.

Bước 6: Phân tích, đánh giá về kết quả nhận xét của chuyên gia; Trên cơ sở kết quả đánh giá của chuyên gia sẽ điều chỉnh và bổ sung những nội dung cần thiết trong chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

4.3.1.4. Công cụ đánh giá

Phiếu xin ý kiến được thiết kế gồm các câu hỏi mở để xin ý kiến đánh giá của chuyên gia về tính khả thi, phù hợp của chương trình bồi dưỡng (Phụ lục 6)

Phiếu xin ý kiến đánh giá của chuyên gia qua hình thức phỏng vấn được hệ thống các câu hỏi, quá trình phỏng vấn được ghi thành biên bản và được sử dụng để phân tích, làm rõ tính khả thi, phù hợp của chương trình bồi dưỡng được đề xuất (Phụ lục 19 và Phụ lục 20).

4.3.2. Kết quả đánh giá qua ý kiến chuyên gia

4.3.2.1. Dựa trên kết quả lấy ý kiến chuyên gia về chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Tổng số phiếu phát ra là 26 phiếu, phiếu thu về là 25 phiếu, chiếm tỷ lệ 96,2%

a) Đánh giá của chuyên gia về sự cần thiết của việc xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Bảng 4.4. Đánh giá của chuyên gia về sự cần thiết của việc xây dựng chương trình

TT	Sự cần thiết của chương trình	Tỷ lệ	
		n	%
1	Rất cần thiết	6	24
2	Cần thiết	19	76
3	Ít cần thiết	0	0
4	Không cần thiết	0	0
Tổng cộng		25	100

Từ kết quả đánh giá của các chuyên gia về sự cần thiết của việc xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên cho thấy đa số ý kiến cho rằng việc xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản là cần thiết (76%), có 24 % ý kiến chuyên gia cho rằng rất cần thiết và 0% ý kiến cho rằng ít cần thiết hoặc không cần thiết.

Như vậy có thể thấy đa số ý kiến của các chuyên gia cho rằng cần thiết phải xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người

lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

b) Đánh giá về việc xác định nội dung bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

Bảng 4.5. Đánh giá của chuyên gia về xác định nội dung chương trình bồi dưỡng

TT	Nội dung chương trình	Tỷ lệ	
		n	%
1	Nội dung đầy đủ, phù hợp để tổ chức bồi dưỡng	16	64
2	Nội dung chưa đầy đủ, cần tiếp tục nghiên cứu bổ sung	6	24
3	Nội dung không đầy đủ, không phù hợp để tổ chức bồi dưỡng	3	12
Tổng cộng		25	100

Từ kết quả đánh giá của các chuyên gia về nội dung bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên cho thấy có 64% ý kiến chuyên gia cho rằng nội dung bồi dưỡng được đề xuất đầy đủ và phù hợp để bồi dưỡng cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên. Có 44% ý kiến cho rằng nội dung chương trình chưa đầy đủ, cần tiếp tục nghiên cứu bổ sung và có 12% ý kiến cho rằng nội dung chương trình không đầy đủ, không phù hợp để tổ chức bồi dưỡng.

c) Đánh giá về thời lượng bồi dưỡng các mô đun trong chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

Bảng 4.6. Đánh giá của các chuyên gia về thời lượng bồi dưỡng các mô đun

TT	Thời lượng bồi dưỡng	Tỷ lệ	
		n	%
1	Thời lượng bồi dưỡng mỗi mô đun nhiều	6	24
2	Thời lượng bồi dưỡng mỗi mô đun vừa đủ	17	68
3	Thời lượng bồi dưỡng mỗi mô đun thiếu	2	8
Tổng cộng		25	100

Qua ý kiến chuyên gia cho thấy thời lượng bồi dưỡng trong mỗi mô đun được đánh giá là vừa đủ (chiếm tỷ lệ cao nhất với 68%), từ đó có thể thấy thời lượng lý thuyết và thực hành trong mỗi mô đun được xây dựng là phù hợp.

d) Đánh giá của chuyên gia về tính khả thi của chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

Bảng 4.7. Đánh giá của chuyên gia về tính khả thi của chương trình bồi dưỡng

TT	Sự khả thi của chương trình	Tỷ lệ	
		n	%
1	Rất khả thi	4	16
2	Khả thi	18	72
3	Ít khả thi	2	8
3	Không khả thi	1	4
Tổng cộng		25	100

Từ kết quả đánh giá của các chuyên gia ở Bảng 4.7 về tính khả thi của chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên cho thấy đa số ý kiến cho rằng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản là khả thi (72%), có 16% ý kiến chuyên gia cho rằng rất khả thi, 8% ý kiến chuyên gia cho rằng ít khả thi và 4% ý kiến cho rằng không khả thi.

Như vậy có thể thấy đa số ý kiến của các chuyên gia cho rằng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được đề xuất là khả thi.

e) Phân tích kết quả định tính thông qua việc phỏng vấn các chuyên gia về chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

Để làm rõ hơn những nội dung trong chương trình bồi dưỡng được đề xuất, chúng tôi tiến hành phỏng vấn sâu 8 chuyên gia tham gia đánh giá chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên để ghi nhận thêm ý kiến từ đó làm cơ sở chỉnh sửa nội dung đề xuất.

Tổng hợp ý kiến phỏng vấn chuyên gia tham gia góp ý chương trình bồi dưỡng, đa số các ý kiến đều thống nhất một số nội dung sau:

1) *Về cấu trúc và nội dung bồi dưỡng*: Tổng chương trình gồm 7 mô đun với 74 giờ là phù hợp với thực tiễn về bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên hiện nay. Cấu trúc và nội dung chương trình bồi dưỡng bám sát mục tiêu bồi dưỡng. Khối lượng kiến thức đáp ứng với nội dung các mục tiêu đề ra.

Có ý kiến cho rằng nên gộp mô đun 6 và mô đun 7 thành một mô đun. Tuy nhiên, 02 mô đun này có thể bổ trợ cho nhau nên việc chia tách thành 02 mô đun là tạo điều kiện cho người học có thể lựa chọn tham gia học, không bị ảnh hưởng bởi thời gian tham gia khóa học.

2) *Về đề cương chi tiết các mô đun*: Đề cương chi tiết các mô đun đã nêu rõ được mục tiêu, phương pháp và phương tiện giảng dạy, đánh giá kết quả, có tài liệu tham khảo, phù hợp với xu hướng hiện nay về bồi dưỡng nghề nghiệp theo định hướng ứng dụng. Tuy nhiên, cần nghiên cứu tăng thêm thời gian thực hành ở mỗi mô đun trong chương trình bồi dưỡng để nâng cao các kỹ năng cho người học.

3) *Về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ giáo viên thực hiện chương trình bồi dưỡng*: Với số lượng trang thiết phục vụ hoạt động bồi dưỡng cơ bản đáp ứng, bảo đảm thực hiện yêu cầu chất lượng của chương trình bồi dưỡng. Tuy nhiên, đây là số lượng tối thiểu, các cơ sở bồi dưỡng cần tăng cường bổ sung thêm một số trang thiết bị thực hành về sơ cấp cứu và về trang thiết bị phòng cháy chữa cháy trên tàu để đa dạng hóa kiến thức, kỹ năng cho học viên trong quá trình thực hành.

***) Đánh giá chung về kết quả lấy ý kiến chuyên gia về chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên**

Thông qua khảo sát ý kiến các chuyên gia cho thấy, hầu hết các chuyên gia đều cho rằng cần thiết phải xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, đồng ý với đề xuất trong đề tài về nội dung chương trình bồi dưỡng, thời lượng bồi dưỡng mỗi mô đun.

Nội dung bồi dưỡng đáp ứng được nhu cầu thực tế của người lao động về kiến thức và kỹ năng thực hành an toàn trên tàu cá, giúp người lao động đánh bắt hải sản bổ sung được kiến thức và kỹ năng còn thiếu. Những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung chỉ tập trung vào làm rõ câu từ, rõ ý của nội dung và đề xuất nên tăng thời lượng thực hành của mỗi mô đun.

Trên cơ sở các ý kiến của chuyên gia, đã được tổng hợp, bổ sung để hoàn thiện chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

4.3.3. Tổ chức thực nghiệm chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên (thực nghiệm gần đúng – quasi-experiment)

4.3.3.1. Mục đích thực nghiệm gần đúng

Tiến hành thực nghiệm này để tính giá tính hiệu quả, khả thi của chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên về nội dung chương trình, thời lượng bồi dưỡng, về tính cần thiết của mô đun bồi dưỡng, về phương pháp, hình thức tổ chức bồi dưỡng.

Từ kết quả thực nghiệm cộng với kết quả khảo sát từ phương pháp chuyên gia làm cơ sở để nâng cao độ tin cậy của kết quả nghiên cứu, qua đó đánh giá khả năng áp dụng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên vào thực tiễn trong thời gian tới.

4.3.3.2. Đối tượng thực nghiệm

30 người lao động đánh bắt hải sản đang sinh sống và hoạt động nghề đánh bắt hải sản tại phường Phú Đông, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên được chọn để tham gia lớp thực nghiệm.

4.3.3.3. Nội dung thực nghiệm

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng về năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, 2 mô đun: “Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu” (MĐ3) và “Năng lực sơ cấp ban đầu khi có người bị tan nạn thương tích trên biển” (MĐ4) bị đánh giá ở mức yếu. Do đó, người nghiên cứu lựa chọn tổ chức bồi dưỡng cho 2 mô đun này trong thực nghiệm sư phạm.

Kết quả thực nghiệm sẽ đánh giá sự thay đổi năng lực của người lao động đánh bắt hải sản trước và sau bồi dưỡng.

4.3.3.4. Tiến trình thực nghiệm

Bước 1: Xác định số lượng và đặc điểm của đối tượng thực nghiệm

Trước khi tiến hành thực nghiệm, người nghiên cứu tổ chức gặp gỡ trao đổi với chính quyền địa phương, Nghiệp đoàn nghề cá Phường Phú Đông, Chi Cục Thủy sản tỉnh Phú Yên, Hội Chữ thập đỏ Thành phố Tuy Hòa, Hội chữ thập đỏ Phường Phú Đông và đại diện một số chủ tàu cá (cũng là người lao động đánh bắt hải sản) để thống nhất chọn 30 người là lao động đang trực tiếp tham gia đánh bắt hải sản để hình thành lớp học.

Về đặc điểm của đối tượng tham gia thực nghiệm:

- Về giới tính: 100% là nam giới;
- Về độ tuổi: 34% dưới 30 tuổi, 48% từ 30 đến 40 tuổi, 18% từ 40 tuổi trở lên;
- Về trình độ văn hóa: 100% tốt nghiệp trung học cơ sở.

Bước 2: Chuẩn bị cơ sở vật chất và các nguồn lực khác để đảm bảo hiệu quả hoạt động bồi dưỡng

Thống nhất với địa phương về chọn địa điểm bồi dưỡng đủ điều kiện về cơ sở vật chất để dạy lý thuyết, có đầy đủ bàn ghế cho học viên và giáo viên, trang thiết bị dạy lý thuyết như máy vi tính, máy chiếu, bảng viết; chuẩn bị trang thiết bị thực hành như dụng cụ cứu thương, dụng cụ cứu hỏa,..

Lựa chọn giáo viên tham gia bồi dưỡng là người có tốt nghiệp chuyên ngành khai thác thủy sản, đã từng tham gia khóa bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên. Người nghiên cứu trao đổi với giáo viên lớp thực nghiệm về mục đích, nội dung thực nghiệm, cách thức tiến hành tổ chức bồi dưỡng theo những nội dung được đề xuất trong luận án. Thống nhất với giáo viên lớp thực nghiệm về các nội dung như thời gian biểu của khóa bồi dưỡng; giáo án, tài liệu hướng dẫn học tập và các điều kiện, phương tiện cần thiết cho quá trình tổ chức thực nghiệm. Đề nghị giáo viên soạn giáo án để lên lớp thực nghiệm theo mẫu giáo án ở Phụ lục 18.

Bước 3: Đánh giá năng lực ban đầu của đối tượng thực nghiệm

Trước khi tiến hành bồi dưỡng, tổ chức đánh giá năng lực ban đầu của người tham gia thực nghiệm thông qua phiếu đánh giá. Bài kiểm tra đánh giá năng lực đầu vào 02 mô đun tại Phụ lục 14 và Phụ lục 16.

Bước 4: Tổ chức bồi dưỡng theo nội dung chương trình

Bước 5: Đánh giá kết quả bồi dưỡng

Sau khi kết thúc mỗi mô đun bồi dưỡng thì tiến hành đánh giá năng lực của học viên theo tiêu chuẩn từ đó so sánh, đánh giá kết quả năng lực trước khi bồi dưỡng và năng lực sau khi bồi dưỡng.

4.3.3.5. Công cụ và phương pháp đánh giá kết quả thực nghiệm

**) Công cụ đánh giá*

Thiết kế phiếu đánh giá “Năng lực sơ cứu ban đầu người khi bị tai nạn thương tích trên biển” và “Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu” (Phụ lục 15 và Phụ lục 17)

**) Phương pháp đánh giá*

Việc đối chứng được thực hiện bằng cách đánh giá năng lực của những học viên tham gia thực nghiệm trước và sau khi kết thúc mô đun bồi dưỡng thực nghiệm. Sau đó đem so sánh 2 kết quả này để đánh giá về sự phát triển về năng lực nghề nghiệp cũng như rút ra kết luận về tính khả thi và hiệu quả của việc triển khai chương trình bồi dưỡng nhằm chứng minh cho giả thuyết khoa học đã đề ra từ đầu.

- Thang đánh giá

Các tiêu chuẩn và điều kiện đánh giá năng lực của học viên được giáo viên thông báo cho học viên biết trước. Tiêu chí đánh giá năng lực đầu vào cũng như tiêu chí đánh giá năng lực đầu ra của học viên ở mỗi mô đun theo 4 mức độ, cụ thể:

Kết quả đạt dưới 5 điểm: Năng lực ở mức Yếu;

Kết quả đạt từ 5 đến dưới 7 điểm: Năng lực ở mức Trung bình;

Từ 7 đến dưới 9 điểm: Năng lực ở mức Khá;

Từ 9 đến 10 điểm: Năng lực ở mức Tốt.

- Năng lực ở mức yếu: Không thực hiện được công việc theo yêu cầu cụ thể:

Thao tác thực hiện công việc còn sai sót về mặt kỹ thuật.

Không đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện thao tác.

- *Năng lực ở mức trung bình*: Cần phải hỗ trợ, trợ giúp mới hoàn thành được công việc theo yêu cầu, cụ thể:

Thực hiện được công việc theo hướng dẫn của giáo viên.

Tốc độ thực hiện công việc còn chậm, chưa dứt khoát.

Đảm an toàn trong quá trình thực hiện thao tác.

- *Năng lực ở mức khá*: Thực hiện công việc tốt, không cần phải hỗ trợ, trợ giúp, cụ thể:

Thực hiện được công việc theo hướng dẫn của giáo viên.

Tốc độ thực hiện công việc nhanh.

Đảm an toàn trong quá trình thực hiện thao tác.

- *Năng lực ở mức tốt*: Thực hiện công việc tốt, nhanh, chính xác, có sáng tạo trong quá trình thực hiện, đảm bảo an toàn ở mức cao nhất trong quá trình thao tác.

Ngoài ra, người nghiên cứu cũng sử dụng các tham số để so sánh kết quả học tập trước và sau thực nghiệm, cụ thể:

* Giá trị trung bình \bar{X} được tính theo công thức: $\bar{x} = \frac{\sum_{i=1}^n x_i \cdot f_i}{N}$

Trong đó: N là số bài kiểm tra (số học viên làm bài kiểm tra);

x_i là loại điểm (thí dụ: điểm 0,1, 2,...,10) và (f_i) là tần số các điểm mà học viên đạt được.

* Phương sai được tính bằng công thức: $s^2 = \frac{\sum_{i=1}^n (x_i - \bar{x})^2 \cdot f_i}{N}$

* Độ lệch chuẩn được tính bằng công thức: $s = \sqrt{\frac{\sum_{i=1}^n (x_i - \bar{x})^2 \cdot f_i}{N}}$

* Kết quả bài kiểm tra tính bằng hệ số biến thiên (hệ số phân tán)

$V = \frac{s}{\bar{x}}$ (%), hệ số này càng thấp thì chất lượng bài kiểm tra càng cao.

4.3.3.6. Thời gian tiến trình thực nghiệm:

Thời gian triển khai quá trình thực nghiệm từ tháng 7 đến tháng 10 năm 2023.

4.3.4. Kết quả thực nghiệm

4.3.4.1. Kết quả thực nghiệm Mô đun 3: Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu

Bảng 4.8. Phân phối tần số điểm đánh giá “Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu”

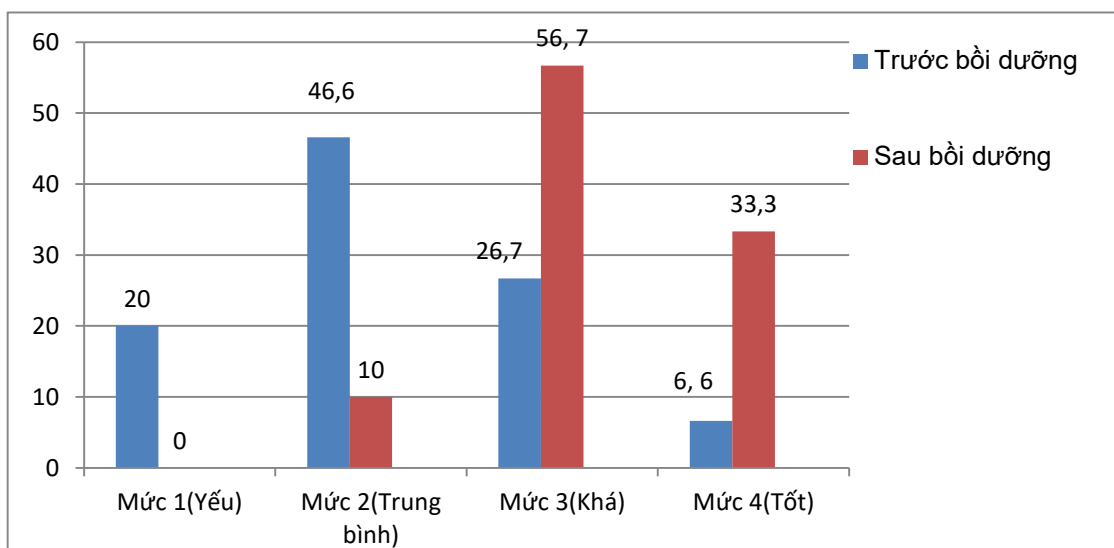
Các loại điểm (x_i)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Số bài kiểm tra
Tần số (f_i) mỗi loại điểm của học viên trước bồi dưỡng	0	0	0	1	5	7	7	6	2	1	1	30
Tần số (f_i) mỗi loại điểm của học viên sau bồi dưỡng	0	0	0	0	0	1	2	10	7	9	1	30

Dựa vào bảng phân phối tần số điểm đánh giá xác định mức độ năng lực trước và sau bồi dưỡng như sau:

Bảng 4.9. Mức độ “Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu” trước và sau bồi dưỡng

Học viên	Tổng số bài	Mức độ %			
		Mức 1 (yếu)	Mức 2 (Trung bình)	Mức 3 (Khá)	Mức 4 (Tốt)
Trước bồi dưỡng	30	20,00	46,6	26,7	6,6
Sau bồi dưỡng	30	0,00	10,00	56,7	33,3

Biểu đồ 4.1. Mức độ “Năng lực xử lý khi có cháy” trước và sau bồi dưỡng

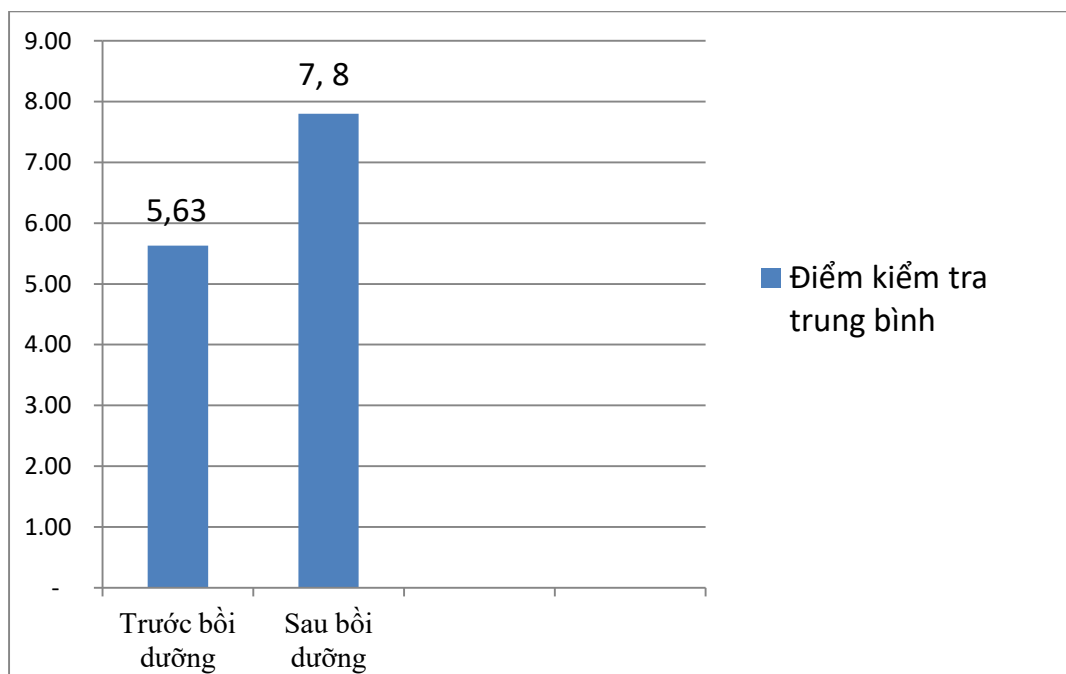


Căn cứ bảng thống kê trên, thì kết quả các tham số như sau:

- Điểm trung bình:

Trước thực nghiệm: $\bar{x} = 5,63$ Sau thực nghiệm: $\bar{x} = 7,80$

Biểu đồ 4.2. Điểm kiểm tra trung bình trước và sau bồi dưỡng



- Phương sai và độ lệch chuẩn:

Trước thực nghiệm (n= 30)

x_i	f_i	$x_i - \bar{x}$	$(x_i - \bar{x})^2$	$(x_i - \bar{x})^2 \cdot f_i$
3	1	-2,63	6,91	6,91
4	5	-1,63	2,65	13,28
5	7	-0,63	0,39	2,77
6	7	0,37	0,13	0,95
7	6	1,37	1,87	11,26
8	1	2,37	5,61	5,61
9	1	3,37	11,35	11,35
10	1	4,37	19,09	19,09

Sau thực nghiệm (n = 30)

x_i	f_i	$x_i - \bar{x}$	$(x_i - \bar{x})^2$	$(x_i - \bar{x})^2 \cdot f_i$
3	0	-4,8	23,04	0
4	0	-3,8	14,44	0
5	1	-2,8	7,84	7,84
6	2	-1,8	3,24	6,48
7	10	-0,8	0,64	6,4
8	7	0,2	0,04	0,28
9	9	1,2	1,44	12,96
10	1	2,2	4,84	4,84

- Các tham số thống kê:

Trước bồi dưỡng	Sau bồi dưỡng
$\sum_{i=1}^n (x_i - \bar{x})^2 \cdot f_i = 71,27$ $s^2 = 2,37$ $s = \pm 1,54$ $V = 0,27 (27\%).$	$\sum_{i=1}^n (x_i - \bar{x})^2 \cdot f_i = 38,8$ $s^2 = 1,29$ $s = \pm 1,14$ $V = 0,14 (14\%).$

Qua kết quả thực nghiệm bồi dưỡng mô đun 3: “Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu” cho người lao động đánh bắt hải sản, những nhận xét và đánh giá được ghi nhận như sau:

Điểm trung bình của học viên sau bồi dưỡng (7,80) cao hơn hẳn so với điểm trung bình trước khi bồi dưỡng (5,63). Điều này chứng tỏ kết quả học tập sau khi bồi dưỡng cao hơn trước khi bồi dưỡng.

Trước khi bồi dưỡng, “Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu” của người lao động đánh bắt hải sản tham gia thực nghiệm chủ yếu ở mức trung bình (chiếm 46,6%) và mức khá chiếm 26,7%, mức tốt chiếm rất thấp (6,6%). Tuy nhiên, sau khi được bồi dưỡng, tỷ lệ xếp loại năng lực khá tăng 30%, tỷ lệ người lao động đánh bắt hải

sản đạt loại trung bình giảm rõ rệt (giảm 40%). Đặc biệt, tỷ lệ xếp loại tốt tăng mạnh (tăng 26,7%).

Bên cạnh đó, hệ số phân tán sau bồi dưỡng chỉ có 14%; trong khi đó hệ số phân tán trước bồi dưỡng là 27%; chứng tỏ năng lực xử lý khi có cháy trên tàu của người lao động đánh bắt hải sản sau khi bồi dưỡng đã được nâng lên rõ rệt so với trước khi bồi dưỡng.

4.3.4.2. Kết quả thực nghiệm Mô đun 4: Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích

Bảng 4.10. Phân phối tần số điểm đánh giá “Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích”

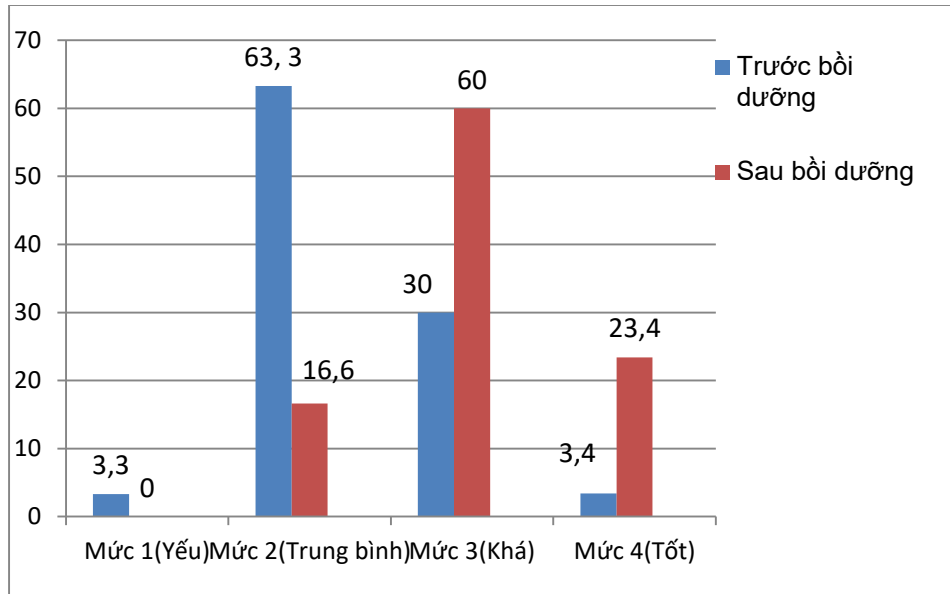
Các loại điểm (x_i)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Số bài kiểm tra
Tần số (f_i) mỗi loại điểm của học viên trước bồi dưỡng	0	0	0	0	1	6	13	6	3	1	0	30
Tần số (f_i) mỗi loại điểm của học viên sau bồi dưỡng	0	0	0	0	0	2	3	8	10	7	0	30

Dựa vào bảng phân phối tần số điểm đánh giá xác định mức độ năng lực trước và sau bồi dưỡng như sau:

Bảng 4.11. Mức độ “Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích” trước và sau bồi dưỡng

Lớp	Tổng số bài	Mức độ %			
		Mức 1 (yếu)	Mức 2 (Trung bình)	Mức 3 (Khá)	Mức 4 (Tốt)
Trước bồi dưỡng	30	3,3	63,3	30,0	3,4
Sau bồi dưỡng	30	0	16,6	60,0	23,4

Biểu đồ 4.3. Mức độ “Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích” trước và sau bồi dưỡng



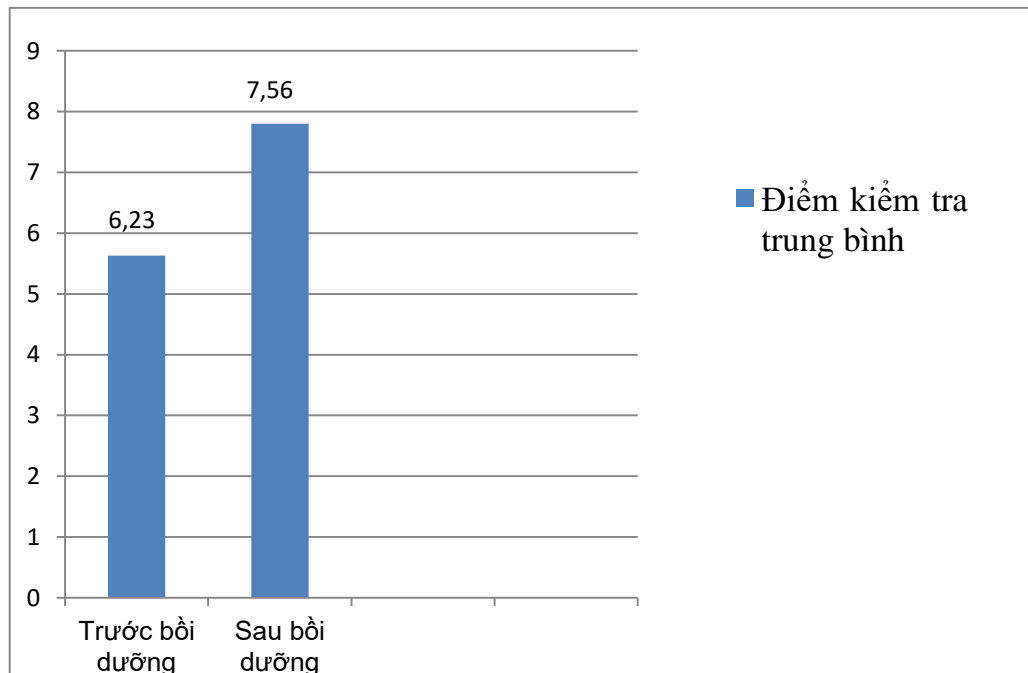
Căn cứ bảng thống kê trên, thì kết quả các tham số như sau:

- Điểm trung bình:

Trước bồi dưỡng: $\bar{x} = 6,23$;

Sau bồi dưỡng: $\bar{x} = 7,56$

Biểu đồ 4.4. Điểm trung bình trước và sau khi bồi dưỡng



- Phương sai và độ lệch chuẩn:

Trước bồi dưỡng (n= 30)

Sau bồi dưỡng (n = 30)

x_i	f_i	$x_i - \bar{x}$	$(x_i - \bar{x})^2$	$(x_i - \bar{x})^2 \cdot f_i$	x_i	f_i	$x_i - \bar{x}$	$(x_i - \bar{x})^2$	$(x_i - \bar{x})^2 \cdot f_i$
3	0	-3,23	10,43	0	3	0	-4,56	20,79	0
4	1	-2,23	4,97	4,97	4	0	-3,56	12,67	0
5	6	-1,23	1,51	9,08	5	2	-2,56	6,55	13
6	13	-0,23	0,05	0,69	6	3	-1,56	2,43	7,3
7	6	0,77	0,59	3,56	7	8	-0,56	0,31	2,5
8	3	1,77	3,13	9,40	8	10	0,44	0,19	1,9
9	1	2,77	7,67	7,67	9	7	1,44	2,07	15
10	0	3,77	14,21	0	10	0	2,44	5,95	0

- Các tham số thống kê:

Trước bồi dưỡng	Sau bồi dưỡng
$\sum_{i=1}^n (x_i - \bar{x})^2 \cdot f_i = 35,36$ $s^2 = 1,18$ $s = \pm 1,08$ $V = 0,17 (17\%).$	$\sum_{i=1}^n (x_i - \bar{x})^2 \cdot f_i = 39,00$ $s^2 = 1,30$ $s = \pm 1,14$ $V = 0,15 (15\%).$

Từ kết quả thực nghiệm bồi dưỡng mô đun “Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích”, những nhận xét, đánh giá được thể hiện như sau:

Điểm trung bình của học viên sau bồi dưỡng (7,56) cao hơn hẳn so với điểm trung bình trước khi bồi dưỡng (6,23). Điều này chứng tỏ kết quả học tập sau khi bồi dưỡng cao hơn trước khi bồi dưỡng.

Trước khi bồi dưỡng, năng lực của người lao động đánh hải sản tham gia thực nghiệm chủ yếu ở mức trung bình (chiếm 63,3%) và mức khá chiếm 30%, mức tốt chiếm rất thấp (3,4%). Tuy nhiên, sau khi được bồi dưỡng, tỷ lệ người lao động đánh bắt hải sản tham gia thực nghiệm được xếp loại năng lực khá tăng 30%, tỷ lệ người lao động đánh bắt hải sản đạt loại trung bình giảm rõ rệt (giảm 46,7%). Đặc biệt, tỷ lệ xếp loại tốt tăng mạnh (tăng 20%).

Bên cạnh đó hệ số phân tán sau bồi dưỡng chỉ có 15%; trong khi đó hệ số phân tán trước bồi dưỡng là 17%; chứng tỏ “năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích” của người lao động đánh bắt hải sản sau khi bồi dưỡng đã được nâng lên rõ rệt so với trước khi bồi dưỡng.

****) Đánh giá chung về kết quả thực nghiệm gần đúng***

Học viên vượt qua rào cản về tuổi tác, trình độ để tích cực tham gia lớp, cả phần lý thuyết lẫn thực hành, chia sẻ những kinh nghiệm của bản thân cho nhóm, khi giáo viên vận dụng các kỹ thuật dạy học trong quá trình giảng thì học viên lớp có hứng thú nhiều hơn, không cảm thấy chán, có phát biểu khi không rõ hoặc trả lời câu hỏi của giáo viên, thích tham gia vào hoạt động làm việc theo nhóm, có tham gia ý kiến vào giải quyết nhiệm vụ học tập của nhóm.

Qua kết quả thực nghiệm sư phạm (thực nghiệm gần đúng), có thể khẳng định các nội dung bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được thiết kế theo mô đun đã được đề xuất là phù hợp, mang tính khả thi, thể hiện ở việc là kết quả năng lực nghề nghiệp của học viên được nâng cao so với trước khi được bồi dưỡng trước.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Trên cơ sở phân tích lý luận và kết quả khảo sát thực trạng về bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, trong luận án đã đề xuất được chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

Chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được xây dựng dựa trên tiếp cận năng lực. Nội dung chương trình được xây dựng gồm 7 mô đun, trong đó thể hiện mục tiêu, nội dung, thời gian bồi dưỡng, điều kiện thực hiện chương trình và hình thức kiểm tra đánh giá cho từng mô đun.

Sau khi xây dựng chương trình bồi dưỡng, tiếp tục lấy ý kiến chuyên gia được tiến hành và tổ chức thực nghiệm sư phạm (thực nghiệm gần đúng) để khẳng định tính cần thiết và tính khả thi của nội dung chương trình bồi dưỡng được đề xuất. Kết quả qua ý kiến chuyên gia đã khẳng định chương trình bồi dưỡng được đề xuất là cần thiết và khả thi, phù hợp với yêu cầu thực tiễn cũng như đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên hiện nay.

Trong quá trình thực nghiệm 02 mô đun trong chương trình bồi dưỡng, việc áp dụng các phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa người học, lấy người học làm trung tâm đã có tác dụng trong việc phát huy tính tích cực của học viên trong nhận thức, nâng cao năng lực làm việc nhóm của học viên.

Kết quả thực nghiệm cũng cho thấy rất hiệu quả, điểm trung bình sau thực nghiệm bồi dưỡng cao hơn nhiều so với trước khi bồi dưỡng thực nghiệm. Điều này, càng chứng tỏ tính hiệu quả của nội dung chương trình bồi dưỡng được đề xuất.

Với tài liệu học tập, các phương pháp và phương tiện dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá được vận dụng trong quá trình thực nghiệm đã mang lại hiệu quả và phù hợp trong bồi dưỡng người lao động đánh bắt hải sản, năng lực nghề nghiệp của họ được nâng cao sau bồi dưỡng.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Đề tài “*Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên*” đã hoàn thành mục tiêu và bốn nhiệm vụ nghiên cứu đã đề ra. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu có thể rút ra một số kết luận như sau:

Một là, từ tổng hợp và phân tích các công trình khoa học được công bố, đã phác họa khá rõ về nghiên cứu tổng quan các công trình khoa học trong và ngoài nước về năng lực nghề nghiệp và bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản, hệ thống hóa lại được cấu trúc năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản dựa vào tiêu chuẩn kỹ năng nghề khai thác hải sản do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành và hoạt động thực tế nghề nghiệp đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

Hai là, sau khi tiến hành khảo sát và đánh giá đã xác định được thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên. Từ kết quả thực trạng cho thấy bên cạnh những ưu điểm cũng còn có những hạn chế nhất định, trong khi đó nhu cầu bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên để đáp ứng yêu cầu công việc cũng chiếm tỷ lệ cao.

Ba là, trên cơ sở lý luận và thực trạng về bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, mục tiêu và nội dung bồi dưỡng đã được xác định. Từ đó, xây dựng được chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên gồm 7 mô đun với thời lượng bồi dưỡng hợp lý. Với kết quả nghiên cứu khẳng định chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên có thể được áp dụng hoặc thay thế những chương trình bồi dưỡng ngắn hạn có liên quan đến nội dung an toàn lao động cho nghề đánh bắt hải sản theo quy định tại Thông tư 25/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được khi tốt

nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của 90 ngành, nghề đào tạo (Bộ Lao động Thương binh & Xã Hội, 2020).

Bốn là, sau khi tiến hành lấy ý kiến chuyên gia và thực nghiệm sư phạm bước đầu đã khẳng định chương trình bồi dưỡng được đề xuất có tính cần thiết và khả thi: Nội dung bồi dưỡng đầy đủ, thiết thực, phù hợp với đối tượng bồi dưỡng; chương trình bồi dưỡng hợp lý và hoàn toàn khả thi, có thể áp dụng vào thực tế. Đặc biệt, qua kết quả thực nghiệm sư phạm cho thấy, nếu xác định đúng nội dung bồi dưỡng, kết hợp với việc đổi mới phương pháp bồi dưỡng đã đem lại hiệu quả trong việc nâng cao được năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

Tóm lại, từ những kết quả nghiên cứu nêu trên có thể khẳng định giả thuyết khoa học đã được xây dựng trong luận án là đúng. Chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản đã đề xuất là cần thiết và tính khả thi.

2. KHUYẾN NGHỊ

Nhằm triển khai Chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản đã đề xuất ở tỉnh Phú Yên, sau đó ở các tỉnh có người lao động đánh bắt hải sản thì cần tiến hành thực nghiệm 05 mô đun còn lại, sau đó đánh giá và hoàn thiện (nếu cần). Đồng thời, để chương trình bồi dưỡng đã được đề xuất này thực sự góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản đã đề xuất ở tỉnh Phú Yên thì các cơ sở bồi dưỡng, các cá nhân liên quan tuân theo những khuyến nghị phù hợp riêng dưới đây.

2.1. Đối với các cơ sở bồi dưỡng

Cần nhận thức được tầm quan trọng của việc bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp nói chung, bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản nói riêng trong giai đoạn hiện nay.

Với quan điểm tiếp cận năng lực trong xây dựng chương trình thì cơ sở vật chất phải thích ứng với nội dung bồi dưỡng. Vì vậy, khi xây dựng chương trình cần chú ý đến việc thiết kế phương tiện dạy học phù hợp với điều kiện bồi dưỡng, đa

dạng hóa các hình thức bồi dưỡng nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người lao động đánh bắt hải sản có cơ hội tham gia các khóa bồi dưỡng.

Nghiên cứu và phát triển đồng bộ các chương trình về bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên tham gia bồi dưỡng cho người lao động đánh bắt hải sản như bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng kỹ thuật thiết kế dạy học, bồi dưỡng thiết kế phương tiện dạy học (các khóa học dành cho những thuyền trưởng hoặc những người có chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động đánh bắt hải nhưng chưa qua bồi dưỡng nghiệp vụ để trở thành giáo viên), từ đó nâng cao được số lượng và chất lượng giáo viên bồi dưỡng.

2.2. Đối với giáo viên tham gia bồi dưỡng

Giáo viên tham gia bồi dưỡng phải thực sự yêu nghề, tâm huyết với nghề, là người có kiến thức và kinh nghiệm trong công tác bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản, muốn vậy giáo viên phải tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng đồng thời tự trau dồi kiến thức mới, kinh nghiệm của bản thân nhằm đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của việc tổ chức dạy học theo tiếp cận năng lực.

Giáo viên bồi dưỡng cần nghiên cứu kỹ chương trình bồi dưỡng và đặc điểm học tập của người lao động đánh bắt hải sản để có những điều chỉnh về phương pháp, hình thức bồi dưỡng sao cho phù hợp.

2.3. Đối với người lao động đánh bắt hải sản

Cần nhận thức rõ tầm quan trọng về việc học tập và rèn luyện năng lực nghề nghiệp nói chung, năng lực thực hành an toàn trên tàu cá nói riêng đối với hoạt động nghề nghiệp của mình. Khắc phục những khó khăn của bản thân để vươn lên trong học tập nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu công việc.

Cần có kế hoạch tự bồi dưỡng để định hướng cho hoạt động học tập của bản thân. Tham gia bồi dưỡng khi có điều kiện, trong quá trình tham gia bồi dưỡng thì tích cực hoạt động nhóm, tích cực tìm kiếm thông tin, trao đổi với những học viên khác để cùng giải quyết những nhiệm vụ học tập mà giáo viên đặt ra.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban chấp hành Trung ương Đảng. (2018). Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Ban Dân nguyện (Quốc hội). (2013). Báo cáo số 574/BC-BDN ngày 21/10/2013 của Ban Dân nguyện về kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri về khó khăn trong sản xuất và đời sống ngư dân.
- Ban quản lý dự án nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững Phú Yên. (2016). Báo cáo quy hoạch khai thác thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá vùng ven biển tỉnh Phú Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.
- Bộ Lao động Thương binh & xã hội. (2012). Tài liệu an toàn lao động vệ sinh nghề cá.
- Bộ Lao động Thương binh & xã hội. (2021). Quyết định số 806/QĐ-LĐTBXH ngày 14/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) về Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia: Tên nghề: Khai thác thủy sản biển
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2018). Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 quy định về thuyền viên tàu cá, tàu công vụ thủy sản.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2020) Thông tư 25/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của 90 ngành, nghề đào tạo.
- Ben-Yami, M., & A.M. Anderson. (1985). Community fishery centres: guidelines for establishment and operation. FAO Fish.
- Cao, D. C. (2012). *Dạy học theo tiếp cận năng lực thực hiện ở các Trường Đại học sư phạm Kỹ thuật* (Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội).
- Chi cục Thủy sản Phú Yên. (2022), Báo cáo số 04/BC-TS ngày 15/11/2022 về Tổng

- kết thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và kế hoạch thực hiện năm 2023.
- Công ty vận tải và thuê tàu biển Việt Nam. (1988), *Nguy cấp và an toàn trên biển*, NXB Giao thông vận tải.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2006), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2022). Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
- Đào, Q. D. (2016). Chất lượng thuyền viên xuất khẩu Việt Nam. *Tạp chí khoa học – Công nghệ Hàng hải*(46), 100-104.
- Đào, Th. O. (2016). *Năng lực nghề nghiệp giảng viên đại học sư phạm – Lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm.
- Đỗ, T. H. (2017). *Quản lý bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên trung học phổ thông các tỉnh tây nguyên trong bối cảnh đổi mới giáo dục* (Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Học viện Quản lý giáo dục).
- FAO (2008). Training Manual on Safety of Life at Sea, December 2008
- Grimsmo-Powney H., Harris E.C, Reading I. et al. (2010). Occupational health needs of commercial fisherman in South West England. *Occup.Med.* (Lond), 60(1), (pp.49-53).
- Hoàng, Ph. (2003). *Từ điển Tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học: Nxb Đà Nẵng.
- Hoàng, T. A., Nguyễn, Đ. B. (2015). Tiếp cận dạy học định hướng phát triển năng lực. *Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Tâm lý học và Giáo dục học với phát triển phẩm chất và năng lực người học*, Hà Nội, 2015 (tr.104-112). Hà Nội: Nxb Thế giới.
- Hội nghề cá Việt Nam. (2007). *Bách khoa thủy sản*. Hà Nội: NXB Nông nghiệp
- Lại, X. M. (2013). Xác định nhu cầu của ngư dân trong phát triển kinh tế biển, những kiến nghị và các giải pháp hỗ trợ. *Tài liệu hội thảo các giải pháp hỗ trợ ngư dân phát triển kinh tế biển*. Phú Yên, tr. 29-34.
- Laura N. Syron, Devin L. Lucas, Viktor E. Bovbjerg, Jeffrey W. Bethel, Laurel D. Kincl. (2016). Utility of a Work Process Classification System for characterizing non-fatal injuries in the Alaskan commercial fishing industry, Int

- J Circumpolar Health, 75(1), (pp.70-75).
- Laursen LH, Hansen HL, Jensen O.C. (2008). Fatal occupational accidents in Danish fishing vessels 1989-2005, *Int J Inj Contr. Saf. Promot*, Jun;15(2): pp.109-117.
- Lê, H. M. (2011). *Nghiên cứu điều kiện lao động và sức khỏe nghề nghiệp của ngư dân đánh bắt hải sản xa bờ ở một số tỉnh phía nam Việt Nam* (Luận án Tiến sĩ Y học, Học viện Quân Y).
- Lê, V. Tr. (2013). Phú Yên hỗ trợ ngư dân phát triển kinh tế biển – Thực trạng và giải pháp. *Tài liệu hội thảo các giải pháp hỗ trợ ngư dân phát triển kinh tế biển*. Phú Yên, tr. 171-177.
- Lê, V. L. Tr.; Nguyễn, Th. A. (2015). Đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành của ngư dân về an toàn thực phẩm hải sản ở Khánh Hòa. *Tạp chí khoa học – Công nghệ Thủy sản* (3), 150-157.
- M. Epstein; Edward M. Hunder. (2002). Defining and Assessing profession competence, *JAMA*. January 9, Vol 287, No.2.
- Nguyễn, Đ. Tr.; Hoàng, Ng. V. (2013). *Phương pháp dạy học trong đào tạo nghề*, Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn, Đ. Tr. (2011). *Giáo trình giáo dục học nghề nghiệp*, Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
- Nguyễn, D. Ch.. (2008). Tổng quan nguồn lợi thủy sản, chiến lược và chính sách phát triển ngành thủy sản Việt Nam, Dự án DANIDA, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung Ương.
- Nguyễn, H. L. (1991). *Công tác thủy thủ*, Hà Nội: Nhà xuất bản Giao thông vận tải.
- Nguyễn, L. (2010). *Lí luận quản lí*, Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
- Nguyễn, Th. L. (2012). *Nghiên cứu các giải pháp quản lý hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản ven biển tỉnh Sóc Trăng* (Luận án Tiến sĩ thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ)
- Nguyễn, Th. Tr. (2005) (chủ nhiệm đề tài). *Các giải pháp giải quyết vấn đề lao động, việc làm của ngư dân ven biển duyên hải Miền Trung*. Đà Nẵng: Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (Phân viện Đà Nẵng).

- Nguyễn, Th. L. Ph. (2016). *Chương trình tiếp cận năng lực và đánh giá năng lực người học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn, Th. M. L.; Lâm, Q. Th.; Lê, V. Kh.; Đặng, X. H. (2004). *Một số vấn đề về giáo dục đại học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội.
- Nguyễn, Th. Ng. Th. (2017). *Dạy nghề cho phụ nữ Khmer vùng đồng bằng sông cửu long theo hình thức giáo dục thường xuyên (Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, Hà Nội)*.
- Nguyễn, Th. T. (2015). Phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. *Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Tâm lý học và Giáo dục học với phát triển phẩm chất và năng lực người học*, Hà Nội, 2015 (tr.297-304). Hà Nội: Nxb Thế giới.
- Nguyễn, Tr. Kh. (2011). *Phát triển năng lực và tư duy kỹ thuật*, Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm.
- Nguyễn, V. C. (2005). *Nghiên cứu cải thiện sinh kế trong khai thác hải sản đối với ngư dân vùng ven biển Thành phố Hải Phòng (Luận án Tiến sĩ, Học viên Nông nghiệp Việt Nam)*.
- Nguyễn, V. Kh. (2010), *Phát triển chương trình giáo dục*, Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm.
- Nguyễn, V. S. (2005). *Giáo dục nghề nghiệp - những vấn đề và giải pháp*, Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- Nguyễn, V. T. (2018). *Thực trạng và kết quả giải pháp đào tạo phòng chống tai nạn thương tích của ngư dân và thuyền viên khu vực Hải Phòng (Luận án Tiến sĩ Y tế Cộng đồng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*.
- Nguyễn, X. H. (2016). Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên giáo dục đặc biệt ở Việt Nam theo tiếp cận năng lực nghề nghiệp, *Tạp chí Khoa học*, Đại học Sư phạm Hà Nội, (61), 202-208.
- Phạm, H. M.; Phan, V. A. (2014). Phân tích yếu tố ảnh hưởng đến nghèo trong cộng đồng ngư dân ven biển Ninh Thuận. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, 17(Q4), 46-56.
- Phan, Tr. H.; Vũ, K. Ngh. (2008). *Nguy cơ tiềm ẩn tai nạn trong nghề câu cá ngừ đại*

- dương tỉnh Khánh Hòa. *Tạp chí khoa học – Công nghệ Thủy sản*, (2), 53-58.
- Phùng, Th. Th.T và nnk (2014). Nghiên cứu xây dựng mô hình can thiệp nhằm hạn chế tai nạn do lặn cho ngư dân Khánh Hòa. *Tạp chí Y học thực hành*, 423(2), 55-63.
- Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015). Luật An toàn vệ sinh lao động. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014). Luật Giáo dục nghề nghiệp. Khoản 3, Điều 3. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017). Luật Thủy sản. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Rakesh Belwal, Shweta Belwal, Omar Al Jabri. (2015). The fisheries of Oman: A situation analysis, *Marine Policy*, Volume 61, November 2015, (pp 237-248).
- Sang-Cheol LEE, Hyo-Heon WON. (2015). An Analysis of the Coastal Fisherman's Awareness for the Fisheries and Maritime Job Skills, *Journal of Fisheries and Marine Sciences Education*, Volume 27 Issue 2, (pp 546-555).
- SEAFDEC (2013). Safety recommendations for decked fishing vessels of less than 12 metres in length and undecked fishing vessels, SEAFDEC Regional Training Workshop on Optimizing Energy and Safety at Sea for Small fishing vessels, 4 to 8 February 2013, Bangkok Thailand. (bản dịch của Nguyễn Trọng Lương và Nguyễn Quốc Khánh)
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên. (2020). Báo cáo tình hình tai nạn tàu cá giai đoạn (2015-2019).
- Sohar University, The Research Council. (2013). Training Needs Assessment of Fishermen on the Al- Batinah Coast of Oman for a Sustainable Fishing Sector, Research Grant Report, Agreement No: ORG SU EHR 11 004 Duration: November 2011, May 2013.
- Srinath, Krishna and Rajeev, P. (1995). The use of sea safety measures by fishermen. *Marine Fisheries Information Service, Technical and Extension Series*, 139. pp. 8-9.
- STCW-F. (1995). International Convention on Standards of Training, Certification and Watchkeeping for Fishing Vessel Personnel, IMO

- Su-Chang Chen. (2004). Current situation of e-learning for fishermen in taiwan. iifet 2004 Japan Proceedings. Truy cập ngày 16/4/2020 từ https://ir.library.oregonstate.edu/concern/conference_proceedings_or_journals/j9602194m.
- SUSTAINABLE FISHERIES MANAGEMENT PROJECT (SFMP). (2014). Training for Fishermen in Hygenic Fish Handling, Business Management and the Fisheries Management Plan. Truy cập ngày 15/4/2020 từ https://www.crc.uri.edu/download/GH2014_ACT241_DAA_FIN508.pdf.
- Tạ, V. S. (2008). Biện pháp bồi dưỡng kiến thức cho thanh niên nông thôn của Trung tâm học tập cộng đồng (Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Đại học Sư phạm Hà Nội).
- Taro, Y. (1967). Statistics: An Introductory Analysis, 2nd Edition. New York: Harper and Row.
- Tiêu, V. K. (2012) (người dịch). *Tiêu chuẩn quốc tế về tiêu chuẩn đào tạo huấn luyện, chứng nhận và trực ca cho thuyền viên*, 1978, Hà Nội: Nxb Giao thông vận tải.
- Todd Miner, Laurel D. Kincl, Viktor E. Bovbjerg, Amelia Vaughan, Kaety Jacobson. (2019). Emergency Medical Training for the Commercial Fishing Industry: An Expanded Role for Wilderness Medicine, Wilderness & Environmental Medicine; Volume 30, Issue 3, September 2019, (pp.281-286).
- Tomaszunas S., Renke W., Filikowski J. et al. (1997). Diseases and work-related injuries in Polish seafarers and conditions of their work on foreign-flag ships, Bull. Inst. Marit. Trop. Med. Gdynia., 48(1-4), pp.49-58.
- Trần, Kh. Đ. (2012). Năng lực và năng lực nghề nghiệp. *Tạp chí Giáo dục*, (283), 23-26.
- Trần, V. Th. (2015). Chất lượng lao động ngư nghiệp ở các tỉnh duyên hải miền trung và những vấn đề đặt ra. *Tạp chí Lý luận chính trị*, Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 10, 70-76.
- Trương, Đ. Đ. (2011). *Bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên thực hành các Trường dạy nghề khi vực miền núi phía Bắc* (Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Đại học Thái Nguyên).

- Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên. (2015). Quyết định số 10/2015QĐ-UBND ngày 27/3/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt danh mục, chương trình khung và định mức chi đào tạo nghề trình độ sơ cấp nghề, dạy nghề thường xuyên (dưới 3 tháng) tại các cơ sở dạy nghề và mức hỗ trợ kèm nghề, truyền nghề tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh để đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
- UNESCO. (1998). *Higher Education in the Twenty-first Century: Vision and Action*, World Conference on Higher Education.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên. (2022). Báo cáo số 11/BC-IUU ngày 03/10/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên về việc kết quả triển khai chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.
- Võ, Th. Ng. L. (2024). *Tài liệu giảng dạy Giáo dục người lớn và Đào tạo tiếp tục (Dành cho học viên cao học)*, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh.
- Vũ, Ng. H.; Trần, Kh. Đ. (2003), *Hệ thống giáo dục hiện đại trong những năm đầu thế kỷ XXI*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Trí – Võ Thị Ngọc Lan (2022). Tổng quan nghiên cứu về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở Việt Nam, *Tạp chí giáo dục, Số Đặc biệt 3 – Tháng 4/2022, trang 226 -231.*
2. Nguyễn Trí – Võ Thị Ngọc Lan (2022). Biện pháp nâng cao chất lượng bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, *Tạp chí giáo dục, Số Đặc biệt 3 – Tháng 4/2022, trang 252 - 256.*
3. Nguyễn Trí – Võ Thị Ngọc Lan (2023). Nghiên cứu đề xuất khung năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản, *Tạp chí giáo dục, Số Đặc biệt 1 – Tháng 3/2023, trang 299 - 302.*
4. Nguyễn Trí – Võ Thị Ngọc Lan (2023). Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản theo tiếp cận năng lực thực hiện, *Kỷ yếu hội thảo cấp quốc gia về Sư phạm kỹ thuật lần 2, Tháng 9/2022, trang 350 -362.*
5. Nguyễn Trí – Võ Thị Ngọc Lan (2024). Thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục, Số Đặc biệt Tháng 5/2024, trang 461 - 463.*
6. Nguyễn Trí (2024). Xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục, Số Đặc biệt Tháng 5/2024, trang 464 - 466.*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
----~ &™----

PHỤ LỤC

LUẬN ÁN

**BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CHO NGƯỜI
LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN TẠI TỈNH PHÚ YÊN**

NGÀNH: GIÁO DỤC HỌC

Thành Phố Hồ Chí Minh, Tháng 02 năm 2025

PHỤ LỤC 1

PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN

(Dành cho người lao động đánh bắt hải sản)

Để có cơ sở cho nghiên cứu sinh thực hiện luận án tiến sỹ **“Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên”**. Rất mong Quý Ông/Bà vui lòng cho biết ý kiến của mình ở những câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô thích hợp hoặc ghi ngắn gọn ý kiến của mình vào chỗ trống có dấu (.....) trong phiếu khảo sát.

(Thông tin, ý kiến của Ông(Bà) chỉ dành cho mục đích nghiên cứu luận án)

I. Thông tin cá nhân

Họ và tên:(có thể không ghi mục này)

Năm sinh:..... Trình độ học vấn:.....

Nơi ở hiện nay: Xã/Phường.....Huyện/thị xã/TP.....tỉnh Phú Yên.

Câu 1: Theo ý kiến của Ông/Bà thì mức độ năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của mình hiện nay ở các lĩnh vực sau ở mức độ nào?

TT	Năng lực nghề nghiệp	Mức độ đánh giá			
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
1	Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển				
1.1	Năng lực ném phao cứu sinh cá nhân cho người bị nạn.				
1.2	Năng lực chuẩn bị các phương tiện cứu sinh cứu vớt người bị nạn.				
1.3	Năng lực di chuyển tàu ra xa người bị nạn để người bị nạn không bị hút vào chân vịt.				
1.4	Năng lực thông tin cho các lực lượng chức năng để kịp thời cứu hộ.				
2	Năng lực xử lý khi bị thủng tàu				
2.1	Năng lực xác định vị trí, kích thước lỗ thủng, lưu				

	lượng nước chảy qua lỗ thủng đó.				
2.2	Năng lực đóng kín các cửa hầm kín nước giữa các hầm thủng và những hầm kế cận.				
2.3	Năng lực dùng dụng cụ chống thấm trên tàu để bịt kín tạm thời lỗ thủng.				
2.3	Năng lực sử dụng máy bơm hút nước ra ngoài.				
3	Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu				
3.1	Năng lực nhận biết được vị trí các thiết bị chống cháy và các lối thoát khẩn cấp.				
3.2	Năng lực phân biệt các loại nguồn gây cháy, nguy cơ gây cháy và sự lan truyền của lửa.				
3.3	Năng lực phân loại các chất dập lửa có thể áp dụng				
3.4	Năng lực sử dụng các trang thiết bị và dụng cụ chống cháy; phương pháp, trình tự chống cháy, phương pháp sử dụng dụng cụ thở trong chống cháy và cứu nạn.				
4	Năng lực sơ cứu khi có người bị thương tích				
4.1	Năng lực sử dụng dụng cụ y tế khi sơ cấp cứu				
4.2	Năng lực xác định vị trí tổn thương				
4.3	Năng lực áp dụng kỹ thuật hồi sức				
4.4	Năng lực kiểm soát chảy máu,				
4.5	Năng lực áp dụng các biện pháp thích hợp để chống choáng,				
4.6	Năng lực băng bó và sử dụng các công cụ trong túi cứu thương khẩn cấp				
5	Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu				
5.1	Năng lực chống khát trên biển				
5.2	Năng lực chống đói trên biển				
5.3	Năng lực chuẩn bị phao cứu sinh hoặc các vật thể có thể nổi trên mặt nước, khả năng giữ cho cơ thể nhẹ nhàng để giữ sức lực trong thời gian chờ sự trợ giúp.				

6	Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển			
6.1	Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua sự thay đổi trạng thái của mặt biển.			
6.2	Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua sự thay đổi trạng thái của bầu trời.			
6.3	Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua những biểu hiện khác thường trong hoạt động sống của một số sinh vật sống xung quanh.			
7	Năng lực phòng tránh mất liên lạc			
7.1	Năng lực sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc trên tàu phục vụ cho việc báo động cấp cứu			
7.2	Năng lực liên lạc tới nơi cần cấp cứu để phòng tránh gián đoạn thông tin liên lạc, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động trên biển.			

Câu 2: Theo Ông(Bà), công tác bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở Phú Yên hiện nay có cần thiết không?

- Rất Cần thiết Cần thiết
 Ít Cần thiết Không cần thiết

Câu 3: Ông(Bà) có tham gia các lớp bồi dưỡng về năng lực thực hành an toàn trên tàu cá do các cơ sở bồi dưỡng tổ chức không?

- Thường xuyên Thỉnh thoảng
 Rất Không bao giờ

Câu 4: Theo Ông (Bà), trong quá trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, cần phải đạt được những mục tiêu nào sau đây (được quyền lựa chọn nhiều phương án trả lời)

- Củng cố và phát triển năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển
 Củng cố và phát triển năng lực xử lý khi bị thủng tàu
 Củng cố và phát triển năng lực xử lý khi có cháy trên tàu
 Củng cố và phát triển năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích
 Củng cố và phát triển năng lực sống sót trên biển khi rời tàu

- Củng cố và phát triển năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển
- Củng cố và phát triển năng lực phòng tránh mất liên lạc

Câu 5: Ông (Bà) thực hiện các nội dung liên quan đến năng lực thực hành an toàn trên tàu cá ở mức độ như thế nào?

Nội dung	Mức độ thực hiện			
	Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1. Xử lý khi có người rơi xuống biển				
2. Xử lý khi bị thủng tàu				
3. Xử lý khi có cháy trên tàu				
4. Sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích				
5. Sóng sót trên biển khi rời tàu				
6. Phát hiện và theo dõi bão trên biển				
7. Phòng tránh mất liên lạc				

Câu 6: Theo Ông(Bà) thì các phương pháp bồi dưỡng được các giáo viên thực hiện như thế nào khi bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên?

Phương pháp bồi dưỡng	Mức độ thực hiện			
	Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
Phương pháp thuyết trình				
Phương pháp thực hành				
Phương pháp thảo luận nhóm				
Phương pháp tạo tình huống				

Câu 7. Theo Ông/Bà thì hình thức tổ chức bồi dưỡng hiện nay được các cơ sở bồi dưỡng thực hiện như thế nào?

- Bồi dưỡng trực tiếp (qua các lớp tập huấn)
- Bồi dưỡng trực tiếp kết hợp trực tuyến
- Bồi dưỡng thông qua sinh hoạt nghiệp đoàn nghề cá, thông qua hội nghị, hội thảo
- Tự bồi dưỡng

Câu 8: Theo Ông (Bà) thì các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả bồi dưỡng được các giáo viên thực hiện như thế nào khi bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên?

Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả bồi dưỡng	Mức độ thực hiện			
	Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1. Viết tự luận				
2. Trắc nghiệm				
3. Vấn đáp				
4. Thực hành				

Câu 9: Theo Ông/Bà, những yếu tố nào dưới đây ảnh hưởng đến việc bồi dưỡng NLNN cho người lao động đánh bắt hải sản?

Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng			
	Ảnh hưởng nhiều	Ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
Nhận thức và nhu cầu bồi dưỡng của người lao động đánh bắt hải sản				
Trình độ giáo viên và các chính sách quản lý liên quan đến bồi dưỡng				
Điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện				

phục vụ bồi dưỡng.				
--------------------	--	--	--	--

Câu 10: Theo Ông/Bà, thời lượng phù hợp nhất nào để tổ chức một chương trình bồi dưỡng mà Ông/Bà có thể tham gia?

- Dưới 7 ngày
- Từ 7 đến 10 ngày
- Từ 10 ngày trở lên

Câu 11: Ông/Bà có đề xuất gì đối với cơ sở bồi dưỡng trong việc nâng cao nội dung, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức bồi dưỡng cũng như cơ chế quản lý bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng bồi dưỡng?

.....
.....

Trân trọng cảm ơn những ý kiến đóng góp của Quý Ông/Bà

PHỤ LỤC 2

PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU CÁN BỘ QUẢN LÝ

Để có những thông tin khoa học làm cơ sở cho việc tìm hiểu về tổ chức bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, rất mong muốn quý Ông/Bà dành chút ít thời gian tham gia hỗ trợ trả lời các câu hỏi dưới đây.

Chúng tôi cam kết những thông tin này được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Thông tin cá nhân:

1. Họ và tên:
2. Đơn vị công tác:Chức vụ.....
3. Trình độ chuyên môn:
4. Thâm niên công tác:
5. Ngày phỏng vấn:.....

Câu 1: Theo Ông (Bà) thì thời gian phù hợp để tổ chức bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản là bao lâu?

Trả lời:.....
.....
.....
.....

Câu 2: Ông (Bà) cho biết hiện nay quy trình tổ chức bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được thực hiện như thế nào?

Trả lời:.....
.....
.....
.....

Câu 3: Theo Ông (Bà) thì yếu tố nào ảnh hưởng đến chất lượng lớp bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản?

Trả lời:.....

.....
.....
.....

Câu 4: Ông (Bà) đánh giá thế nào về việc xác định nội dung bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên ?

Trả lời:.....
.....
.....

Câu 5: Theo Ông (Bà) thì những phương pháp bồi dưỡng nào mà giáo viên thường vận dụng trong quá trình bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản?

Trả lời:.....
.....
.....

Câu 6: Ông/Bà cho biết là trong quá trình bồi dưỡng khóa học thì giáo viên đánh giá kết quả bồi dưỡng như thế nào?

Trả lời:.....
.....
.....

Cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Ông/Bà!

PHỤ LỤC 3

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHỎNG VẤN CÁN BỘ QUẢN LÝ

1. Đối tượng, thời gian và địa điểm phỏng vấn

Thời gian	Đối tượng	Địa điểm
2/6/2023	CBQL có mã 1, 2, 3	Phường Phú Đông
5/6/2023	CBQL có mã 4, 5	Sở Lao động thương binh & xã hội tỉnh Phú Yên
8/6/2023	CBQL có mã 6,7	Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Phú Yên

2. Tổng hợp kết quả phỏng vấn

Câu 1: Theo Ông (Bà) thì thời gian phù hợp để tổ chức bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên là bao lâu?

CBQL 1, 4, 6, 7: Thời gian tổ chức bồi dưỡng khoảng 01 tuần cho tất cả các mô đun, đây là khoảng thời gian phù hợp để có thể tham gia được vì sau mỗi chuyến đánh bắt hải sản. Nếu thời lượng bồi dưỡng kéo dài sẽ ảnh hưởng đến thời gian tập trung đi chuyến kế tiếp, người lao động không thể thu xếp công việc tham gia được.

CBQL 2, 3, 5: Thời gian tối đa là 07 ngày và nên chọn vào ngày kết thúc chuyến biển.

Câu 2: Ông (Bà) cho biết hiện nay quy trình tổ chức bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được thực hiện như thế nào?

CBQL 1, 3, 4: Theo đề xuất của địa phương nơi người lao động đánh bắt hải sản sinh sống, khi có những quy định mới ban hành có liên quan đến nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản, chi cục thủy sản sẽ thông báo về mỗi địa phương biết, đề nghị địa phương thông tin cho người lao động đánh bắt hải sản ở địa phương đăng ký bồi dưỡng, khi đủ số lượng sẽ mở lớp.

CBQL 2, 5, 6,7: Theo yêu cầu của người lao động đánh bắt hải sản, chi cục Thủy sản tỉnh sẽ liên hệ cơ sở đào tạo có chức năng để phối hợp tổ chức bồi dưỡng,

căn cứ vào yêu cầu mở lớp của người động đánh bắt hải sản, cơ sở đào tạo sẽ liên hệ với đơn vị có chức năng đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ để phối hợp đào tạo, lựa chọn địa điểm bồi dưỡng gần nơi sinh sống của người lao động, thông thường địa điểm được lựa chọn là hội trường UBND xã, thôn có cơ sở vật chất tốt, sau đó tập trung tất cả học viên lại để tổ chức bồi dưỡng.

Căn cứ vào yêu cầu mở lớp của người động đánh bắt hải sản, cơ sở đào tạo sẽ liên hệ với đơn vị có chức năng đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ để phối hợp đào tạo, hình thức bồi dưỡng là lựa chọn địa điểm bồi dưỡng gần nơi sinh sống của người lao động, thông thường địa điểm được lựa chọn là hội trường UBND xã, thôn có cơ sở vật chất tốt, sau đó tập trung tất cả học viên lại để tổ chức bồi dưỡng.

Câu 3: Theo Ông (Bà) thì yếu tố nào ảnh hưởng đến chất lượng lớp bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản?

CBQL 1, 2, 3,5: Ảnh hưởng đến kết quả chính là đặc điểm của học viên, họ là những người lớn tuổi đi học nên gặp khó khăn trong quá trình học, khả năng tiếp thu có chậm hơn các đối tượng khác như học sinh, sinh viên. Vì vậy phương pháp bồi dưỡng cũng khác, nếu áp dụng không hợp lý thì kết quả bồi dưỡng sẽ không tốt, mặc dù cơ sở bồi dưỡng đã xây dựng chương trình, nội dung theo hướng mới, tuy nhiên không phải giáo viên nào cũng có kinh nghiệm giảng dạy và cũng ít có cơ hội trao đổi kinh nghiệm với các giáo viên khác nên chất lượng giáo viên đôi lúc không phù hợp.

CBQL 6, 7: Ảnh hưởng đến kết quả chính là đặc điểm của học viên, họ là những người lớn tuổi đi học nên phương pháp bồi dưỡng cũng khác, nếu áp dụng không hợp lý thì kết quả bồi dưỡng sẽ không tốt, mặc dù cơ sở bồi dưỡng đã xây dựng chương trình, nội dung theo hướng mới, tuy nhiên không phải giáo viên nào cũng có kinh nghiệm giảng dạy và cũng ít có cơ hội trao đổi kinh nghiệm với các giáo viên khác nên chất lượng giáo viên đôi lúc không phù hợp.

Ngoài ra, chương trình bồi dưỡng theo quy định của các cấp ban hành, ít theo nhu cầu của học viên nên cơ sở bồi dưỡng cũng khó thay đổi dẫn đến học viên học không hứng thú vì không theo nhu cầu, chỉ học để mong có chứng chỉ đáp ứng yêu

cầu công việc mà bắt buộc phải có. Nếu không yêu cầu chứng chỉ thì việc tuyển sinh rất khó khăn, học viên không mặn mà nên không đăng ký.

Câu 4: Ông (Bà) đánh giá thế nào về việc xác định nội dung bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên?

CBQL 1, 4, 5: Hầu hết các chương trình bồi dưỡng được sử dụng khi tổ chức bồi dưỡng cho các đối tượng đánh bắt hải sản khác nhau như thuyền trưởng, máy trưởng có mục tiêu được xác định trước đó là dựa vào mục tiêu của các chương trình đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, không theo điều kiện của từng địa phương hay năng lực của người học và vẫn chưa theo nhu cầu người học.

CBQL 2, 3, 6, 7: Việc xây dựng nội dung chưa phù hợp, thiết thực với người lao động đánh bắt hải sản, chưa xây dựng thành những mô đun bồi dưỡng riêng lẻ nhằm phát triển từng năng lực nghề nghiệp. Các cơ sở bồi dưỡng khi xây dựng nội dung bồi dưỡng chưa đáp ứng nhu cầu của người học và không theo mô đun, điều này là chưa bám sát yêu cầu của dạy học theo tiếp cận năng lực thực hiện.

Câu 5: Theo Ông (Bà) thì những phương pháp bồi dưỡng nào mà giáo viên thường vận dụng trong quá trình bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản?

CBQL 1, 5, 7: Phương pháp bồi dưỡng thường được sử dụng nhiều nhất là phương pháp thuyết trình.

CBQL 2, 3, 4, 6: Đa số giáo viên tham gia giảng dạy đều có trình độ chuyên môn, được đào tạo qua nghiệp vụ sư phạm nên nhận thức được tầm quan trọng của việc vận dụng các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hóa người học trong quá trình bồi dưỡng. Tuy nhiên, mức độ áp dụng trong quá trình bồi dưỡng chưa nhiều. Phần lý thuyết thì đa số giáo viên giảng theo phương pháp thuyết trình, học viên lắng nghe nên chưa phát triển tính cực chủ động của học viên trong quá trình học.

Câu 6: Ông(Bà) xin vui lòng cho biết trong quá trình bồi dưỡng khóa học, giáo viên đánh giá kết quả bồi dưỡng như thế nào?

CBQL 1, 2, 4, 6: Phương pháp đánh giá bằng viết tự luận rất thường xuyên được giáo viên sử dụng, phương pháp trắc nghiệm ít hơn, trong khi đó phương pháp kiểm tra đánh giá tình huống được giáo viên sử dụng là phương pháp vấn đáp và phương pháp thực hành.

CBQL 3, 5, 7: Việc kiểm tra đánh giá thường chỉ diễn ra vào cuối khóa bồi dưỡng, sau mỗi lần kiểm tra thì không có sự tham gia tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học viên.

PHỤ LỤC 4

PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN

Để có những thông tin khoa học làm cơ sở cho việc tìm hiểu về tổ chức bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, rất mong muốn quý Ông/Bà dành chút ít thời gian tham gia hỗ trợ trả lời các câu hỏi dưới đây.

Chúng tôi cam kết những thông tin này được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Thông tin cá nhân:

1. Họ và tên:
2. Chức vụ trên tàu cá.....
3. Trình độ chuyên môn:
4. Thâm niên nghề nghiệp:
5. Ngày phỏng vấn:.....

Câu 1: Theo Ông (Bà) thì những phương pháp bồi dưỡng nào mà giáo viên thường vận dụng trong quá trình bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản?

Trả lời:.....
.....
.....
.....

Câu 2: Khi tham gia các khóa bồi dưỡng nghề nghiệp, Ông (Bà) muốn kiểm tra đánh giá như thế nào?

Trả lời:.....
.....
.....
.....

Câu 3: Ông (Bà) mong muốn các lớp bồi dưỡng nên tổ chức ở đâu là hợp lý?

Trả lời:.....
.....
.....
.....

Câu 4: Ông (Bà) đánh giá thế nào về cơ sở vật chất phục vụ cho các lớp bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản thời gian qua ở tỉnh Phú Yên?

Trả lời:.....
.....
.....
.....

Câu 5: Ông (Bà) cho biết hiện nay, khi có nhu cầu học tập thì phải làm như thế nào?

Trả lời:.....
.....
.....
.....

Cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Ông/Bà!

PHỤ LỤC 5

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHỎNG VẤN NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN

1. Đối tượng, thời gian và địa điểm phỏng vấn

Thời gian	Đối tượng	Địa điểm
2/7/2023	NLĐĐBHS có mã 1,2	Phường Phú Đông
7/7/2023	NLĐĐBHS có mã 3,4,5	Phường Phú Đông
10/7/2023	NLĐĐBHS có mã 6,7,8	Phường Phú Đông

2. Tổng hợp kết quả phỏng vấn

Câu 1: *Theo Ông (Bà) thì những phương pháp và phương pháp bồi dưỡng nào mà giáo viên thường vận dụng trong quá trình bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản?*

NLĐĐBHS 1, 3, 6, 7: Đối với phần dạy thực hành thì do nguyên nhân chính là thiếu thiết bị thực hành nên phần thực hành chủ yếu là thực hiện tập trung trên lớp, nên một số bài học không thể thực hành trực tiếp trên các trang thiết bị thật, đang sử dụng trên tàu cá nên ảnh hưởng đến phương pháp dạy học của học viên. Vì thế việc thiết kế các phương pháp dạy học thực hành để tập trung rèn luyện nâng cao tay nghề cho học viên cũng hạn chế.

NLĐĐBHS 2, 4, 6: Chúng tôi là người lớn tuổi đi học nên muốn học những cái mới, thiết thực và ứng dụng ngay vào trong công việc nên nội dung chương trình phải thiết thực, ngắn gọn và theo nhu cầu và giáo viên phải có nhiều kinh nghiệm trong thực tiễn nghề nghiệp thì bài học sẽ sinh động hơn, nếu giáo viên yếu kinh nghiệm thì chỉ tốt về phần lý thuyết còn thực hành rất khó, trong khi đó tác giả thích phần thực hành hơn.

Câu 2: *Khi tham gia các khóa bồi dưỡng nghề nghiệp, Ông (Bà) muốn kiểm tra đánh giá như thế nào?*

NLĐĐBHS 3, 4, 7, 8: Kết quả đánh giá bồi dưỡng chỉ mang tính hình thức, chủ yếu là có kết quả và bằng chứng lưu trữ để có cơ sở cấp chứng chỉ nên giáo

viên không quan tâm đến kết quả đánh giá và hình thức đánh giá, chủ yếu là đánh giá sau khi kết thúc khóa học.

NLĐDBH 1, 2, 5, 6: Việc kiểm tra còn thấy nặng nề, áp lực khi kiểm tra kết thúc khóa học, ngoài ra còn đề xuất là nên kiểm tra đánh giá theo hình thức thực hành thì phù hợp hơn viết tự luận.

Câu 3: Ông (Bà) mong muốn các lớp bồi dưỡng nên tổ chức ở đâu là hợp lý?

NLĐDBH 1, 3, 6, 8: Nên tổ chức tại địa phương nơi có nhiều học viên đăng ký để tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều học viên tham gia học tập.

NLĐDBH 2, 5, 7: Tổ chức tại các Nhà văn hóa thôn hoặc UBND xã, nơi nhiều người đăng ký tham gia học tập.

Câu 4: Ông (Bà) đánh giá thế nào về cơ sở vật chất phục vụ cho các lớp bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản thời gian qua ở tỉnh Phú Yên?

NLĐDBH 1, 2, 3, 7: Đối với phần dạy thực hành thì do nguyên nhân chính là thiếu thiết bị thực hành nên phần thực hành chủ yếu là thực hiện tập trung trên lớp.

NLĐDBH 4, 5, 6, 8: Một số bài học không thể thực hành trực tiếp trên các trang thiết bị thật, đang sử dụng trên tàu cá.

Câu 5: Ông (Bà) xin vui lòng cho biết hiện nay, khi có nhu cầu học tập thì phải làm như thế nào?

NLĐDBH 1, 3, 4, 8: Đăng ký tại địa phương, sau đó địa phương lập danh sách rồi báo cáo lên cấp trên để mở lớp.

NLĐDBH 2, 5, 6, 7: Chi cục Thủy sản tỉnh sẽ thông báo về địa phương những lớp bồi dưỡng dự kiến mở, đề nghị học viên đăng ký, sau khi đăng ký đủ số lượng thì tiến hành mở lớp.

PHỤ LỤC 6

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN CHUYÊN GIA

“Về Chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên”

Để hoàn thiện chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên. Chúng tôi kính mong Quý Ông/Bà vui lòng xem chương trình bồi dưỡng được gửi kèm và cho biết ý kiến của mình về nội dung sau đây.

PHẦN THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:

Trình độ chuyên môn:

Chức vụ:

Nơi làm việc:

Thâm niên nghề nghiệp:

Câu 1: Ý kiến của Ông (Bà) như thế nào về sự cần thiết phải xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên?

Rất cần thiết

Cần thiết

Không cần thiết

Câu 2: Ông (Bà) đánh giá như thế nào về nội dung bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên?

Nội dung đầy đủ, phù hợp để tổ chức bồi dưỡng

Nội dung chưa đầy đủ, cần tiếp tục nghiên cứu bổ sung

Nội dung không đầy đủ, không phù hợp để tổ chức bồi dưỡng

Câu 3: Ông (Bà) đánh giá như thế nào về việc xác định thời lượng bồi dưỡng các mô đun trong chương trình bồi dưỡng?

Thời lượng bồi dưỡng mỗi mô đun **nhiều**

Thời lượng bồi dưỡng mỗi mô đun **vừa đủ**

Thời lượng bồi dưỡng mỗi mô đun **thiếu**

Câu 4: Ông (Bà) đánh giá như thế nào về tính khả thi của chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên?

Rất khả thi

Khả thi

Ít khả thi

Không khả thi

Câu 6: Theo Ông (Bà), cần phải sửa đổi, bổ sung nội dung gì về chương trình bồi dưỡng?

.....
.....
.....

Xin chân thành cảm ơn Quý Ông/Bà!

PHỤ LỤC 7

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

MÔ ĐUN “NĂNG LỰC XỬ LÝ KHI CÓ NGƯỜI RƠI XUỐNG BIỂN”

Mã số của mô đun: MĐ01

Thời gian mô đun: 10 giờ (Lý thuyết: 02 giờ; Thực hành: 07 giờ, Kiểm tra: 01 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

Vị trí: Là mô đun trong chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

Mô đun này cũng có thể bồi dưỡng độc lập theo yêu cầu và năng lực của người người lao động đánh bắt hải sản.

- Tính chất: Trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ thuật xử lý khi có người trên tàu gặp tai nạn rơi xuống biển.

II. MỤC TIÊU CỦA MÔ ĐUN

Sau khi bồi dưỡng mô đun này, người học có khả năng:

- *Kiến thức*: Trình bày được những kiến thức cơ bản về an toàn khi có người rơi xuống biển.

- *Kỹ năng*: Sử dụng được các trang thiết bị cứu sinh như phao cứu sinh cá nhân, áo cứu sinh; Thực hiện phối hợp có hiệu quả giữa người phát hiện có người rơi xuống biển và người lái tàu hoặc thuyền trưởng.

- *Thái độ (tự chủ và trách nhiệm)*:

Có trách nhiệm với công việc mình đang làm, tuân thủ theo hướng dẫn của thuyền trưởng và có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp trong xử lý các tình huống liên quan đến cứu sinh trên tàu cá.

III. DANH MỤC CÁC TIÊU MÔ ĐUN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Mã mô đun	Tên bài, mục	Thời gian bồi dưỡng (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1		Bài 1: Phao cứu sinh và phương pháp sử dụng	4	1	3	
		Phao cứu sinh và phương pháp sử dụng	2	0,5	1,5	
		Áo cứu sinh và phương pháp sử dụng	2	0,5	1,5	
2	MĐ01	Bài 2: Một số biện pháp xử lý tình huống khi có người rơi xuống biển	5	1	4	
		- Các công việc cần thực hiện	2,5	0,5	2	
		- Một số chú ý thường gặp	2,5	0,5	2	
		* Kiểm tra	1			1
Tổng cộng			10	2	7	1

Ghi chú: Giờ kiểm tra được tính vào giờ thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

- *Tài liệu bồi dưỡng*: Tập tài liệu học tập dành cho học viên lớp bồi dưỡng; Dụng cụ cứu sinh trên biển gồm phao cứu sinh, áo cứu sinh ; giáo án, các bảng qui trình kĩ thuật, phiếu hướng dẫn thực hành.

- *Điều kiện về cơ sở vật chất*: Phòng học có diện tích rộng, có bàn, ghế đầy đủ.

- *Điều kiện về thiết bị dạy học và phụ trợ*: máy tính, máy chiếu, tranh ảnh về phòng cháy trên tàu, giấy A0, bút màu.

- *Điều kiện dụng cụ, vật tư thực hành*: Dụng cụ cứu sinh

V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

- *Phương pháp bồi dưỡng*

- Mô đun bồi dưỡng có nhiều nội dung đòi hỏi gắn liền lý thuyết với thực hành. Do vậy, hoạt động dạy - học phải đảm bảo kết hợp giữa lý luận và thực tiễn; giữa kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành.

- Chú ý vận dụng các phương pháp sư phạm tích cực, hiện đại nhằm giúp học viên hứng thú, tiếp thu được tối đa kiến thức, kỹ năng cần thiết, giúp họ có thể vững vàng thực hành trong thực tế một cách nhanh chóng.

- *Phương pháp đánh giá:*

+ Kiểm tra lý thuyết bằng hình thức trắc nghiệm;

+ Kiểm tra thực hành bằng hình thức thao tác trong từng bước công việc và báo cáo kết quả bài tập thực hành.

+ Kết thúc mô đun: đánh giá thông qua kiểm tra lý thuyết và thực hành, trong đó lý thuyết bằng hình thức tự luận.

- *Nội dung đánh giá:*

+ Kiến thức trọng tâm về cách sử dụng dụng cụ cứu sinh, quy trình thực hiện

+ Các kỹ năng về nhận diện các thiết bị, dụng cụ cứu sinh được trang bị trên tàu cá và thực hiện đúng quy trình cứu sinh

+ Thái độ: Cẩn thận, chính xác; tuân thủ các biện pháp an toàn lao động khi làm việc trên tàu cá

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

1. *Phạm vi áp dụng:* Mô đun được dùng để bồi dưỡng cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, trong đó chú trọng phần thực hành, hình thức bồi dưỡng trung trên lớp ở phần lý thuyết, phần thực hành tại tàu cá.

2. *Phương pháp bồi dưỡng mô đun:* Vận dụng phương pháp dạy học tích hợp. Vì vậy, để bồi dưỡng mô đun này, giáo viên ngoài việc có kiến thức, kinh nghiệm thực tế và kỹ năng thực hành tốt thì cần được tập huấn trước về phương pháp dạy học tích hợp.

3. *Trong quá trình bồi dưỡng*

- *Phần giảng dạy lý thuyết trên lớp:*

Tài liệu bồi dưỡng cần được phát cho người học trước để tham khảo. Giáo viên thiết kế và vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp với người học và nội

dung của từng bài học theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, vận dụng các phương pháp dạy học trực quan và những phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá người học, phương pháp dạy học người lớn chú trọng kinh nghiệm của người học, một số phương pháp tổ chức thực hiện: thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp giải quyết vấn đề, dạy học thông qua tình huống, ...

Giáo viên sử dụng phương tiện bồi dưỡng hiệu quả hỗ trợ giảng dạy, tạo môi trường học tập thân thiện và khích lệ người học như: Trang biết bị như trên tàu cá trong tình trạng sử dụng, video,...

- Phần thực hành rèn luyện kỹ năng:

Giáo viên hướng dẫn ban đầu tại lớp; vận dụng phương pháp dạy học thực hành làm mẫu-luyện tập theo kiểu cầm tay chỉ việc,... Giáo viên dựa vào nội dung từng bài thực hành để chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, nguyên liệu cần thiết để thực hiện các bài thực hành trong mô đun; thường xuyên kiểm tra đánh giá, sửa lỗi cho người học.

Sản phẩm thực hành của từng người học và từng nhóm được ghi rõ họ tên để giáo viên kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm chung cho lớp.

4. Tài liệu tham khảo:

4.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2016). Giáo trình mô đun An toàn lao động trên tàu cá, trình độ sơ cấp, Hà Nội.

4.2. Bộ Lao động thương binh & xã hội. (2012). Tài liệu An toàn lao động vệ sinh nghề cá, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

4.3. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. (2014). Tài liệu huấn luyện cơ bản về hoạt động cộng đồng ứng phó với thảm họa (CADRE).

PHỤ LỤC 8

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

MÔ ĐUN “NĂNG LỰC XỬ LÝ KHI BỊ THỦNG TÀU”

Mã số của mô đun: MĐ02

Thời gian mô đun: 8 giờ (Lý thuyết: 02 giờ; Thực hành: 5 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

Vị trí: Là mô đun trong chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được bồi dưỡng sau mô đun “Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển”.

Mô đun này cũng có thể bồi dưỡng độc lập theo yêu cầu và năng lực của người người lao động đánh bắt hải sản.

- Tính chất: Trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ thuật phòng chống cháy trên tàu.

II. MỤC TIÊU CỦA MÔ ĐUN

Sau khi bồi dưỡng mô đun này, người học có khả năng:

- *Kiến thức*: Trình bày được những kiến thức cơ bản về an toàn trong công tác cứu thủng.

- *Kỹ năng*: Thực hiện an toàn khi tàu gặp sự cố thủng tàu có khả năng nước tràn vào tàu dẫn đến nguy cơ tàu bị lật, chìm.

- *Thái độ (tự chủ và trách nhiệm)*:

Có trách nhiệm với công việc mình đang làm, tuân thủ theo hướng dẫn của thuyền trưởng và có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp trong xử lý các tình huống thủng tàu.

III. DANH MỤC CÁC TIÊU MÔ ĐUN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Mã mô đun	Tên bài, mục	Thời gian bồi dưỡng (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	MĐ02	Bài 1: Một số biện pháp xử lý khi tàu bị lật hoặc chìm	3	1	2	
		- Quy tắc chung		0,5		
		- Thực hành an toàn khi tàu có nguy cơ bị lật hoặc chìm		0,5		
2	MĐ02	Bài 2: Một số biện pháp xử lý khi tàu bị nước tràn vào tàu	4	1	3	
		- Quy tắc chung		0,5		
		- Thực hành an toàn khi tàu có nguy cơ bị lật hoặc chìm		0,5		
		* Kiểm tra	1			1
Tổng cộng			8	2	5	1

Ghi chú: Giờ kiểm tra được tính vào giờ thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

- *Tài liệu bồi dưỡng*: Tập tài liệu học tập dành cho học viên lớp bồi dưỡng Dụng cụ cứu thủng; giáo án, các bảng qui trình kỹ thuật, phiếu hướng dẫn thực hành.

- *Điều kiện về cơ sở vật chất*: Phòng học có diện tích rộng, có bàn, ghế đầy đủ.

- Điều kiện về thiết bị dạy học và phụ trợ: máy tính, máy chiếu, tranh ảnh về phòng cháy trên tàu, giấy A0, bút màu.

- Điều kiện dụng cụ, vật tư thực hành: Dụng cụ cứu thủng

V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

- *Phương pháp bồi dưỡng*

- Mô đun bồi dưỡng có nhiều nội dung đòi hỏi gắn liền lý thuyết với thực hành. Do vậy, hoạt động dạy - học phải đảm bảo kết hợp giữa lý luận và thực tiễn; giữa kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành.

- Chú ý vận dụng các phương pháp sư phạm tích cực, hiện đại, phương pháp dạy học người lớn nhằm giúp học viên hứng thú, tiếp thu được tối đa kiến thức, kỹ năng cần thiết, giúp họ có thể vững vàng thực hành trong thực tế một cách nhanh chóng.

- *Phương pháp đánh giá:*

+ Kiểm tra lý thuyết bằng hình thức trắc nghiệm.

+ Kiểm tra thực hành bằng hình thức thao tác trong từng bước công việc và báo cáo kết quả bài tập thực hành.

+ Kết thúc mô đun: đánh giá thông qua bài kiểm tra lý thuyết và kiểm tra thực hành.

- *Nội dung đánh giá:*

+ Kiến thức trọng tâm về cách cứu thủng, quy trình cứu thủng.

+ Các kỹ năng về nhận diện các thiết bị, dụng cụ cứu thủng được trang bị trên tàu cá và thực hiện đúng quy trình phòng chống nước tràn vào tàu.

+ Thái độ: Cẩn thận, chính xác; tuân thủ các biện pháp an toàn lao động khi làm việc trên tàu cá.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

1. *Phạm vi áp dụng:* Mô đun được dùng để bồi dưỡng cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, trong đó chú trọng phần thực hành, hình thức bồi dưỡng trung trên lớp.

2. *Phương pháp bồi dưỡng mô đun:* Vận dụng phương pháp dạy học tích hợp, phương pháp dạy học người lớn. Vì vậy, để bồi dưỡng mô đun này, giáo viên ngoài việc có kiến thức, kinh nghiệm thực tế và kỹ năng thực hành tốt thì cần được tập huấn trước về phương pháp dạy học tích hợp và phương pháp dạy học người lớn.

3. *Trong quá trình bồi dưỡng*

- *Phần giảng dạy lý thuyết trên lớp:*

Tài liệu bồi dưỡng cần được phát cho người học trước để tham khảo. Giáo viên thiết kế và vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp với người học và nội dung của từng bài học theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, sử dụng các

phương pháp dạy học trực quan và những phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá người học, phương pháp dạy học người lớn chú trọng kinh nghiệm của người học, một số phương pháp tổ chức thực hiện: thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp giải quyết vấn đề, dạy học thông qua tình huống, ...

Giáo viên sử dụng phương tiện bồi dưỡng hiệu quả hỗ trợ giảng dạy, tạo môi trường học tập thân thiện và khích lệ người học như: Video, tranh ảnh,...

- Phần thực hành rèn luyện kỹ năng:

Giáo viên hướng dẫn ban đầu tại lớp; vận dụng phương pháp dạy học thực hành làm mẫu-luyện tập theo kiểu cầm tay chỉ việc,... Giáo viên dựa vào nội dung từng bài thực hành để chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, nguyên liệu cần thiết để thực hiện các bài thực hành trong mô đun; thường xuyên kiểm tra đánh giá, sửa lỗi cho người học.

Sản phẩm thực hành của từng người học và từng nhóm được ghi rõ họ tên để giáo viên nhanh chóng kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm chung cho lớp.

4. Tài liệu tham khảo:

4.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2016). Giáo trình mô đun An toàn lao động trên tàu cá, trình độ sơ cấp, Hà Nội.

4.2. Bộ Lao động thương binh & xã hội. (2012). Tài liệu An toàn lao động vệ sinh nghề cá, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

4.3. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. (2014). Tài liệu huấn luyện cơ bản về hoạt động cộng đồng ứng phó với thảm họa (CADRE).

PHỤ LỤC 9

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

MÔ ĐUN “NĂNG LỰC XỬ LÝ KHI CÓ CHÁY TRÊN TÀU”

Mã số của mô đun: MĐ 03

Thời gian mô đun: 12 giờ (Lý thuyết: 03 giờ; Thực hành: 08 giờ, Kiểm tra: 01 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

Vị trí: Là mô đun trong chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được bồi dưỡng sau mô đun “Năng lực xử lý khi bị thủng tàu”.

Mô đun này cũng có thể bồi dưỡng độc lập theo yêu cầu và năng lực của người người lao động đánh bắt hải sản.

- Tính chất: Trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ thuật phòng chống cháy trên tàu..

II. MỤC TIÊU CỦA MÔ ĐUN

Sau khi bồi dưỡng mô đun này, người học có khả năng:

- *Kiến thức:*

- Giải thích được một số khái niệm liên liên đến phòng chống cháy nổ; trình bày được các phương pháp sử dụng các loại bình chữa cháy.

- *Kỹ năng:*

- Thực hiện được các công việc như xử lý tình huống khi có cháy trên tàu, cách sử dụng dụng cụ chữa cháy đúng cách, đúng quy trình.

- *Thái độ (tự chủ và trách nhiệm):*

Có trách nhiệm với công việc mình đang làm, tuân thủ theo hướng dẫn của thuyền trưởng và có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp trong xử lý các tình huống cháy trên tàu.

III. DANH MỤC CÁC TIÊU MÔ ĐUN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Mã mô đun	Tên bài, mục	Thời gian bồi dưỡng (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1		Bài 1: Những kiến thức cơ bản về cháy	2	2	0	
		Khái quát về sự cháy	1	1	-	
		Những quy định về phòng cháy	1	1	-	
2	MĐ03	Bài 2: Thực hành an toàn khi chữa cháy bằng bình chữa cháy và	8	1	7	
		Chữa cháy bằng bình cứu hỏa	4,5	0,5	4	
		Chữa cháy bằng dụng cụ thô sơ	3,5	0,5	3	
		* Kiểm tra	1			1
Tổng cộng			11	3	7	1

Ghi chú: Giờ kiểm tra được tính vào giờ thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

- *Tài liệu bồi dưỡng*: Tập tài liệu học tập dành cho học viên lớp bồi dưỡng Dụng cụ và cách sơ cứu khi bị tai nạn thương tích trên biển; giáo án, các bảng qui trình kĩ thuật, phiếu hướng dẫn thực hành.

- *Điều kiện về cơ sở vật chất*: Phòng học có diện tích rộng, có bàn, ghế đầy đủ.

- Điều kiện về thiết bị dạy học và phụ trợ: máy tính, máy chiếu, video, bài giảng điện tử, tranh ảnh về phòng cháy trên tàu, giấy A0, bút màu.

- Điều kiện dụng cụ, vật tư thực hành: Bình bột, bình CO2, bình bột

V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

- *Phương pháp bồi dưỡng*

- Mô đun bồi dưỡng có nhiều nội dung đòi hỏi gắn liền lý thuyết với thực hành. Do vậy, hoạt động dạy - học phải đảm bảo kết hợp giữa lý luận và thực tiễn; giữa kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành.

- Chú ý vận dụng các phương pháp sư phạm tích cực, hiện đại, phương pháp dạy học người lớn nhằm giúp học viên hứng thú, tiếp thu được tối đa kiến thức, kỹ

năng cần thiết, giúp họ có thể vững vàng thực hành trong thực tế một cách nhanh chóng.

- *Phương pháp đánh giá:*

+ Kiểm tra lý thuyết bằng hình thức trắc nghiệm;

+ Kiểm tra thực hành bằng hình thức thao tác trong từng bước công việc và báo cáo kết quả bài tập thực hành.

+ Kết thúc mô đun: đánh giá thông qua bài kiểm tra lý thuyết và kiểm tra thực hành.

- *Nội dung đánh giá:*

+ Kiến thức trọng tâm về cách sử dụng chữa cháy đúng cách, đúng quy trình.

+ Các kỹ năng về nhận diện các thiết bị, dụng cụ chữa cháy được trang bị trên tàu cá và thực hiện đúng quy trình phòng chống cháy trên tàu.

+ Thái độ: Cẩn thận, chính xác; tuân thủ các biện pháp an toàn lao động khi làm việc trên tàu cá.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

1. *Phạm vi áp dụng:* Mô đun được dùng để bồi dưỡng cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, trong đó chú trọng phần thực hành, hình thức bồi dưỡng trung trên lớp.

2. *Phương pháp bồi dưỡng mô đun:* Vận dụng phương pháp dạy học tích hợp và phương pháp dạy học người lớn. Vì vậy, để bồi dưỡng mô đun này, giáo viên ngoài việc có kiến thức, kinh nghiệm thực tế và kỹ năng thực hành tốt thì cần được tập huấn trước về phương pháp dạy học tích hợp và phương pháp dạy học người lớn.

3. *Trong quá trình bồi dưỡng*

- *Phần giảng dạy lý thuyết trên lớp:*

Tài liệu bồi dưỡng cần được phát cho người học trước để tham khảo. Giáo viên thiết kế và vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp với người học và nội dung của từng bài học theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, vận dụng các phương pháp dạy học trực quan và những phương pháp dạy học theo hướng tích

cực hoá người học, phương pháp dạy học người lớn chú trọng kinh nghiệm của người học, một số phương pháp tổ chức thực hiện: thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp giải quyết vấn đề, dạy học thông qua tình huống, ...

Giáo viên sử dụng phương tiện bồi dưỡng hiệu quả hỗ trợ giảng dạy, tạo môi trường học tập thân thiện và khích lệ người học.

- Phần thực hành rèn luyện kỹ năng:

Giáo viên hướng dẫn ban đầu tại lớp; vận dụng phương pháp dạy học thực hành làm mẫu-luyện tập theo kiểu cầm tay chỉ việc,... Giáo viên dựa vào nội dung từng bài thực hành để chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, nguyên liệu cần thiết để thực hiện các bài thực hành trong mô đun; thường xuyên kiểm tra đánh giá, sửa lỗi cho người học.

Sản phẩm thực hành của từng người học và từng nhóm được ghi rõ họ tên để giáo viên thuận tiện kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm chung cho lớp.

4. Tài liệu tham khảo:

4.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2016). Giáo trình mô đun An toàn lao động trên tàu cá, trình độ sơ cấp, Hà Nội.

4.2. Bộ Lao động thương binh & xã hội. (2012). Tài liệu An toàn lao động vệ sinh nghề cá, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

4.3. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. (2014). Tài liệu huấn luyện cơ bản về hoạt động cộng đồng ứng phó với thảm họa (CADRE).

PHỤ LỤC 10

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

MÔ ĐUN “SƠ CỨU BAN ĐẦU KHI CÓ NGƯỜI BỊ THƯƠNG TÍCH”

Mã số của mô đun: MĐ04

Thời gian mô đun: 14 giờ (Lý thuyết: 04 giờ; Thực hành: 08 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

Vị trí: Là mô đun trong chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được bồi dưỡng sau mô đun “Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu”.

Mô đun này cũng có thể bồi dưỡng độc lập theo yêu cầu và năng lực của người người lao động đánh bắt hải sản

- Tính chất: Trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ thuật sơ cứu khi có người bị tai nạn trên biển như bị ngạt nước, bị chảy máu, bị gãy xương, bong gân.

II. MỤC TIÊU CỦA MÔ ĐUN

Sau khi bồi dưỡng mô đun này, người học sẽ có khả năng

- *Kiến thức:*

- Giải thích được một số khái niệm liên liên đến sơ cấp cứu; trình bày được các phương pháp sơ cứu ban đầu khi có người trên tàu cá bị tan nạn thương tích như phương pháp hô hấp nhân tạo khi nạn nhân ngạt thở, phương pháp cầm máu, nhận biết khi nạn nhân bị sốc và phương pháp chăm sóc vết thương.

- *Kỹ năng:*

- Thực hiện được các công việc như xử lý tình huống khi nạn nhân gặp các tai nạn thương tích gồm: hô hấp nhân tạo khi nạn nhân ngừng thở, xử lý khi nạn nhân bị chảy máu, xử lý khi nạn nhân bị sốc, thực hiện các công việc băng bó vết thương khi nạn nhân bị gãy xương, bong gân, trật khớp.

- *Thái độ (tự chủ và trách nhiệm):* Có trách nhiệm với công việc mình đang làm, tuân thủ theo hướng dẫn của thuyền trưởng và có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp trong xử lý các tình huống tai nạn thương tích.

III. DANH MỤC CÁC TIÊU MÔ ĐUN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Mã mô đun	Tên bài, mục	Thời gian bồi dưỡng(giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1		Bài 1: Giới thiệu về sơ cấp cứu và Kỹ năng xử lý khi nạn nhân bị ngạt thở	4	1	3	
		1. Giới thiệu về sơ cứu ban đầu	0,5	0,5	-	
		2. Kỹ năng hô hấp nhân tạo khi nạn nhân bị ngưng tim, ngạt thở	3,5	0,5	3	
3	MĐ04	Bài 2. Kỹ năng xử lý khi nạn nhân bị chảy máu và xử lí khi nạn nhân bị sốc khi mất máu	4	1	3	
		1. Kỹ năng xử lý khi nạn nhân bị chảy máu	2,5	0,5	2	
		2. Kỹ năng xử lý khi nạn nhân bị sốc khi mất máu.	1,5	0,5	1	
4		Bài 3. Xử lý khi nạn nhân gãy xương, bong gân	5	2	3	
		1. Chăm sóc vết thương	0,5	0,5	-	
		2. Kỹ thuật xử lý khi nạn nhân bị gãy xương, bong gân	4,5	1,5	3	
		* Kiểm tra	1			1
Tổng cộng			14	4	9	1

Ghi chú: Giờ kiểm tra được tính vào giờ thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

- *Tài liệu bồi dưỡng*: Tập tài liệu học tập dành cho học viên lớp bồi dưỡng Dụng cụ và cách sơ cứu khi bị tai nạn thương tích trên biển; giáo án, các bảng qui trình kĩ thuật, phiếu hướng dẫn thực hành.

- *Điều kiện về cơ sở vật chất*: Phòng học có diện tích rộng, có bàn ghế rộng

- Điều kiện về thiết bị dạy học và phụ trợ: máy tính, máy chiếu, tranh ảnh về tai nạn thương tích, giấy A0, bút màu.

- Điều kiện dụng cụ, vật tư thực hành: Băng băng, gạc, nẹp, hộp thuốc cứu thương,

V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

- *Phương pháp bồi dưỡng*

- Mô đun bồi dưỡng có nhiều nội dung đòi hỏi gắn liền lý thuyết với thực hành. Do vậy, hoạt động dạy - học phải đảm bảo kết hợp giữa lý luận và thực tiễn; giữa kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành.

- Chú ý vận dụng các phương pháp sư phạm tích cực, hiện đại nhằm giúp học viên hứng thú, tiếp thu được tối đa kiến thức, kỹ năng cần thiết, giúp họ có thể vững vàng thực hành trong thực tế một cách nhanh chóng.

- *Phương pháp đánh giá:*

+ Kiểm tra lý thuyết bằng hình thức trắc nghiệm;

+ Kiểm tra thực hành bằng hình thức thao tác trong từng bước công việc và báo cáo kết quả bài tập thực hành.

+ Kết thúc mô đun: đánh giá thông qua kiểm tra lý thuyết và thực hành

- *Nội dung đánh giá:*

+ Kiến thức trọng tâm về quy trình sơ cứu khi có người bị tai nạn thương tích.

+ Các kỹ năng về nhận diện các vết thương và kỹ thuật sơ cứu khi chảy máu, kỹ thuật hà hơi thổi ngạt, kỹ năng băng vết thương,...

+ Thái độ: Cẩn thận, chính xác; tuân thủ các biện pháp an toàn lao động khi làm việc trên tàu cá

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

1. *Phạm vi áp dụng:* Mô đun được dùng để bồi dưỡng cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, trong đó chú trọng phần thực hành, hình thức bồi dưỡng trung trên lớp.

2. *Phương pháp bồi dưỡng mô đun:* Vận dụng phương pháp dạy học tích hợp và phương pháp dạy học người lớn. Vì vậy, để bồi dưỡng mô đun này, giáo viên ngoài việc có kiến thức, kinh nghiệm thực tế và kỹ năng thực hành tốt thì cần được tập huấn trước về phương pháp dạy học tích hợp và phương pháp dạy học người lớn.

3. Trong quá trình bồi dưỡng

- Phần giảng dạy lý thuyết trên lớp:

Tài liệu bồi dưỡng cần được phát cho người học trước để tham khảo. Giáo viên thiết kế và vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp với người học và nội dung của từng bài học theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, vận dụng các phương pháp dạy học trực quan và những phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá người học, chú trọng kinh nghiệm của người học, một số phương pháp tổ chức thực hiện: thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp giải quyết vấn đề, dạy học thông qua tình huống, ...

Giáo viên sử dụng phương tiện bồi dưỡng hiệu quả hỗ trợ giảng dạy, tạo môi trường học tập thân thiện và khích lệ người học.

- Phần thực hành rèn luyện kỹ năng:

Giáo viên hướng dẫn ban đầu tại lớp; vận dụng phương pháp dạy học thực hành làm mẫu-luyện tập theo kiểu cầm tay chỉ việc,... Giáo viên dựa vào nội dung từng bài thực hành để chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, nguyên liệu cần thiết để thực hiện các bài thực hành trong mô đun; thường xuyên kiểm tra đánh giá, sửa lỗi cho người học.

Sản phẩm thực hành của từng người học và từng nhóm được ghi rõ họ tên để giáo viên thuận tiện kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm chung cho lớp.

4. Tài liệu tham khảo:

4.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2016). Giáo trình mô đun An toàn lao động trên tàu cá, trình độ sơ cấp, Hà Nội.

4.2. Bộ Lao động thương binh & xã hội. (2012). Tài liệu An toàn lao động vệ sinh nghề cá, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

4.3. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. (2014). Tài liệu huấn luyện cơ bản về hoạt động cộng đồng ứng phó với thảm họa (CADRE)

PHỤ LỤC 11

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

MÔ ĐUN “NĂNG LỰC SỐNG SỐT TRÊN BIỂN KHI RỜI TÀU”

Mã số của mô đun: MĐ05

Thời gian mô đun: 10 giờ (Lý thuyết: 02 giờ; Thực hành: 07 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

Vị trí: Là mô đun trong chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được bồi dưỡng sau mô đun “Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích”.

Mô đun này cũng có thể bồi dưỡng độc lập theo yêu cầu và năng lực của người người lao động đánh bắt hải sản

- Tính chất: Trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể sống sót trên biển khi rời tàu

II. MỤC TIÊU CỦA MÔ ĐUN

Sau khi bồi dưỡng mô đun này, người học sẽ có khả năng

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng:

- *Kiến thức*: Trình bày được những kiến thức cơ bản về an toàn cho bản thân trong trường hợp phải rời tàu

- *Kỹ năng*: Thực hiện an toàn khi tàu gặp trên biển buột phải rời tàu

- *Thái độ (tự chủ và trách nhiệm)*: Có trách nhiệm với công việc mình đang làm, tuân thủ theo hướng dẫn của thuyền trưởng và có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp trong xử lý các tình huống khẩn cấp phải rời tàu.

III. DANH MỤC CÁC TIÊU MÔ ĐUN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Mã mô đun	Tên bài, mục	Thời gian bồi dưỡng (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1		Bài 1: Một số nguyên nhân chủ yếu khiến tàu chìm	1	1	-	
		- Nguyên nhân chủ quan	0,5	0,5	-	
		- Nguyên nhân khách quan	0,5	0,5	-	
2	MĐ05	Bài 2: Một số biện pháp xử lý khi phải rời tàu	8	1	7	
		- Quy tắc chung	2,5	0,5	2	
		- Thực hành an toàn khi rời tàu	5,5	0,5	5	
		* Kiểm tra	1			1
Tổng cộng			10	2	7	1

Ghi chú: Giờ kiểm tra được tính vào giờ thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

- *Tài liệu bồi dưỡng:* Tập tài liệu học tập dành cho học viên lớp bồi dưỡng Dụng cụ cứu thủng; giáo án, các bảng qui trình kỹ thuật, phiếu hướng dẫn thực hành.

- *Điều kiện về cơ sở vật chất:* Phòng học có diện tích rộng, có bàn, ghế đầy đủ.

- Điều kiện về thiết bị dạy học và phụ trợ: máy tính, máy chiếu, video, tranh ảnh về phòng cháy trên tàu, giấy A0, bút màu.

- Điều kiện dụng cụ, vật tư thực hành: Dụng cụ cứu sinh

V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

- *Phương pháp bồi dưỡng*

- Mô đun bồi dưỡng có nhiều nội dung đòi hỏi gắn liền lý thuyết với thực hành. Do vậy, hoạt động dạy - học phải đảm bảo kết hợp giữa lý luận và thực tiễn; giữa kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành.

- Chú ý vận dụng các phương pháp sư phạm tích cực, hiện đại nhằm giúp học viên hứng thú, tiếp thu được tối đa kiến thức, kỹ năng cần thiết, giúp họ có thể vững vàng thực hành trong thực tế một cách nhanh chóng.

- *Phương pháp đánh giá:*

+ Kiểm tra lý thuyết bằng hình thức trắc nghiệm;

+ Kiểm tra thực hành bằng hình thức thao tác trong từng bước công việc và báo cáo kết quả bài tập thực hành.

+ Kết thúc mô đun: đánh giá thông qua kiểm tra lý thuyết và thực hành

- *Nội dung đánh giá:*

+ Kiến thức trọng tâm về cách cứu thủng, quy trình cứu thủng

+ Các kỹ năng về nhận diện các thiết bị, dụng cụ cứu sinh được trang bị trên tàu cá và thực hiện đúng quy trình khi rời tàu

+ Thái độ: Chăm thận, chính xác; tuân thủ các biện pháp an toàn lao động khi làm việc trên tàu cá

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

1. *Phạm vi áp dụng:* Mô đun được dùng để bồi dưỡng cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, trong đó chú trọng phần thực hành, hình thức bồi dưỡng trung trên lớp.

2. *Phương pháp bồi dưỡng mô đun:* Vận dụng phương pháp dạy học tích hợp và phương pháp dạy học người lớn. Vì vậy, để bồi dưỡng mô đun này, giáo viên ngoài việc có kiến thức, kinh nghiệm thực tế và kỹ năng thực hành tốt thì cần được tập huấn trước về phương pháp dạy học tích hợp và phương pháp dạy học người lớn.

3. *Trong quá trình bồi dưỡng*

- *Phần giảng dạy lý thuyết trên lớp:*

Tài liệu bồi dưỡng cần được phát cho người học trước để tham khảo. Giáo viên thiết kế và vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp với người học và nội dung của từng bài học theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, vận dụng các phương pháp dạy học trực quan và những phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá người học, và phương pháp dạy học người lớn chú trọng kinh nghiệm của

người học, một số phương pháp tổ chức thực hiện: thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp giải quyết vấn đề, dạy học thông qua tình huống, ...

Giáo viên sử dụng phương tiện bồi dưỡng hiệu quả hỗ trợ giảng dạy, tạo môi trường học tập thân thiện và khích lệ người học.

- Phần thực hành rèn luyện kỹ năng:

Giáo viên hướng dẫn ban đầu tại lớp; vận dụng phương pháp dạy học thực hành làm mẫu-luyện tập theo kiểu cầm tay chỉ việc,... Giáo viên dựa vào nội dung từng bài thực hành để chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, nguyên liệu cần thiết để thực hiện các bài thực hành trong mô đun; thường xuyên kiểm tra đánh giá, sửa lỗi cho người học.

Sản phẩm thực hành của từng người học và từng nhóm được ghi rõ họ tên để giáo viên dễ dàng kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm chung cho lớp.

4. Tài liệu tham khảo:

4.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2016). Giáo trình mô đun An toàn lao động trên tàu cá, trình độ sơ cấp, Hà Nội.

4.2. Bộ Lao động thương binh & xã hội. (2012). Tài liệu An toàn lao động vệ sinh nghề cá, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

4.3. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. (2014). Tài liệu huấn luyện cơ bản về hoạt động cộng đồng ứng phó với thảm họa (CADRE).

PHỤ LỤC 12

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

MÔ ĐUN “NĂNG LỰC PHÁT HIỆN VÀ THEO DÕI BÃO TRÊN BIỂN”

Mã số của mô đun: MĐ06

Thời gian mô đun: 09 giờ (Lý thuyết: 02 giờ; Thực hành: 06 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

Vị trí: Là mô đun trong chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được bồi dưỡng sau mô đun “Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu”.

Mô đun này cũng có thể bồi dưỡng độc lập theo yêu cầu và năng lực của người người lao động đánh bắt hải sản

- Tính chất: Trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể phát hiện và theo dõi bão trên biển.

II. MỤC TIÊU CỦA MÔ ĐUN

Sau khi bồi dưỡng mô đun này, người học có khả năng:

- *Kiến thức*: Trình bày được những kiến thức cơ bản về phát hiện và theo dõi bão trên biển.

- *Kỹ năng*: Thực hiện an toàn khi phát hiện bão trên biển.

- *Thái độ (tự chủ và trách nhiệm)*: Có trách nhiệm với công việc mình đang làm, tuân thủ theo hướng dẫn của thuyền trưởng và có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp trong xử lý các tình huống nguy hiểm.

III. DANH MỤC CÁC TIÊU MÔ ĐUN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Mã mô đun	Tên bài, mục	Thời gian bồi dưỡng (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	MĐ06	Bài 1: Dấu hiệu và trạng thái bầu trời	4	1	3	
2		Bài 2: Dấu hiệu và trạng thái mặt biển và những sinh vật xung quanh tàu cá.	4	1	3	
		* Kiểm tra	1			1
Tổng cộng			9	2	6	1

Ghi chú: Giờ kiểm tra được tính vào giờ thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

- *Tài liệu bồi dưỡng*: Tập tài liệu học tập dành cho học viên lớp bồi dưỡng Dụng cụ cứu thủng; giáo án, các bảng qui trình kỹ thuật, phiếu hướng dẫn thực hành.

- *Điều kiện về cơ sở vật chất*: Phòng học có diện tích rộng, có bàn, ghế đầy đủ.

- Điều kiện về thiết bị dạy học và phụ trợ: máy tính, máy chiếu, video, tranh ảnh về trạng thái bầu trời, trạng thái mặt biển, giấy A0, bút màu.

- Điều kiện dụng cụ, vật tư thực hành: tranh ảnh mặt biển, bầu trời.

V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

- *Phương pháp bồi dưỡng*

- Mô đun bồi dưỡng có nhiều nội dung đòi hỏi gắn liền lý thuyết với thực hành. Do vậy, hoạt động dạy - học phải đảm bảo kết hợp giữa lý luận và thực tiễn; giữa kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành.

- Chú ý vận dụng các phương pháp sư phạm tích cực, hiện đại nhằm giúp học viên hứng thú, tiếp thu được tối đa kiến thức, kỹ năng cần thiết, giúp họ có thể vững vàng thực hành trong thực tế một cách nhanh chóng.

- *Phương pháp đánh giá*:

+ Kiểm tra lý thuyết bằng hình thức trắc nghiệm.

+ Kiểm tra thực hành bằng hình thức thao tác trong từng bước công việc và báo cáo kết quả bài tập thực hành.

+ Kết thúc mô đun: đánh giá thông qua kiểm tra lý thuyết và thực hành

- *Nội dung đánh giá:*

+ Kiến thức trọng tâm về cách nhận biết chuẩn bị có bão qua mặt biển, bầu trời;

+ Các kỹ năng về nhận diện trạng thái bầu trời, mặt biển khi sắp có bão;

+ Thái độ: Cẩn thận, chính xác; tuân thủ các biện pháp an toàn lao động khi làm việc trên tàu cá.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

1. *Phạm vi áp dụng:* Mô đun được dùng để bồi dưỡng cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, trong đó chú trọng phần thực hành, hình thức bồi dưỡng trung trên lớp và trên tàu cá.

2. *Phương pháp bồi dưỡng mô đun:* Vận dụng phương pháp dạy học tích hợp và phương pháp dạy học người lớn. Vì vậy, để bồi dưỡng mô đun này, giáo viên ngoài việc có kiến thức, kinh nghiệm thực tế và kỹ năng thực hành tốt thì cần được tập huấn trước về phương pháp dạy học tích hợp và phương pháp dạy học người lớn.

3. *Trong quá trình bồi dưỡng*

- *Phần giảng dạy lý thuyết trên lớp:*

Tài liệu bồi dưỡng cần được phát cho người học trước để tham khảo. Giáo viên thiết kế và vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp với người học và nội dung của từng bài học theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, vận dụng các phương pháp dạy học trực quan và những phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá người học và phương pháp dạy học người lớn, chú trọng kinh nghiệm của người học, một số phương pháp tổ chức thực hiện: thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp giải quyết vấn đề, dạy học thông qua tình huống, ...

Giáo viên sử dụng phương tiện bồi dưỡng hiệu quả hỗ trợ giảng dạy, tạo môi trường học tập thân thiện và khích lệ người học.

- *Phần thực hành rèn luyện kỹ năng:*

Giáo viên hướng dẫn ban đầu tại lớp; vận dụng phương pháp dạy học thực hành làm mẫu-luyện tập theo kiểu cầm tay chỉ việc,... Giáo viên dựa vào nội dung từng bài thực hành để chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, nguyên liệu cần thiết để thực hiện các bài thực hành trong mô đun; thường xuyên kiểm tra đánh giá, sửa lỗi cho người học.

Sản phẩm thực hành của từng người học và từng nhóm được ghi rõ họ tên để giáo viên dễ dàng kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm chung cho lớp.

4. Tài liệu tham khảo:

4.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2016). Giáo trình mô đun An toàn lao động trên tàu cá, trình độ sơ cấp, Hà Nội.

4.2. Bộ Lao động thương binh & xã hội. (2012). Tài liệu An toàn lao động vệ sinh nghề cá, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

4.3. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. (2014). Tài liệu huấn luyện cơ bản về hoạt động cộng đồng ứng phó với thảm họa (CADRE).

PHỤ LỤC 13

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

MÔ ĐUN “NĂNG LỰC PHÒNG TRÁNH MẮT LIÊN LẠC”

Mã số của mô đun: MĐ07

Thời gian mô đun: 12 giờ (Lý thuyết: 03 giờ; Thực hành: 08 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN

Vị trí: Là mô đun trong chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên được bồi dưỡng sau mô đun “Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển”.

Mô đun này cũng có thể bồi dưỡng độc lập theo yêu cầu và năng lực của người người lao động đánh bắt hải sản.

- Tính chất: Trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản để phòng tránh mất liên lạc khi đánh bắt hải sản trên biển.

II. MỤC TIÊU CỦA MÔ ĐUN

Sau khi bồi dưỡng mô đun này, người học có khả năng:

- *Kiến thức*: Trình bày được những kiến thức cơ bản về việc phòng tránh mất liên lạc khi đánh bắt hải sản trên biển.

- *Kỹ năng*: Sử dụng được các hệ thống trang thiết bị liên lạc trên tàu.

- *Thái độ (tự chủ và trách nhiệm)*: Có trách nhiệm với công việc mình đang làm, tuân thủ theo hướng dẫn của thuyền trưởng và có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp trong xử lý các tình huống nguy hiểm.

III. DANH MỤC CÁC TIÊU MÔ ĐUN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Mã mô đun	Tên bài, mục	Thời gian bồi dưỡng (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	MĐ07	Bài 1: Hệ thống thiết bị thông tin cấp cứu và an toàn hàng hải	6	2	4	
2		Bài 2: Phương thức liên lạc	5	1	4	
		* Kiểm tra	1			1
Tổng cộng			12	3	8	1

Ghi chú: Giờ kiểm tra được tính vào giờ thực hành

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

- *Tài liệu bồi dưỡng*: Tập tài liệu học tập dành cho học viên lớp bồi dưỡng Dụng cụ cứu thủng; giáo án, các bảng qui trình kỹ thuật, phiếu hướng dẫn thực hành.

- *Điều kiện về cơ sở vật chất*: Phòng học có diện tích rộng, có bàn, ghế đầy đủ.

- *Điều kiện về thiết bị dạy học và phụ trợ*: máy tính, máy chiếu, video, tranh ảnh về hệ thống trang thiết bị liên lạc trên tàu cá, giấy A0, bút màu.

- *Điều kiện dụng cụ, vật tư thực hành*: trang thiết bị liên lạc trên tàu cá.

V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

- *Phương pháp bồi dưỡng*

- Mô đun bồi dưỡng có nhiều nội dung đòi hỏi gắn liền lý thuyết với thực hành. Do vậy, hoạt động dạy - học phải đảm bảo kết hợp giữa lý luận và thực tiễn; giữa kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành.

- Chú ý vận dụng các phương pháp sư phạm tích cực, hiện đại nhằm giúp học viên hứng thú, tiếp thu được tối đa kiến thức, kỹ năng cần thiết, giúp họ có thể vững vàng thực hành trong thực tế một cách nhanh chóng.

- *Phương pháp đánh giá*:

+ Kiểm tra lý thuyết bằng hình thức trắc nghiệm.

+ Kiểm tra thực hành bằng hình thức thao tác trong từng bước công việc và báo cáo kết quả bài tập thực hành.

+ Kết thúc mô đun: đánh giá thông qua kiểm tra lý thuyết và thực hành

- *Nội dung đánh giá:*

+ Kiến thức trọng tâm về cách sử dụng các trang thiết bị liên lạc trên tàu;

+ Các kỹ năng về nhận diện khi có tình huống nguy hiểm và phương thức liên lạc cho tàu bạn, cho các cơ quan quản lý để được hỗ trợ.

+ Thái độ: Cẩn thận, chính xác; tuân thủ các biện pháp an toàn lao động khi làm việc trên tàu cá.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

1. *Phạm vi áp dụng:* Mô đun được dùng để bồi dưỡng cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, trong đó chú trọng phần thực hành, hình thức bồi dưỡng trung trên lớp và trên tàu cá.

2. *Phương pháp bồi dưỡng mô đun:* Vận dụng phương pháp dạy học tích hợp và phương pháp dạy học người lớn. Vì vậy, để bồi dưỡng mô đun này, giáo viên ngoài việc có kiến thức, kinh nghiệm thực tế và kỹ năng thực hành tốt thì cần được tập huấn trước về phương pháp dạy học tích hợp và phương pháp dạy học người lớn.

3. *Trong quá trình bồi dưỡng*

- *Phần giảng dạy lý thuyết trên lớp:*

Tài liệu bồi dưỡng cần được phát cho người học trước để tham khảo. Giáo viên thiết kế và vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp với người học và nội dung của từng bài học theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, vận dụng các phương pháp dạy học trực quan và những phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá người học, và phương pháp dạy học người lớn, chú trọng kinh nghiệm của người học, một số phương pháp tổ chức thực hiện: thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp giải quyết vấn đề, dạy học thông qua tình huống, ...

Giáo viên sử dụng phương tiện bồi dưỡng hiệu quả hỗ trợ giảng dạy, tạo môi trường học tập thân thiện và khích lệ người học.

- *Phần thực hành rèn luyện kỹ năng:*

Giáo viên hướng dẫn ban đầu tại lớp; vận dụng phương pháp dạy học thực hành làm mẫu-luyện tập theo kiểu cầm tay chỉ việc,... Giáo viên dựa vào nội dung từng bài thực hành để chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, nguyên liệu cần thiết để thực hiện các bài thực hành trong mô đun; thường xuyên kiểm tra đánh giá, sửa lỗi cho người học.

Sản phẩm thực hành của từng người học và từng nhóm được ghi rõ họ tên để giáo viên thuận tiện kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm chung cho lớp.

4. Tài liệu tham khảo:

4.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2016). Giáo trình mô đun An toàn lao động trên tàu cá, trình độ sơ cấp, Hà Nội.

4.2. Bộ Lao động thương binh & xã hội. (2012). Tài liệu An toàn lao động vệ sinh nghề cá, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

4.3. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. (2014). Tài liệu huấn luyện cơ bản về hoạt động cộng đồng ứng phó với thảm họa (CADRE).

PHỤ LỤC 14

BÀI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐẦU VÀO VÀ ĐẦU RA

“Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu”

Họ và tên:.....Năm sinh.....

Nhiệm vụ trên tàu cá:.....

Ngày kiểm tra đánh giá:.....

I. Phần lý thuyết: (10 điểm),

Thời gian làm bài: 20 phút

Câu 1. Ông hãy cho biết các khái niệm sau, khái niệm nào là khái niệm về cháy là đúng nhất? (02 điểm)

- Cháy là 01 phản ứng hóa học.
- Cháy là một phản ứng có tỏa nhiệt.
- Cháy là một phản ứng tỏa nhiệt và có phát ra ánh sáng.
- Cháy là một phản ứng hóa học, có tỏa nhiệt và phát ra ánh sáng.

Câu 2. Ông hãy cho biết một đám cháy xảy ra bao gồm các thành phần nào sau đây? (02 điểm)

- Nguồn nhiệt
- Chất cháy và Oxy
- Nguồn nhiệt, chất cháy, oxy, duy trì phản ứng hóa học
- Chất cháy và duy trì phản ứng hóa học

Câu 3. Theo Ông thì xăng dầu và gas trên tàu cá là chất cháy dạng gì?

- Dạng khí
- Dạng lỏng
- Dạng kim loại
- Dạng khác

Câu 4. Theo Ông thì một đám cháy trên tàu cá có thể được dập tắt bằng cách nào sau đây? (02 điểm)

- Làm mát (giảm nhiệt độ)

- b. Ngưng cấp nhiên liệu
- c. Loại bỏ oxy
- d. Cả 3 ý trên đều đúng

Câu 5. *Hãy chỉ ra hoạt chất nào sau đây có thể chữa cháy trên tàu cá?*

- a. Nước
- b. CO₂
- c. Bột
- d. Cả 3 ý trên đều đúng

II. Phần thực hành (10 điểm): Khi đã tiếp cận được bình bột chữa cháy, hãy thực hiện việc sử dụng bình bột chữa cháy để chữa cháy trên tàu cá đúng cách, đúng quy trình! (10 phút/người)

PHỤ LỤC 15

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

“Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu”

Họ và tên:.....Năm sinh.....

Nhiệm vụ trên tàu cá:.....

Ngày kiểm tra đánh giá:.....

Họ và tên giáo viên đánh giá:.....

I. Phần lý thuyết

Câu hỏi	Nội dung	Đáp án
1	Ông hãy cho biết các khái niệm sau, khái niệm nào là khái niệm về cháy là đúng nhất? (02 điểm)	d
2	Ông hãy cho biết một đám cháy xảy ra bao gồm các thành phần nào sau đây? (02 điểm)	c
3	Theo Ông thì xăng dầu và gas trên tàu cá là chất cháy dạng gì? (02 điểm)	b
4	Theo Ông thì một đám cháy trên tàu cá có thể được dập tắt bằng cách nào sau đây? (02 điểm)	d
5	Hãy chỉ ra hoạt chất nào sau đây có thể chữa cháy trên tàu cá? (02 điểm)	d

Mối liên hệ giữa câu hỏi đánh giá và mục tiêu đánh giá

Mục tiêu	Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5
1	x	x			
2			x	x	x

II. Phần thực hành

Nội dung tiêu chí đánh giá kỹ năng thực hành

“Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu”

Quy trình thực hiện	Nội dung thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm đánh giá
Bước 1	Di chuyển nhanh chóng bình chữa cháy đến đám cháy	1	
Bước 2	Cầm bình lắc và xóc vài lần	2	
Bước 3	Giật chốt an toàn và thử bình	1	
Bước 4	Chọn đầu hướng gió, loa phun vào hướng lửa	2	
Bước 5	Giữ bình ở khoảng cách 1,5 m tùy từng loại cháy	2	
Bước 6	Bóp tay cò để bột cháy phun ra	1	
Bước 7	Quét loa phun	1	
	Tổng điểm		

Nhận xét:.....
.....
.....

Ngày tháng năm 2023

Giáo viên

(ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 16

BÀI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐẦU VÀO VÀ ĐẦU RA

“Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích”

Họ và tên:.....Năm sinh.....

Nhiệm vụ trên tàu cá:.....

Ngày kiểm tra đánh giá:.....

I. Phần lý thuyết

Câu 1. Ông hiểu như thế nào là sơ cứu ban đầu khi có người lao động đánh bắt hải sản bị thương tích trên tàu cá? (02 điểm)

a. Sơ cứu ban đầu là việc thực hiện những biện pháp chăm sóc ban đầu cho người bị bệnh hoặc bị thương, thông thường người thực hiện sẽ là nhân viên y tế chuyên nghiệp.

b. Sơ cứu ban đầu là việc thực hiện những biện pháp chăm sóc ban đầu cho người bị bệnh hoặc bị thương, thông thường người thực hiện sẽ là nghiệp dư cho tới khi nhân viên y tế chuyên nghiệp có mặt hoặc khi đã tiếp cận được sự chăm sóc y tế đầy đủ.

c. Sơ cứu ban đầu là việc thực hiện những biện pháp chăm sóc ban đầu cho người bị bệnh hoặc bị thương.

d. Cả b và c.

Câu 2. Biện pháp sơ cứu ban đầu bao gồm? (02 điểm)

a. Biện pháp sơ cứu ban đầu thường bao gồm những động tác đơn giản và trong một số trường hợp sẽ có thể bao gồm cả những kỹ thuật cấp cứu mà cá nhân sau khi qua bồi dưỡng có thể thực hiện với điều kiện thiết bị tối thiểu.

b. Biện pháp sơ cứu ban đầu thường bao gồm những động tác phức tạp, đòi hỏi phải có thiết bị đầy đủ.

c. Biện pháp sơ cứu ban đầu thường bao gồm những kỹ thuật cấp cứu mà cá nhân sau khi qua bồi dưỡng có thể thực hiện với điều kiện thiết bị tối thiểu.

d. a, b và c.

Câu 3. Theo Ông thì quy trình thực hiện hô hấp nhân tạo nào sau đây là đúng nhất? (02 điểm)

a. Bóp mũi nạn nhân lại; dùng miệng mình áp vào miệng nạn nhân sao cho kín khí, sau đó thổi 02 hơi, mỗi hơi khoảng 1 giây đồng thời quan sát lồng ngực nạn nhân nâng lên.

b. Bóp mũi nạn nhân lại; hít một hơi bình thường, dùng miệng mình áp vào miệng nạn nhân sao cho kín khí, sau đó thổi 20 hơi, mỗi hơi khoảng 1 giây đồng thời quan sát lồng ngực nạn nhân nâng lên.

c. Bóp mũi nạn nhân lại, hít một hơi bình thường, dùng miệng mình áp vào miệng nạn nhân sao cho kín khí, sau đó thổi 02 hơi, mỗi hơi khoảng 1 giây đồng thời quan sát lồng ngực nạn nhân nâng lên.

d. a và b đều đúng.

Câu 4. Theo Ông, khi một người lao động đánh bắt hải sản bị ngạt thở thì phải xử lý như thế nào? (02 điểm).

a. Xác nhận có sự tắc nghẽn đường hô hấp bằng cách hỏi nạn nhân “ có phải anh bị ngạt không? Khuyến khích nạn nhân ho ra.

b. Xác nhận có sự tắc nghẽn đường hô hấp bằng cách hỏi nạn nhân “ có phải anh bị ngạt không? Khuyến khích nạn nhân ho ra; Quan sát các triệu chứng tắc nghẽn hoàn toàn và bắt đầu tiến hành hồi sức tim phổi nếu nạn nhân bất tỉnh.

c. a và b.

Câu 5. Theo Ông, khi có người lao động đánh bắt hải sản trên tàu bị gãy xương hở thì phải xử lý như thế nào? (02 điểm)

a. Che vết thương lại bằng 01 miếng băng gạc vô trùng và thêm 01 miếng băng gạc tăng cường nếu cần; Nẹp phần gãy xương một cách vừa phải, không nên nẹp quá chặt hoặc quá lỏng.

b. Che vết thương lại bằng 01 miếng băng gạc vô trùng và thêm 01 miếng băng gạc tăng cường nếu cần; Nẹp phần gãy xương một cách vừa phải, không nên nẹp quá chặt hoặc quá lỏng; Đặt một miếng băng gạc ẩm khoảng 10 x 10 cm lên trên phần đầu xương lộ ra để tránh xương bị khô.

c. Che vết thương lại bằng 01 miếng băng gạc vô trùng và thêm 01 miếng băng gạc tăng cường nếu cần; Đặt một miếng băng gạc ẩm khoảng 10 x 10cm lên trên phần đầu xương lộ ra để tránh xương bị khô.

d. a, b và c.

II. Phần thực hành (10 điểm): Khi một người lao động đánh bắt hải sản trên tàu cá bị thương tích với tình trạng là chảy máu ở tay và chân. Hãy thực biện quy trình tiến hành cầm máu cho nạn nhân!

PHỤ LỤC 17

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

“Năng lực sơ cứu ban đầu khi bị thương tích trên biển”

Họ và tên:.....Năm sinh.....

Nhiệm vụ trên tàu cá:.....

Ngày kiểm tra đánh giá:.....

Họ và tên giáo viên đánh giá:.....

I. Phần lý thuyết

Câu hỏi	Nội dung	Đáp án
1	Ông hiểu như thế nào là sơ cứu ban đầu khi có người lao động đánh bắt hải sản bị thương tích trên tàu cá? (02 điểm)	b
2	Biện pháp sơ cứu ban đầu bao gồm? (02 điểm)	a
3	Theo Ông thì quy trình thực hiện hô hấp nhân tạo nào sau đây là đúng nhất? (02 điểm)	c
4	Theo Ông, khi một người lao động đánh bắt hải sản bị ngạt thở thì phải xử lý như thế nào? (02 điểm).	b
5	Theo Ông, khi có người lao động đánh bắt hải sản trên tàu bị gãy xương hở thì phải xử lý như thế nào? (02 điểm)	b

Mối liên hệ giữa câu hỏi đánh giá và mục tiêu đánh giá

Mục tiêu	Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5
1		x			
2	x		x	x	x

II. Phần thực hành

Nội dung tiêu chí đánh giá kỹ năng thực hành

“Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích”

Quy trình thực hiện	Nội dung thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm đánh giá
Đè trực tiếp vết thương	Bước 1: Đè trực tiếp lên vết thương bằng 1 mảnh băng gạc sạch và ấn chặt. Bước 2: Duy trì lực đè lên miếng băng gạc trên vết thương bằng cách quấn chặt vết thương bằng băng ép. Băng ép nên được thắt nơ để có thể tháo buộc dễ dàng, tránh việc phải cắt băng ra mới kiểm tra được vết thương.	5	
Đặt cao vết thương	Đặt vị trí vết thương ở tay lên vị trí cao hơn tim.	2	
Xác định điểm bóp/ép vết thương	Bóp/ép lên điểm gần nhất với vết thương để làm chậm lưu lượng máu đến vết thương: - Điểm bóp/ép ở cánh tay khi chảy máu ở tay; - Điểm bóp/ép ở đùi nếu chảy máu ở chân.	3	
	Tổng điểm		

Nhận xét:.....
.....
.....

Ngày tháng năm 2023

Giáo viên

(ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 18

MẪU MINH HỌA GIÁO ÁN TÍCH HỢP

Giáo án số: 01

Thời gian thực hiện: 04 giờ

Tên bài học trước:

Thực hiện từ ngày..... đến ngày.....

Tên bài

Giới thiệu về sơ cấp cứu và Kỹ năng xử lý khi nạn nhân bị ngạt thở

MỤC TIÊU BÀI HỌC:

Sau khi học xong bài học này, người học có khả năng:

Kiến thức:

- Trình bày được khái niệm về sơ cấp cứu, nguyên tắc an toàn khi sơ cấp cứu nạn nhân ở trên tàu bị ngưng tim, ngạt thở.

Giải thích được các khái niệm về sơ cấp cứu, nhận rõ trách nhiệm của mình trong việc thực hiện công tác sơ cứu khi đồng nghiệp của mình trên tàu cá bị ngưng tim, ngạt thở.

Kỹ năng:

- Thực hiện được việc xử lý khi có người trên tàu bị ngưng tim, ngạt thở.

- Thái độ (tự chủ, trách nhiệm): Thể hiện tính cẩn thận, sáng tạo trong quá trình xử lý tình huống.

ĐỒ DÙNG VÀ TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC”

- Máy tính xách tay, Projector, màn hình; giáo án, đề cương bài giảng, Video, tranh ảnh, mẫu hướng dẫn thực hiện, phiếu đánh giá, tài liệu học tập.

- Mô hình thực hành cấp cứu ép tim thổi ngạt (nửa người).

HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:

- Tập trung cả lớp để hướng dẫn quy trình;

- Tổ chức luyện tập theo nhóm;

- Đánh giá sản phẩm theo nhóm.

I. ÔN ĐỊNH LỚP HỌC:

Thời gian: 05 phút

- Chào hỏi
- Kiểm tra sĩ số học viên:HV; Vắng:.....
- Kiểm tra tình trạng lớp học, đồ dùng, trang thiết bị dạy học.

II. THỰC HIỆN BÀI HỌC

TT	NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC		THỜI GIAN
		HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC VIÊN	
1	<p><u>Dẫn nhập</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi về vai trò của việc sơ cấp cứu khi có người trên tàu bị ngưng tim, ngạt thở - Nêu tầm quan trọng của việc sơ cấp cứu người bị ngưng tim, ngạt thở khi xảy ra trên biển. - Nêu mục tiêu bài học. - Yêu cầu người học vận dụng linh hoạt những lí thuyết và kinh nghiệm bản thân vào thực hành theo nhóm để nâng cao kỹ năng thực hiện 	- Dẫn dắt vào vấn đề	- Lắng nghe, trả lời câu hỏi	5 phút
2	<p><u>Giới thiệu chủ đề</u></p> <p>Tên bài học: Sơ cấp cứu người bị tai nạn thương tích trên biển</p> <p>Giới thiệu mục tiêu bài học và công cụ để giải quyết mục tiêu bài học</p> <p>Nội dung bài học</p> <p>Cách đánh giá bài học</p> <p>Lưu ý an toàn lao động và sai sót thường gặp</p>	<p>HD1: Giới thiệu bài học</p> <p>HD 2: Trình bày mục tiêu</p> <p>HD 3: Nêu khái quát nội dung</p> <p>HD 4: Trao đổi về phương pháp học tập.</p> <p>Đặt câu hỏi: Vì sao chúng ta phải sơ</p>	<p>HD1: Quan sát chủ đề bài học</p> <p>HD2: Định hướng mục tiêu</p> <p>HD 3: Định hướng nội dung</p> <p>HD 4: Định hướng phương pháp học tập</p> <p>Học viên lắng nghe câu hỏi,</p>	10 phút

		<p>cấp cứu khi có người trên tàu bị ngưng tim, ngạt thở?</p> <p>- Nhận xét câu trả lời, nêu các công việc, mục tiêu và yêu cầu cần đạt; hướng dẫn cách thực hành theo nhóm, các kỹ năng cần rèn luyện gồm: + KN 1: Kỹ năng ép tim + KN 2: Kỹ năng hà hơi thổi ngạt - Tổ chức nhóm học tập (chia làm 5 nhóm, mỗi nhóm 7 người)</p>	<p>xung phong hoặc chuẩn bị trả lời nếu được chỉ định</p> <p>Theo dõi, tìm và chia sẻ lời giải với bạn học và giáo viên, ghi chép</p>	
3	<p><u>Giải quyết vấn đề</u> a. Lý thuyết liên quan đến KN1, KN2 Sơ cấp cứu là việc thực hiện những biện pháp chăm sóc ban đầu cho người bị TNGT, thông thường người thực hiện ban đầu là người không có chuyên môn cho tới khi nhân viên y tế (người có chuyên môn) có mặt hoặc khi tiếp cận được nạn nhân với sự chăm sóc y tế đầy đủ. Biện pháp này thường bao gồm những kỹ thuật cấp cứu mà một cá nhân sau khi qua đào tạo hoặc bồi dưỡng có thể thực hiện được với</p>	<p>- Vận dụng các PPDH chính như thực hành, thông qua tình huống</p> <p>- Nêu câu hỏi, sử dụng phương pháp thảo luận nhóm và cho nhóm báo cáo kết quả: + Những dấu hiệu để nhận biết khi nạn nhân ngạt thở, ngưng tim. + Vì sao phải sơ cấp cấp ngay</p>	<p>- Thực hiện thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận nhóm - Theo dõi, thảo luận nhóm, báo cáo kết quả - Theo dõi, thảo luận nhóm, báo cáo kết quả</p>	295 phút

<p>điều kiện thiết bị tối thiểu.</p> <p>Trước khi tiếp cận với nạn nhân, người sơ cứu cần thực hiện các bước sau: sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giữ nguyên hiện trạng – đừng cố gắng tự xử lý những việc nằm ngoài khả năng của bạn. • Đánh giá tình trạng ban đầu: quan sát và đánh giá sơ bộ tình trạng thương tích của nạn nhân để xác định tình trạng thương tích và hướng xử lý. <p>2. Hướng dẫn thực hành hô hấp nhân tạo khi nạn nhân ngưng thở, ngạt thở</p> <p>2.1. Trường hợp nạn nhân bị ngưng tim</p> <p>2.2. Trường hợp nạn nhân bị ngạt thở</p>	<p>Tổ chức cho cả lớp theo dõi giáo viên làm mẫu.</p> <p>Gọi một người học bất kỳ trong nhóm làm thử thao tác, sau đó điều chỉnh.</p> <p>Giao mô hình cho các nhóm để thực hành từng kỹ năng</p> <p>Theo dõi, hướng dẫn, điều chỉnh nhóm thực hiện tốt các kỹ năng.</p> <p>Gợi ý nhóm đánh giá chéo giữa các nhóm</p> <p>Đánh giá, kết luận quá trình thực hành</p>	<p>Theo dõi</p> <p>Làm thử, theo dõi</p> <p>Thực hành nhóm (3 học viên)</p> <p>Tự nhận xét kết quả, nhận</p>	
--	---	--	--

	<p>từng kỹ năng</p> <p>Tổ chức cho cả lớp theo dõi giáo viên làm mẫu.</p> <p>Gọi một người học bất kỳ trong nhóm làm thử thao tác, sau đó điều chỉnh.</p> <p>Giao mô hình cho các nhóm để thực hành từng kỹ năng</p> <p>Theo dõi, hướng dẫn , điều chỉnh nhóm thực hiện tốt các kỹ năng.</p> <p>Gợi ý nhóm đánh giá chéo giữa các nhóm</p> <p>Đánh giá, kết luận quá trình thực hành từng kỹ năng</p>	<p>xét đánh giá chéo</p> <p>Lắng nghe, theo dõi</p> <p>Theo dõi</p> <p>Làm thử, theo dõi</p> <p>Thực hành nhóm (3 học viên)</p> <p>Tự nhận xét kết quả, nhận xét đánh giá chéo</p> <p>Lắng nghe, theo dõi</p>	
--	---	---	--

4	<p><u>Kết thúc vấn đề</u> Củng cố kiến thức Quy trình thực hiện sơ cấp cứu khi có nạn nhân bị ngạt thở, ngưng tim - Củng cố kỹ năng: + Những bài học kinh nghiệm. + Những điều lưu ý * Kiểm tra: Yêu cầu học viên và nhóm tự đánh giá vào Phiếu tự đánh giá</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập trung lớp - Trả lời câu hỏi của học viên - Phân tích, đánh giá kết quả thực hành so với mục tiêu, lưu ý các thiếu sót, nhầm lẫn, phân tích nguyên nhân và cách khắc phục - Nhận Phiếu thực hành; Phiếu đánh giá 	Tập trung Nêu câu hỏi thắc mắc Lắng nghe, theo dõi, rút kinh nghiệm Tự đánh giá vào phiếu và nộp cho giáo viên	20 phút
5	<p><u>Hướng dẫn tự học</u> - Hướng dẫn học viên tự ôn luyện các nội dung đã học và đọc thêm các tài liệu tham khảo.</p>	<p><u>Tự xem lại nội dung đã học, hướng dẫn học viên xem tài liệu học tập</u></p>		5'
5	<p><u>Nguồn Tài liệu tham khảo</u></p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2016). Giáo trình mô đun An toàn lao động trên tàu cá, trình độ sơ cấp, Hà Nội. 2. Bộ Lao động thương binh & xã hội. (2012). Tài liệu An toàn lao động vệ sinh nghề cá, NXB Nông nghiệp, Hà Nội. 3. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. (2014). Tài liệu huấn luyện cơ bản về hoạt động cộng đồng ứng phó với thảm họa (CADRE) 		

VI. Rút kinh nghiệm tổ chức thực hiện:.....

Lãnh đạo duyệt

Ngày tháng năm 2023

GIÁO VIÊN

PHỤ LỤC 19

PHIẾU PHỎNG VẤN CHUYÊN GIA

về “Chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên”

Để hoàn thiện chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên. Chúng tôi kính mong Quý Ông/Bà vui lòng xem chương trình bồi dưỡng được gửi kèm và cho biết ý kiến của mình về nội dung sau đây.

PHẦN THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:

Trình độ chuyên môn:

Chức vụ:

Nơi làm việc:

Thâm niên nghề nghiệp:

Câu 1: Ông (Bà) đánh giá như thế nào về cấu trúc và nội dung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên?

.....
.....

Câu 2: Ông (Bà) đánh giá như thế nào về đề cương chi tiết các mô đun trong chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên?

.....
.....

Câu 3: Ông (Bà) đánh giá như thế nào về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ giáo viên thực hiện chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên?

.....

Xin chân thành cảm ơn Quý Ông/Bà đã trả lời phỏng vấn!

PHỤ LỤC 20

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHỎNG VẤN CHUYÊN GIA

Về chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

1. Đối tượng, thời gian và địa điểm phỏng vấn

Thời gian	Đối tượng	Địa điểm
10/10/2023	CG có mã 18,20,22, 24	Phường Phú Đông
12/10/2023	CG có mã 16,17	Sở Lao động thương binh & Xã hội tỉnh Phú Yên
15/10/2023	CG có mã 3,4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên

2. Tổng hợp kết quả phỏng vấn

Câu 1: Ông (Bà) đánh giá như thế nào về cấu trúc và nội dung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên?

CG 3, 16, 18, 24: Tổng chương trình gồm 7 mô đun với 74 giờ là phù hợp với thực tiễn về bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên hiện nay. Cấu trúc và nội dung chương trình bồi dưỡng bám sát mục tiêu bồi dưỡng. Khối lượng kiến thức đáp ứng với nội dung các mục tiêu đề ra.

CG 4, 17, 20, 22: Nên gộp mô đun 6 và mô đun 7 thành mô đun.

Câu 2: Ông (Bà) đánh giá như thế nào về đề cương chi tiết các mô đun trong chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên?

CG 4, 16, 17, 22: Đề cương chi tiết các mô đun đã nêu rõ được mục tiêu, phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả, có tài liệu tham khảo. phù hợp với xu hướng hiện nay về bồi dưỡng nghề nghiệp theo định hướng ứng dụng.

CG 3, 18, 20, 24: Cần nghiên cứu tăng thêm thời gian thực hành ở mỗi mô đun trong chương trình bồi dưỡng để nâng cao các kỹ năng cho người học.

Câu 3: Ông (Bà) đánh giá như thế nào về cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên?

CG 3, 4, 18, 20: Về cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện chương trình bồi dưỡng: Với số lượng trang thiết phục vụ hoạt động bồi dưỡng cơ bản đáp ứng, bảo đảm thực hiện yêu cầu chất lượng của chương trình bồi dưỡng.

CG 16, 17, 22, 24: Số lượng trang thiết bị là số lượng tối thiểu, các cơ sở bồi dưỡng cần tăng cường bổ sung thêm một số trang thiết bị thực hành về sơ cấp cứu và về trang thiết bị phòng cháy chữa cháy trên tàu để đa dạng hóa kiến thức, kỹ năng cho học viên trong quá trình thực hành.

PHỤ LỤC 21

DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA LẤY Ý KIẾN VÀ TRẢ LỜI PHÒNG VẤN

STT	Mã hóa	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	CG1	TS. GV	Đại học Nha Trang
2	CG2	TS. GVC	
3	CG3	ThS. GV	
4	CG4	ThS. GV	
5	CG5	ThS. GV	
6	CG6	ThS. GV	
7	CG7	TS.GV	
8	CG8	KS	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên
9	CG9	KS	
10	CG10	KS	
11	CG11	KS	
12	CG12	KS	
13	CG13	KS	
14	CG14	KS	
15	CG15	KS	
16	CG16	Th.s	Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh Phú Yên
17	CG17	KS	
18	CG18	Thuyền trưởng	Nghịệp đoàn nghề cá – Thị Xã Đông Hòa - Tỉnh Phú Yên
19	CG19	Thuyền trưởng	
20	CG20	Thuyền trưởng	Nghịệp đoàn nghề cá – Huyện Tuy An - Tỉnh Phú Yên
21	CG21	Thuyền trưởng	
22	CG22	Thuyền trưởng	Nghịệp đoàn nghề cá – Thị Xã Sông Cầu - Tỉnh Phú Yên
23	CG23	Thuyền trưởng	
24	CG24	Thuyền trưởng	Nghịệp đoàn nghề – Thành phố Tuy Hòa - Tỉnh Phú Yên
25	CG25	Thuyền trưởng	

Phụ lục 22

CÁC NHÓM NĂNG LỰC TRONG KHUNG NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN

A/ Nhóm năng lực cơ bản gồm 6 năng lực nghề nghiệp như: 1) Năng lực ứng xử nghề; 2) Năng lực thích nghi nghề nghiệp; 3) Năng lực sử dụng công nghệ thông tin; 4) Năng lực an toàn lao động; 5) Năng lực rèn luyện thân thể; 6) Năng lực đạo đức nghề nghiệp.

B/ Nhóm năng lực chung gồm 4 năng lực nghề nghiệp, cụ thể: 1) Năng lực bơi lội; 2) Năng lực chịu đựng sóng gió; 3) Năng lực thực hiện các quy định liên quan đến tàu cá; 4) Năng lực thực hành an toàn trên tàu cá.

C/ Nhóm năng lực chuyên môn gồm 62 năng lực nghề nghiệp, cụ thể:

1) Năng lực chuẩn bị chuyển biển của thủy thủ; 2) Năng lực sử dụng dây và dụng cụ liên kết dây; 3) Năng lực lái tàu và trục ca; 4) Năng lực lắp ráp, sửa chữa vàng lưới kéo; 5) Năng lực sử dụng trang thiết bị boong tàu lưới kéo; 6) Năng lực chuẩn bị thả lưới kéo; 7) Năng lực thả lưới kéo; 8) Năng lực dặt lưới kéo; 9) Năng lực thu lưới kéo; 10) Năng lực bảo quản hải sản; 11) Năng lực lắp ráp, sửa chữa vàng lưới vây; 12) Năng lực sử dụng trang thiết bị boong tàu lưới vây; 13) Năng lực chuẩn bị thả lưới vây; 14) Năng lực thả lưới vây; 15) Năng lực thu cấp rút; 16) Năng lực thu lưới vây; 17) Năng lực lắp ráp, sửa chữa vàng lưới rê; 18) Năng lực sử dụng trang thiết bị boong tàu lưới rê; 19) Năng lực chuẩn bị thả lưới rê; 20) Năng lực thả lưới rê; 21) Năng lực theo dõi lưới rê trôi; 22) Năng lực thu lưới rê; 23) Năng lực thi công, sửa chữa vàng câu cá ngừ đại dương; 24) Năng lực sử dụng thiết bị boong tàu câu vàng cá ngừ đại dương; 25) Năng lực chuẩn bị thả câu; 26) Năng lực thả câu; 27) Năng lực thu câu; 28) Năng lực xử lý cá ngừ đại dương; 29) Năng lực bảo quản cá ngừ đại dương; 30) Năng lực phân công, hướng dẫn, giám sát công việc của thủy thủ tàu lưới kéo; 31) Năng lực phân công, hướng dẫn, giám sát công việc của thủy thủ tàu lưới vây; 32) Năng lực phân công, hướng dẫn, giám sát công việc của thủy thủ tàu lưới rê; 33) Năng lực phân công, hướng dẫn, giám sát công việc của thủy thủ tàu câu vàng cá ngừ đại dương; 34) Năng lực chuẩn bị chuyển biển của thợ máy; 35) Năng lực vận hành máy chính tàu cá; 36) Năng lực vận hành

hệ thống điện tàu cá; 37) Năng lực vận hành hệ thống lạnh tàu cá; 38) Năng lực vận hành các thiết bị cơ khí tàu cá; 39) Năng lực bảo dưỡng, vệ sinh công nghiệp tàu cá; 40) Năng lực chuẩn bị chuyển biển của máy trưởng; 41) Năng lực xử lý khắc phục sự cố máy chính tàu cá có chiều dài dưới 15m; 42) Năng lực quản lý bộ phận máy tàu cá có chiều dài dưới 15m; 43) Năng lực xử lý khắc phục sự cố máy chính tàu cá có chiều dài từ 15m đến dưới 24m; 44) Năng lực quản lý bộ phận máy tàu cá có chiều dài từ 15m đến dưới 24m; 45) Năng lực xử lý khắc phục sự cố máy chính tàu cá có chiều dài từ 24m trở lên; 46) Năng lực quản lý bộ phận máy tàu cá có chiều dài từ 24m trở lên; 47) Năng lực chuẩn bị chuyển biển của thuyền trưởng; 48) Năng lực quản lý tàu cá; 49) Năng lực tiêu thụ sản phẩm của tàu cá; 50) Năng lực điều động tàu cá có chiều dài dưới 15m; 51) Năng lực khai thác hàng hải trên tàu cá có chiều dài dưới 15m; 52) Năng lực khai thác hải sản trên tàu lưới kéo có chiều dài dưới 15m; 53) Năng lực khai thác hải sản trên tàu lưới vây có chiều dài dưới 15m; 54) Năng lực khai thác hải sản trên tàu lưới rê có chiều dài dưới 15m; 55) Năng lực điều động tàu cá có chiều dài từ 15m đến dưới 24m; 56) Năng lực khai thác hàng hải trên tàu cá có chiều dài từ 15m đến dưới 24m; 57) Năng lực khai thác hải sản trên tàu lưới kéo có chiều dài từ 15m trở lên; 58) Năng lực khai thác hải sản trên tàu lưới vây có chiều dài từ 15m trở lên; 59) Năng lực khai thác hải sản trên tàu lưới rê có chiều dài từ 15m trở lên; 60) Năng lực khai thác hải sản trên tàu câu vàng có chiều dài từ 15m trở lên; 61) Năng lực điều động tàu cá có chiều dài từ 24m trở lên; 62) Năng lực khai thác hàng hải trên tàu cá có chiều dài từ 24m trở lên.

PHỤ LỤC 23
PHIẾU HỎI VỀ CÁC NHIỆM VỤ, CÔNG VIỆC CÓ LIÊN QUAN
ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH AN TOÀN TRÊN TÀU CÁ
CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN

Họ và tên:.....Năm sinh.....

Nhiệm vụ trên tàu cá: Thuyền trưởng

Địa chỉ:.....

Dưới đây là một số đề xuất về những công việc liên quan đến nhiệm vụ *thực hiện cứu người khi rơi xuống biển*. Dựa vào thực tế công việc và bằng kinh nghiệm của mình, Ông hãy vui lòng đánh dấu “x” cho biết những công việc mà Ông đã từng làm liên quan đến việc thực hiện cứu người khi rơi xuống biển và đánh giá mức độ thực hiện về các công việc này như thế nào?

TT	Nhiệm vụ, công việc	Mức độ thực hiện		
		Rất nhiều	Nhiều	Không nhiều
1. Thực hiện cứu người khi rơi xuống biển				
1.1	Ném phao cứu sinh cá nhân cho người bị nạn.			
1.2	Chuẩn bị các phương tiện cứu sinh cứu vớt người bị nạn.			
1.3	Di chuyển tàu ra xa người bị nạn để người bị nạn không bị hút vào chân vịt.			
1.4	Thông tin cho các lực lượng chức năng để kịp thời cứu hộ.			
2. Xử lý khi bị thủng tàu				
2.1	Xác định vị trí, kích thước lỗ thủng, lưu lượng nước chảy qua lỗ thủng đó.			
2.2	Đóng kín các cửa hầm kín nước giữa các hầm thủng và những hầm kế cận			
2.3	Dùng dụng cụ chống thấm trên tàu để bịt			

	kín tạm thời lỗ thủng.			
2.4	Sử dụng máy bơm hút nước ra ngoài.			
3. Xử lý khi có cháy trên tàu				
3.1	Nhận biết được vị trí các thiết bị chống cháy và các lối thoát khẩn cấp.			
3.2	Phân biệt các loại nguồn gây cháy, nguy cơ gây cháy và sự lan truyền của lửa.			
3.3	Phân loại các chất dập lửa có thể áp dụng.			
3.4	Sử dụng các trang thiết bị và dụng cụ chống cháy; phương pháp, trình tự chống cháy, phương pháp sử dụng dụng cụ thở trong chống cháy và cứu nạn.			
4. Sơ cấp cứu khi có người bị thương tích trên biển				
4.1	Sử dụng dụng cụ y tế khi sơ cấp cứu.			
4.2	Xác định vị trí tổn thương.			
4.3	Áp dụng kỹ thuật hồi sức.			
4.4	Kiểm soát chảy máu.			
4.5	Áp dụng các biện pháp thích hợp để chống choáng.			
4.6	Băng bó và sử dụng các công cụ trong túi cứu thương khẩn cấp.			
5. Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu				
5.1	Chống khát trên biển.			
5.2	Chống đói trên biển.			
5.3	Chuẩn bị phao cứu sinh hoặc các vật thể có thể nổi trên mặt nước, khả năng giữ cho cơ thể nhẹ nhàng để giữ sức lực trong thời gian chờ sự trợ giúp.			
6. Phát hiện và theo dõi bão trên biển				

6.1	Phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua sự thay đổi trạng thái của mặt biển.			
6.2	Phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua sự thay đổi trạng thái của bầu trời.			
6.3	Phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua những biểu hiện khác thường trong hoạt động sống của một số sinh vật sống xung quanh.			
7. Thực hiện phòng tránh mất liên lạc				
7.1	Sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc trên tàu phục vụ cho việc báo động cấp cứu.			
7.2	Liên lạc tới nơi cần cấp cứu để phòng tránh gián đoạn thông tin liên lạc, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động trên biển.			

Ý kiến đề xuất bổ sung những nhiệm vụ và công việc khác:.....

PHỤ LỤC 24

**THỐNG KÊ Ý KIẾN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN
VỀ CÁC CÔNG VIỆC LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH AN
TOÀN TRÊN TÀU CÁ LÀM CƠ SỞ LẬP BẢNG PHÂN TÍCH NGHỀ**

TT	Nhiệm vụ, công việc	Mức độ thực hiện					
		Rất nhiều	%	Nhiều	%	Không nhiều	%
1. Thực hiện cứu người khi rơi xuống biển							
1.1	Ném phao cứu sinh cá nhân cho người bị nạn.	3	10,00	24	80,00	3	10,00
1.2	Chuẩn bị các phương tiện cứu sinh cứu vớt người bị nạn.	4	13,33	25	83,33	1	3,33
1.3	Di chuyển tàu ra xa người bị nạn để người bị nạn không bị hút vào chân vịt.	4	13,33	23	76,67	3	10,00
1.4	Thông tin cho các lực lượng chức năng để kịp thời cứu hộ.	7	23,33	21	70,00	2	6,67
Trung bình			15,00		77,50		7,50
2. Xử lý khi bị thủng tàu							
2.1	Xác định vị trí, kích thước lỗ thủng, lưu lượng nước chảy qua lỗ thủng đó.	2	6,67	21	70,00	7	23,33
2.2	Đóng kín các cửa hầm kín nước giữa	1	3,33	23	76,67	6	20,00

	các hầm thùng và những hầm kế cận						
2.3	Dùng dụng cụ chống thấm trên tàu để bịt kín tạm thời lỗ thùng.	2	6,67	23	76,67	5	16,67
2.4	Sử dụng máy bơm hút nước ra ngoài.	4	13,33	23	76,67	3	10,00
Trung bình			7,50		75,00		17,50
3. Xử lý khi có cháy trên tàu							
3.1	Nhận biết được vị trí các thiết bị chống cháy và các lối thoát khẩn cấp.	6	20,00	24	80,00	0	0,00
3.2	Phân biệt các loại nguồn gây cháy, nguy cơ gây cháy và sự lan truyền của lửa.	5	16,67	24	80,00	1	3,33
3.3	Phân loại các chất dập lửa có thể áp dụng.	3	10,00	24	80,00	3	10,00
3.4	Sử dụng các trang thiết bị và dụng cụ chống cháy; phương pháp, trình tự chống cháy, phương pháp sử dụng dụng cụ thở trong chống cháy và cứu nạn.	4	13,33	22	73,33	4	13,33
Trung bình			15,00		78,33		6,67

4. Sơ cấp cứu khi có người bị thương tích trên biển							
4.1	Sử dụng dụng cụ y tế khi sơ cấp cứu.	5	16,67	22	73,33	3	10,00
4.2	Xác định vị trí tổn thương.	4	13,33	24	80,00	2	6,67
4.3	Áp dụng kỹ thuật hồi sức.	6	20,00	23	76,67	1	3,33
4.4	Kiểm soát chảy máu.	3	10,00	22	73,33	5	16,67
4.5	Áp dụng các biện pháp thích hợp để chống choáng.	4	13,33	22	73,33	4	13,33
4.6	Băng bó và sử dụng các công cụ trong túi cứu thương khẩn cấp.	5	16,67	22	73,33	3	10,00
Trung bình			15,00		75,00		10,00
5. Thực hiện sống sót trên biển khi rời tàu							
5.1	Chống khát trên biển.	4	13,33	24	80,00	2	6,67
5.2	Chống đói trên biển.	3	10,00	26	86,67	1	3,33
5.3	Chuẩn bị phao cứu sinh hoặc các vật thể có thể nổi trên mặt nước, khả năng giữ cho cơ thể nhẹ nhàng để giữ sức lực trong thời gian chờ sự trợ giúp.	5	16,67	23	76,67	2	6,67
Trung bình			13,33		81,11		5,56
6. Phát hiện và theo dõi bão trên biển							
6.1	Phát hiện và theo dõi bão trên biển thông	5	16,67	22	73,33	3	10,00

	qua sự thay đổi trạng thái của mặt biển.						
6.2	Phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua sự thay đổi trạng thái của bầu trời.	6	20,00	23	76,67	1	3,33
6.3	Phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua những biểu hiện khác thường trong hoạt động sống của một số sinh vật sống xung quanh.	7	23,33	22	73,33	1	3,33
Trung bình			20,00		74,44		5,56
7. Thực hiện phòng tránh mất liên lạc							
7.1	Sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc trên tàu phục vụ cho việc báo động cấp cứu.	3	10,00	25	83,33	2	6,67
7.2	Liên lạc tới nơi cần cấp cứu để phòng tránh gián đoạn thông tin liên lạc, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động trên biển.	4	13,33	24	80,00	2	6,67
Trung bình			11,67		81,67		6,67

PHỤ LỤC 25

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN THAM GIA TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI VỀ CÁC NHIỆM VỤ, CÔNG VIỆC LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH AN TOÀN TRÊN TÀU CÁ

TT	Mã hóa	Chức danh, vị trí làm việc trên tàu cá	Địa chỉ thường trú
1	NLD ĐBHS1	Thuyền trưởng	Phường Phú Đông, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
2	NLD ĐBHS2	Thuyền trưởng	Phường Phú Đông, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
3	NLD ĐBHS3	Thuyền trưởng	Phường Phú Đông, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
4	NLD ĐBHS4	Thuyền trưởng	Phường Phú Đông, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
5	NLD ĐBHS5	Thuyền trưởng	Phường Phú Đông, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
6	NLD ĐBHS6	Thuyền trưởng	Phường Phú Đông, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
7	NLD ĐBHS7	Thuyền trưởng	Phường Phú Đông, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
8	NLD ĐBHS8	Thuyền trưởng	Phường Phú Đông, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
9	NLD ĐBHS9	Thuyền trưởng	Phường Phú Đông, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
10	NLD ĐBHS10	Thuyền trưởng	Phường Phú Đông, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
11	NLD ĐBHS11	Thuyền trưởng	Xã An Chấn, Huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
12	NLD ĐBHS12	Thuyền trưởng	Xã An Chấn, Huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
13	NLD ĐBHS13	Thuyền trưởng	Xã An Chấn, Huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
14	NLD ĐBHS14	Thuyền trưởng	Xã An Chấn, Huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
15	NLD ĐBHS15	Thuyền trưởng	Xã An Chấn, Huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên

16	NLD ĐBHS16	Thuyền trưởng	Xã An Chấn, Huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
17	NLD ĐBHS17	Thuyền trưởng	Xã An Chấn, Huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
18	NLD ĐBHS18	Thuyền trưởng	Xã An Chấn, Huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
19	NLD ĐBHS19	Thuyền trưởng	Xã An Chấn, Huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
20	NLD ĐBHS20	Thuyền trưởng	Xã An Chấn, Huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
21	NLD ĐBHS21	Thuyền trưởng	Thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên
22	NLD ĐBHS22	Thuyền trưởng	Thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên
23	NLD ĐBHS23	Thuyền trưởng	Thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên
24	NLD ĐBHS24	Thuyền trưởng	Thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên
25	NLD ĐBHS25	Thuyền trưởng	Thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên
26	NLD ĐBHS26	Thuyền trưởng	Thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên
27	NLD ĐBHS27	Thuyền trưởng	Thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên
28	NLD ĐBHS28	Thuyền trưởng	Thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên
29	NLD ĐBHS29	Thuyền trưởng	Thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên
30	NLD ĐBHS30	Thuyền trưởng	Thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên

PHỤ LỤC 26
KẾT QUẢ XỬ LÝ THÔ SPSS

		Nang luc nem phao cuu sinh
N	Valid	398
	Missing	0
Mean		2.8593
Std. Deviation		.90077

		Nang luc chuan bi phuong tien cuu sinh	Nang luc di chuyen tau ra xa	Nang luc thong tin luc luong chuc nang	Nang luc xac dinh vi tri lo thung	Nang luc dong kin cua ham	Nang luc dung cu chong tham	Nang luc su dung may bom hut ngoai	Nang luc nhan biet vi tri chong chay	Nang luc phan biet nguon chay
N	398	398	398	398	398	398	398	398	398	398
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Mean		3.3291	2.7387	2.8417	2.2412	2.3015	2.1910	2.5854	1.9221	1.6633
Std. Deviation		.89482	1.01973	1.03226	.95338	1.05255	.96733	1.13630	.93704	.73913

		Nang luc phan loai chat dap lua	Nang luc su dung thiet bi chua chay	Nang luc su dung dung cu y te	Nang luc xac dinh vi tri ton thuong	Nang luc ap dung ky thuat hoi suc	Nang luckiem soat chay mau	Nang luc chong choang	Nang luc bang bo so cuu	Nang luc chong khac
N	398	398	398	398	398	398	398	398	398	398
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Mean		1.6332	1.6935	1.7136	1.7035	1.6809	1.6482	1.6357	1.6382	2.2864
Std. Deviation		.71409	.71438	.84183	.80773	.72117	.72166	.68480	.70246	1.05437

		Nang luc chong doi	Nang luc chuan bi phao cuu sinh	Nang luc theo doi bao tren bien	Nang luc theo doi bao tren bau troi	Nang luc theo doi bao tren sinh vat	Nang luc su dung thiet bi lien lac	Nang luc lien lac cuu nan	Tinh can thiet cua cong tac boi duong nang luc danh bat hai san	Tan suat tham gia boi duong
N	398	398	398	398	398	398	398	398	398	398

	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Mean		2.3342	2.6633	2.5452	2.7940	2.7487	2.0528	2.3266	3.5101	2.6080
Std. Deviation		1.04140	1.05382	1.06547	.99508	.98716	.94681	.71953	.77988	.89900

		Thoi luong to chuc chuong trinh boi duong	Hinh thuc boi duong nang luc	Nhan thuc va nhu cau	Trinh do giao vien va chinh sach	Dieu kien co so vat chat	Xu ly khi co ng roi xuong bien
N	0	398	398	398	398	398	
	398	0	0	0	0	0	
Mean		1.8191	3.2412	3.0477	2.3568	2.7111	2.6784
Std. Deviation		.48911	.91839	.95503	.95929	.83647	1.26852

		Xu ly khi bi thung tau	Xu ly khi co chay tren tau	So cuu khi co ng bi thuong	Song sot tren bien khi roi tau	Phat hien va theo doi bao tren bien	Phong tranh mat lien lac	Phuong phap thuyet trinh	Phuong phap thuc hanh	Phuong phap thao luan nhom
N	398	398	398	398	398	398	398	398	398	
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Mean		2.1608	1.7412	1.8844	2.2462	2.6231	2.3794	2.2538	1.7337	1.8166
Std. Deviation		1.01340	.91770	.98180	1.02103	1.10582	1.04038	1.23485	.81511	.97527

		Phuong phap neu va giai quyet van de	Viet tu luan	Trac nghiem	Van dap
N	398	398	398	398	398
	0	0	0	0	0
Mean		2.1307	2.2136	2.5000	1.8291
Std. Deviation		1.10780	1.22613	1.11944	.98142

Nang luc nem phao cuu sinh

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	yeu	22	5.5	5.5
	trung binh	127	31.9	31.9
	kha	134	33.7	33.7
	tot	115	28.9	28.9

Total	398	100.0	100.0
-------	-----	-------	-------

Nang luc chuan bi phuong tien cuu sinh

	Frequency	Percent	Valid Percent
Valid yeu	28	7.0	7.0
trung binh	31	7.8	7.8
kha	121	30.4	30.4
tot	218	54.8	54.8
Total	398	100.0	100.0

Nang luc di chuyen tau ra xa

	Frequency	Percent	Valid Percent
Valid yeu	39	9.8	9.8
trung binh	155	38.9	38.9
kha	75	18.8	18.8
tot	129	32.4	32.4
Total	398	100.0	100.0

Nang luc thong tin luc luong chuc nang

	Frequency	Percent	Valid Percent
Valid yeu	56	14.1	14.1
trung binh	80	20.1	20.1
kha	133	33.4	33.4
tot	129	32.4	32.4
Total	398	100.0	100.0

Nang luc xac dinh vi tri lo thung

	Frequency	Percent	Valid Percent
Valid yeu	116	29.1	29.1
trung binh	98	24.6	24.6
kha	156	39.2	39.2
tot	28	7.0	7.0
Total	398	100.0	100.0

Nang luc dong kin cua ham

	Frequency	Percent	Valid Percent
Valid yeu	121	30.4	30.4
trung binh	93	23.4	23.4
kha	127	31.9	31.9
tot	57	14.3	14.3
Total	398	100.0	100.0

Nang luc dung dung cu chong tham

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	yeu	123	30.9	30.9
	trung binh	108	27.1	27.1
	kha	135	33.9	33.9
	tot	32	8.0	8.0
	Total	398	100.0	100.0

Nang luc su dung may bom hut ngoai

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	yeu	83	20.9	20.9
	trung binh	124	31.2	31.2
	kha	66	16.6	16.6
	tot	125	31.4	31.4
	Total	398	100.0	100.0

Nang luc nhan biet vi tri chong chay

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	yeu	180	45.2	45.2
	trung binh	80	20.1	20.1
	kha	127	31.9	31.9
	tot	11	2.8	2.8
	Total	398	100.0	100.0

Nang luc phan biet nguon chay

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	yeu	190	47.7	47.7
	trung binh	160	40.2	40.2
	kha	40	10.1	10.1
	tot	8	2.0	2.0
	Total	398	100.0	100.0

Nang luc phan loai chat dap lua

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	yeu	195	49.0	49.0
	trung binh	160	40.2	40.2
	kha	37	9.3	9.3
	tot	6	1.5	1.5
	Total	398	100.0	100.0

Nang luc su dung thiet bi chua chay

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	yeu	178	44.7	44.7
	trung binh	167	42.0	42.0
	kha	50	12.6	12.6
	tot	3	.8	.8
	Total	398	100.0	100.0

Nang luc su dung dung cu y te

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	yeu	187	47.0	47.0
	trung binh	165	41.5	41.5
	kha	19	4.8	4.8
	tot	27	6.8	6.8
	Total	398	100.0	100.0

Nang luc xac dinh vi tri ton thuong

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	yeu	184	46.2	46.2
	trung binh	170	42.7	42.7
	kha	22	5.5	5.5
	tot	22	5.5	5.5
	Total	398	100.0	100.0

Nang luc ap dung ky thuat hoi suc

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	yeu	178	44.7	44.7
	trung binh	178	44.7	44.7
	kha	33	8.3	8.3
	tot	9	2.3	2.3
	Total	398	100.0	100.0

Nang luckiem soat chay mau

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	yeu	192	48.2	48.2
	trung binh	160	40.2	40.2
	kha	40	10.1	10.1
	tot	6	1.5	1.5

Total	398	100.0	100.0
-------	-----	-------	-------

Nang luc chong choang

	Frequency	Percent	Valid Percent
Valid yeu	190	47.7	47.7
trung binh	165	41.5	41.5
kha	41	10.3	10.3
tot	2	.5	.5
Total	398	100.0	100.0

Nang luc bang bo so cuu

	Frequency	Percent	Valid Percent
Valid yeu	192	48.2	48.2
trung binh	162	40.7	40.7
kha	40	10.1	10.1
tot	4	1.0	1.0
Total	398	100.0	100.0

Nang luc chong khat

	Frequency	Percent	Valid Percent
Valid yeu	124	31.2	31.2
trung binh	92	23.1	23.1
kha	126	31.7	31.7
tot	56	14.1	14.1
Total	398	100.0	100.0

Nang luc chong doi

	Frequency	Percent	Valid Percent
Valid yeu	112	28.1	28.1
trung binh	100	25.1	25.1
kha	127	31.9	31.9
tot	59	14.8	14.8
Total	398	100.0	100.0

	Frequency	Percent	Valid Percent
Valid yeu	72	18.1	18.1
trung binh	94	23.6	23.6
kha	128	32.2	32.2
tot	104	26.1	26.1
Total	398	100.0	100.0

Nang luc theo doi bao tren bien

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	yeu	85	21.4	21.4
	trung binh	102	25.6	25.6
	kha	120	30.2	30.2
	tot	91	22.9	22.9
	Total	398	100.0	100.0

Nang luc theo doi bao tren bau troi

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	yeu	45	11.3	11.3
	trung binh	111	27.9	27.9
	kha	123	30.9	30.9
	tot	119	29.9	29.9
	Total	398	100.0	100.0

Nang luc theo doi bao tren sinh vat

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	yeu	47	11.8	11.8
	trung binh	115	28.9	28.9
	kha	127	31.9	31.9
	tot	109	27.4	27.4
	Total	398	100.0	100.0

Nang luc su dung thiet bi lien lac

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	yeu	155	38.9	38.9
	trung binh	80	20.1	20.1
	kha	150	37.7	37.7
	tot	13	3.3	3.3
	Total	398	100.0	100.0

Nang luc lien lac cuu nan

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	yeu	46	11.6	11.6
	trung binh	189	47.5	47.5
	kha	150	37.7	37.7
	tot	13	3.3	3.3
	Total	398	100.0	100.0

**Tinh can thiet cua cong tac boi duong nang luc danh
bat hai san**

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	Khong can thiet	12	3.0	3.0
	it can thiet	35	8.8	8.8
	can thiet	89	22.4	22.4
	Rat can thiet	262	65.8	65.8
	Total	398	100.0	100.0

Tan suat tham gia boi duong

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong bao gio	58	14.6	14.6
	thinh thoang	95	23.9	23.9
	thuong xuyen	190	47.7	47.7
	rat thuong xuyen	55	13.8	13.8
	Total	398	100.0	100.0

Xu ly khi co ng roi xuong bien

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong bao gio	112	28.1	28.1
	thinh thoang	68	17.1	17.1
	thuong xuyen	54	13.6	13.6
	rat thuong xuyen	164	41.2	41.2
	Total	398	100.0	100.0

Xu ly khi bi thung tau

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong bao gio	127	31.9	31.9
	thinh thoang	130	32.7	32.7
	thuong xuyen	91	22.9	22.9
	rat thuong xuyen	50	12.6	12.6
	Total	398	100.0	100.0

Xu ly khi co chay tren tau

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong bao gio	196	49.2	49.2
	thinh thoang	145	36.4	36.4
	thuong xuyen	21	5.3	5.3
	rat thuong xuyen	36	9.0	9.0
	Total	398	100.0	100.0

So cuu khi co ng bi thuong

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong bao gio	167	42.0	42.0
	thinh thoang	160	40.2	40.2
	thuong xuyen	21	5.3	5.3
	rat thuong xuyen	50	12.6	12.6
	Total	398	100.0	100.0

Song sot tren bien khi roi tau

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong bao gio	112	28.1	28.1
	thinh thoang	134	33.7	33.7
	thuong xuyen	94	23.6	23.6
	rat thuong xuyen	58	14.6	14.6
	Total	398	100.0	100.0

Phat hien va theo doi bao tren bien

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong bao gio	78	19.6	19.6
	thinh thoang	112	28.1	28.1
	thuong xuyen	90	22.6	22.6
	rat thuong xuyen	118	29.6	29.6
	Total	398	100.0	100.0

Phong tranh mat lien lac

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong bao gio	85	21.4	21.4
	thinh thoang	160	40.2	40.2
	thuong xuyen	70	17.6	17.6
	rat thuong xuyen	83	20.9	20.9
	Total	398	100.0	100.0

Phuong phap thuyet trinh

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong bao gio	165	41.5	41.5
	thinh thoang	67	16.8	16.8
	thuong xuyen	66	16.6	16.6
	rat thuong xuyen	100	25.1	25.1
	Total	398	100.0	100.0

Phuong phap thuc hanh

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong bao gio	197	49.5	49.5
	thinh thoang	112	28.1	28.1
	thuong xuyen	87	21.9	21.9
	rat thuong xuyen	2	.5	.5
	Total	398	100.0	100.0

Phuong phap thao luan nhom

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong bao gio	197	49.5	49.5
	thinh thoang	112	28.1	28.1
	thuong xuyen	54	13.6	13.6
	rat thuong xuyen	35	8.8	8.8
	Total	398	100.0	100.0

Phuong phap tạo tình huống

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong bao gio	160	40.2	40.2
	thinh thoang	87	21.9	21.9
	thuong xuyen	90	22.6	22.6
	rat thuong xuyen	61	15.3	15.3
	Total	398	100.0	100.0

Thoi luong to chuc chương trình bồi dưỡng

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	duoi 7 ngay	90	22.6	22.6
	7 den 10 ngay	290	72.9	72.9
	tren 10 ngay	18	4.5	4.5
	Total	398	100.0	100.0

Hình thức bồi dưỡng năng lực

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	bồi dưỡng tập trung	201	50.50	50.50
	bồi dưỡng kết hợp trực tuyến	50	12.56	12.56
	sinh hoạt nghe ca qua hỏi thảo	120	30.15	30.15
	tu bồi dưỡng	27	6.78	6.78
	Total	398	100.0	100.0

Nhận thức và nhu cầu

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong ảnh hưởng	16	4.02	4.02
	ít ảnh hưởng	124	31.16	31.16
	ảnh hưởng	83	20,5	20,5
	ảnh hưởng nhiều	175	43.97	43.97
	Total	398	100.0	100.0

Trình độ giáo viên và chính sách

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong anh huong	96	24.12	24.12
	it anh huong	105	26.38	26.38
	anh huong	156	39,0	39,0
	anh huong nhieu	41	10.30	10.30
	Total	398	100.0	100.0

Dieu kien co so vat chat

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong anh huong	35	8.79	8.79
	it anh huong	108	27.14	27.14
	anh huong	192	48.24	48.24
	anh huong nhieu	63	15.83	15.83
	Total	398	100.0	100.0

Viet tu luan

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong bao gio	170	42.7	42.7
	thinh thoang	68	17.1	17.1
	thuong xuyen	65	16.3	16.3
	rat thuong xuyen	95	23.9	23.9
	Total	398	100.0	100.0

Trac nghiem

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong bao gio	95	23.9	23.9
	thinh thoang	113	28.4	28.4
	thuong xuyen	86	21.6	21.6
	rat thuong xuyen	104	26.1	26.1

Total	398	100.0	100.0
-------	-----	-------	-------

Van dap

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong bao gio	195	49.0	49.0
	thinh thoang	112	28.1	28.1
	thuong xuyen	55	13.8	13.8
	rat thuong xuyen	36	9.0	9.0
	Total	398	100.0	100.0

Thuc hanh

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong bao gio	162	40.7	40.7
	thinh thoang	88	22.1	22.1
	thuong xuyen	91	22.9	22.9
	rat thuong xuyen	57	14.3	14.3
	Total	398	100.0	100.0